



TỦ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

T32



NGHỆ THUẬT ỨNG XỬ

ỨNG DỤNG KINH HIỀN NHÂN
TRONG GIAO TIẾP VÀ QUẢN TRỊ

THÍCH NHẬT TỪ

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

NGHỆ THUẬT ỨNG XỬ
ỨNG DỤNG *KINH HIỂN NHÂN* TRONG GIAO TIẾP VÀ QUẢN TRỊ

TỦ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

Chủ nhiệm:

TT. Thích Nhật Từ

(ĐT: 0908.153.160; email: thichnhattu@gmail.com)

Tủ sách Đạo Phật Ngày Nay do Thầy Thích Nhật Từ chủ biên bao gồm các Nghi thức tụng niệm thuần Việt và trên 200 đầu sách nghiên cứu và ứng dụng về Phật học, thuộc loại sách gối đầu giường cần thiết cho mọi đối tượng đọc giả.

Tủ sách Đạo Phật Ngày Nay đã xuất bản trên 100 CD về Đại tạng kinh Việt Nam và nhiều tác phẩm Phật học dưới dạng MP3. Đây là ấn bản đầu tiên trên thế giới về thể tài này. Tủ sách đã xuất bản hàng trăm sách nói Phật giáo, CD và VCD tân nhạc, cải lương và tiếng thơ Phật giáo. Ngoài ra còn có hàng ngàn VCD pháp thoại của Thầy Thích Nhật Từ và các vị pháp sư khác về nhiều chủ đề từ gia đình, xã hội đến đạo đức và tâm linh.

Quý tác giả, dịch giả muốn xuất bản sách nghiên cứu và ứng dụng Phật học, quý Phật tử muốn ấn tống kinh sách Phật giáo, các đại lý cần nhận sách phát hành, xin vui lòng liên hệ:

© NHÀ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

Chùa Giác Ngộ, 92 Nguyễn Chí Thanh, P.3, Q.10, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 3839-4121; 3830-0805

www.daophatngaynay.com | www.chuagiacngo.com

TỦ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

THÍCH NHẬT TỪ

NGHỆ THUẬT ỨNG XỬ
ỨNG DỤNG *KINH HIỀN NHÂN*
TRONG GIAO TIẾP VÀ QUẢN TRỊ

Hiệu chỉnh phiên tả:
Thích Phước Toàn, Võ Tấn Lực

(Tái bản lần 2)

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

MỤC LỤC

Thay lời tựa.....	ix
Chương I: Các đức tính nên học.....	1
I. Trọng đức hơn tài	3
II. Kinh nghiệm vượt hãm oan của Đức Phật	11
III. Các nhân cách cao thượng của Hiền Nhân	16
Chương II: Các phẩm chất người trị nước an dân nên có ...	25
I. Trách nhiệm của người quản trị quốc gia	27
II. Những điều nên tránh trong phép trị nước	33
III. Các phẩm chất của nhà quản trị quốc gia	39
Chương III: Vượt qua nỗi oan và vẫy chào khổ đau	47
I. Hãm hại nhau bằng vu khống vì kém tài đức	49
II. Thịnh suy như quy luật.....	53
III. Không tiếc nuôi vào những gì không thuộc về mình.....	62
Chương IV: Tình bạn và sống có hậu.....	71
I. Bốn loại bạn.....	73
II. Bốn hạng người không nên tin.....	77
III. Mười cử chỉ sống có hậu	81
III. Tám điều không ưa nhau.....	89
Chương V: Trí tuệ và hạnh phúc	95
I. Mười dấu hiệu của bậc trí.....	97
II. Tám điều an ổn.....	103
III. Tám điều ưa thích	106

IV. Mười trường hợp khó khuyên can.....	109
V. Mười trường hợp không nên phát biểu.....	114
VI. Mười dấu hiệu không đoan chính.....	118
Chương VI: Đáng kính và đáng ghét	125
I. Năm điều đáng ghét.....	127
II. Năm điều đáng kính	129
III. Mười hạng người kính nhi viễn chi	131
IV. Tám điều được an vui.....	135
V. Mười hai điều không nên quên.....	139
VI. Mười hạnh tốt của bậc đại hiền	146
Chương VII: Tội ác, hổ thẹn và trí tuệ.....	151
I. Mười lăm tội ác	153
II. Mười điều đáng hổ thẹn	157
III. Mười hai điều khó làm.....	161
IV. Bốn mươi bốn dấu hiệu của bậc trí	166
Chương VIII: Ứng dụng và giá trị của trí tuệ.....	181
I. Cảnh giới Niết-bàn	183
II. Ứng dụng của trí tuệ.....	186
III. Ứng xử của bậc trí	194
IV. Các biểu hiện trí tuệ của bậc trí.....	199
Chương IX: Hãy sống như nhân duyên	209
I. Sống vô trụ như chim bay	212
II. Nghiệp riêng và cuộc sống.....	216
III. Người hiền như cây phạm lệ.....	220
IV. Gặp nhau là một nhân duyên.....	223
V. Ấn dụ “Tham ngọt dứt tay”	225

Chương X: Đứng để đất nước lâm nguy	231
I. Khi đất nước bất ổn	233
II. Nhìn nhận sự thật	241
III. Thăm sát để hiểu rõ dân tình	246
Chương XI: Nhân quả và luật pháp	259
I. Không tin nhân quả là tự mê hoặc.....	261
II. Nhân quả đạo đức.....	268
III. Các tình huống nhân quả	273
IV. Nhân quả trong quản trị quốc gia.....	277



THAY LỜI TỰA

“Ứng dụng *kinh Hiền Nhân* trong giao tiếp và quản trị” là một tuyển tập được đúc kết từ *kinh Hiền Nhân*, được chúng tôi giảng từ ngày 10-06-2012 đến 19-08-2012 tại chùa Xá Lợi - Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong các trường Phật học tại Việt Nam, bản kinh này được đưa vào chương trình trung cấp Phật học dành cho Tăng, Ni. Riêng tại Thành phố Hồ Chí Minh, bản kinh này được giảng dạy trong chương trình sơ cấp Phật học.

Đưa bản kinh vào chương trình sơ cấp và trung cấp, Ban giám hiệu các trường Phật học có dụng ý thừa nhận đây là bản kinh nền tảng về các triết học nhập thế của Phật giáo mà các vị xuất gia trẻ cần nắm vững. Thông qua đó, trong giảng dạy và ứng dụng, bản kinh này có thể giúp cho những người Phật tử tại gia trải nghiệm được triết học Phật giáo ở mức độ chuyên môn.

Kinh Hiền Nhân mô tả rất có ý nghĩa về triết học xã hội và chính trị của đạo Phật. Các mối tương quan xã hội giữa chúng ta và các cộng đồng, giữa người dân và Chính phủ, nghệ thuật ứng xử đòi hỏi làm thế nào trong một cơn loạn lạc, thất vọng hoặc bế tắc ta vẫn duy trì được niềm an vui và hạnh phúc trong cuộc đời.

Xã hội là một cuộc chiến với nhiều thách đố, các chiến sĩ tham gia có thể xuất thân từ nhiều thành phần khác nhau, người tốt có, kẻ xấu có, người tâm rộng lượng như các bậc thánh có, kẻ ích kỷ nhỏ nhen đi đến đâu cũng đòi hỏi các quyền lợi cá nhân cũng có. Do vậy, nếu không nắm vững các kỹ năng triết học xã hội của đạo Phật, ta dễ dàng khởi dậy những nỗi niềm sân hận, bực tức, khó chịu và vô tình biến mình trở thành nạn nhân.

Việc ứng dụng triết học xã hội của đạo Phật vào đời sống thực tiễn sẽ giúp cho chúng ta giảm thiểu một cách tối đa các nỗi khổ đau có thể có do tương tác với xã hội, cộng đồng, nhờ đó ta vẫn giữ được bản chất an vui, hạnh phúc với tư cách là người con Phật.

Ứng dụng triết học xã hội trong đạo Phật vào bối cảnh hiện đại, người tu học có thể góp phần xây dựng một thế giới hòa bình, một quốc gia phát triển bền vững, những cộng đồng có được tính chất hài hòa dù là tổ chức dân sự hay nhà nước ở mức độ vừa, lớn hoặc quy mô thì nền triết học xã hội của đạo Phật được mô tả trong *kinh Hiền Nhân* đều góp phần giúp những người tham gia vào lối sống ấy cải thiện được đời sống và hạnh phúc của bản thân mình.

Vì là bản kinh, cho nên nội dung không được trình bày và sắp xếp theo trình tự như triết học xã hội, một ngành học vốn rất quan trọng trong triết học hiện đại. Tuy nhiên, chúng tôi tin chắc việc phân tích ứng dụng bài kinh sẽ giúp cho ta thấy rõ tính thích ứng của Phật giáo trong các bối cảnh xã hội, nhất là trong giai đoạn hiện đại hóa và hậu hiện đại vốn nhiều giá trị đang bị đánh giá lại.

Nhiều triết gia hậu hiện đại đã đề nghị con người hãy giải cấu, tức là tháo mở hết tất cả các định chế chính trị, xã hội,

văn hóa, giáo dục, tôn giáo và dân sự để tạo cho con người có được sự tự do đích thực. Nhưng khi đối diện trước tự do đích thực mà họ nói thì không khéo ít nhiều người sẽ rơi vào chủ nghĩa hư vô về việc giải cứu một cách cực đoan và tuyệt đối sẽ dẫn đến sự phá hoại hơn là phá chấp.

Đang khi đó, các định chế xã hội lại cần có các quy định liên hệ đến luật, mà luật lệ thuộc vào hiến pháp. Do vậy, các ứng dụng phù hợp sẽ tạo ra công bằng xã hội, đời sống hạnh phúc và bình an của con người.

Phá chấp theo kinh điển Phật, cụ thể qua văn học Bát-nhã, được xem là chiếc chìa khóa quan trọng nhất để giúp chúng ta rũ bỏ mọi nỗi khổ, niềm đau gắn kết vào tâm lý chấp vào cái tôi xã hội, chấp cái tôi cá nhân bao gồm danh dự, tài sản mà con người có thể có, đồng thời cũng giải cứu tất cả các chấp trước liên hệ đến cái tôi sở hữu, hay là mọi sự vật, hiện tượng bao gồm quá khứ, hiện tại và vị lai.

Cho nên, chủ nghĩa hậu hiện đại không thể được đánh giá ngang bằng với học thuyết phá chấp trong đạo Phật. Và do vậy, khi nghiên cứu ứng dụng về triết học xã hội của đức Phật qua *kinh Hiền Nhân*, ta đừng ngộ nhận đây là mô hình chính trị thông thường như bao nhiêu định chế chính trị khác từng có trong lịch sử nhân loại.

Nói tóm lại, ở phần đầu tiên, ta sẽ nghiên cứu ứng dụng các nhân cách đáng học. Trong phần này, chúng tôi chia ra ba nội dung chính: Một, trọng đức hơn tài, là yếu tố quan trọng giúp cho ta thiết lập được sự rộng lượng và nhân rộng tấm lòng nhân ái của mình đối với các mảnh đời bất hạnh, khổ đau; hai, nhân cách điềm tĩnh và bản lĩnh để vượt qua những nỗi hăm oan có thể có với ta trong đời do hiểu lầm, do bị栽 bẫy, do mâu thuẫn các quyền lợi xã hội; ba, những nhân cách

qua nhân vật Hiền Nhân, một biểu tượng của chủ nghĩa nhập thế với tư cách là người tại gia, vừa cầm cân nảy mực, vừa quản lý quốc gia một cách bền vững, vừa phát triển các phẩm chất tích cực để trở thành tấm gương học hỏi và noi theo của rất nhiều người.

Giác Ngộ, ngày 20-11-2012

TT. Thích Nhật Từ

Phụ trách Tủ sách Đạo Phật Ngày Nay



CHƯƠNG I

CÁC ĐỨC TÍNH NÊN HỌC

Giảng tại Chùa Xá Lợi, ngày 10-06-2012

Phiên tả: Thanh Nguyệt

I. TRỌNG ĐỨC HƠN TÀI

Kinh Hiền Nhân mở đầu bằng một câu chuyện khá quen thuộc như sau:

Có lần, Đức Phật lưu trú tại nước Xá-vệ với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo. Cư sĩ Tu-đạt ngày ngày thân hành phụng sự Tam bảo. Ông vâng lời Đức Phật giữ năm điều đạo đức: Không giết hại, không trộm cắp, không ngoại tình, không dối gạt, không uống rượu và các chất gây nghiện. Vốn là một người hiểu đạo đúng đắn, cư sĩ Tu-đạt luôn phát tâm bố thí, cứu giúp kẻ bần cùng khốn khổ, nên người ta gọi ông là Cấp Cô Độc, nghĩa là người nuôi giúp những kẻ cô đơn, khốn cùng, bất hạnh.

Từ khi gặp Phật, Cư sĩ Cấp Cô Độc muốn phát tâm xây dựng một tu viện để cúng dường cho Đức Phật và Tăng đoàn. Ông đi khắp nơi để tìm đất. Cuối cùng chỉ có khu vườn của thái tử Kỳ-đà là vừa ý ông. Khu vườn ấy bằng phẳng, rộng hơn 80 khoảnh (mẫu), cách thành không xa. Trong vườn trồng nhiều cây có quả, đây đó đều có suối chảy, ao tắm rất tiện lợi, sạch sẽ, không có kiến bọ ruồi muỗi.

Nhận thấy chỗ đất ấy có thể lập được Tịnh xá, cư sĩ Tu-đạt liền đến năn nỉ thái tử Kỳ-đà để mua lại. Thái tử mỉm cười đáp: *“Nếu ông bạn có thể đem vàng ròng lột kín không chừa một khoảnh đất nào trong vườn ngự uyển của tôi, thì với giá ấy tôi sẽ bán khu vườn này cho ông”*.

Cư sĩ Tu-đạt vui vẻ gặt đầu và quay trở về nhà sai gia nhân lập tức cho voi chở vàng trong kho của mình ra và cùng nhau lát, trong vòng vài tiếng đồng hồ khu vườn đã được lát hơn 40 khoảnh đất.

Thái tử Kỳ-đà vừa ngạc nhiên, vừa thán phục, đứng nhìn

và ngẫm nghĩ: “*Chắc Đức Phật, người được cư sĩ Tu-đạt cúng dường, phải có đạo lý gì đó rất cao siêu, cho nên mới làm cho vị cư sĩ này trọng đạo khinh tài sản đến thế*”.

Nghĩ xong, Thái tử chia sẻ với cư sĩ Tu-đạt: “*Thôi đủ rồi! Đừng chờ vàng tới nữa. Bây giờ tôi đề nghị ông thế này! Vườn đất thuộc về ông, ông lập Tịnh xá cúng Phật công ấy cũng thuộc về ông. Còn tôi thì cúng cho Đức Phật và Tăng đoàn diện tích đất còn lại cùng tất cả những cây trái trong khu vườn này*”.

Cư sĩ Cấp Cô Độc ưng thuận. Hai người đồng lòng cùng lập Tịnh xá và đồng đi rước Phật, dâng cả vườn, nhà, cây trái và khu tu viện cho Đức Phật. Đức Phật nhận lời và đến Tịnh xá mới lập cư trú với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỷ-kheo. Từ đó về sau, chỗ ấy gọi là Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên.

Câu chuyện này thể hiện thái độ trọng đức hơn tài của hai nhân vật quen thuộc, và đó là bài học rất đáng để chúng ta suy ngẫm. Có lẽ đây là bài kinh duy nhất có lối dẫn nhập liên hệ đến cái tâm rộng lượng của một vị cư sĩ, dâng cúng tất cả tài sản ông có để thành lập tu viện nhằm giúp cho Đức Phật có điều kiện nuôi dưỡng các vị xuất gia chân chính, từ đó truyền bá chân lý, đạo đức cho cư dân và những người hữu duyên.

Phần lớn dẫn nhập của các đoạn kinh trong văn học A-hàm, Pali và Đại thừa thường nói đến bối cảnh của bài kinh nhiều hơn là mô tả một sự tán dương công đức về một việc làm rất hy hữu. Ở đoạn kinh này, ta có thể học được cư sĩ Cấp Cô Độc một số kinh nghiệm sau đây.

1. Tài sản là vô thường

Việc làm nhân đức qua các hoạt động tâm linh và từ thiện là còn mãi với cuộc đời. Thay vì trải nghiệm sự hưởng thụ

trên những gì mà mình làm được một cách hợp pháp và được luật pháp bảo hộ, thì cư sĩ Cấp Cô Độc muốn chia sẻ các sở hữu hợp pháp của mình nhằm phục vụ cộng đồng ở mức độ rộng lớn hơn.

Ở đây ông ý thức rất rõ, nếu ông xây dựng một công trình đáp ứng nhu cầu công tác xã hội, trong đó có việc từ thiện thì giá trị lợi lạc của nó rất nhỏ, chủ yếu đáp ứng nhu cầu chén cơm, manh áo cho các mảnh đời bất hạnh trong một thời gian ngắn và sau đó hầu như là kết thúc. Trong khi đó, nếu ông dâng hiến số tiền mà mình có được để làm một công trình tâm linh và được Đức Phật trực tiếp điều hành thì lợi lạc đó là không thể nghĩ bàn. Dù chỉ là cư sĩ, nhưng suy nghĩ đó của Cấp Cô Độc rất chuẩn xác, rất có chiều sâu.

Nếu nói về sự giàu có chưa chắc cư sĩ Cấp Cô Độc đã hơn được thái tử Kỳ-đà, vua Ba-tư-nặc, thái tử Tỳ-lưu-ly con của vua Ba-tư-nặc, hay đức vua A-xà-thế của nước Ma-kiệt-đà và nhiều công tôn vương tử khác trong 16 nước Liên bang Cộng hòa Ấn Độ lúc bấy giờ. Tuy nhiên, nhờ giác ngộ được đạo Phật, và nhờ vào nhận thức sâu sắc và việc làm đúng đắn, thông qua việc cúng dường tịnh xá, Cấp Cô Độc đã mang đến lợi ích cho quần chúng nhiều hơn hẳn các vị vua quan vừa nêu.

2. Chùa do người xuất gia điều hành

Việc xây dựng Tịnh xá Kỳ Viên thuộc về sự đầu tư của Cấp Cô Độc, nhưng việc vận hành điều khiển ngôi tâm linh này lại thuộc về quyền của Đức Phật và các vị xuất gia chân chính. Mô hình truyền thống này vẫn được các nước Phật giáo Nam tông duy trì và phát huy cho đến ngày nay. Trong khi đó, ở các nước theo Phật giáo Đại thừa, mô hình đó đã dần dần bị thay đổi. Có nơi các vị cư sĩ có đóng góp nhiều

tĩnh tài, tĩnh vật, có công xây dựng ngôi chùa, nhưng không có tâm buông xả nên trở thành người quản trị và điều hành mọi sinh hoạt trong chùa. Hình thức quản trị ban đầu là một ban hộ tự, sau đó lớn dần lên, trở thành ban quản trị chùa.

Thật ra, là người cư sĩ, dù có tấm lòng, có tri thức cao thế nào đi nữa thì việc quản trị ngôi chùa của họ cũng có những giới hạn nhất định so với việc quản trị của người xuất gia chân chính. Ít ra, người xuất gia đã được huấn luyện về tu tập, được hướng dẫn về nghệ thuật quản trị một ngôi chùa, thực hành nghi lễ truyền thống, được truyền trao các kinh nghiệm tu học, các kỹ năng hướng dẫn tâm linh, do đó họ có khả năng quản trị ngôi chùa hơn hẳn những người cư sĩ phần lớn không qua trường lớp đạo tạo bài bản. Mặt khác, người xuất gia đã từ bỏ gia đình thế tục, sống hạnh viễn ly, họ có nhiều thời gian và tâm huyết cống hiến cho việc quản trị ngôi chùa, trong khi phần lớn người cư sĩ tại gia sống đời sống gia đình, bận bịu với công việc gia đình và xã hội.

Hiện tại, cả nước có hơn 16.500 ngôi chùa lớn, vừa và nhỏ. Tại các tỉnh miền Trung và một số tỉnh miền Đông, vẫn còn tình trạng chùa chiền do ban hộ tự quản lý. Từ năm 1975 đến năm 1990, do điều kiện khách quan, số lượng người xuất gia, nhất là những vị có kinh nghiệm và phẩm chất tu học không nhiều, do đó không đáp ứng đủ nhu cầu thỉnh mời tham gia quản lý, điều hành các cơ sở tự viện trong nước. Tuy nhiên, hiện nay, số lượng Tăng Ni khá đông, gần năm mươi ngàn, trong đó khoảng ba ngàn Tăng Ni đã trải qua chương trình đào tạo cử nhân Phật học, hơn một trăm Tăng Ni tốt nghiệp Thạc sĩ, tiến sĩ Phật học, vài trăm Tăng Ni tốt nghiệp cử nhân, Thạc sĩ, Tiến sĩ thế học. Họ hoàn toàn có khả năng quản lý, điều hành hiệu quả các hoạt động sinh hoạt Phật giáo tại các cơ sở tự viện. Thế nhưng, ở nhiều

nơi, người ta vẫn chưa tạo điều kiện cho các vị ấy có thể tham gia quản lý các sinh hoạt tại các chùa. Vì thế, ban hộ niệm, ban hộ tự và ban quản trị các chùa vẫn tiếp tục làm công việc này.

Trong cộng đồng người Việt Nam tại hải ngoại, khuynh hướng cư sĩ vận động xây chùa và lãnh đạo ngôi chùa vẫn còn khá phổ biến, chiếm khoảng 30% trên tổng thể các ngôi chùa của người Việt Nam. Và trong vòng sáu năm thuyết giảng tại Hoa Kỳ, Úc châu và châu Âu, chúng tôi đã lắng nghe rất nhiều các câu chuyện đau lòng về những bất hòa, mâu thuẫn giữa ban quản trị các chùa và các vị trụ trì được thỉnh mời về quản lý sinh hoạt tâm linh tại đó. Theo đó thì, sau thời gian một năm hoặc nhiều nhất là 5 năm, phần lớn các mâu thuẫn, bất hòa đã làm cho các vị trụ trì phải tách ra và xây dựng các ngôi chùa mới. Tín đồ Phật tử thì tách ra làm hai nhóm, một nhóm thủ cựu truyền thống ủng hộ ban hộ tự cũ và một nhóm cấp tiến ủng hộ các thầy và giúp họ xây dựng ngôi tâm linh mới trong cùng một khu vực. Kết quả là từ một nhóm ban đầu tách thành hai. Nhưng điều đáng nói ở đây là, do mâu thuẫn, bất hòa nên họ có khuynh hướng chống đối nhau trên nhiều phương diện. Họ bôi nhọ, nói xấu lẫn nhau, tranh giành ảnh hưởng đối với các sinh hoạt tâm linh của người Phật tử. Đó là điều rất đáng tiếc.

Ở đây cư sĩ Cấp Cô Độc và thái tử Kỳ-đà nhận thức rất rõ vấn đề. Một bên là thương gia, một bên là chính trị gia, cả hai không nên can dự vào việc vận hành một ngôi chùa vốn thuộc về lĩnh vực tâm linh và đạo đức, vượt ra ngoài tính chuyên môn và sở trường của hai vị cư sĩ này. Nhờ đó ngôi chùa Kỳ Viên trở thành địa điểm lý tưởng nhất trong cuộc đời hoằng pháp 45 năm lịch sử của Đức Phật, nói theo truyền thống Nguyên thủy, và 49 năm theo Phật giáo Đại thừa.

Trong 45 năm đó, Đức Phật đã có 24 năm và 9 tháng sống tại chùa Kỳ Viên. Đây không phải là chuyện ngẫu nhiên. Bởi vì biến Xá-vệ thành trung tâm tâm linh, Đức Phật độ được nhiều thành phần trong xã hội hơn so với các nước Liên bang Cộng hòa khác lúc bấy giờ, kể cả Ma-kiệt-đà, một quốc gia có tầm ảnh hưởng lớn về chính trị, văn hóa và giáo dục lúc bấy giờ hay Sa-nát (*Sarnath*) với sông Hằng huyền bí, truyền thống tâm linh đã nở rộ tại đây hàng nghìn năm trước.

Thấy rõ được điều đó, hai vị cư sĩ này đã tạo cơ hội cúng dường để Đức Phật làm tốt công việc giảng kinh, thuyết pháp, nhờ đó đạo Phật đã lan rộng ở các bang của Ấn Độ. Cụ thể là tám vị vua trong số 16 vị đứng đầu các quốc gia thuộc Liên bang Cộng hòa bấy giờ và hàng trăm các vị quan tước trong triều đình đã trở thành các đệ tử thuần thành của Đức Phật, góp phần phát triển xã hội và vận dụng lời Phật dạy trong nghệ thuật quản trị quốc gia. Đó là điều mà chúng ta cần phải học hỏi.

3. Trọng đức hơn tài là một bài học và cũng là nghệ thuật hoằng pháp

Ở đây thái tử Kỳ-đà vừa ngạc nhiên, vừa thán phục việc làm của Cấp Cô Độ. Thái tử nghĩ rằng có lẽ Đức Phật có đạo lý gì cao siêu lắm mới khiến cho vị cư sĩ này không màng đến của cải, tài sản mà thực hiện một nghĩa cử cao thượng như thế.

Người đứng đầu một tập đoàn, tổ chức, công ty hay các hội đoàn nên có tấm lòng vĩ đại hướng về Phật pháp, có thể nhờ đó có những tác động tích cực giúp cho những người cộng sự, đối tác, người làm việc dưới trướng của mình có thiện cảm với Phật giáo, thậm chí trở thành Phật tử thuần thành.

Vào những ngày nghỉ lễ, những dịp quan trọng đặc biệt, những tổ chức nào có công nhân viên, cộng tác viên vài trăm người trở lên, có thể thỉnh mời các thầy, các sư cô hữu duyên đến chia sẻ vài bài pháp thoại liên hệ đến bối cảnh, bản chất, loại hình nghề nghiệp của công ty hay tổ chức của mình. Để việc làm này mang lại hiệu quả cao nhất, người đứng đầu công ty hay tổ chức có thể cung cấp những thông tin về sự bế tắc, trở ngại mà những người trong công ty, tổ chức mình vướng phải để cho quý thầy, quý sư cô đưa ra các giải pháp hữu hiệu giúp họ vượt qua các khó khăn, vướng mắc.

Người làm nghề dạy học cũng có thể lòng ghép tư tưởng Phật giáo vào bài giảng của mình. Điều đó giúp cho bài giảng của chúng ta có chiều sâu và dễ thành công hơn. Bên cạnh đó, ta cũng cần truyền bá đạo Phật bằng tấm gương đạo đức của mình với tư cách là một con người. Nếu các cộng sự và người hợp tác quý mến mình thì lập tức họ sẽ có thiện cảm với tôn giáo mà mình đang theo. Lúc đó, chúng ta có thể tư vấn và hỗ trợ thích hợp để họ tiếp cận với Phật giáo, giúp họ từ người chưa biết đạo tới biết đạo, biết đạo rồi thì hiểu đúng đắn và sâu sắc, biết và hiểu sâu sắc rồi thì thực hiện hiệu quả, sống an lạc và hạnh phúc ở hiện đời hơn. Đừng nên bỏ lỡ các cơ hội mà cư sĩ Cấp Cô Độc đã làm tại quê hương của ông.

Ở đây, chúng ta thấy rằng, cư sĩ Cấp Cô Độc có thể thực hiện việc cúng dường tương tự cho Đức Phật ở tại một trong 16 nước thuộc Liên bang Cộng hòa Ấn Độ lúc bấy giờ. Thậm chí, có nhiều bang khác đất đai rẻ hơn, do đó xây dựng một trung tâm tâm linh cúng dường cho Đức Phật ở đó sẽ đỡ tốn tài chính hơn. Nhưng tại sao ông chọn tại quê nhà của mình? Bởi vì ông biết rất rõ, nếu Đức Phật đến đây thuyết giảng và thành lập Tăng đoàn chắc chắn sẽ mang đến nhiều lợi lạc cho quốc dân của ông.

Chúng ta biết rằng, có tiền, có tài sản là một điều khó, nhưng sử dụng tiền bạc, tài sản đúng đắn, mang tới lợi ích lớn cho nhiều người còn khó hơn. Nhiều người có tiền, có tài sản nhưng không biết cách sử dụng, khiến cho tài sản đó không mang tới hạnh phúc cho bản thân và người khác. Sự kiện lùm xùm trong một năm qua liên quan tới số tài sản của bà Phần để lại sau khi qua đời là một ví dụ điển hình.

Bà Phần, được biết tới như là một người bán bún, bị đột tử vì bệnh tim ở tuổi ngoài 60, để lại tài sản một nghìn tỷ cùng với nhà cửa, đất đai. Bà không có chồng, không có con. Vì không để lại di chúc, nên một người con nuôi hợp pháp năm năm của bà Phần mặc nhiên trở thành chủ nhân mới của khối gia tài lớn đó theo luật kế thừa. Anh chị em, bà con của bà Phần ở Đức, Mỹ và Việt Nam tỏ ra bất bình, tiến hành thưa kiện nhằm tranh chấp khối tài sản đó. Sau một năm được giữ trong ngân hàng Sacombank, người con nuôi lấy gia tài kế thừa về. Người em ruột của bà Phần thưa kiện ngân hàng với lý do tại sao ngân hàng cho phép người con nuôi của bà Phần rút tiền khỏi ngân hàng trong khi gia đình của bà đang cố chứng minh họ có phần hùn vốn trong số tài sản kếch sù đó. Nhưng một năm đã trôi qua, vì không có những chứng từ cần thiết chứng minh số tài sản đó có phần hùn vốn của gia đình, nên anh em và người thân của bà Phần phải đối mặt với nguy cơ mất trắng số tiền mà họ cho rằng họ đã góp phần hùn vào.

Đứng từ góc độ Phật giáo ta thấy tiếc cho bà Phần và tội nghiệp người con gái nuôi trở thành chủ nhân mới của số tài sản kể trên. Mạng sống của cô con nuôi trở nên rủi ro, bất an vì vô tình sở hữu số tài sản quá lớn. Do đó, có tiền, có tài sản nhiều chưa chắc đã có hạnh phúc, thậm chí nếu không khéo léo có thể chúng ta sẽ phải đối diện với lo lắng, bất an.

Trong khi đó, nếu có hiểu biết và tình thương người ta có thể sử dụng hiệu quả tiền bạc, tài sản cho các mục đích mang tới niềm vui và hạnh phúc cho tha nhân.

Tỷ phú Warren Buffett đã hiến trên 60 tỷ đô la Mỹ mà ông đã tích lũy được trong suốt quảng đời của mình cho quỹ từ thiện mang tên hai vợ chồng Bill & Melinda Gates Foundation. Vợ chồng Bill Gates lập quỹ từ thiện mang tên mình và bản thân họ đã đưa vào ngân quỹ trên 40 tỷ đô la Mỹ. Việc làm của họ đã tạo niềm tin cho các tỷ phú khác, và những tỷ phú này đã cùng đóng góp với họ nhằm mục đích nghiên cứu các loại thuốc chữa trị các chứng bệnh ung thư, hỗ trợ cho các chương trình giáo dục tại các châu lục nghèo, các quốc gia khó khăn và ứng dụng y khoa cho việc điều trị, phục hồi sức khỏe cho con người và nhiều hoạt động dân sự mang tính từ thiện khác. Các hoạt động này góp phần xoa dịu nỗi khổ niềm đau của con người, giúp cho cuộc sống của họ trở nên tốt đẹp, hạnh phúc hơn.

Ở đây ta thấy, các nhà tỷ phú đã có cái tâm rất lớn trong việc chia sẻ tiền bạc, tài sản của mình cho các mục đích mang tới niềm vui và hạnh phúc cho người khác. Đó là điều mà chúng ta cần phải học hỏi ở họ. Đừng bao giờ để cho tiền bạc và tài sản thất thoát bởi các mục đích không lành mạnh. Hãy sẵn sàng hiến tặng tiền bạc, tài sản cho các tổ chức từ thiện, hoặc những trung tâm tâm linh Phật giáo mà mình cảm thấy có niềm tin. Vì điều đó không chỉ mang tới hạnh phúc cho mình mà còn mang tới hạnh phúc cho người khác.

II. KINH NGHIỆM VƯỢT HÀM OAN CỦA ĐỨC PHẬT

1. Thuật hóa giải hàm oan

Lúc ấy, đức vua trong nước tên là Ty-tiên-nặc rất sùng kính Phật giáo. Ông trị nước an dân theo lời Phật dạy, nhờ đó

lúa thóc được mùa, bá tánh lạc nghiệp, đạo Phật ảnh hưởng sâu rộng trong quần chúng. Sự việc đó đã làm cho các hàng ngoại đạo, tà giáo ganh ghét Đức Phật. Họ bày mưu hại Đức Phật bằng cách giết chết thiếu nữ Tôn-đà-ly, con cháu của họ, rồi lén chôn trong khuôn viên Tịnh xá để phao tin vu khống Đức Phật và các đệ tử của Ngài đã giết cô gái vô tội, hồng làm giảm ảnh hưởng của Đức Phật. Tuy nhiên, sự vu khống ấy không hại được Đức Phật, ngược lại việc ác đã hại kẻ thù ác.

Sau khi rõ âm mưu của ngoại đạo, vua nói với quần thần đến đánh lễ Đức Phật. Lúc bấy giờ, cư sĩ Cấp Cô Độc cùng với các vị thành tín và nhân dân trong nước đều đến hầu Đức Phật. Làm lễ xong, mỗi người ngồi qua một bên. Lúc bấy giờ, nhà vua đứng dậy chấp tay thưa Đức Phật rằng: *“Bạch đức Thế Tôn! Khi nghe lời vu oan của ngoại đạo, ai nấy cũng lấy làm ngạc nhiên. Thực chỉ có Phật là chân thật, đức hoàn thiện và thanh tịnh khôn lường. Bạch Ngài! Song chẳng hay vì nhân duyên gì mà xảy ra sự việc không tốt đẹp như thế!”*.

Đức Phật chậm rãi bảo với vua Ty-tiên-nặc: *“Này đại vương! Con người sở dĩ có tính vu khống là do lòng tham lam, tật đố mà ra. Việc ấy trước kia đã từng xảy ra chứ chẳng phải đến ngày hôm nay mới có”*.

Vua cúi đầu nói: *“Bạch đức Thế Tôn! Chúng con hiểu rõ được việc này và rất mong được Ngài kể về chuyện kiếp trước”*.

Sau đó Đức Phật đã kể một nhân duyên mà Ngài đã từng bị vu khống và cách thức Ngài đã vượt qua sự vu khống đó.

Ở đây chúng ta thấy khi bị nổi hăm oan, Đức Phật không hề yên lặng một cách tuyệt đối và tiêu cực, đó là điều ta cần phải ghi nhận. Đang khi câu dạy của *“Luận Bảo Vương Tam Muội”* do một tu sĩ Phật giáo tại Trung Quốc lại khích lệ

chúng ta: “*Oan ức không cần biện bạch vì biện bạch là hèn nhất, hay biện bạch là nhân ngã chưa rũ bỏ*”.

Lối ứng xử đó nhìn từ phương diện tâm lý học có vẻ như cao siêu và có thể giúp cho nạn nhân vượt thoát các nỗi khổ niềm đau. Bởi khi nghĩ mình là nạn nhân, người ta không bận tâm đến và không bị vướng kẹt vào sự oan ức, cho nên họ có vẻ thông dong, tự tại hay thoát ra khỏi mọi tai tiếng. Tuy nhiên, xã hội và công chúng còn lại thì sao? Lối ứng xử đó không giải quyết được vấn đề niềm tin ở chiều rộng của quần chúng và ở chiều sâu trong tâm trí của nhiều người.

Đức Phật không hề dạy chúng ta các lối ứng xử tương tự. Đức Phật vẫn nói rõ Ngài không giết người, vì có giết người đâu mà phải thừa nhận. Im lặng trong nhiều ngữ cảnh được hiểu là đồng ý. Do đó, không nhất thiết phải im lặng trong mọi tình huống. Trong tình huống cần phải nói rõ, phản biện chúng ta phải nói rõ hoặc phản biện.

Việc giết người vu khống của kẻ thủ ác đã bị bại lộ. Kẻ chủ mưu bị lãnh hậu quả, bị tai tiếng và mất dần uy tín đối với triều đình, trong khi Đức Phật, sau một thời gian ngắn chịu hàm oan, đã thoát ra được một cách khá dễ dàng. Triều đình vẫn tiếp tục tin tưởng, tôn thờ Đức Phật và giáo đoàn của Ngài.

Ở đây, trong trường hợp này, nếu Đức Phật im lặng, rất có thể uy tín của Ngài bị giảm sút, do quần chúng nghĩ rằng Ngài là người giết người. Trong khi việc biện bạch lại giúp Đức Phật vượt qua các điều tiếng xấu. Ở đây ta thấy rằng, Đức Phật không phải đơn độc vượt qua hàm oan. Bên cạnh Đức Phật còn có Tăng đoàn và những người cư sĩ thuần thành. Họ có niềm tin tuyệt đối nơi Đức Phật. Cùng với họ, Đức Phật đã vượt qua những điều tiếng xấu một cách dễ dàng.

Do vậy, khi đối diện với một vấn đề nào đó liên hệ đến uy tín của mình cũng như uy tín của Phật pháp, và nếu đó là một sự ngộ nhận, hiểu lầm, cãi bầy, hàm oan thì ta phải hợp tác với những người tốt để làm cho vấn đề ngộ nhận đó được khoanh vùng và không phổ biến lây lan. Nhờ đó niềm tin đối với Phật pháp của quần chúng không bị suy giảm.

2. Việc ác trở quả với kẻ thủ ác

Dù có khéo léo dàn dựng cỡ nào đi nữa, kẻ xấu vẫn không thể lường hết các tình huống phát sinh. Vì dựng chuyện nên tính hợp lý trong nội dung, tính thực tiễn logic trong cấu trúc câu chuyện không được kẻ thủ ác duy trì trước sau như một khi phải đối diện với bộ phận điều tra.

Trong công tác điều tra tội phạm, các nhà tội phạm học, các cán bộ điều tra sẽ đặt cùng một câu hỏi cho kẻ tình nghi với nhiều tình huống khác nhau, trong các bối cảnh không gian, khí hậu khác nhau. Trong tình huống đó, kẻ thủ ác thường lâm vào tình trạng bấn loạn nên không còn nhớ được lần đầu họ nói dối cách gì và như thế nào. Trong khi người nghe là một người đang điều tra, có ghi âm, ghi hình, họ xem và nghe đi nghe lại chúng nhiều lần, quan sát các thái độ ứng xử, từ đó biết rõ nghi can này nói thật hay nói dối.

Ở đây, mặc dù kinh không nói rõ kết quả sau đó, nhưng căn cứ vào pháp luật, chắc chắn kẻ thủ ác và những kẻ liên quan, đồng lõa trong trường hợp này phải bị nghiêm trị để răn đe, giáo dục, đồng thời mang lại công bằng xã hội và quyền lợi chính đáng cho người vô tội. Luật pháp ngày nay cũng vậy, đề cao đến công bằng xã hội, bảo vệ quyền lợi chính đáng của những người vô tội và nghiêm trị những kẻ dựng chuyện, bôi mớc đời tư gây ảnh hưởng về phương diện dân sự, xã hội, cũng như đời sống tinh thần của người khác.

3. Bảo vệ cái đúng và đạo đức

Trong một sự kiện liên quan tới việc bị hàm oan, phần lớn những người thiếu lòng tử tế và bản lĩnh thường có khuynh hướng đứng ngoài cuộc. Họ không dám bênh vực người tốt bị hàm oan vì sợ liên lụy đến bản thân. Kết quả là rất nhiều người thiện bị hàm oan, bị cô lập, bị khoanh vùng, bị phân biệt đối xử, bị tác động tiêu cực, bị những ảnh hưởng xấu làm cho họ chùn bước hoặc không mạnh dạn tiếp tục lý tưởng mà mình đang theo đuổi. Trong khi đó, khi tiến hành việc ác, kẻ xấu thường liên minh, nối kết với các thế lực khác nhằm tạo ra sức mạnh, nhờ đó họ có thể qua mặt luật pháp và sống nhõn nhõ ngoài vòng pháp luật. Đó là tổn thất lớn cho xã hội và cộng đồng nói chung.

Ở đây đức vua Ty-tiên-nặc và các nhà hành pháp của nước Xá-vệ đã ứng xử rất khôn ngoan. Họ đã không dễ dàng tin theo kịch bản hàm oan của kẻ xấu, bởi vì họ có niềm tin với Đức Phật và Tăng đoàn. Khi có niềm tin rồi, họ sẵn sàng đứng về cái thiện, phục vụ cho cái thiện và làm cho cái thiện được tỏa sáng. Nhờ đó mà Đức Phật và Tăng đoàn vượt qua được tình huống khó khăn.

Trong bài kinh *Khó Ua và Dễ Thương*, Ngài Xá-lợi-phất dạy: “Người có lời nói dễ thương lợi lạc cho tha nhân, có hành động dễ thương lợi lạc cho tha nhân, có lối sống dễ thương lợi lạc cho tha nhân chưa hẳn đã đón nhận được sự quý mến và tôn trọng của tất cả quần chúng”. Ngài Xá-lợi-phất khẳng định thêm: “Những người như vậy nếu được người thiện tán dương, tôn trọng, quy phục, học hỏi thì thế giới kẻ ác sẽ xem họ là đối thủ không đội trời chung”.

Như vậy, trong những cơn hoạn nạn, chúng ta hãy đứng về phía người thiện, đừng để họ rơi vào trạng thái cô đơn và

có thể từ lý tưởng cao cả mà họ đã, đang và sẽ tiếp tục theo đuổi và đóng góp. Niềm tin về nhân quả sẽ giúp cho ta có bản lĩnh gắn kết với người thiện và việc thiện nhiều hơn. Các nghịch cảnh, khó khăn, nếu có, phải được hiểu là tạm thời. Chỉ cần liên kết với nhau chúng ta có thể giúp cho cái thiện, cái tốt có mặt nhiều hơn trong cuộc đời. Giống như rừng có thể chống được lụt, nhưng nếu mỗi một cây tự chống lụt thì dễ bị lụt cuốn trôi. Cái thiện dễ bị chết yếu trong khi cái ác thì sống dai, sống dài như những con đỉa. Phải thấy rõ hiện thực này để chúng ta liên kết với nhau để cho việc thiện được thực hiện và người thiện có cơ hội được đóng góp nhiều hơn.

III. CÁC NHÂN CÁCH CAO THƯỢNG CỦA HIỀN NHÂN

Đức Phật nhân đó đã kể lại câu chuyện về sự tu hành của Ngài trong kiếp trước: Thuở xưa, có một nước tên là Bô-lân-nại, nhân dân đông đúc, sinh hoạt thật là phồn thịnh. Trong nước có một người Phạm-chí tên là Cù-đàm, tài trí thông minh bậc nhất. Ông có ba người con, đứa con út có một thân hình đoan chính, đẹp đẽ không ai bằng, tên gọi là Hiền Nhân.

Hiền Nhân thuở nhỏ rất chăm chỉ học hành. Lớn lên tài nghệ hơn người, lâu thông kinh sử và có đức hạnh đặc biệt. Hiền Nhân tánh từ bi, lại rõ được tai nạn họa phúc, bào chế thuốc men, không có gì là không biết.

Sau khi ông Cù-đàm qua đời, hai người anh của Hiền Nhân trở nên tham lam, ích kỷ, ganh tị. Hiền Nhân xin phép mẹ xuất gia học đạo, chẳng bao lâu đã giác ngộ được tự tâm. Người đã trừ được năm món dục lạc: Mắt không còn tham đắm các hình sắc trần gian, tai không còn tham đắm các âm thanh hấp dẫn, mũi không nhiễm các mùi hương ngậy ngát, lưỡi không ưa thích các vị ngon, thân không còn đam mê lụa là và các cảm giác êm dịu. Nhờ đó, Hiền Nhân đã có nhiều

đóng góp cho các quốc gia, các cộng đồng ở những nơi mà ông có cơ hội phụng sự.

Đây là cách dẫn gián tiếp cho thấy Đức Phật rất khéo. Xuất thân của Ngài là một nhà chính trị với vai trò là thái tử của nước Sakya. Thấy rõ được các giới hạn của những định chế chính trị, Đức Phật đã tình nguyện trở thành nhà tâm linh. Trải qua 6 năm tìm kiếm con đường tâm linh nhưng chưa được thỏa mãn, Đức Phật từ bỏ con đường tâm linh đó, ngồi tĩnh tọa dưới cội bồ đề và chứng đắc Tứ diệu đế mà cốt lõi của nó là Bát chánh đạo, trở thành Bậc Giác Ngộ đầu tiên trong lịch sử nhân loại. Chẳng bao lâu sau giác ngộ, Đức Phật bắt đầu con đường hoằng pháp lợi sanh của mình. Từ đó, Phật giáo trở thành một lối sống mới được người dân Ấn Độ, thuộc nhiều thành phần xã hội khác nhau tự nguyện thực hành. Sau đó, dưới sự hộ trì của các hoàng đế, đặc biệt là hoàng đế Asoka, Phật giáo vượt ra ngoài lãnh thổ Ấn Độ, dần dà trở thành tôn giáo của toàn cầu.

Ở đây, ta thấy Đức Phật nhận thức rất rõ, nếu nói không khéo Ngài sẽ bị người khác hiểu lầm là Ngài đang làm chính trị, phục vụ cho chính trị, cho nên Đức Phật không nói trực tiếp mà gián tiếp kể một câu chuyện liên hệ đến đời sống quá khứ của mình. Nhờ túc mệnh minh, Ngài thấy rõ đời sống quá khứ từ đại cương cho đến chi tiết, danh tánh, sự nghiệp, đức hạnh, tình huống, diễn tiến đã xảy ra với mình và thông qua đó, nhắn gửi thông điệp về nghệ thuật quản trị quốc gia cho các hàng vua chúa, những nhà chính trị cầm cân nảy mực quốc gia nói chung và Xá-vệ nói riêng. Đó là cái hay, cái khéo của Đức Phật. Nếu như Đức Phật trực tiếp lấy việc quản trị nước Sakya làm trường hợp điển hình thì chưa chắc vua Ty-tiên-nặc đã nghe. Bởi vì, trên thực tế, so với Ma-kiệt-đà hay Xá-vệ thì nước Sakya nhỏ bé hơn nhiều. Hơn nữa, về

phương diện chính trị, Sakya bị lệ thuộc bởi mối quan hệ với nước Xá-vệ. Ngay cả Kolya, quê hương của mẹ Đức Phật cũng ít nhiều lệ thuộc vào nước Xá-vệ. Chính vì vậy, việc trao thông điệp cho nhà vua thông qua câu chuyện tiền kiếp là một việc làm hết sức khéo léo.

Trở lại chuyện gia đình của Hiền Nhân, một gia đình có ba người con, anh cả và anh kế có lòng tham lam, sân hận và tật đố, muốn chiếm đoạt hết gia sản của người cha để lại. Rất may mắn trong bối cảnh gia đình như thế, cậu con trai út tên Hiền Nhân lại sở hữu được các đức tính tốt đẹp, nhờ đó mà Hiền Nhân không trở thành nạn nhân của thái độ tham lam, sân hận và tật đố của các người anh của mình. Ở đây, ta có thể tham khảo và học hỏi những đức tánh tốt đẹp ấy của Hiền Nhân.

1. Tài trí hơn người, lâu thông kinh sử

Có một điều mà phần lớn người ta dễ dàng nhận ra là, nếu không có kiến thức thì ta khó có lòng phục vụ tốt cho đất nước, cộng đồng, xã hội và gia đình. Các lỗi ứng xử theo kinh nghiệm cá nhân phần lớn ít mang tới hiệu quả cao. Lâu thông kinh sử ở đây được hiểu là nắm rõ nghệ thuật quản trị quốc gia, nắm rõ kiến thức và phương pháp trong các lĩnh vực, ngành nghề cụ thể. Thiếu kiến thức và phương pháp thì dù có thiện chí ta cũng chẳng đóng góp gì nhiều. Thậm chí thừa nhiệt tình mà thiếu tri thức còn bị xem là sự phá hoại, một nhà tư tưởng phương Tây đã từng tuyên bố như thế.

Muốn lâu thông kinh sử thì phải tài trí hơn người. Tài trí hơn người có thể là kết quả của biệt nghiệp trong quá khứ, hoặc cũng có thể là kết quả của việc nỗ lực, rèn luyện có phương pháp trong hiện tại. Nhờ nỗ lực đúng phương pháp, nhiều người trở nên tài giỏi hơn người khác, thậm chí những người đó là thầy của họ.

Steve Jobs, một nhà công nghiệp kỹ thuật số hiện đại, sau một biến cố bị các đồng nghiệp và những kẻ dưới trướng loại ra khỏi công ty Apple, nơi mà ông có công sáng lập và điều hành, ông đã tìm đến đạo Phật. Ông học thiền, chuyển hóa cảm xúc, giải quyết những vấn đề bế tắc. Sau đó, ông tiếp tục nỗ lực và thành công. Nhờ đó ông đã cống hiến cho thế giới 263 bằng phát minh và đồng phát minh sáng chế. Các ứng dụng phát minh của ông đã phục vụ cho các dòng máy như iPod, iPad, new iPad, iPhone 3G, 4G và sắp tung ra các chuẩn cao hơn. Hiện có gần 3 tỷ trong số gần 7 tỷ người trên hành tinh này sử dụng các ứng dụng do ông khám phá. Đó là những ứng dụng mang tính hiện đại nhằm cải thiện và phục vụ nhu cầu đời sống rất cao của con người. Rõ ràng, nếu Steve Jobs là người không có tài năng, suy nghĩ thiếu sáng suốt, biến cố đó có thể đã quật ngã ông, biến ông thành kẻ thất bại. Tuy nhiên, vì là người có bản lĩnh, có tài năng, biết nắm bắt tình hình thị trường thế giới, ông đã biến thất bại thành thành công một cách ngoạn mục.

Trong nhiều kinh, Đức Phật nói trí tuệ là tài sản của bậc thánh, bác học đa văn là tài sản của bậc thánh. Ngài đề cao vai trò của tri thức vì Ngài sống ở Ấn Độ nên Ngài thấy rất rõ, sở dĩ người dân Ấn Độ chấp nhận bốn giai cấp và chấp nhận thân phận của mình là vì họ thiếu trí tuệ. Do thiếu trí tuệ, thiếu hiểu biết, họ đã bị các thành phần cao cấp trong xã hội lợi dụng, bằng cách cho rằng các giai cấp trong xã hội đều do Phạm Thiên sanh ra, trong đó Bà-la-môn là giai cấp cao nhất. Họ chỉ chiếm thiểu số nhưng có nhiều đặc quyền, trong khi đại đa số các người dân cùng khổ là giai cấp thấp nhất, luôn luôn bị lợi dụng, bóc lột, chà đạp. Chính vì vậy, đi đến đâu, Đức Phật cũng nỗ lực giúp con người mở rộng hiểu biết, xóa bỏ mê tín dị đoan, hoàn thiện đạo đức của họ. Bởi

vì, chỉ có mở rộng hiểu biết, hoàn thiện đạo đức, từ bỏ các thái độ mê tín thì con người mới có thể sống an lạc và hạnh phúc trong cuộc đời này.

2. Đức hạnh và nhân cách đặc biệt hơn người

Kiến thức là yêu cầu không thể thiếu trong sự nghiệp dân thân phụng sự, nhưng nhân cách hay đức hạnh lại là yếu tố có thể giúp chúng ta thắng hoa trong sự nghiệp ấy. Người có kiến thức mà không có đạo đức có thể trở thành mối đe dọa cho hạnh phúc, hòa bình của cộng đồng, quốc gia, thế giới.

Có lẽ nhiều người còn nhớ Osama Bin Laden. Ông là một người thông minh. Ông đã từng là gián điệp CIA (*Central Intelligence Agency* – Cơ quan Tình báo Trung ương) của Hoa Kỳ, được đào tạo trong giai đoạn chiến tranh giữa Liên Xô cũ và Áp-ga-ni-xtan (*Afghanistan*). Sau này, Osama Bin Laden đã học được nhiều kinh nghiệm huấn luyện của Mỹ và sử dụng kinh nghiệm đó để tấn công, phá hoại Mỹ. Vì cuồng tín, ông nghĩ rằng Mỹ đã chà đạp lên số phận của những người Hồi giáo tại Trung Đông, trong đó có gia đình ông. Lỗi suy nghĩ sai lầm này đã đưa ông tới hành động phá hủy hai tòa nhà trung tâm thương mại của Mỹ vào ngày 11-09-2001. Sự kiện đó đã giết chết hàng trăm, hàng ngàn các nhân tài kiệt xuất về tài chính và làm cho nền kinh tế của Mỹ bị khủng hoảng trầm trọng, kéo theo khủng hoảng kinh tế toàn cầu xảy ra vào năm 2007 và đến nay vẫn chưa kết thúc.

Tương tự, Hitler và Napoleon đều là những người thông minh. Họ rất giỏi về quân sự, về chiến lược, chiến thuật, nhưng sự thông minh, tài giỏi của họ không phục vụ cho mục đích hòa bình mà phục vụ cho chiến tranh thôn tính, nhằm mục đích mở mang bờ cõi, chiếm lĩnh tài nguyên thiên nhiên và thị trường thế giới. Việc làm đó gây ra tổn thất rất lớn về

tính mạng con người, kéo theo hàng loạt các tổn thất khác cho tới ngày nay nhìn lại, người ta vẫn chưa hết kinh hoàng.

Những người tạo ra các phần mềm vi-rút (*virus*) hủy hoại các hệ thống an ninh mạng toàn cầu, an ninh ngân hàng, an ninh các tổ chức đều là những người thông minh vượt trội hơn những người bình thường. Tuy nhiên sự thông minh đó chỉ phục vụ cho đam mê, lợi ích của họ, trong khi đó người khác phải gồng gánh lấy hậu quả mà họ gây ra.

Tất cả các ví dụ trên cho thấy, có tài trí mà không có đạo đức thì trở thành kẻ phá hoại. Thay vì sử dụng sự thông minh, tri thức hiểu biết của mình phục vụ cho các quyền lợi công ích, họ lại thỏa mãn niềm vui của mình trên các nỗ lực hủy hoại, khủng bố và làm tổn hại đời sống của người khác. Là một người học Phật, ngoài việc học hỏi tri thức, chúng ta nên rèn luyện, trao dồi nhân cách, đạo đức. Chỉ có như thế, ta mới có thể giúp chúng ta và người khác sống một cuộc sống tốt đẹp và hạnh phúc.

3. Hiểu rõ họa phúc và nhân quả

Khi thiếu tri thức về nhân quả, ta có thể lý giải sai các tình huống, phân tích lầm các diễn tiến và do vậy, không tìm ra được manh mối của nỗi khổ, niềm đau hay sự thất bại, chướng duyên, thử thách. Từ đó, từ thất bại A ta có thể đối diện với thất bại B, từ trở ngại C có thể kéo theo những rắc rối D, và tính mắt xích liên hoàn đó có thể biến ta thành nạn nhân của tình huống hay vấn đề ta đang đối diện.

Ở đây, Đức Phật tán dương Hiền Nhân vì Hiền Nhân đã giải quyết các vấn nạn gia đình trên nền tảng của sự hiểu biết nhân quả. Đó là sự hiểu biết đúng đắn, đưa tới hành động chân chính, giúp cho Hiền Nhân sống hạnh phúc ngay trong nghịch cảnh khó khăn. Trong khi đó, người thiếu trí tuệ,

thiếu tri thức nhân quả, khi đối diện với nghịch cảnh, khó khăn, họ thường có khuynh hướng đổ lỗi hay quy kết trách nhiệm cho đối tượng khác. Việc đổ lỗi, quy kết đó khiến cho họ càng gặp khó khăn nhiều hơn. Bởi vì, một khi không nhận diện được nguyên nhân của vấn đề thì họ không thể nào hiểu được khó khăn đó bắt nguồn từ đâu. Và như thế họ không thể có các giải pháp đúng đắn để giải quyết vấn đề. Khó khăn, khổ đau vì thế không được giải quyết nên càng ngày càng lớn hơn.

Học hỏi Ngài Hiền Nhân, chúng ta cố gắng phát huy trí tuệ hay hiểu biết về nhân quả. Vì trí tuệ này là chìa khóa giúp ta tháo tung các cánh cửa khó khăn trong cuộc sống. Ta không còn đổ lỗi hay quy kết trách nhiệm mỗi khi đối diện với nghịch cảnh khó khăn, mà luôn luôn có thái độ tìm hiểu nguyên nhân của vấn đề, từ đó giải quyết các nghịch cảnh khó khăn đó một cách hiệu quả.

4. Vượt qua sự sân hận

Hiền Nhân có tâm rộng lượng, sống chung với hai người anh tham lam, ích kỷ, ganh tị nhưng Hiền Nhân vẫn không bị nổi khổ niềm đau chi phối. Có lẽ Hiền Nhân hiểu rõ đó là những giới hạn của con người, do còn tham, sân và si. Do đó, thay vì thù hận các người anh của mình, Hiền Nhân vẫn vui vẻ và chọn cho mình con đường lý tưởng xuất gia học đạo, giác ngộ tự tâm. Cách ứng xử này cho thấy Hiền Nhân là một người có trí tuệ, có hiểu biết. Nhờ có trí tuệ, hiểu biết, Hiền Nhân dễ dàng vượt qua được các cảm xúc và thái độ sân hận, si mê, vốn là trở ngại lớn cho con đường tu học, phát triển tâm linh.

Thông thường, trong cuộc sống, nếu thiếu trí tuệ, thiếu hiểu biết, khi đối diện với tình huống như tình huống của

Hiền Nhân, chúng ta khó lòng kiếm chế được sân hận. Và vì sân hận nên chúng ta có thể sẽ tạo ra khổ đau cho mình và cho người khác. Đó là điều diễn ra phổ biến trong cuộc sống.

Ở đời, khi có đủ điều kiện, người ta thường tìm kiếm các cơ hội để hưởng thụ cuộc sống. Có thể là mua nhà cửa, xe cộ hay các phương tiện hưởng thụ khác. Rất ít người dẫn thân vào con đường phát triển tâm linh. Trong khi đó, Hiền Nhân lại chọn cho mình con đường mà ít người dẫn thân, đó là con đường xuất gia tu học, phát triển tâm linh. Nhờ đó Hiền Nhân chứng ngộ được tự tâm, làm chủ cảm xúc, mắt không còn chìm đắm trong sắc, tai không còn đam mê các thanh âm, mũi không còn tìm kiếm các các đối tượng mùi vị...

Do đó, thay vì chìm đắm vào sự hưởng thụ các phương diện vật chất tinh thần thông thường, chúng ta nên dành thời gian cho sự phát triển tâm linh. Bởi vì, sự đầu tư đúng mức cho sự phát triển tâm linh giúp chúng ta có được một đời sống hạnh phúc hơn. Bằng cách, mỗi tháng, ít nhất một tới hai lần, chúng ta cùng gia đình đi tới một trung tâm tổ chức tu học để trải nghiệm hạnh phúc. Sự trải nghiệm này sẽ giúp cho ta có thêm niềm tin vào cuộc sống, có cái nhìn nhân ái hơn với con người và cuộc đời. Nói cách khác, sự trải nghiệm hạnh phúc tâm linh giúp cho chất lượng cuộc sống của chúng ta ngày càng cao hơn.



CHƯƠNG II

CÁC PHẨM CHẤT

NGƯỜI TRỊ NƯỚC AN DÂN NÊN CÓ

Giảng tại Chùa Xá Lợi, ngày 17-06-2012

Phiên tả: Trần Thị Minh Tâm

Nội dung chương hai của *kinh Hiền Nhân* nói đến các phẩm chất người trị nước an dân nên có. Đây là phần trọng tâm của *kinh Hiền Nhân*. Phần này gồm ba nội dung chính: Một, trách nhiệm của người cầm cân nảy mực quốc gia; hai, những điều nên tránh trong thuật quản trị quốc gia; ba, các phẩm chất cần có để việc quản trị quốc gia diễn ra thuận lợi, đất nước phát triển bền vững, người dân được hạnh phúc và bình an.

I. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN TRỊ QUỐC GIA

Sau khi tình cờ gặp được Hiền Nhân, nhà vua Lâm-đạt đã hỏi: “*Để quản trị quốc gia, người cầm cân nảy mực cần phải làm gì?*”. Hiền Nhân trả lời: “*Trước nhất là nêu cao tinh thần trách nhiệm*”. Vì thiếu nó, người trị nước an dân dù có nguyện vọng cũng không thể nào đạt được các mục tiêu căn bản cần hướng đến. Tinh thần trách nhiệm đó biểu hiện qua các việc làm dưới đây.

1. Dùng trí tuệ tùy thuận giáo hóa quốc dân

Trí tuệ không phải là thứ chỉ dành riêng cho người xuất gia mà nhà vua hay các nhà lãnh đạo quốc gia cũng có thể đạt được. Có trí tuệ, các nhà lãnh đạo có thể ứng xử chuẩn mực hơn trong các tình huống, hoàn cảnh, nhờ đó xã hội có nhiều cơ hội phát triển, người dân được thừa hưởng các lợi ích từ chính sách ban hành của quốc gia.

Tùy thuận giáo hóa tức là tùy hoàn cảnh, đối tượng giáo hóa. Nội dung của sự giáo hóa là tri thức và kinh nghiệm rút ra từ cuộc sống, từ sự tu học. Tùy thuận giáo hóa sẽ giúp cho các đối tượng giáo hóa phát huy tốt khả năng của họ. Mỗi người có những điều kiện khác nhau để lãnh hội tri thức và kinh nghiệm từ người khác và cuộc sống. Có khi tri thức, kinh nghiệm này thích hợp với người này nhưng lại không

thích hợp với người khác và ngược lại. Do đó, để cho việc giáo hóa, truyền trao tri thức, kinh nghiệm đạt hiệu quả cao, cần phải có trí tuệ tùy thuận.

Ngày nay, nhiều quốc gia tiên tiến trên thế giới như: Anh, Canada, Đức, Hoa Kỳ, Úc, Pháp đều sử dụng phương pháp tùy thuận để quản lý quốc gia. Chính sách đề cao tri thức, tôn trọng hiền tài của họ đã làm cho nhiều người có cơ hội phấn đấu, đóng góp nhiều hơn cho xã hội. Trong khi đó, ở các quốc gia khác, đa phần các nhà lãnh đạo sợ người khác tài giỏi hơn họ, ảnh hưởng hơn họ, cho nên ở đó không có các chính sách thu hút và trọng dụng nhân tài đúng mức. Điều này cho thấy các nhà lãnh đạo ở các quốc gia đó thiếu trí tuệ, thiếu khả năng, thiếu tầm nhìn, vì vậy quốc gia mà họ lãnh đạo trở nên bất ổn, xã hội trì trệ, kém phát triển.

2. Khuyên dân chúng làm lành và hiếu kính

Làm lành, lánh dữ và hiếu kính là những tiêu chí quan trọng xác định một cuộc sống hạnh phúc. Trong đạo Phật, làm lành lánh dữ được thể hiện qua ba phương diện: thân, khẩu và ý. Thân gồm có năm điều: Một, không giết người - bảo vệ hòa bình; hai, không trộm cắp, tôn trọng sở hữu; ba, không ngoại tình, chung thủy một vợ một chồng; bốn, không dối gạt, bảo vệ truyền thông chân chính; năm, không rượu chè, bảo vệ sức khỏe để có đủ điều kiện chăm sóc hạnh phúc cho người thân. Miệng gồm có bốn điều: Một, không nói lời điều ngoa, truyền bá sự thật; hai, không nói lời chia rẽ, truyền thông hòa hợp đoàn kết; ba, không nói tục, truyền đạt những lời từ ái, lịch sự, lễ phép; bốn, không nói lời tán gẫu, phát ngôn những lời mang lại lợi ích cho tha nhân. Tâm bao gồm ba điều: Một, chuyển hóa tận gốc rễ của tham lam; hai, chuyển hóa giận dữ, sân hận và ba, chuyển hóa si mê.

Hiếu kính là tiêu chí xác định một gia đình hạnh phúc. Có nhiều cách để thể hiện sự hiếu kính của một người đối với cha mẹ, ông bà, những người thân, những người có ơn với mình. Trong đó, thương yêu và biết ơn là các phẩm chất cao quý hơn cả. Hạnh phúc hay các giá trị cao quý mà chúng ta có phần lớn bắt nguồn từ sự thương yêu và lòng biết ơn. Con cái thương yêu và biết ơn ông bà, cha mẹ. Ngược lại, ông bà, cha mẹ cũng thương yêu và biết ơn con cháu. Em thương yêu và biết ơn anh chị và anh chị cũng thương yêu và biết ơn em.

Chúng ta có thể mở rộng sự thương yêu và biết ơn ở phạm vi xã hội. Trò thương yêu và biết ơn thầy. Tục ngữ có câu: *“Không thầy đố mày làm nên”*. Đó là phương châm trong nền giáo dục Việt Nam. Trong các mối quan hệ khác cũng vậy. Mọi người thương yêu và biết ơn lẫn nhau. Nhờ thương yêu và biết ơn lẫn nhau, các mối quan hệ xã hội trở nên thân thiết và hòa hợp hơn. Ranh giới và khoảng cách giữa các thành phần trong xã hội trở nên mờ nhạt. Đời sống con người trở nên yên ổn, hạnh phúc hơn.

3. Dùng trí tuệ khai sáng người mê

Mê hay mê mờ là thiếu sáng suốt. Biểu hiện của sự thiếu sáng suốt là nghi ngờ hay nghi hoặc. Nghi hoặc là đầu mối của tất cả những nhận định và phán đoán sai lầm. Nghi hoặc trước nhất là do kiến thức chưa vững vàng. Do kiến thức chưa vững, ta dễ dàng ngộ nhận hay đánh giá sai về người khác và người khác cũng ngộ nhận hay đánh giá sai về mình. Tất cả thái độ do dự, chần chừ, thiếu dứt khoát, thiếu kiên định, bỏ cuộc giữa chừng đều là con đẻ của sự nghi hoặc.

Để vượt thoát thái độ nghi hoặc, cần phát huy “như lý tác ý”, tức là phát triển tuệ giác, phát triển sự hiểu biết đúng đắn về bản chất của các pháp. Để làm được điều đó, cần

học hỏi và thực tập giáo pháp. Nhờ học hỏi và thực tập giáo pháp, chúng ta có cái nhìn đúng đắn về bản chất con người và thế giới. Từ cái nhìn đúng đắn đó, suy nghĩ, hành động của chúng ta trở nên chuẩn mực hơn. Lúc đó ta hoàn toàn tự tin, không còn nghi ngờ bất kỳ điều gì nữa. Năng lực và ý chí truyền bá, giúp người khác thấy đúng, tư duy đúng và làm đúng trong ta vì thế cũng trở nên mạnh mẽ hơn.

4. Làm lành gặp lành, làm ác mắc họa

Làm lành gặp lành, làm ác mắc họa, đó là quy luật của nhân quả. Là người Phật tử, chúng ta cần phải cần nhắc điều này. Thông thường, để cho việc làm lành tránh ác ở một cá nhân, cộng đồng, quốc gia diễn ra, người ta phải có một mô hình giáo dục đúng đắn. Mô hình giáo dục đó không chỉ giúp cho người dân trở thành một người công dân có tri thức mà còn giúp họ trở thành một người có đạo đức, biết tôn trọng hiến pháp, pháp luật và các quy chuẩn khác của đạo đức.

Tại Việt Nam, chúng ta thường bỏ qua yếu tố đạo đức trong việc định hướng giáo dục. Sách giáo khoa và giáo trình chủ yếu tập trung cung cấp lượng tri thức cho người học, trong khi tri thức nền tảng để cấu thành phẩm chất và đạo đức của con người lại không được chú trọng. Điều đó, ít nhiều dẫn đến tình trạng suy thoái đạo đức trong xã hội và tác động tiêu cực đến tốc độ phát triển của một quốc gia.

Đạo Phật cho rằng, để khắc phục tình trạng đó, cần phải cung cấp lượng tri thức cần thiết về nhân quả - nghiệp báo. Trước hết là tri thức “chết không phải là hết”. Mỗi người sinh ra, lớn lên, già, bệnh và chết. Đó là một quy luật. Nhưng chết không phải là điểm cuối cùng của quá trình sinh diệt. Sống và chết là một quá trình tiếp nối. Chết để tiếp tục tái sinh, tiếp tục quá trình sinh ra, lớn lên, tồn tại, phát triển và chết.

Thứ hai là tri thức về quy luật làm lành được hưởng quả hạnh phúc, tạo ác thì phải gánh lấy quả khổ đau. Tri thức này sẽ giúp chúng ta thấy rằng, chính bản thân chúng ta sẽ phải chịu trách nhiệm về hành vi đạo đức cả tốt lẫn xấu của mình. Không có ai hay bất kỳ thế lực nào có thể giúp ta trốn tránh được hậu quả do hành động của chúng ta gây ra. Tùy theo khuynh hướng tạo tác tốt hay xấu của hành động mà ta phải gặt lấy kết quả hạnh phúc hoặc khổ đau.

Sự trở quả trong các hành động đạo đức và phi đạo đức là tiến trình trong tự thân của chúng, cho nên muốn tránh cũng tránh không được. Trong *kinh Pháp Cú*, Đức Phật dạy: “*Dù ở trên trời, dưới đất hay bất cứ ở đâu, không ai có thể trốn tránh được kết quả của hành động tạo tác của mình*”. Chỉ có những nỗ lực đúng đắn, có phương pháp mới có thể giúp chúng ta chuyển hóa được kết quả đó mà thôi.

Như vậy, mô hình giáo dục Phật giáo là mô hình giáo dục căn cứ vào hiện tại này chứ không chú trọng tới tương lai. Bởi vì tương lai chỉ là hệ quả tất yếu của hiện tại. Và hạnh phúc hay khổ đau đều do hành động tạo tác của chúng ta. Do đó, hãy tu tập chuyển hóa ngay bây giờ. Hạnh phúc sẽ mỉm cười với những ai nỗ lực chuyển hóa ngay trong hiện tại này. Đừng chờ đợi một phép màu ở tương lai, vì điều đó là không thực tế.

5. Giúp dân vượt qua hoạn nạn và thiên tai

Ở đây bản kinh đề nghị, đối với người gặp hoạn nạn, khổ đau, nhà quản trị phải giúp họ vượt qua hoạn nạn, khổ đau đó. Ở phương diện vật chất, đối với người dân, nhất là những người nghèo, nhà quản trị cần phải hỗ trợ họ vay vốn với lãi suất thấp hoặc cho vay vốn trả chậm không lãi suất. Khi có thiên tai, các nhà quản trị, hơn ai hết phải có mặt kịp thời để

chỉ đạo, động viên, giúp đỡ họ vượt qua khó khăn. Cụ thể hơn, cần phải trích ngân khố của nhà nước và vận động các thành phần xã hội trong nước cùng tham gia giúp đỡ, hỗ trợ người hoạn nạn.

Đối với các doanh nghiệp, cần phải hỗ trợ giúp họ duy trì và kích thích tăng trưởng kinh tế. Chính sách “thắt lưng buộc bụng” chỉ có giá trị vượt qua khủng hoảng tài chính trong một giai đoạn ngắn hạn, nhưng không kích thích được sự tăng trưởng và phát triển. Vì thế sẽ tạo nên bất ổn định cho nền kinh tế, ảnh hưởng xấu tới toàn bộ đời sống xã hội.

Đối với các lĩnh vực khác, nhà quản trị cũng cần phải có những hỗ trợ cần thiết, nhất là các lĩnh vực giáo dục, y tế. Cần phải có những chính sách mới cho phát triển giáo dục, nâng cao hệ thống phục vụ y tế. Nhiều quốc gia khác trên thế giới làm điều này rất tốt. Một số nước, đời sống kinh tế vẫn còn thấp, nhưng giáo dục và y tế của họ rất tốt. Trước mắt, chúng ta cần phải cải cách giáo dục. Nội dung cải cách ta có thể tham khảo từ các nhà nghiên cứu, các nhà giáo dục hàng đầu trong nước và các chuyên gia giáo dục ở các quốc gia có nền giáo dục phát triển hơn ta. Đối với y tế, cần xúc tiến xây dựng các hệ thống y tế tiêu chuẩn, bệnh viện chất lượng, đào tạo các bác sĩ giỏi, cung cấp các dịch vụ y tế đạt tiêu chuẩn, cải thiện môi trường sống.

Tóm lại, đó là năm trách nhiệm cao quý mà người trị nước cần phải có theo quan niệm của *kinh Hiền Nhân*. Bằng nỗ lực thực hiện năm trách nhiệm này, nhà quản trị có thể mang lại nhiều hạnh phúc, lợi lạc cho quốc dân của mình. Đó là niềm hạnh phúc, lợi lạc vững chắc xây dựng trên nền tảng của sự hiểu biết, thương yêu và đạo đức.

II. NHỮNG ĐIỀU NÊN TRÁNH TRONG PHÉP TRỊ NƯỚC

Dưới trướng của nhà vua có bốn quan cận thân, tiêu biểu cho bốn đức tính xấu như: Khéo bao che, khéo giấu giếm, khéo nịnh hót và khéo qua mặt luật pháp. Vì quá khéo léo, nên họ được nhà vua tin dùng mà không hề hay rằng mình đang “nuôi ong tay áo, nuôi khỉ dòm nhà”. Kết quả là quyền lực triều đình bị thao túng, quần chúng nhân dân đói khổ, kêu ca. Để khắc phục tình trạng này, theo Hiền Nhân, nhà vua cần phải tránh các trường hợp dưới đây.

1. Lấy dân làm gốc, tránh xem thường dân

Đó là phương châm ứng xử cần thiết để phát triển quốc gia, mang lại đời sống hạnh phúc, bình an cho dân chúng. Lấy dân làm gốc trước hết là tôn trọng dân và các quyền lợi của họ. Một quốc gia vững mạnh là một quốc gia xây dựng thực sự trên nền tảng ý chí của dân. Các chính sách, các kế hoạch phát triển đất nước đều xuất phát từ lợi ích bền vững của dân. Ở đó, người ta không nghe thấy dân ta thán, kêu ca về các chính sách của nhà nước. Bất an, sợ hãi cũng không có mặt ở đó. Các nhà quản trị, các nhà lãnh đạo sống hài hòa với dân chúng. Lợi ích quốc gia gắn liền với lợi ích của dân chúng.

Chăm lo lợi ích của quần chúng là trách nhiệm của nhà quản trị quốc gia. Khi dân gặp khó khăn, các nhà quản trị phải tìm mọi cách giúp họ giảm thiểu tối đa các thiệt hại. Phải hành động để dân thấy lợi ích của mình được nhà nước quan tâm. Tránh các hành động vị kỷ phục vụ lợi ích cá nhân hoặc nhóm thiểu số mà xem thường hay chà đạp lên các lợi ích của dân.

Biết chăm lo hạnh phúc cho dân thì dân sẽ trung thành, nỗ lực, hết lòng đóng góp tài năng và trí tuệ cho đất nước. Nhà nhà giàu sang, hạnh phúc, nơi nơi yên ổn thái bình. Tội ngu không đóng cửa cũng không lo sợ mất cắp. Tiền rơi

ngoài đường sẽ được nhặt giao cho các ngân quỹ để phục vụ cho các hoạt động từ thiện. Không có nạn mua bán lừa đảo, nạn giết chóc, hận thù... Ngược lại, xem thường dân, không chăm lo lợi ích cho dân thì quốc gia nghèo đói, xã hội bất ổn, tệ nạn xã hội phát sinh. Do đó, muốn phát triển đất nước phải lấy dân làm gốc.

2. Tránh tà xiêm, dâm ô, gian dối và bóc lột

Tà xiêm, dâm ô, gian dối và bóc lột là những thái độ, hành vi xấu ác mà nhà quản trị quốc gia, nhà lãnh đạo, ở bất kỳ thể chế chính trị nào cũng phải tránh xa, nếu muốn giữ vững thể chế chính trị hiện tại của mình.

Tà xiêm là xiên xẹo, không ngay thẳng. Trong chính trường, kẻ tà xiêm thường nối kết, liên minh với những người có thể lực tạo thành một thể liên minh chính trị vững vàng nhằm thao túng quyền lực, chiếm đoạt quyền lợi cho cá nhân, nhóm, không màng tới lợi ích chung của quốc gia, dân tộc.

Gian dối là không trung thực. Người gian dối thường ít khi giữ lời hứa, hoặc hứa một đằng, làm một nẻo. Các chính trị gia có tâm gian dối khi tranh cử một chức vụ nào đó thường hay hứa trước quần chúng đủ thứ các điều tốt lành, nếu như họ được bầu chọn. Nhưng khi đắc cử, họ không bao giờ làm những gì họ đã từng hứa với dân. Đó là thái độ lừa phỉnh, gian dối. Người có thái độ đó không xứng đáng là người quản trị hay lãnh đạo quốc gia hay bất kỳ các tổ chức nào.

Bóc lột tức hành vi chiếm đoạt lợi ích của người khác. Trong thể chế chính trị, bóc lột là chiếm đoạt, giành lấy các ưu quyền đặc lợi cho giai cấp lãnh đạo. Trong khi đó, quyền lợi của dân chúng thường không được xem xét, thậm chí bị cắt xén, bị chiếm đoạt. Bóc lột thường dẫn tới bất công xã hội, là nguyên nhân chính dẫn tới bất ổn xã hội.

Dâm ô là hành vi hưởng thụ các khoái lạc giác quan một cách thiếu chuẩn mực. Nhà quản trị, lãnh đạo mà dâm ô thì thường bỏ bê, không chăm lo đến vận mệnh của đất nước. Nhiều vị vua hay các nhà lãnh đạo trong lịch sử đã vướng vào sự dâm ô. Họ lao vào việc hưởng thụ sắc dục ngày đêm, bỏ bê triều chính, không màng tới đời sống của quần chúng nhân dân, khiến cho đất nước rơi vào chiến tranh, dân chúng lầm than, khổ sở.

Do đó, để quản trị tốt quốc gia, các nhà quản trị phải tránh các hành vi, thái độ trên. Vì một khi vướng vào chúng thì các nhà quản trị không thể nào quản trị tốt đất nước được. Đó là điều mà *kinh Hiền Nhân* đã nói đến.

3. Tránh chủ trương đoạn diệt

Đoạn diệt là một khái niệm trong đạo Phật, chỉ cho những người chủ trương rằng chết là hết và không có kiếp sau. Trong *kinh Hiền Nhân*, một quan cận thần đã nói như sau: “*Sau khi con người chết, thần hồn sẽ diệt mất, không tái sinh nữa*”. Quan niệm này thực chất là sự ngộ nhận về bản chất của đời sống. Trên thực tế, thế giới vật chất luôn luôn chuyển biến đúng như định luật bảo toàn năng lượng: “*Vật chất không tự sinh ra, không tự mất đi mà chuyển từ dạng này sang dạng khác*”. Con người sau khi chết vài giây, thần thức lập tức tái sinh vào một phôi thai trong bào thai của người mẹ có nghiệp cảm tương đương, hoặc vào trong bào thai của một giống cái, tùy theo khuynh hướng nghiệp của họ. Tiến trình tái sinh này không gì có thể ngăn chặn được, không trì hoãn được và cũng không thay thế được. Hiểu được điều này, con người sẽ sống có trách nhiệm hơn với lời nói, tư duy, hành động của mình, trong sự tương tác với người khác. Niềm tin về kiếp sau sẽ giúp cho người ta sống chuẩn mực, đạo đức hơn.

4. Không chủ trương giàu, nghèo, vui, khổ do trời định

Học thuyết định mệnh này thường gắn kết với các chế độ quân chủ trong thời kỳ cổ trung đại và các tôn giáo ra đời trong bối cảnh đó. Chủ trương của nó là số phận của con người là do Trời định, không ai có thể thay đổi số phận đó. Học thuyết này bị lợi dụng, trở thành công cụ của các thế chế quân chủ nhằm mục đích duy trì chế độ và vai trò của người đứng đầu nhà nước. Ở đó, vua là thiên tử, tức là ông trời con, thay mặt trời cai quản muôn dân. Họ có thể thao túng luật pháp, làm nhiều điều phi pháp mà không sợ bất kỳ ai trừng phạt. Trong khi đó, ai vi phạm các lỗi tương tự thì sẽ bị họ nghiêm trị thích đáng. Đó là một sự bất công. Bất công đó gây ra nhiều hệ lụy, ảnh hưởng tiêu cực tới đời sống xã hội.

Đạo Phật hoàn toàn không đồng tình với học thuyết định mệnh. Đức Phật, bằng nhiều cách dạy rằng, con người là chủ nhân của nghiệp. Tùy theo khuynh hướng hành động, tạo tác của nghiệp mà con người nhận lấy quả báo tương ứng. Làm lành hưởng quả lành, gieo ác sẽ gặp dữ. Đó là quy luật. Không có một định mệnh nào chi phối con người. Số phận con người do chính con người tạo ra. Không có một thiên tử hay bất kỳ đấng thần linh nào có khả năng quyết định số phận con người. Chủ trương này đã giúp con người một nền tảng phương pháp luận để họ nỗ lực vượt qua các nỗi khổ, niềm đau, xây dựng một cuộc sống lành mạnh bằng chính khả năng của mình. Đó là điều mà các nhà quản trị, các nhà lãnh đạo cần phải học hỏi, áp dụng, giúp bình cho xã hội bình ổn, đất nước phát triển.

5. Tránh thuyết phủ định nhân quả

Nhân quả có thể xem là một học thuyết quan trọng của Phật giáo. Học thuyết này ảnh hưởng sâu sắc tới đời sống của

người Phật tử. Không cần phải có nhiều tri thức khoa học, chỉ cần quán sát thực tế cuộc sống, chúng ta cũng có thể nhận ra quy luật nhân quả. Quy luật nhân quả diễn ra trên tất cả các phương diện của đời sống.

Mặc dù vậy, trong cuộc sống, thỉnh thoảng vẫn có người không tin vào nhân quả. Họ cho rằng làm lành không được phúc, làm ác không bị bất kỳ một tai họa nào. Họ đặt ra những câu hỏi mang tính hoài nghi, nếu nhân quả có thật thì tại sao có rất nhiều người có hành vi phi pháp mà vẫn sống nhàn nhơ ngoài vòng pháp luật, vẫn có một đời sống hạnh phúc, bình an và rất nhiều người thiện sống đạo đức và tôn trọng luật lại phải trải qua các quãng đời bất hạnh. Đó là một sự ngộ nhận về quy luật nhân quả. Ngộ nhận đó đưa tới hệ quả xấu là họ sống buông thả, bất chấp các quy chuẩn đạo đức xã hội. Kết quả là không chỉ cuộc sống của họ trở nên khó khăn hơn, thất bại và khổ đau hơn, mà còn khiến cho cuộc sống của người khác, trong quan hệ cộng tồn với họ, cũng khó khăn và khổ đau hơn.

Vì vậy, cần phải học tập, tiếp thu tri thức nhân quả như một nhu cầu để làm chủ cuộc sống của mình. Đối với các nhà quản trị, nhu cầu này phải được quan tâm nhiều hơn. Bởi vì hơn ai hết, các nhà quản trị là những người có khả năng điều hành quốc gia, hoạch định chính sách, do đó việc tin tưởng, tiếp thu học thuyết nhân quả sẽ giúp cho họ có cái nhìn đúng đắn về xã hội từ căn rễ, từ đó họ sẽ có những phương hướng điều chỉnh phù hợp, giúp cho xã hội phát triển bền vững và tốt đẹp nhất trong điều kiện của quốc gia mình.

6. Không lệ thuộc vào bói toán

Nên tránh các hành vi xem sao đoán mệnh và chủ trương giải quyết vấn đề trên nền tảng hên xui may rủi. Bởi vì niềm

tin vào sự may rủi không có giá trị thiết thực, và “sao” không thể quyết định vận mệnh của con người. Theo Phật giáo, “sao” theo Phật giáo chỉ là các hành tinh có thể có sự sống hoặc không có sự sống, và vận mệnh của con người do chính con người tạo ra bằng ngôn ngữ, ý chí, hành động của mình. Do đó, thay vì tin vào bói toán hay những trò tương tự, con người nên nỗ lực xây dựng một lối sống tích cực để chuyển hóa nghèo thành giàu, lận đận thành bền vững, khổ đau thành hạnh phúc.

Trong một quốc gia, một khi các quan chức quan trọng nhất của một chính phủ có những chủ trương tà kiến sai lầm thì đất nước không thể nào phát triển được. Do đó, người lãnh đạo quốc gia cần phải có tầm nhìn đúng, tri thức, trí tuệ đúng, đạo đức chuẩn mực để có thể định hướng sự phát triển của đất nước. Nếu các nhà lãnh đạo không hội đủ những tiêu chí về năng lực và đạo đức như thế thì tốt nhất nên khiêm tốn từ chối đảm trách những vai trò được giao phó. Từ chối trong trường hợp này không bao giờ được hiểu là sự yếu đuối mà là một nhân cách, một bản lĩnh văn hóa.

Donald Trump, một tỷ phú về ngành truyền thông và bất động sản của Hoa Kỳ, cách đây vài tháng tuyên bố từ bỏ cuộc chạy đua vào Nhà Trắng trong vai trò Tổng thống. Nhiều tháng trước đó, ông đã từng có nhiều cuộc vận động hành lang cho vai trò Tổng thống mới này. Để làm được điều đó, bắt buộc ông phải tấn công Tổng thống đương nhiệm là Barack Obama về phương diện chính sách. Theo đó ông cho rằng chính sách đó có vấn đề vì nạn thất nghiệp chưa được cải thiện, khủng hoảng tài chính chưa được phục hồi. Về lý lịch, Obama không phải là người sinh ra từ Mỹ. Tuy nhiên, sau đó Donald Trump đã nhận ra rằng, quản trị quốc gia không thuộc về sở trường của mình. Ông chỉ là người đứng đầu ngành truyền thông và bất động sản. Nếu ông đắc cử,

chưa chắc ông đã có thể giúp đất nước phát triển hơn những người tiền nhiệm. Nhận thức đó giúp ông đi tới quyết định từ bỏ con đường tranh cử Tổng thống. Và như thế, ông vẫn tiếp tục có cơ hội đóng góp cho xã hội bằng tất cả tài năng và trí tuệ chuyên môn của ông. Đó là một nhân cách, một bản lĩnh văn hóa của một con người có hiểu biết đúng.

III. CÁC PHẨM CHẤT CỦA NHÀ QUẢN TRỊ QUỐC GIA

Ở đây Ngài Hiền Nhân đưa ra sáu tiêu chí quan trọng mà bất kỳ người nào làm công tác quản trị quốc gia, quản trị các tổ chức khác cần phải có để có thể cam kết làm tốt các vai trò, trọng trách của mình trong việc quản lý, điều hành bộ máy nhà nước hay các tổ chức mà họ đứng đầu.

1. Vị tha, tài đức và nhân nghĩa

Quản trị quốc gia trước hết phải có tài. Công việc chính của nhà quản trị quốc gia là đem tới sự phát triển thịnh vượng cho đất nước. Ở đó, nhân dân được thái bình, ấm no, hạnh phúc. Bất kể Vua, Tổng thống, Chủ tịch, hay Thủ tướng nào, khi còn tại vị mà để đất nước đi xuống, nội loạn có mặt, kinh tế điêu đứng, các tệ nạn xã hội phát sinh ngày càng nhiều hơn thì đều là người thiếu đức, thiếu tài. Thiếu tài, thiếu đức thì không thể làm lãnh đạo tốt được.

Thông minh cũng là một đức tính tốt để các nhà lãnh đạo hoàn thành trách nhiệm của mình. Thông minh không nhất thiết liên hệ đến kiến thức hay văn bằng. Thông minh liên hệ đến sự nhạy bén, nhất là nhạy bén trong ứng xử và giải quyết vấn đề, định hướng chính sách. Đối với các chuyên gia, đòi hỏi phải có tri thức vững vàng để làm công tác cố vấn cho nhà lãnh đạo, trong khi đó, chỉ cần thông minh, nhạy bén, các nhà lãnh đạo có thể chọn lựa những chính sách đúng, kịp thời, giúp cho đất nước ngày càng phát triển.

Nhưng quan trọng hơn cả là nhà lãnh đạo phải là người có tâm vị tha, có đạo đức và nhân nghĩa. Hội đủ các yếu tố đó, nhà lãnh đạo sẽ có nhiều cơ hội đóng góp hơn cho đất nước. Tài cao, thông minh mà không có lòng vị tha, không có nhân có nghĩa, chỉ biết hơn thua, hận thù, xung đột, thanh toán, loại trừ kẻ khác thì không thể nào làm tốt công tác quản trị được.

2. Lắng nghe và ít nói

Hiền Nhân là người ít nói nhưng khi nói điều gì thì luôn cân nhắc kỹ lưỡng. Nhờ vậy, khi tiếp xúc với ai Hiền Nhân cũng được họ yêu quý. Theo đạo Phật, người khôn thì nói ít nghe nhiều. Nghe để học hỏi, nghe để tham khảo, nghe để rút kinh nghiệm. Khi cần nói thì mới nói. Và một khi đã nói thì luôn nói chân thật, không nói không, nói điều ngoa, nói để lấy lòng người.

Người ít nói không phải vì họ thiếu dữ liệu kiến thức mà vì họ không muốn làm mất thời giờ của người đang nghe một cách vô ích. Trọng tâm của việc phát ngôn không phải là ít hay nhiều mà là nói như thế nào để người nghe có thể chấp nhận được nội dung của lời phát ngôn đó.

Ngoài việc nói đúng, nói có lợi ích, có giá trị, kinh còn dạy chúng ta nói với nụ cười hoan hỷ để người nghe không cảm thấy mệt mỏi, căng thẳng. Nói với tâm hoan hỷ khiến người nghe cảm thấy thoải mái, dễ chịu. Nhờ vậy nội dung của lời nói sẽ được người nghe tiếp thu một cách rất tự nhiên.

Thông thường, khi chúng ta nói điều xuất phát từ kinh nghiệm thực tế thì lời nói dễ đi vào lòng người hơn. Ở phương diện tâm linh, lời nói thuần tri thức không mang tới giá trị chuyển hóa. Chính vì vậy, trong trường hợp này, lời nói xuất phát từ trải nghiệm tâm linh sẽ giúp cho người nghe dễ dàng tiếp nhận và thực tập hơn.

Về nhân tướng học, người nào có ngón trở cong vào ngón chính giữa, môi trên, môi dưới và ngón trở có nốt ruồi son thì người đó có năng lực thuyết phục người khác rất tốt. Mọi trở ngại, đối đầu, tranh chấp nếu được người đó đứng ra giải quyết thì khả năng thành công rất cao. Người tu học Phật dù không có những nhân tướng đặc biệt đó, nhưng nếu nỗ lực học tập, trao dồi các kỹ năng giao tiếp thì những hạn chế về khả năng ăn nói cũng có thể khắc phục được. Do đó, đừng tự ti, mặc cảm cho rằng mình không có khả năng đó.

3. Chân thật, giản dị và không lụy dục

Nhà lãnh đạo mà chân thật thì dễ đạt được niềm tin ở quần chúng. Đối với họ, cái gì làm được thì họ nói là làm được, cái gì chưa làm được thì nói chưa làm được. Lời nói và việc làm của người đó luôn luôn có sự đồng hành với nhau. Chính vì vậy uy tín của người đó đối với quần chúng ngày càng được tăng trưởng. Và một khi quần chúng đã tin rồi thì nhà lãnh đạo được quần chúng ủng hộ.

Ngoài sự chân thật, nhà lãnh đạo cũng cần có một đời sống giản dị, ít muốn biết đủ đối với nhu cầu cuộc sống. Không cần trao chuốt hình thức bên ngoài quá mức. Chỉ cần ăn mặc tươm tất, lịch sự là đủ. Trao chuốt nhiều khi trở nên lộ bịch, không cần thiết. Đối với nhu cầu chính trị, quân sự cũng không nên thái quá. Sự thái quá trong các nhu cầu, nhất là nhu cầu chính trị, quân sự có thể đưa các nhà lãnh đạo tới chỗ sai lầm. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên là một ví dụ điển hình. Cuộc chạy đua vũ khí hạt nhân và các loại bom nguyên tử đã làm cho Triều Tiên lâm vào tình trạng khốn đốn: Đóng cửa với thế giới bên ngoài, bị cấm vận và phân biệt bởi các nước lớn trên thế giới và các nước xung quanh. Iran, Iraq, Afghanistan cũng là những quốc gia có khuynh hướng muốn chứng minh sức mạnh của mình bằng

vũ khí hạt nhân. Kết quả là các quốc gia này phải hứng lấy rất nhiều sức ép từ phía các quốc gia lớn trên thế giới.

Không lụy dục tức không vương mắc vào sắc dục. Như đã nói, vương vào sắc dục sâu nặng có thể đưa tới nhiều hệ lụy không thể lường trước được. Ở đây, đối với những người sống đời sống thế tục nói chung và các nhà lãnh đạo nói riêng, không lụy dục được hiểu là đời sống chung thủy, gương mẫu một vợ một chồng. Các hành vi vượt khỏi giới hạn này đều có thể trở thành nguy cơ đối với vai trò quản trị của nhà lãnh đạo. Nhiều tình huống vượt giới hạn trong việc cam kết chung thủy một vợ một chồng khiến cho các nhà lãnh đạo điều đứng trong thời kỳ đương nhiệm, thậm chí sau khi mãn nhiệm. Trong hôn nhân, sống chung thủy một vợ một chồng là chuẩn mực đạo đức mà mỗi người tự nguyện cam kết. Một nhà lãnh đạo tốt, gương mẫu, có uy tín không thể là người vi phạm các chuẩn mực này.

4. Tránh phiền lòng mọi người

Người lãnh đạo lý tưởng là người biết thương dân như con hay người thân của họ. Mọi quyền lợi của đất nước đều hướng tới phục vụ lợi ích dân. Pháp luật cũng vậy, đặt ra là để bảo vệ dân, tạo công bằng xã hội, ổn định cuộc sống của dân chứ không phải để siết chặt, hành hạ hay phiền nhiễu người dân. Điều gì của pháp luật chưa phù hợp, chưa thực sự đem tới lợi ích cho dân thì phải cải cách, sửa đổi, bổ sung. Có như vậy mới tạo nên sự đồng thuận xã hội về mặt chính sách, pháp luật. Và như thế, sự ổn định của xã hội mới được đảm bảo. Ngược lại, đặt pháp luật để sách nhiễu, gây phiền hà, khó khăn cho dân thì dân sẽ phản ứng lại. Đó là điều hết sức tự nhiên.

Hiện nay tại Việt Nam có quá nhiều nhà máy thủy điện, tuy giải quyết được nhu cầu cung cấp điện cho sản xuất và

dân sự, nhưng ngược lại tạo ra nguy cơ tổn thất mùa vụ cho người dân ở hạ lưu do tác động của nguy cơ vỡ đập hay xả nước vào mùa lũ cao. Tuy nhiên, nếu các nhà máy thủy điện ngừng hoạt động thì lại gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng khác. Chính vì vậy, để khắc phục tình trạng này, đồng thời để đảm bảo nhu cầu tiêu thụ điện năng của cả nước, Việt Nam đang nghiên cứu đầu tư ngành điện hạt nhân. Điều này mới nghe qua có vẻ hợp lý. Tuy nhiên, khuynh hướng đầu tư này đang đi ngược lại chủ trương của thế giới. Bởi vì, ở các quốc gia phát triển, người ta đang bỏ dần ngành điện hạt nhân vì mức độ an toàn không đảm bảo.

Gần đây, học hỏi từ các quốc gia phát triển, Việt Nam đã và đang nghiên cứu đưa vào sử dụng loại điện gió ở một số các tỉnh thành trong cả nước, đặc biệt là các tỉnh thành có gió nhiều, gió lớn, đặc biệt là ở thành phố Phan Thiết. Mức đầu tư cho các công trình này tuy khá lớn, nhưng bù lại mang tới hiệu quả rất cao, vừa an toàn cho sinh hoạt của người dân vừa thân thiện với môi trường. Đó là một bước phát triển, ít nhất trong trường hợp này, thể hiện được sự quan tâm của nhà lãnh đạo đối với lợi ích lâu dài của đất nước, của quần chúng nhân dân.

5. Lấy đạo đức làm quy chuẩn

Người lãnh đạo cần phải lấy đạo đức dạy dân, giúp cho họ tránh xa các hành động sát sinh, trộm cắp, dâm ô, dối trá, gièm xiêm, ác khẩu và các loại tiêu khiển mang tính tiêu cực khác. Để cho việc dạy dân có hiệu quả cao, nhà lãnh đạo cần phải gương mẫu trong việc thực hiện các quy chuẩn đạo đức đó. Trong trường hợp cần thiết, nhà lãnh đạo có thể luật pháp hóa các quy chuẩn này nhằm hỗ trợ cho đời sống đạo đức của dân chúng.

Hiện nay, tình trạng săn bắn thú hoang đã đang bị nghiêm cấm, nhưng xem ra pháp luật vẫn chưa có khung hình phạt cụ thể đối với hành vi này. Việc săn bắn bừa bãi và phi pháp sẽ dẫn đến việc mất cân bằng sinh thái và một số chủng loại động vật đang có nguy cơ bị tuyệt chủng. Đó là thực trạng không chỉ ở Việt Nam mà còn xuất hiện ở các quốc gia khác trên thế giới. Ngay cả khi pháp luật đã có những quy định cụ thể về các khung hình phạt cho các hoạt động săn bắn trái phép này thì tình trạng đó chưa chắc đã không xảy ra. Pháp luật chỉ có tác dụng ngăn chặn tội phạm tạm thời, trong khi đạo đức mới có tác dụng xóa bỏ tận căn rễ của các hành vi phạm tội.

Chính vì vậy, muốn xã hội ổn định, đất nước phát triển, nhà lãnh đạo phải biết kết hợp luật pháp với đạo đức trong việc quản trị quốc gia. Bỏ qua yếu tố đạo đức, việc quản lý quốc gia, phát triển đất nước lâu dài và bền vững rất khó thành công. Nội dung của đạo đức ở đây chính là Năm nguyên tắc đạo đức của đạo Phật: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không gian dối, không rượu chè, ma túy. Ngoài ra, cũng cần giúp cho dân chúng tránh các thái độ và hành vi gian manh, xu nịnh, ganh ghét, gây sự, giận dữ, thù hận và nghi ngờ. Một khi các nhà lãnh đạo và dân chúng đã sống đúng với các chuẩn mực đạo đức đó thì chắc chắn xã hội sẽ ổn định, đất nước phát triển vững bền.

6. Giúp dân trở nên hiền lương

Đảm bảo nhu cầu sống và lợi ích của dân chúng là trách nhiệm hàng đầu của các nhà lãnh đạo. Đi xa hơn, ở đây, kinh đề nghị nhà lãnh đạo, ngoài việc đảm bảo các nhu cầu, lợi ích đó còn phải nỗ lực giúp dân sống hiền lương, đạo đức hơn.

Hiền lương không đơn giản chỉ là hiền lành, tốt bụng mà còn bao hàm ý thức tôn trọng luật pháp, tôn trọng đạo đức và

sống có nhân cách. Thông qua đạo đức, lối sống của người dân, người ta có thể đánh giá được trình độ phát triển của một quốc gia, đồng thời cũng đánh giá được năng lực và đạo đức của nhà quản trị, nhà lãnh đạo quốc gia đó.

Không chỉ có ý thức tôn trọng pháp luật, người dân còn phải ý thức rõ chủ quyền của đất nước. Hiền lương không có nghĩa là nhu nhược, yếu hèn đứng nhìn các quốc gia khác xâm phạm chủ quyền của đất nước. Trong nhiều trường hợp, người dân có thể sẵn sàng chứng minh cho các thế lực bên ngoài thấy rõ vai trò của mình đối với chủ quyền đất nước.

Để làm được điều đó, nhà lãnh đạo phải rõ ràng, công minh đúng với tinh thần luật pháp. Người nào đáng phạt thì phạt, người nào đáng thưởng thì thưởng. Thưởng phạt phải công tâm, khách quan, không vị nể, dù kẻ đó là ruột rà, thân thích của mình.

Trên đây là sáu phẩm chất như là tiêu chuẩn nhân cách lý tưởng của nhà lãnh đạo trong việc quản trị quốc gia. Để đất nước phát triển bền vững, xã hội ổn định, người dân sống trong thái bình, hạnh phúc, các nhà lãnh đạo cần phải hội đủ các phẩm chất ấy.



CHƯƠNG III

VƯỢT QUA NỖ OAN VÀ VỖ CHÀO KHỔ ĐAU

Giảng tại Chùa Xá Lợi, ngày 24-06-2012

Phiên tả: Trần Thị Minh Tâm

Ở hai chương đầu, chúng ta đã tìm hiểu phẩm chất, đức hạnh siêu phàm cùng với sự dấn thân vào con đường tư vấn chính trị cho nhà vua của Hiền Nhân. Sự dấn thân đó mở đầu cho con đường ổn định xã hội, phát triển đất nước, mang tới lợi ích cho dân chúng. Mặc dù, xuất phát từ lợi ích chung của đất nước, dân chúng, nhưng không phải lúc nào sự dấn thân của Hiền Nhân cũng được mọi người đón nhận một cách nồng nhiệt. Đối với những người có lý tưởng, có mối quan tâm tới lợi ích chung của dân của nước, Hiền Nhân trở thành mẫu người lý tưởng trong mắt của họ. Nhưng đối với những kẻ chỉ muốn lợi dụng quyền lực để trục lợi cá nhân thì sự dấn thân của Hiền Nhân lại là cây gai trong mắt của họ và cố nhiên họ phải tìm đủ mọi cách để nhổ bỏ nó. Điều đó đồng nghĩa với việc đẩy Hiền Nhân vào chỗ khó khăn, bế tắc. Tuy nhiên với trí tuệ tuyệt vời của mình, Ngài đã vượt qua nó một cách ngoạn mục, để tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc cố vấn nhà vua quản trị quốc gia, mang lại hạnh phúc cho muôn dân. Sau đây là nội dung cụ thể của chương III.

I. HẮM HẠI NHAU BẰNG VU KHỔNG VÌ KÉM TÀI ĐỨC

1. Vu kế thông dâm

Kinh dạy rằng: “*Bốn quan cận thân của vua đem lòng ganh ghét, đố kỵ, mưu hại Hiền Nhân. Họ hùn rất nhiều vàng bạc mua lòng hoàng hậu và bày cách cho hoàng hậu đặt điều vu khống lên vua rằng, Hiền Nhân có ý thông dâm với bà, mưu sát vua để đoạt ngôi. Tin lời hoàng hậu, không chịu kiểm chứng, cộng với sợ hãi, nên vua đã đuổi Hiền Nhân khỏi triều đình bằng thái độ và cách cư xử khinh miệt.*”

Thông thường, giữa vợ và người dung phần lớn người ta tin vào vợ, giữa vợ và người thân huyết thống, có người tin vợ có người tin huyết thống. Nhưng nhìn chung, người ta dễ

dàng tin tưởng vào những người có nhiều thời gian tiếp xúc, làm việc chung, sống chung vì ít nhiều họ đã biết tính cách của người đó. Tuy nhiên, không phải không có trường hợp không thể đánh giá đúng tính cách của một người nào đó dù chúng ta đã có thời gian tiếp xúc hay làm việc chung với họ. Do đó, theo đạo Phật, khi tiếp nhận một thông tin nào đó, hãy xem nó là một dữ liệu, đừng vội phán đoán rằng thông tin đó là chuẩn hay không chuẩn nếu chưa có kiểm chứng. Thái độ khoa học này sẽ giúp ta tránh được các ngộ nhận, các cạm bẫy mà người khác cố tình giăng ra để hãm hại chúng ta.

Ở đây, kế vu cáo của Hoàng hậu và các quan cận thần rất ác độc. Chỉ riêng việc thông dâm với hoàng hậu cũng có thể khiến cho Hiền Nhân bị xử tội tru di tam tộc, huống hồ Hiền Nhân còn bị ghép thêm tội chiếm đoạt ngôi vua. Rõ ràng, ở đây hoàng hậu và các quan cận thần không chỉ muốn bức tử Hiền Nhân, mà còn muốn bức tử cả thân bằng quyến thuộc của ngài. Động cơ của việc này xuất phát từ tâm đồ kị của các quan cận thần. Họ đại diện cho các thế lực xấu muốn thao túng quyền lực trong triều chính, trong khi đó sự có mặt của Hiền Nhân trong vai trò cố vấn cho nhà vua khiến cho âm mưu thao túng đó không thể thực hiện được. Từ đó họ ganh ghét, thù hận và tìm mọi cách hãm hại Hiền Nhân khi có đủ cơ hội.

Rất may mắn, nhà vua tức là người bị qua mặt lớn nhất trong vụ án vu cáo này là người biết quý trọng người hiền đức, cho nên dù có tin tưởng hoàng hậu và các quan đại thần, ông vẫn không buộc Hiền Nhân vào tội chết, cũng không quy kết trách nhiệm cho người thân của ngài. Nhà vua chỉ thể hiện thái độ không cung kính, tôn trọng đối với Hiền Nhân, và bằng cách đó nhà vua muốn Hiền Nhân sẽ tự rời bỏ triều đình. Cách giải quyết vấn đề của nhà vua xem ra cũng khá trí

thức. Nhờ đó, tránh được tình trạng ồn ào cũng như các tổn thất có thể phát sinh nếu như nhà vua ứng xử với Hiền Nhân bằng cách loại trừ.

2. Bày tỏ thái độ khinh thường

Trước đây, khi Hiền Nhân đến, con chó tỏ ra vui mừng đón nhận ngài, nhà vua và Hoàng hậu thì chấp tay chào mừng Hiền Nhân bằng thái độ hoan hỷ, thâm tình. Nhưng nay phản ứng của họ đã hoàn toàn trái ngược trước đây. Ngay cả con chó thường ngày quý mến, gần gũi Hiền Nhân, nay cũng tỏ ra khó chịu, gầm gừ như muốn xua đuổi ngài. Thấy những dấu hiệu này, Hiền Nhân quyết định rời khỏi triều đình không nuôi tiếc.

3. Giã từ không tiếc nuôi

Kinh ghi rằng: *“Hiền Nhân suy nghĩ, mình chưa từng muốn hại ai mà nay người ta lại hại mình. Như vậy tốt nhất trong tình huống này lánh mặt vào núi tu hành là hơn. Người oán mình tất sau sẽ sinh thù lớn, ta không nên khinh thường trò cạm bẫy vu cáo này”*.

Sau khi phát hiện vua và hoàng hậu không còn tôn trọng mình như trước đây nữa, Hiền Nhân thấy rất rõ cần phải rời khỏi chính trường càng sớm càng tốt. Không nên do dự, chần chờ, vì do dự chần chờ trong trường hợp này có thể sẽ dẫn tới nhiều hậu quả nghiêm trọng về sau. Làm thầy của vua, Hiền Nhân có thể trực tiếp giúp ích cho quốc gia, nhưng khi vua không đón nhận sự đóng góp đó nữa thì Hiền Nhân vẫn có thể đóng góp cho xã hội, đặc biệt là các cộng đồng tôn giáo.

Hoàn cảnh của Hiền Nhân cũng gần giống như Khổng Tử vậy. Muốn ra làm quan, hiến kế sách để phát triển kinh tế, bình ổn xã hội thì chẳng có vua chúa hay nhà lãnh đạo nào tin

dùng. Bất đắc chí ông trở về quê mở lớp dạy học trò. Nhờ đó, về sau, tư tưởng đạo đức, chính trị và xã hội của ông được phổ biến sâu rộng khắp Trung Hoa suốt mấy ngàn năm. Khi không được tin dùng nữa, Hiền Nhân cũng từ bỏ triều đình làm bậc đạo sư hướng dẫn tâm linh cho tất cả thành phần xã hội hữu duyên với ngài. Tuy nhiên, sự từ bỏ của Hiền Nhân không xuất phát từ việc bất đắc chí với triều đình, với các nhà lãnh đạo mà là kết quả tự nhiên của một lối tùy duyên của một người có trí tuệ, có hiểu biết trong Phật giáo. Khi các nhà lãnh đạo còn tin tưởng, tôn trọng và có nhu cầu lắng nghe, học hỏi thì Hiền Nhân sẵn sàng ở lại để chia sẻ, giúp đỡ. Nhưng một khi các nhà lãnh đạo đã tỏ thái độ và hành vi bất kính, không có tâm cầu học nữa thì Hiền Nhân vui vẻ ra đi.

Lựa chọn con đường từ bỏ hoàng cung của Hiền Nhân là cách lựa chọn hết sức đúng đắn, thể hiện lòng từ bi và trí tuệ tuyệt vời của Ngài. Thứ nhất, con đường đó giúp cho Hiền Nhân thoát ra khỏi kỳ án hàm oan một cách an toàn mà không cần phải chứng minh mình vô tội. Bởi vì, chứng minh ngài vô tội đồng nghĩa với việc vạch trần âm mưu của Hoàng hậu và các quan đại thần. Điều này, sẽ đặt nhà vua vào một tình thế hết sức khó xử. Thứ hai, đó là một sự tránh duyên cần thiết, có thể dập tắt mọi thù nghịch từ phía Hoàng hậu và các quan đại thần. Bởi vì, kẻ xấu không bao giờ từ bỏ hành vi xấu, nếu vạch trần âm mưu của họ trước mặt nhà vua, có thể họ sẽ tiếp tục có những âm mưu khác sâu độc hơn để hãm hại Hiền Nhân. Thứ ba, từ bỏ hoàng cung, Hiền Nhân có thể trở thành người hướng dẫn tâm linh độc lập cho mọi thành phần đến với mình mà không sợ bất kỳ một sức ép nào về phương diện chính trị hay một liên minh nào về phương diện phe phái. Trong tình huống đó, tư cách độc lập có thể giúp cho ngài thực hiện được các Phật sự tốt và hiệu quả hơn.

II. THỊNH SUY NHƯ QUY LUẬT

Đó là nhận thức đầy trí tuệ của một bậc hiền trí. Thông thường, khi nhận diện được mình là nạn nhân của sự vu oan, người ta có khuynh hướng trả thù hay ăn thua đủ với đối tượng dựng nên tình huống đó. Đó là hành vi và thái độ của người thể tục, chưa có điều kiện tu học. Trong khi đó, đạo Phật chỉ chúng ta phương cách tháo gỡ các oan trái bằng con đường hòa bình và lối sống cao thượng. Dĩ nhiên, nó có thể lâu dài nhưng kết quả đạt được vô cùng bền bỉ.

1. Quy luật thịnh suy

Hiền Nhân nói như sau: *“Quy luật ở đời có thịnh ắt có suy, có hợp có lìa, vô thường đổi thay, lành dữ họa phúc tự mình chuốc lấy”*.

Nhờ nhận thức như vậy, Hiền Nhân không phải quá ngỡ ngàng hay khủng hoảng vì bị người ta hãm hại bằng vu cáo. Thịnh và suy được xem là một quy luật, do đó làm Quốc sư, được triều đình kính trọng hay là một vị tu sĩ bình thường bị người ta cố tình xua đuổi đối với Hiền Nhân đó là chuyện bình thường. Có biết bao nhiêu người đã, đang và sẽ trải qua thịnh suy trong cuộc đời mình. Các triều đại cũng vậy, lúc thịnh lúc suy, lúc lên lúc xuống. Từ chế độ quân chủ phong kiến đến tư bản chủ nghĩa, xã hội chủ nghĩa, tất cả không tránh khỏi tình trạng đó. Dù sau này, xã hội có trải qua thêm bất kỳ một chế độ nào nữa thì việc lên và xuống như một đường sin, hoặc như một cơn sóng trên biển nước cũng diễn ra. Đó là quy luật. Thấy được tính tất yếu của thịnh suy, ta không thắc mắc, không ngạc nhiên, không khổ đau hay kháng cự, mà chỉ cần tìm cách thoát ra khỏi nó một cách an toàn. Đó là lối ứng xử khôn ngoan mà ta cần phải học hỏi, trao dồi.

Nguyên lý hội tụ dẫn đến ly tán lệ thuộc vào thời gian và các điều kiện. Điều kiện thì có thuận và nghịch. Hội tụ nhiều điều kiện thuận thì sự ly tán sẽ chậm hơn, nhưng phải đối diện quá nhiều với các điều kiện nghịch thì sự ly tán sẽ diễn ra sớm hơn.

Ly tán trong hôn nhân, bắt đầu từ ly thân đến ly dị. Ly tán trong chính trị, trong quan hệ xã hội, tổ chức nhà nước, tổ chức dân sự, tổ chức tôn giáo, giữa cộng đồng này với cộng đồng khác, giữa quốc gia này với quốc gia khác đều đặt trên nguyên lý tranh chấp quyền lợi. Có thể là chia sẻ các quyền lợi không đồng đều, hoặc có một trong hai bên ứng xử một cách bất công và bên còn lại phải chịu đựng quá lâu, quá dài dẫn đến cạn kiệt sức chịu đựng, từ đó dẫn đến đổ vỡ. Hay nói cách khác, bất kỳ một đổ vỡ nào cũng đều bắt nguồn từ những va chạm, va chạm về quyền chính trị, quyền kinh tế, quyền dân sự, quyền xã hội hoặc có thể do hiểu lầm, hoặc có thể do tâm độc đoán không muốn ai chia sẻ những vai trò, uy tín mà mình đang sở hữu v.v...

Câu châm ngôn: “*Lành dữ, họa phúc tự mình chuốc lấy*” rất sâu sắc. Lành dữ tốt xấu đều do chính con người tạo ra. Khi thấy được quy luật này, người sở hữu cái tốt cần phải chăm sóc, dành thời gian bảo vệ và nâng niu nó nhiều hơn. Nhưng nếu chẳng may nó không còn nữa thì cũng không vì thế mà tiếc nuối. Chỉ cần ta nỗ lực hết mình cho các mục đích tốt đẹp của cuộc đời.

Họa phúc không phải do Thượng đế, không phải do các thần linh, không phải do định mệnh, cũng không phải ngẫu nhiên, mà do các hành động thiện ác, động cơ thiện ác và lối sống tích cực hay tiêu cực của con người tạo ra. Con người chính là chủ nhân tạo ra tốt xấu, họa phúc cho chính cuộc đời của mình. Một khi mình đã nhận thức được như thế thì việc

bị người khác không tôn trọng, xua đuổi, thậm chí dùng hình thức vu oan hết sức kinh tởm, mình cũng không vì thế mà đau khổ, hận thù.

2. Tiêu chí kết bạn

Ở đây Hiền Nhân xem các quan đại thần là bạn của Ngài. Dù cho hiện tại họ có xấu xa thế nào đi nữa thì thái độ của Ngài đối với họ cũng không thay đổi. Đó là thái độ, lối sống của một người có trí tuệ. Tuy nhiên, để tránh tình trạng giao lưu, kết bạn với những thành phần xấu, Hiền Nhân đưa ra một số tiêu chí cụ thể nhằm thiết lập hoặc giữ gìn một tình bạn tốt đẹp.

Trước hết, Ngài Hiền Nhân nhắn nhủ với vua rằng: “*Kết bạn mà không bền chắc thì không nên kết thân*”. Đó là lời nhắn nhủ rất chân tình chứ không nhằm mục đích chia rẽ hay xem thường tình bạn. Tình bạn không bền chắc thì dễ sút mẻ, đổ vỡ. Nguyên nhân của sự sút mẻ, đổ vỡ thường là do giữa họ không có tiếng nói chung, không có lý tưởng và mục đích chung. Kết bạn trong tình trạng đó phần lớn không có kết quả tốt đẹp. Do đó, nếu có cơ hội hãy kết bạn với những người có lý tưởng, có đời sống nhân cách tốt. Vì điều đó sẽ giúp cho chúng ta có nhiều cơ hội để huân tập, học hỏi những đức tính tốt nơi người đó.

Ngài dạy tiếp: “*Thân không chừng mực thì sanh khinh lờn. Ví như mức nước giếng, mức sâu thì vướng cạn. Gần người hiền thì thêm trí tuệ, gần kẻ dốt nát thì thêm ngu si*”.

Tính chừng mực ở trong việc thân thiết với bạn bè giúp ta giữ được thái độ quý trọng bạn bè, còn thái độ thân quá thì dễ đưa tới những hành vi, hành động, lời ứng xử thiếu chuẩn mực. Giống như việc lấy nước ở giếng, nếu nước giếng có chiều sâu khoảng từ 5m đến 10m, sau khi dạt hết những vật

dơ trên mặt nước, ta chỉ cần thả cái xô hay cái gào xuống mực nước chừng một mét nước là đủ. Còn mức xuống tận đáy giếng thì cạn và bả dơ sẽ cuốn theo, nước vì thế sẽ không có giá trị sử dụng cho nấu nướng, ăn uống, nếu có cũng không bảo đảm được sức khỏe và an toàn vệ sinh thực phẩm.

Lời dạy, “*Gần người hiền thì tăng trưởng thêm trí tuệ, gần kẻ dốt nát thì thêm ngu si*” là một hệ quả tất yếu của cuộc sống. Giao tiếp với người tốt ta sẽ trở thành bậc hiền trí, vì ta có cơ hội học tập các đức tính tốt từ họ; còn giao tiếp với người dốt nát ta sẽ trở thành kẻ ngu si, vì ta bị ảnh hưởng từ sự ngu si của họ. Ngạn ngữ phương Tây có câu: “*Cho tôi biết mỗi ngày bạn chơi với ai, tôi sẽ có thể khẳng định rằng bạn là loại người nào*”. Nội dung đó cũng tương tự như lời dạy của Hiền Nhân, nhưng có phần kém sâu sắc hơn.

Tiếp tục lời dạy, Hiền Nhân bảo với vua: “*Thấy nhau thường xuyên thì hay khinh lờn, xa nhau quá thì trở thành thờ ơ*”.

Đó là hai thái độ cực đoan thường thấy trong cuộc sống. Chơi với bạn mà ngày nào, giờ nào cũng qua, cũng gặp thì không còn thời gian để làm những việc lớn. Còn 5 năm hay 7 năm mà không hề gặp nhau, cũng không hề hỏi thăm xem bạn mình có gặp việc gì trở ngại không thì tình bạn đó cũng cần phải xem xét lại. Do đó, tốt nhất trong tình bạn là nên giữ gìn mối quan hệ chừng mực, thích hợp. Thỉnh thoảng gặp nhau, hỏi thăm, chia sẻ, tâm sự với nhau về các vấn đề trong cuộc sống, để có cơ hội hỗ trợ, giúp đỡ nhau cùng vượt qua các khó khăn nếu có, hoặc chúc mừng nhau khi thuận lợi, thành công.

Hiền Nhân dạy tiếp: “*Giao tiếp qua lại với người thì nên có chừng mực. Thân nhau có cung kính thì thân càng lâu mới có hậu*”. Nội dung của lời dạy này rất sâu sắc. Qua lại có chừng mực nghĩa là qua lại, kết giao nhưng không vượt

quá các chuẩn mực thông thường. Mỗi người có vai trò riêng trong mối quan hệ với người khác. Và mỗi vai trò đều có chuẩn mực riêng của nó trong giao tiếp, kết giao. Tôn trọng, giữ gìn chuẩn mực đó thì người khác sẽ trân trọng mình. Một khi đã tương kính, trân trọng nhau thì chắc chắn tình bạn sẽ lâu dài. Còn chơi với bạn nhưng khinh thường bạn, nói xấu bạn, phê phán bạn thì sẽ không thể nào giữ gìn tình bạn đó bền vững được.

Đối với kẻ bất lương, Ngài dạy như sau: *“Giao thiệp với kẻ bất lương, họ ăn ở không thật thà, lời ngon tiếng ngọt chẳng qua là để lợi dụng lẫn nhau, dù cho có kết hợp cũng không nên tin”*.

Dân gian Việt Nam có câu tương tự: *“Thấy sang bắt quàng làm họ”*. Điều đó cho thấy mối liên hệ giữa những người trong cuộc không có sự gắn kết chân thật. Họ đến với nhau chỉ vì mục đích lợi dụng nhau chứ không phải vì tình thân. Động cơ kết bạn đã không trong sáng thì tình bạn không hy vọng gì lâu bền, keo sơn được.

Qua việc nêu ra các tiêu chí về một người bạn, Hiền Nhân đã tự đặt cho mình một câu giải đáp, vì bốn quan cận thần không phải là bạn hiền của mình và họ cũng chưa từng xem mình là bạn hiền, do đó họ hãm hại mình là chuyện tất yếu. Ánh sáng và bóng đêm không thể song hành với nhau, tốt và xấu khó có thể tồn tại hay thương nhượng với nhau được. Cho nên, tốt nhất phải tìm cách ứng xử khôn ngoan để bảo toàn tánh mạng và để mình có cơ hội đóng góp cho cuộc đời về sau.

2. Không bám víu vào cái đang mất

Đoạn kinh mô tả như sau: *“Khi nhà vua và hoàng hậu lấy lễ để tiếp đãi tôi, tôi cung kính đáp lại với trách nhiệm của người được cung kính. Nay vua và hoàng hậu khinh*

khi, không còn tôn trọng nữa thì tôi phải tìm cách tránh xa. Thương yêu nhau rồi lại sinh ra giận ghét nhau. Khi thương thì muốn nhờ cậy, lúc ghét thì chẳng muốn gần. Làm người nên lấy sự cung kính nhau để làm thân thiện, lấy sự răn dạy lẫn nhau để tránh xa điều ác, mà nay có người lại chẳng phân biệt được cái nào là ác, cái nào là thiện, ấy chẳng phải là đạo an thân”.

Đó là một lời nói vượt lên trên chức năng an ủi, vỗ về thông thường. Phần lớn chúng ta có thói quen vỗ về theo hướng tiêu cực để giải phóng nỗi khổ niềm đau mà mình đang đối diện. Ta cho rằng, trong quá khứ ta từng hãm hại, vu cáo làm cho nhiều người khổ đau, nay ta phải hoan hỷ chấp nhận sự vu cáo này. Khuynh hướng tự an ủi như thế không giải quyết được vấn đề một cách triệt để và đúng đắn.

Hiền Nhân, trước được tôn làm Quốc sư, được vua, hoàng hậu và các quan trong triều tôn kính. Từ chính trị, giáo dục, văn hóa, xã hội cho tới đạo đức và tâm linh, không có chuyện gì nhà vua không tham vấn ý kiến của Hiền Nhân. Nhưng nay tình hình đã thay đổi. Vua, hoàng hậu và các quan không ai còn tôn trọng Hiền Nhân nữa. Do đó, cho dù có miễn cưỡng, đeo bám, tiếc nuôi vào những cái không thuộc về mình nữa thì cũng chẳng làm được gì. Thậm chí còn có thể tạo ra nhiều rắc rối cho bản thân.

Đeo bám, tiếc nuôi quá khứ là thái độ sống không thực tế, nó làm cuộc sống của chúng ta rất nặng nề. Người tiếc nuôi quá khứ luôn nghĩ rằng, trước đây họ là con số 0, họ tạo dựng nên mọi thứ như bây giờ. Do đó, họ không đại gì từ bỏ nó. Họ tìm cách níu kéo, giành giật lại những gì trước đây thuộc về mình. Sự đeo bám, níu kéo, giành giật đó khiến cuộc sống của họ trở nên bất ổn. Trong khi đó, thái độ sống buông xả quá khứ giúp cho cuộc sống của họ nhẹ nhàng, thoải mái và hạnh phúc.

Ở đời, khi thương mến, kính trọng ai thì người ta có khuynh hướng gọi dạ bảo vâng. Khi không còn thương mến, kính trọng nữa thì người ta không ngại tỏ thái độ khinh thường ra mặt. Theo đạo Phật, đó là biểu hiện của tâm lý tham và sân, vốn là nguyên nhân dẫn đến nhận thức sai lầm, không sáng suốt. Ở đây, cách ứng xử của nhà vua chính là kết quả của các tâm lý tham sân đó. Cách ứng xử đó, mặc dù giúp nhà vua bảo vệ được vai trò quản trị quốc gia và hạnh phúc của mình, nhưng lại gây ảnh hưởng xấu tới lợi ích của dân chúng, điều mà nhà vua chưa nhận ra được, ít nhất trong thời điểm đó. Riêng Hiền Nhân, khi nhận ra thái độ của vua và hoàng hậu, ngài quyết định từ bỏ triều đình, từ bỏ vai trò cố vấn quốc gia, vào trong nhân gian thực hiện vai trò hướng dẫn tâm linh của mình.

Từ bỏ, rút lui khỏi triều đình nhưng Hiền Nhân vẫn không quên nhắc nhở với vua và hoàng hậu rằng: *“Người không có lỗi với mình thì mình không nên bày chuyện vu oan cho họ”*. Đó là câu nói gián tiếp chỉ ra rằng Ngài không phải là người thông dâm với hoàng hậu, cũng như hoàn toàn không có ý đồ cướp đoạt ngôi vua. Câu nói ấy thể hiện thái độ ứng xử vừa khéo léo, tế nhị, vừa từ bi, không hận thù của một bậc hiền trí. Đó là thái độ mà chúng ta cần phải học hỏi.

3. Không nên vịn nắm cành mục

Hiền Nhân chia sẻ như sau: *“Con chim lỡ đậu nhánh gãy còn biết đi tìm nhánh vững để đậu. Làm người qua lại phải có tương quan, hà tất phải chấp, giận nhau làm gì. Người không bám cành cây bị mục. Người bị loạn ý, chẳng nên gần họ”*.

Đó là một hình ảnh ẩn dụ cho thái độ từ bỏ triều đình của Hiền Nhân. Loài chim không có được khả năng tổ chức xã hội, phát triển đạo đức, truyền trao giáo dục như con người.

Ý thức của chúng chỉ là những tri giác rất mơ hồ, rất đơn giản mà còn biết tìm kiếm nhánh an toàn để đậu. Huống chi con người có tri thức, có trí tuệ, chẳng lẽ không biết chọn lựa môi trường tốt hơn để cống hiến hay sao. Rõ ràng, khi so sánh con người với một con chim, dĩ nhiên, hàm ý của Hiền Nhân là con người phải thông minh hơn con chim. Thông minh hơn nên con người phải có giải pháp tốt đẹp hơn trong mọi trường hợp. Hơn nữa, con người sống trong một môi trường xã hội, có một hệ thống các pháp độ, pháp quyền, các chuẩn mực văn hóa, có các mặc định xã hội để soi chiếu, phản tỉnh, do đó, so với các loài chim chóc, con người có nhiều cơ hội để hiểu biết và chọn lựa giải pháp đúng đắn hơn.

Ở đây, câu nói: “*Hà tất phải chấp, giận nhau làm gì*” chính là giải pháp đúng đắn của Hiền Nhân trong trường hợp này. Không chấp tức là không nắm giữ, bám víu vào những gì ta từng có trong cuộc đời. Trước đó, Hiền Nhân là Quốc sư, là cố vấn tinh thần cho nhà vua và triều đình, được mọi người hết lòng kính trọng. Sau khi bị vu oan, Hiền Nhân bị mọi người khinh khi, coi thường. Trong tình cảnh đó, Hiền Nhân quyết định buông xả mọi thứ để ra đi. Nếu nắm giữ, bám víu vào quá khứ thì Hiền Nhân đã không mạnh dạn từ bỏ mọi thứ dễ dàng như thế. Do đó dám từ bỏ, không bám víu vào quá khứ là một hành động đáng trân trọng, vì nó rất khó thực hiện.

Trong cuộc sống, ta thường thấy, có nhiều người làm việc trong một môi trường tiêu cực. Ở đó, hàng ngày người ta phải chứng kiến và buộc phải tham gia vào các hoạt động tiêu cực theo số đông mà bản thân họ rất khó cưỡng lại được, chẳng hạn như hối lộ, móc ngoặc, lừa đảo người khác. Nếu không tham gia vào các hoạt động đó. Nhưng ngược lại, nếu nhắm mắt thực hiện các hành vi sai trái thì lương tâm họ lại

bị cắn rứt. Trong những trường hợp như thế, việc từ bỏ môi trường xấu đó được khuyến khích, mặc dù việc từ bỏ đó không phải dễ dàng.

Ở đây, Hiền Nhân xác định rất rõ ràng, đóng góp cho nhà vua, cho quốc gia trong tình huống này chẳng khác nào gặp nguy hiểm mà bám vào cành cây mục. Điều đó không những không giúp cho ngài vượt qua các khó khăn, nguy hiểm mà còn có thể dễ dàng đưa tới cái chết. Nhận thức được điều đó, Hiền Nhân quyết định từ bỏ triều đình, tìm môi trường cống hiến mới. Bởi vì, đối với những người mê mờ, thiếu chánh trực, không thông minh, không biết lấy trí tuệ làm chiếc chìa khóa cho các hành động thì việc nhiệt tình với họ có thể mang họa vào thân.

Hiền Nhân cảnh báo: *“Người muốn gieo xấu, thấy nhau không vui. Ta xướng một mình, người không phụ họa, đó là tình bạc”*.

Người xướng kẻ tùy, người hô kẻ ủng, người chủ trương những người khác hợp tác thì các Phật sự và các sự nghiệp mới có thể thành tựu viên mãn. Ví như một con én không làm nên mùa xuân, một cây lúa không thể tạo ra một cánh đồng, một H₂O không thể tạo ra biển, một hạt cát không thể tạo ra sa mạc, một viên đá không thể tạo ra núi, một người không thể làm được việc lớn ở phạm vi thế giới, quốc gia hay cộng đồng. Muốn làm việc lớn có hiệu quả cần phải hội đủ các điều kiện thuận lợi. Trong *kinh Pháp Bảo Đàn*, Ngài Lục Tổ Huệ Năng phải ở ẩn trong rừng suốt hơn mười một năm trước khi làm Tổ thứ sáu của Thiền tông Trung Quốc. Do đó, nếu hội đủ điều kiện cần thiết thì tiếp tục cống hiến cho quốc gia, cho bá tánh, còn nếu thiếu các yếu tố trợ duyên, không phù hợp thì hoan hỷ chấp nhận từ bỏ. Đó là bài học mà chúng ta có thể học ở Hiền Nhân.

III. KHÔNG TIẾC NUÔI VÀO NHỮNG GÌ KHÔNG THUỘC VỀ MÌNH

1. Phản vấn bao giờ mới đi

Đó là một cách thức mà Ngài Hiền Nhân sử dụng, giúp cho Ngài nhanh chóng quyết định và quyết định khôn ngoan. Ngài nói rõ như sau: *“Muốn đem việc lành giúp đỡ cho nhau, dù chậm vẫn đi. Ai nhắc nhở nhau bằng lời trung nghĩa là người có hậu”*.

Trong tình huống đầu là ứng xử tệ bạc, người ta tốt với mình mà mình quay lưng là không có thiện chí. Trong tình huống thứ hai là đem lời chân thật ứng xử với nhau, nhắc nhở nhau, khuyên nhau thì đó là cách thức tạo ra cái hậu trong tình thân. Ở đây Ngài không ứng xử theo tình huống một bởi vì qua thái độ của vua, hoàng hậu và con chó, Hiền Nhân biết rằng Ngài đã không còn được họ tin tưởng, tôn kính nữa.

Hiền Nhân đã nói với nhà vua một cách khéo léo: *“Cũng có hạng người không gần người hiền, chẳng lánh kẻ ác, trước kính sau khinh, không phân biệt được kẻ ngu người trí. Trong hoàn cảnh đó, nếu ta không đi đợi đến bao giờ!”*.

Một khi thái độ ứng xử của người khác đối với mình đã trở nên tồi tệ, không thể nào thay đổi tốt hơn được thì mình phải chấp nhận từ bỏ mối quan hệ đó. Tiếc nuôi trong tình huống này không mang tới lợi ích gì cho bản thân và người khác. Bởi vì, tiếc nuôi là một năng lực tiêu cực đốt cháy những quyết định và lối sống tích cực ở hiện tại. Do đó, mạnh dạn thay đổi tình huống, mối quan hệ trong trường hợp này là một lối thoát tốt nhất mà Hiền Nhân đã làm.

2. Đừng để quyết định trở nên muộn màng

Hiền Nhân chia sẻ với nhà vua: *“Lúc đầu, hoàng hậu*

cung kính đánh lễ, nay chỉ vòng tay, nếu ta không đi, đợi đến mắng đuổi rồi mới đi sao?”

Lời nói này, bằng cách gián tiếp, Hiền Nhân cho vua thấy rằng Ngài không phải là đối tượng của vụ án thông dâm. Bởi vì, nếu Ngài là người thông dâm thì khi Ngài quyết định từ bỏ triều đình, Hoàng hậu phải tỏ ra quyến luyến và phải tìm mọi cách để bảo vệ, giữ chân Ngài lại, chứ đâu thể để cho Ngài ra đi một cách dễ dàng như vậy.

Năm 13 tuổi, Võ Tắc Thiên bị giam trong một ngôi chùa. Tại đây, bà quen với một chú tiểu đi tu trong tình huống bất đắc dĩ tên là Tiểu Bảo. Về sau, khi Võ Tắc Thiên lên ngôi Hoàng đế, bà buộc Tiểu Bảo phải rời khỏi chùa, vào cung hầu hạ bà. Lúc đó, trong triều có rất nhiều người can ngăn, nhưng Võ Tắc Thiên một mực không nghe. Kết quả là Tiểu Bảo được tiến cung, trở thành người thân cận và có địa vị quan trọng trong triều. Thực tế này cho thấy, khi người phụ nữ đã đem lòng thương yêu một người nào đó thì họ sẽ hết lòng bảo vệ, che chở người đó.

Ở đây, khi Hiền Nhân từ bỏ triều đình, Hoàng hậu không hề tỏ thái độ lưu luyến, điều đó cho thấy hoàng hậu không có tình cảm sâu nặng với Hiền Nhân. Hiền Nhân không chọn cách làm thỉnh. Vì làm thỉnh có thể khiến người khác hiểu lầm ngài chính là thủ phạm trong trường hợp này. Tuy nhiên, Hiền Nhân cũng không chọn cách minh oan trực tiếp. Vì minh oan trực tiếp sẽ tạo ra hận thù, trái với tâm từ bi của một bậc hiền trí.

Ngài chia sẻ tiếp như sau: *“Ban đầu giường vàng, nay còn giường tre, ban đầu tiếp nhau đưa ngà chén ngọc, nay còn đưa tre chén sành, ban đầu cơm ngon canh ngọt, nay còn cơm hẩm gạo tẩm. Nay không quyết tâm, đợi đến cơm đồ mới đi hay sao?”*

Đây cũng là một cách nói có hai mục đích truyền thông. Mục đích truyền thông thứ nhất là hoàng hậu với Hiền Nhân không có tình ý gì. Do đó nhà vua hãy an tâm và đừng nghe theo lời sàm tấu của các quan cận thần. Dĩ nhiên, nhà vua hiểu được thông điệp đó. Chính vì vậy, nhà vua mới không giết Hiền Nhân. Nhưng dù sao, phòng hờ trong trường hợp nào cũng tốt hơn. Vì vậy nhà vua để cho Hiền Nhân ra đi. Thông điệp thứ hai là ngài đã quyết định từ bỏ triều đình một cách dứt khoát. Nhà vua không cần phải lo sợ bị Ngài chiếm đoạt địa vị và hạnh phúc như sự sàm tấu của các quan cận thần.

3. Khi tình nghĩa đã phai nhạt

Hiền Nhân chia sẻ với vua: *“Bạn trí gặp nhau, như chủ đãi khách, đêm đầu quý trọng bạn như vàng, đêm thứ hai làm lơ, xem bạn như bạc, đêm thứ ba nhạt nhẽo, lạnh ngắt như đồng. Chứng cứ rõ ràng, nếu ta không đi, đợi đến bao giờ”*.

Ở đây ta thấy diễn tiến của thái độ ứng xử của triều đình nói chung và hoàng hậu nói riêng có khuynh hướng nhạt dần. Ban đầu là vàng, giai đoạn kế tiếp là bạc, và cuối cùng là đồng. Đó là thông điệp của sự thay đổi thái độ ứng xử trong cuộc sống.

Không chỉ riêng trong lĩnh vực chính trị ở triều đình, thái độ ứng xử phai nhạt dần cũng có thể xảy ra trong các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Trong tình yêu hôn nhân và gia đình, nếu không khéo giữ gìn, chăm sóc, rất có thể người ta sẽ đối diện với tình trạng đổ vỡ. Nhiều cặp vợ chồng cưới nhau chẳng bao lâu đã quyết định ly dị. Nhiều người cho rằng đó là điều bình thường. Khi yêu nhau người ta tiến tới hôn nhân, cam kết với nhau xây dựng và bảo vệ hạnh phúc gia đình. Khi cam kết đó bị vi phạm, hạnh phúc gia đình rạn nứt, người ta buộc phải tách rời nhau. Nếu nhìn nhận

vấn đề một cách sâu sắc, đó không hẳn là điều bình thường. Thực tế, không có sự hòa hợp tính cách tuyệt đối giữa hai vợ chồng bất kỳ nào đó. Chỉ có sự hiểu biết, cảm thông giữa vợ và chồng, tức là sự khéo léo trong việc bảo vệ, giữ gìn hạnh phúc của hai người mới giúp họ gắn kết với nhau trọn đời.

Ở đây ta thấy rằng những kẻ thủ ác vẫn còn chưa mất hết lương tâm, nếu không có thể họ đã sát hại Hiền Nhân. Trên thực tế, triều đình phong kiến hay bất kỳ một thể chế chính trị nào, muốn ám sát một người nào đó mà họ cho rằng nguy hại đến lợi ích của họ là điều khá dễ dàng. Đã từng có nhiều vụ ám sát trong lịch sử đã diễn ra, hoặc bằng tình huống dàn dựng tai nạn giao thông, có thể là do ngựa điên, bò điên, voi điên hút chết, cũng có thể là do xe cộ tông chết, hoặc do bắt cóc, thủ tiêu... Ở đây, họ chỉ chọn giải pháp đẩy ảnh hưởng của Hiền Nhân ra khỏi triều đình, để nhà vua lệ thuộc vào họ, chứ không thủ tiêu, giết hại Hiền Nhân. Nhờ vậy mà Hiền Nhân mới có cơ hội quyết định từ bỏ triều đình, trở về với đời sống của một tu sĩ bình thường. Ở đây, ta thấy mô típ “*nếu ta không đi, đợi đến bao giờ?*” là một phản vấn thôi thúc, nối tiếp nhau thể hiện quyết tâm từ bỏ triều đình của Hiền Nhân. Như đã từng nói, đó là một quyết tâm sáng suốt, giúp cho Hiền Nhân vượt qua tình huống “ngàn cân treo sợi tóc” một cách khá dễ dàng.

4. Bốn điều tự hoại

Nhà vua nghe trình bày lòng vừa hồ thẹn, vừa cảm động, thưa với Hiền Nhân rằng: “*Nước trầm thái bình, nhân dân thịnh vượng là nhờ có Ngài. Nếu Ngài bỏ đi, nước nhà nguy khốn thật là bất hạnh*”.

Nhà vua mà hạ mình nài nỉ như thế là điều hiếm có. Phần lớn những người cầm cân nảy mực của quốc gia hay có thái

độc tài. Họ thích dùng người tài kém hơn mình để dễ sai, dễ bảo. Họ không trọng dụng người tài, vì sợ người tài chia sẻ quyền lợi của họ. Tuy nhiên, trong thế giới dân chủ ngày nay, người quản trị quốc gia mà có tinh thần hẹp hòi như thế thì không thể nào đưa đất nước đi lên được. Là nhà quản trị quốc gia, các nhà lãnh đạo phải mạnh dạn sử dụng người tài. Các Bộ trưởng, các quan chức cao cấp, các đại biểu Quốc hội phải là những người đại diện cho giới trí thức, họ có năng lực chuyên môn, có lòng với quê hương, có trách nhiệm với bản thân và đất nước, do đó nhà lãnh đạo phải có thái độ lắng nghe, tiếp thu ý kiến của họ để việc quản trị quốc gia của mình ngày càng tốt hơn. Độc tài, bảo thủ không phải là thái độ của một nhà lãnh đạo có năng lực và hiểu biết.

Nhân dịp đó Hiền Nhân chia sẻ với nhà vua như sau: *“Thưa Đại vương! Trong thiên hạ có bốn loại tự hoại như sau: Một là cây có nhiều hoa trái nặng sẽ gãy nhánh. Hai là rắn tự ngậm nọc độc, nọc độc hại nó. Ba là làm tội mà không hiền đức sẽ hại nước nhà. Bốn là người ác vì phạm luật pháp, làm việc bất thiện... chết sa địa ngục”*.

Thứ nhất, cây có nhiều hoa trái sẽ dễ bị gãy nhánh. Đó là điều dễ dàng nhận thấy trong cuộc sống. Cây lành chim đậu, nhưng chim đậu nhiều quá thì dễ hư cành. Hoa thơm nhiều mật thì nhiều ong bướm lại qua, hương sắc sớm phai tàn.

Trong một trận đấu có tối thiểu ba phe trở lên, người mạnh nhất, giỏi nhất sẽ bị loại trừ trước nhất. Bởi vì, nếu không loại trừ người đó trước thì những người còn lại sẽ không có cơ hội chiến thắng. Trong cuộc sống, người cực tài thường khó thành công. Đơn giản là vì rất ít người muốn nâng đỡ, đưa người tài giỏi lên vị trí cao. Vì phần lớn người ta e ngại sự ảnh hưởng của người tài giỏi. Trong khi đó,

người có khả năng ở mức độ trung bình lại dễ dàng thành công. Vì khi nâng đỡ người có khả năng trung bình, người ta không phải lo sợ người đó tạo ra môi trường ảnh hưởng sâu rộng hơn mình.

Tuy vậy, nếu thực sự là người tài giỏi chúng ta không sợ không có môi trường để mình thành công. Vấn đề là chúng ta phải biết đề khi gặp phải khó khăn, thử thách ta không nản chí, bỏ cuộc nửa chừng mà luôn luôn nỗ lực nhiều hơn cho những thành công ấy. Người thực sự có tài thì cũng không sợ bị thất nghiệp, chỉ sợ mình không có đủ thời gian và sức khỏe để làm việc mà thôi. Hiền Nhân cũng vậy, vì không sợ không có môi trường cống hiến, nên Ngài dễ dàng từ bỏ triều đình, tìm kiếm môi trường khác để cống hiến cho cuộc đời.

Thứ hai, con rắn tự ngâm nọc độc, nọc độc hại nó. Câu nói này rất sâu sắc. Ngài Hiền Nhân không hề oán trách những kẻ đã hại Ngài. Hiền Nhân hiểu rằng, nhân quả là một quy luật. Người nào ngâm máu phun người, thì máu đã dính miệng họ trước. Kẻ cầm đuốc đi ngược gió thì gió sẽ đốt tay kẻ ấy. Không ai có thể tránh được nhân quả. Chính vì vậy, trong trường hợp này, người trí chỉ thấy thương cho họ mà thôi.

Thứ ba, làm tội mà không hiền đức sẽ gây nguy hại cho nước nhà. Đó là sự thực mà chúng ta có thể nhận thức được từ cuộc sống. Nếu mỗi người quan chức nhà nước ở mỗi chính thể đều dán câu đó trước bàn làm việc và nơi sinh sống của mình thì có thể sẽ tránh được rất nhiều tổn thất cho xã hội. Chẳng hạn, chỉ cần một ý tưởng liên quan tới việc rút của công, bòn của tư, rút ruột công trình, ký kết hưởng lợi phần trăm từ các công trình, dự án phát sinh trong tâm, ngay lập tức, mình cảm thấy ray rứt, xấu hổ. Sự xấu hổ, ray rứt đó giúp mình không biến những ý tưởng đó thành hiện thực. Và

như thế là mình đang trực tiếp góp phần xây dựng một xã hội bình đẳng, ổn định và phát triển.

Hiện nay, có rất nhiều nước đang phát triển xem tham gia chính trị là con đường ngắn nhất để tiến thân, làm giàu. Để tìm kiếm các lợi ích người ta không từ bất kỳ thủ đoạn nào, kể cả hạ bệ, tấn công, chà đạp, loại trừ kẻ khác.

Sự kiện Bạc Hy Lai là một câu chuyện đau nhói của Trung Quốc trong thời cải cách. Trùng Khánh đi lên và trở thành một thành phố mạnh ngang tầm với Thượng Hải, cũng là nhờ vào bàn tay và khối óc của Bạc Hy Lai. Bên cạnh Bạc Hy Lai là Vương Lập Quân, người trợ thủ đắc lực của ông. Nhờ vào quyền lực và uy tín của mình, họ đã thanh toán, xóa sổ nhiều vụ tham nhũng lớn ở Trung Quốc. Lúc đó, người ta ra sức cổ xúy, tung hô họ không ngớt. Tuy nhiên, sau này, người ta mới biết rằng, hành động của họ thực chất chỉ hướng tới lợi ích cá nhân mà không phải hướng tới lợi ích chung của đất nước. Bởi vì, trong khi thanh trừng các cá nhân, tổ chức tham nhũng thì đồng thời Bạc Hy Lai cũng loại trừ, bằng cách này hoặc cách khác, được nhiều đối thủ chính trị hoặc những người mà ông thấy có nguy cơ gây bất lợi cho ông, kể cả Vương Lập Quân. Cuối cùng thì Bạc Hy Lai cũng mất hoàn toàn sự nghiệp chính trị và đang đối diện trước cảnh tù đầy. Tuy nhiên, điều đáng nói ở đây là, đó không chỉ là sự tổn thất riêng của Bạc Hy Lai mà còn là tổn thất của một đất nước về nhiều phương diện.

Thứ tư, người có hành vi ác, vi phạm pháp luật sẽ bị đọa địa ngục. Địa ngục được hiểu là các hình thức tù đầy, các khung hình phạt theo luật, theo hiến pháp.

Pháp luật đúng đắn là công cụ góp phần tạo ra công bằng xã hội. Do đó, pháp luật không phân biệt, không vị nể bất kỳ

ai, mặc dù trong nhiều trường hợp, pháp luật cũng có thể có một vài ưu tiên cho một số đối tượng đặc biệt, nhất là pháp luật trong thời kỳ phong kiến. Tuy nhiên, về cơ bản thì pháp luật giúp xây dựng một xã hội công bằng. Ai vi phạm pháp luật thì phải gánh chịu hậu quả cho hành vi đó, kể cả các nhà lãnh đạo, các quan chức chính quyền.

Cũng có thể hiểu địa ngục là sự bất an, khó chịu, khổ đau. Không phải chỉ vi phạm pháp luật thì ta mới vướng vào địa ngục. Chỉ cần có hành vi xấu, mặc dù hành vi ấy không phạm pháp luật, hoặc phạm mà không bị phát hiện, ta vẫn phải chịu quả báo của địa ngục. Đó là sự cắn rứt, sự hối hận dày vò của lương tâm.

Ở đây, đề cập tới vấn đề này, Hiền Nhân gián tiếp cảnh báo với các quan đại thần và Hoàng hậu về các hành vi bất thiện của họ. Đó là một sự cảnh báo khéo léo của một bậc trí.

5. Họa phúc tự mình gieo gặt

Ở đây, Hiền Nhân dẫn kinh Phật để chỉ cho nhà vua thấy rõ điều này: *“Các sự độc ác do tâm sinh ra, trở lại hại tâm, cũng như cây sắt sinh ra chất sét, chất sét ấy trở lại hủy hoại sắt”*. Đó là quá trình tự hại theo phương diện nhân quả. Kẻ làm việc xấu ác cũng có kết cục như thế. Trong tác phẩm *Bài học ngàn vàng*, cố Hòa thượng Thiện Hoa dạy rằng: *“Phàm làm việc gì nên nghĩ đến hậu quả của nó”*. Đó là một câu nói mang tính đánh thức lương tâm của con người bằng hình thức của một lời khuyên nhủ. Ở đây, câu trích dẫn này đánh thức lương tâm con người bằng hình ảnh nhân quả cụ thể hơn: Sắt sinh ra sét, sét tự ăn mòn, tiêu hủy sắt. Hành động xấu, tư duy xấu, lối sống xấu của chúng ta khiến chúng ta chìm đắm trong các nỗi khổ niềm đau. Dù ở đâu, con người cũng không thể trốn tránh được kết quả xấu ác mà hành vi bất

thiện mang lại. Đó là lời dạy của Đức Phật trong *kinh Pháp Cú*: “*Khi nhân xấu đã đến lúc chín mùi thì có ẩn ở động núi, độm thổ dưới mặt đất, lặn sâu dưới biển cả, bay cao trên trời xanh vẫn không thể thoát khỏi cái quả xấu đang trông chờ*”.

Nhìn chung, bằng một ngôn ngữ thông thái, triết học, khéo léo và tế nhị, Hiền Nhân đã cho ta thấy được hành trình vượt qua nỗi hăm oan của ngài. Đó là hành trình xuất phát từ thái độ sống không bám víu, không tiếc nuối những cái đã, đang và sẽ mất. Nhờ đó Ngài Hiền Nhân vẫy tay chào với những nỗi đau mất mát mà lẽ ra một người thông thường, thiếu trí tuệ sẽ phải gánh chịu khi đối diện với tình huống tương tự.

CHƯƠNG IV

TÌNH BẠN VÀ SỐNG CÓ HẬU

Giảng tại Chùa Xá Lợi, ngày 01-07-2012

Phiên tả: Chân Tâm Hạnh



Sau khi gián tiếp tháo mở được nỗi hàm oan, Ngài Hiền Nhân đã quyết định không ở lại triều chính mà chọn con đường tâm linh thẳng bước nhằm giúp cho những người hữu duyên vượt qua được nỗi khổ niềm đau. Nhưng trước khi ra đi, để giúp cho nhà vua có thêm tư lương quản trị quốc gia, Hiền Nhân trình bày với vua một số quan niệm và triết lý sống thực tiễn trong cuộc sống.

Một vài trong số những quan niệm, triết lý sống được đề cập đó liên quan tới tình bạn và lối sống có hậu mà bất kỳ ai trong cuộc đời này cũng cần phải hiểu rõ để có được một thái độ ứng xử phù hợp và một cuộc sống an lành, hạnh phúc. Sau đây là nội dung cụ thể của chương IV này.

I. BỐN LOẠI BẠN

Theo Hiền Nhân, để có được một tình bạn trong sáng và cao thượng, ít nhất ta phải biết rõ về các loại bạn. Nhờ biết rõ các loại bạn, khi giao du, tiếp xúc, ứng xử với bạn, ta sẽ không dễ cho bạn dựa dẫm, lợi dụng mà ngược lại hỗ trợ cho họ có thể phát triển đời sống, thành tựu sự nghiệp và có được hạnh phúc trong cuộc đời. Các loại bạn đó là những loại bạn nào? Ở đây, kinh đưa ra bốn loại bạn như sau.

1. Bạn như hoa

Ngài Hiền Nhân trình bày: *“Khi hoa còn tươi tốt thì giắt trên đầu, đến lúc khô héo thì liền bỏ đi. Bạn này cũng thế, hề thấy giàu sang thì xu phụ theo, đến khi nghèo nàn thì làm lơ như chưa từng biết”*.

Ở đây, trong mối quan hệ này ta thấy rằng, một bên thì sống chân thành, một bên thì lợi dụng theo công thức: *“Thấy người sang bắt quàng làm họ”*. Mục đích của việc này là để tạo cơ hội thăng tiến, làm giàu bằng sự giúp đỡ của người

bạn chân thành. Do đó, quan hệ giữa họ là quan hệ lợi ích từ một phía. Kẻ kết bạn vì mục đích lợi dụng bạn bè chỉ duy trì tình bạn này trong điều kiện người bạn của anh ta còn giá trị lợi dụng. Hết giá trị lợi dụng anh ta sẵn sàng từ bỏ tình bạn này. Tục ngữ có câu: “*Giắt chanh bỏ vỏ*”, đó chính là thái độ và hành vi ứng xử của kẻ lợi dụng tình bạn trong trường hợp này. Thái độ, hành vi đó làm tổn thương đến mối quan hệ tình bạn, điều mà dân gian xưa đã từng lên án, và hiện nay người ta vẫn không thể chấp nhận.

Sống ở đời phải có thủy có chung. Trong mỗi quan hệ tình bạn, thái độ sống đó càng phải được tôn trọng. Theo Phật giáo, tình bạn chân thật, có thủy có chung, có trước có sau, sẽ giúp cho chúng ta thăng hoa trong đời sống ở nhiều phương diện, đặc biệt là phương diện đạo đức, nếu như những người bạn đó có một lối sống chuẩn mực, đạo đức.

Không nên sống lợi dụng, dựa dẫm người khác. Lợi dụng, dựa dẫm người khác, nhất là trong mỗi quan hệ bạn bè, không bao giờ mang tới giá trị bền vững. Do đó, muốn giữ gìn tình bạn lâu dài, cần phải sống chân thật, có thủy có chung, có trước có sau. Giá trị bền vững trong quan hệ bạn bè chỉ thực sự có mặt khi cả hai phía cùng có thái độ và hành vi sống chuẩn mực như thế.

2. Bạn như cân

Ngài Hiền Nhân dạy: “*Trên một cán cân, để vật nặng thì đầu cân gục xuống, để vật nhẹ thì đầu cân vồng lên. Có qua lại thì cùng kính nhau, không có qua lại thì khinh thường nhau*”.

Quan hệ tình bạn này đỡ hơn loại tình bạn như hoa, nhưng vẫn nằm trong quan hệ lợi dụng nhau. Lúc nào cần thì nể trọng, lúc nào không cần thì phớt lờ. Khi nào có chuyện thì đến nhờ cậy, khi chuyện xong rồi thì già vờ như chưa từng

có bất kỳ chuyện gì xảy ra. Ngài Hiền Nhân ví loại bạn này như một cân cân, để vật nặng lên thì gục đầu xuống, vật nhẹ thì vồng đầu lên. Trong khi đó, tình bạn chân thành, bền bỉ là tình bạn được xây dựng trên nền tảng của sự đồng hành. Trong tình bạn đó, cả hai cùng nâng đỡ, cùng cất bước, cùng chia sẻ những ngọt bùi, khó khăn với nhau để vượt qua các trở ngại, trong tình huống khó khăn, và cùng hưởng hạnh phúc, thành công trong tình huống thuận lợi.

Tình bạn quý nhau ở chỗ chân thành, quý mến nhau trong mọi hoàn cảnh. Dù bạn sa cơ thất thế lâm vào nghèo đói, túng quẫn hay thuận lợi hanh thông, trở nên giàu sang phú quý, ta vẫn một lòng quý mến bạn. Đó là tình bạn chân thành, sẽ bền vững theo thời gian. Còn bạn bè mà chỉ chú trọng tới lợi ích, cung kính nhau vì lợi ích thì không không thể nào bền vững được. Người ta có thể làm trong một thời gian nào đó, nhưng chần chẫn người ta sẽ không thể nào làm suốt đời. Chơi với bạn mà chỉ biết lợi dụng bạn thì sớm muộn gì bạn cũng nhận ra.

3. Bạn như núi

Ngài Hiền Nhân dạy: *“Ở hòn núi vàng loài chim tụ về, lông cánh của chúng nhờ đó chói màu vàng rực. Kết bạn cũng thế, khi sang cùng sang, khi vui đồng vui”*.

Ẩn dụ này cho thấy sự cộng hưởng về tình bạn trong tương quan hai chiều: *“Gần mực thì đen gần đèn thì sáng”*. Nếu giao du kết bạn với người xấu thì ta sẽ bị “đen như mực” bởi ta dễ dàng tập nhiễm thói quen, lối ứng xử, cách sống tiêu cực của họ. Nếu giao du kết bạn với người tốt thì nhờ vào nhân cách, đạo đức của họ ta sẽ có nhiều cơ hội để “sáng như đèn”.

Khi thấy rõ sự cộng hưởng, tương tác giữa ta và người, tốt nhất là ta nên cân nhắc trong việc chọn lựa bạn bè để kết

giao. Nếu chưa tìm được người bạn chân thành theo nghĩa thiện hữu tri thức, có thể giúp cho ta có được những tri thức, đạo đức và sự thực tập chuyển hóa khổ đau, sống đời hạnh phúc, thì tốt hơn hết, theo Đức Phật dạy trong *kinh Pháp Cú*: “*Thà đơn độc một mình, không kết bạn với người ngu*”.

Ở đây, không kết bạn với người ngu không có nghĩa là ta ích kỷ, xem thường người khác, mà vì ta tự biết khả năng của mình. Không phải là bác sĩ mà chữa bệnh cho người thì có thể khiến bệnh nhân chết sớm hơn. Chưa tự bơi một mình được mà nhảy xuống sông cứu người chết đuối thì cả hai cùng chết. Do đó, lòng từ bi và tâm cao cả cần phải đặt đúng người, đúng chỗ, đúng thời điểm, đúng tình huống thì mới có lợi lạc. Nhiệt tình mà thiếu tri thức, thiếu phương pháp chỉ mang lại hậu quả xấu mà thôi.

Ngược lại, khi đã có những người bạn tốt, lúc còn hàn vi thì sống với nhau chân thật, khi có cơ hội thăng quan, tiến chức, bổng lộc tràn đầy thì sự chân thật đó cũng không hề phai nhạt thì ta phải nỗ lực giữ gìn. Bởi vì tình bạn đó rất quý, nó giúp cho cả ta và bạn của ta sống vui tươi, hạnh phúc trong cuộc đời.

4. Bạn như đất

Hiền Nhân dạy: “*Tất cả mọi vật đều nương dựa vào đất mà sinh trưởng. Làm bạn chân thành là để nuôi dưỡng, ủng hộ, giúp đỡ và không hề quên nhau*”. Trong bốn loại bạn vừa nêu, loại cuối cùng này là an toàn nhất, cần thiết nhất và mang lại giá trị lợi lạc nhất.

Ở đây, ta thấy rằng, tình bạn không đơn giản chỉ là sóng có tình với nhau mà còn phải biết nâng đỡ, nuôi dưỡng nhau. Trong tình bạn, ta trở thành quả địa cầu nuôi dưỡng mọi thứ có mặt trên thế giới này. Khi bạn thiếu các điều kiện cần

thiết, trong điều kiện có thể, ta không được phép thờ ơ mà phải nhanh chóng giúp đỡ bạn, như đất cung cấp các tổ chất nuôi dưỡng giúp cho cây tươi tốt, sinh sôi, nảy nở, kết hoa, sanh trái.

Tuy nhiên, giúp bạn phải đúng cách. Không nên mù quáng, không nên mọi thứ đều chiều theo ý bạn. Trong các trường hợp bạn có hành vi trái với đạo đức, vi phạm pháp luật, cần phải khuyên bảo, góp ý thẳng thừng, giúp bạn vượt qua hoặc chuyển hóa sai lầm. Điều đó có thể tạo ra mâu thuẫn, mất lòng, nhưng về lâu dài sẽ giúp cho bạn ta nhận ra khiếm khuyết, sai lầm. Ngược lại, nếu vì tình cảm, chiều chuộng bạn bè, có thể ta trở thành kẻ đồng lõa với họ.

Trong giới luật Phật giáo, Đức Phật dạy, khi phát hiện một người đồng học, đồng tu có những yếu kém về mặt đạo đức, lối sống thì cần phải mạnh dạn góp ý, giúp cho người đó vượt qua. Ai biết mà không góp ý, không báo cho tập thể Tăng đoàn thì bị vi phạm giới luật, bởi vì đó là lối sống chỉ biết một mình, lối sống đó có thể không làm phiền ai nhưng cũng không thể giúp cho ai được hạnh phúc.

Trên thực tế, hiếm khi ta gặp được những người bạn như kinh vừa nêu. Tuy nhiên, đứng về phương diện cá nhân, ta cần phải có thái độ ứng xử tốt trong tình bạn, tức là phải biết chân thật, biết nuôi dưỡng, ủng hộ, sống có hậu với bạn bè như nội dung kinh trình bày.

II. BỐN HẠNG NGƯỜI KHÔNG NÊN TIN

Sau khi nghe Hiền Nhân trình bày về bốn loại bạn, nhà vua thưa với Hiền Nhân rằng: *“Do vì trí của trẫm còn hạn hẹp, tin theo lời tà siểm, cho nên đã không cư xử đúng mực đối với Ngài, mong Ngài hãy bỏ qua, ở lại với trẫm cùng trị nước an dân”*.

Hiền Nhân nhân tiện đó đã trình bày với nhà vua rằng: “*Một bậc trí cần có bốn điều không nên tin*”. Bốn điều đó liên hệ đến bốn loại người sau:

1. Bạn tà ngụy

Tức là những người bạn có lối sống tiêu cực, thói quen tiêu cực. Hành động, lời nói và ứng xử của họ trái với luật pháp và đạo đức. Họ chỉ nghĩ đến quyền lợi cá nhân, sẵn sàng chà đạp người khác để vươn lên, đẩy người thân vào tình huống khốn cùng. Giao kết bạn bè như thế là một thiệt thòi, bất hạnh cho ta, do đó cần phải cẩn trọng không nên tin vào họ.

Nhiều người, có bạn bè nghiệp ngập, cờ bạc, khi nghe bạn mượn tiền với lời hứa sau đó sẽ trả lại thì tin ngay, đem tiền cho mượn. Sau đó, người bạn đó không trả thì sinh tâm hờn giận, trách móc, thậm chí gây chuyện đánh nhau. Đó là do chúng ta thiếu trí tuệ, tin tưởng vào những người không đáng tin. Những kẻ cờ bạc hay làm liều, hứa ầu cho qua chuyện, chứ ít khi nào họ giữ lời hứa. Do đó, tin họ là một sai lầm, chỉ rước họa vào thân mà thôi.

2. Bè tôi nịnh siểm

Người có tinh thần chánh trực thì không nói xấu người khác, cũng không xu nịnh bất kỳ ai để tìm cơ hội tiến thân. Họ tiến thân bằng chính khả năng của họ, không cần phải luồn cúi bất kỳ một người nào. Trong khi đó, kẻ xu nịnh lại tìm kiếm cơ hội tiến thân bằng cách hạ bệ, cướp công của người. Đó là thái độ sống xấu xa, thủ đoạn, chắc chắn sẽ đối diện với hậu quả xấu.

Thông thường, kẻ xấu, thiếu tài thiếu đức mới có thái độ xu nịnh người khác. Người tốt, biết liêm sỉ không bao giờ có thái độ đó. Người lãnh đạo thiếu chiều sâu sẽ dễ dàng

bị những kẻ xu nịnh qua mặt, từ đó làm xáo trộn tất cả các mối quan hệ của họ đối với những người cộng tác. Cho nên, nghe và tin theo những lời dèm siểm là ta đang đóng bít cửa ngõ trong các quan hệ thân thiết giữa mình và nhiều người. Để tránh tình trạng đó xảy ra, tốt nhất ta phải cân nhắc trong phán đoán, đánh giá để thấy rõ bản chất của vấn đề. Không nên nghe một chiều, không quyết định các vấn đề trên việc nghe một chiều, vì điều đó có thể đưa tới hậu quả nghiêm trọng.

3. Vợ hoặc chồng yêu nghiệt

Rất nhiều người thành công trong chính trường, trong quân sự, trong các lĩnh vực và các mối quan hệ xã hội nhưng về nhà thì thất bại hoàn toàn trong mối quan hệ với người bạn đời của mình. Nguyên nhân là do người bạn đời ở nhà không biết quý trọng tình cảm gia đình. Họ sa vào rượu chè, cờ bạc hoặc ăn chơi đua đòi, làm tổn thương hạnh phúc gia đình. Lâu ngày, những thói xấu đó trở thành cá tính của họ. Gia đình vì thế lục đục suốt ngày, không bao giờ có tiếng cười, hạnh phúc. Trong cuộc sống, nếu không may phải sống chung với người vợ hoặc chồng như thế thì thật là bất hạnh.

Khi có chồng hoặc vợ như thế, người còn lại không nên chịu đựng hay chiều theo các thói hư tật xấu đó mà cần phải mạnh dạn nói thẳng hoặc góp ý, khuyên bảo người kia để cứu lấy hạnh phúc gia đình. Trong trường hợp ta đã dùng tất cả lý lẽ phân tích với một thái độ nhã nhặn, hiểu biết mà người bạn đời của mình vẫn không có thái độ tiếp thu, sửa đổi thì tốt nhất hãy mạnh dạn chia tay. Nếu không, cứ chịu đựng, dung dưỡng như thế thì người bạn kia càng ý lại, lún sâu hơn vào con đường xấu xa đó. Kéo dài một cuộc sống gia đình như thế rất nặng nề, khổ đau. Thà chấm dứt sớm để xây dựng cuộc sống mới còn hơn.

4. Con cái bất hiếu

Bất hiếu là người có những cư xử, hành động, lời nói làm cho người thân đau lòng, bi lụy, khổ sở, tai tiếng với xã hội, mất uy tín với cuộc đời. Làm cha, làm mẹ mà tin vào những lời nói của những đứa con bất hiếu là thiếu khôn ngoan. Con cái bất hiếu khi có tiền thì đi chơi, hưởng thụ, cặp kè với bạn bè chúng tỏ ta đây, khi khốn khổ thì quay trở về nhà hứa hẹn thay đổi đủ điều để tiếp tục làm tiền cha mẹ và người thân. Cho nên, nếu tin tưởng vào những lời hứa đó sẽ làm cho gia đình ngày càng khốn khổ nhiều hơn.

Nếu con cái vướng vào các đường dây ma túy như: mua bán, trồng trọt hoặc sử dụng ma túy, tốt nhất sau khi nỗ lực cảnh báo và hướng dẫn hồi đầu mà họ không thay đổi, hãy báo các cơ quan chức năng để họ làm công việc giáo dục những đứa con như thế. Nuôi dưỡng, bao che trong tình huống này chỉ làm cho những đứa con của chúng ta ngày càng trở nên hư đốn. Hãy xem những đứa con đó như những cái mụn nhọt, hay những nổi đau trên thân thể mình, nếu không mạnh dạn giải phẫu đi thì ta không thể hết bệnh, sống an lành, hạnh phúc được. Cắt đi một khối u thì máu chảy, đau đớn nhưng sẽ hết bệnh. Cắt đi tình ruột rà trong trường hợp này tuy có đau xót nhưng có thể giúp cho con của mình vượt qua được cạm bẫy khó vượt qua này. Đó là cách giáo dục, cách thương con cứng rắn, giúp cho con cái hư trở thành người tốt. Ngược lại, cứ chịu đựng, dung túng con cái bất chấp thái độ, hành vi sai trái của chúng, thì đó không phải là thái độ thương con mà là hại con.

Trong Phật giáo, có hai hình tượng tượng trưng cho hai khuynh hướng giáo dục khác nhau. Một là hình tượng Hộ Pháp tượng trưng cho phương pháp giáo dục nâng đỡ, hướng dẫn mềm mỏng, nhỏ nhẹ. Hai là hình tượng Tiều Diện Đại Sĩ,

tượng trưng cho phương pháp giáo dục cứng rắn. Tùy theo đối tượng mà hai phương pháp này phát huy hiệu quả khác nhau. Do đó, thương con không nhất thiết phải chịu đựng. Trong nhiều trường hợp, cần phải cứng rắn để uốn nắn, giúp cho con của mình sửa đổi để trở thành người hữu ích.

Ở trên, là bốn loại người mà Ngài Hiền Nhân cho là không nên tin. Đối với những loại người này chúng ta cần phải cân nhắc, cần thận trọng giao tiếp, ứng xử với họ. Trường hợp nào cần tránh né thì nên tránh né để tránh phiền phức, trường hợp nào cần đối diện để giúp đỡ thì nên giúp đỡ giúp, để họ chuyển hóa, định hướng lại lối sống của họ. Đó là tinh thần, lối sống tích cực của người học Phật mà chúng ta cần phải lưu tâm.

III. MƯỜI CỬ CHỈ SỐNG CÓ HẬU

Sau khi nêu ra bốn hạng người không nên tin, Ngài Hiền Nhân tiếp tục trình bày với nhà vua về mười lối sống cần phải nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ và phát triển.

1. Dù xa nhau vạn dặm vẫn không quên tình thân

Dân gian có câu: “*Xa mặt cách lòng*” và đối lập lại với câu đó là: “*Bán bà con xa mua láng giềng gần*”. Trong quan niệm của người xưa, láng giềng gần tuy không phải là bà con thân thích nhưng chính họ lại là những người sớm hôm gần gũi, chia sẻ, giúp đỡ nhau khi tối lửa tắt đèn. Những người sớm hôm gần gũi, chia sẻ, giúp đỡ đó, theo họ, còn quý hơn cả tình thân ruột thịt ở xa, không có cơ hội giúp đỡ khi cần thiết. Đó là tâm lý, là lối sống phổ biến của người xưa.

Ngày nay, sự phát triển của khoa học, đặc biệt là khoa học truyền thông khiến cho khoảng cách không gian không còn là vấn đề lớn nữa. Bằng mạng lưới internet, điện thoại...,

người ta có thể liên lạc với nhau một cách nhanh chóng, bất chấp thời gian và khoảng cách không gian. Đó là một thuận lợi, là cơ hội để người ta thể hiện sự quan tâm, chia sẻ tình thân với nhau khi người ta cần.

Đối với người học Phật, dù xa nhau với bất cứ lý do nào, cũng không quên tình thân. Việc nuôi dưỡng tình thân khiến cho tâm của chúng ta trở nên rộng rãi hơn, nhân ái hơn. Và vì thế, uy tín, giá trị nhân cách của chúng ta ngày càng lớn hơn.

2. Thấy nhau hoan hỷ và sống chân thật

Hoan hỷ và chân thật là hai đức tính cao thượng giúp chúng ta thiết lập mối quan hệ tốt với mọi người. Hoan hỷ khiến người gặp vui vẻ, cởi mở. Chân thật thì khiến người ta tin tưởng, thương yêu. Cuộc sống vô thường, mau chóng, do đó hãy đem tất cả sự chân thật, hoan hỷ đối đãi nhau, giúp nhau sống hạnh phúc, vẫy chào khổ đau. Tương thân, tương kính lẫn nhau thì cuộc sống sẽ dễ chịu, nhẹ nhàng hơn. Tranh chấp, hơn thua chỉ chuốc oán thù, khổ đau chồng chất.

Không ai biết trước một cách chính xác tương lai của mình như thế nào. “Lên voi xuống chó” là một thực trạng phổ biến. Từ quan chức trở thành người bình thường, từ kẻ có công trở thành người có tội, từ một người giàu tốt đỉnh trở thành một kẻ ăn xin, tất cả đã từng xảy ra trong chiều dài lịch sử của loài người. Cho nên khi còn sống, còn khỏe, hãy hoan hỷ, nâng đỡ để cho tình người được phát triển. Nếu sống được như thế dù sau này có sa cơ, thất thế, ta vẫn không hối hận, vì ta đã từng sống hết mình với cuộc sống, với các mối quan hệ xung quanh.

3. Có món ngon vật lạ biết san sẻ cho nhau

San sẻ là một nghệ thuật sống hạnh phúc. Nếu là vợ chồng mà mỗi người có tài khoản riêng, chỉ biết thủ riêng, không

biết san sẻ thì khó có được hạnh phúc. Là người thân của nhau mà bên nào cũng thủ, có thói quen cân, đo, tính, đếm thì không thể nào sống hạnh phúc với nhau được. Bạn bè cũng vậy, chỉ biết chia chác không hề biết giúp đỡ thì cũng không thể nào bền vững được. Do đó “chia ngọt sẻ bùi” là tiêu chí tốt trong tương quan xã hội.

Sống ở đời cần phải có qua có lại, có trước có sau, không nên lợi dụng nhau. Giúp người bằng cái tâm vô tư, không cần phải nhớ hay buộc người khác phải đền ơn. Khi thọ nhận của ai cái gì thì không nên quên và không nên ứng xử bội bạc. Cần san sẻ và cho nhau những thứ mình sở hữu. Có được kiến thức hữu ích thì chia sẻ với mọi người. Ấn tống kinh sách, băng đĩa hay, có giá trị chuyển hóa cho mọi người, để mọi người có cơ hội tiếp thu, chuyển hóa nỗi khổ niềm đau. Đó là các hoạt động biết san sẻ đối với người khác.

4. Khi nói lời đừng chấp trách nhau

Đó là thái độ sống của người có trí, biết thương yêu và cảm thông với người khác. Nhờ thương yêu ta dễ dàng bỏ qua những thiếu sót của người khác. Ta không hờn giận, hận thù họ, vì ta biết hờn giận, hận thù chỉ gây thêm đau khổ cho bản thân ta và người khác. Nhờ có trí, ta nhận diện được thông điệp chính của hành vi, lời nói, bỏ qua mọi thiếu sót mà phần lớn là vụn vặt, đôi khi do cái tưởng của ta mà ra.

Thay vì giận, trách, hờn người khác khi họ có những ứng xử tiêu cực, theo tinh thần Phật dạy, ta nên cảm thông và biết rõ họ đang bị tham, sân, si chi phối. Ai bị tham, sân, si chi phối đều có những lỗi ứng xử giống nhau. Do đó, không nên chấp trước họ, không nên giận họ, không nên trả thù mà hãy nỗ lực tìm cơ hội để giúp cho họ vượt qua thói quen xấu này.

Chấp vào những yếu kém, thiếu sót của người khác không chỉ gây ra khổ đau cho mình, mà còn phương hại đến họ. Đôi lúc mối quan hệ tốt đẹp giữa ta và họ đã gầy dựng vài chục năm, nhưng chỉ vì chấp vào sự yếu kém, thiếu sót trong lời nói của họ, mà ta có những hành vi làm tổn thương, làm mất hết mọi thứ tốt đẹp trước đó. Điều đó thực sự không đáng. Cho nên, trong tình huống đó, tốt nhất hãy cảm thông, bỏ qua. Nếu cần thấy phải góp ý thì đợi thời cơ thích hợp hãy góp ý. Góp ý bằng thái độ ôn hòa, cảm thông, không hờn giận, trách móc, tổn thương họ.

5. Nghe biết điều lành khởi tâm hoan hỷ

Đây là thái độ tích cực hướng đến những giá trị, phẩm chất, đạo đức thanh cao. Nó là nền tảng quan trọng dẫn đến sự phát triển nhân cách của con người. Ai có được tố chất này sẽ dễ dàng đắc nhân tâm, cho nên họ hiếm khi có kẻ thù.

Hoan hỷ với cái hay, cái tốt của người thì đồng thời cũng quý trọng cái hay, cái tốt nơi mình. Quý trọng nên ta biết nâng niu, rèn luyện, hun đúc, nuôi dưỡng, phát triển các giá trị bản thân, trở thành người có ích cho gia đình, xã hội. Cái tốt, cái đẹp, nhờ đó cũng được cộng hưởng, lan tỏa, tạo thành một môi trường sống lành mạnh, có khả năng nuôi dưỡng nhân cách con người.

6. Dùng lời trung chính can ngăn bạn xấu

Giao du với bạn mà biết bạn có hành vi xấu thì cần phải khôn khéo giúp đỡ, can ngăn để bạn mình không lún sâu vào con đường xấu ác. Đó là hành vi cao thượng, thể hiện một tình bạn chân thành. Tuy nhiên, đó là một việc làm khó, dễ bị vạ lây.

Trên thực tế, không phải người bạn nào cũng nghe lời khuyên hay can ngăn của ta. Thậm chí, nhiều người không

những không nghe mà còn phản ứng tiêu cực như đánh đập, chửi bới bạn mình. Do đó, khi ta khuyên bạn bè, ta phải chấp nhận các tình huống xấu có thể xảy ra. Người có động cơ tốt sẽ không tức giận và có thể chịu đựng được những phản ứng tiêu cực như chửi bới, đánh đập từ người bạn của mình. Và chính sự kiên nhẫn, chịu đựng và lòng chân thành đó, trong nhiều trường hợp, giúp bạn mình nhận diện được hành vi sai trái và từ bỏ chúng.

7. Làm được những việc khó làm

Việc khó làm ở đây bao gồm những việc tốt, những việc liên hệ đến sự phát triển đời sống đạo đức, tâm linh như việc từ thiện xã hội, giúp người, cứu đời bằng tinh thần vô ngã và vị tha. Việc khó còn bao gồm những việc đòi hỏi đến sự nỗ lực, kiên trì, bền bỉ, những việc cần có bản lĩnh, sự sáng suốt để vượt qua hay hoàn thành.

Việc khó tuy khó làm, nhưng khi hoàn thành thì có giá trị rất lớn. Hầu hết những người thành công, hạnh phúc trong cuộc sống đều là những người có bản lĩnh vượt qua những khó khăn lớn trong cuộc đời. Họ là những người đáng được tán dương. Với họ, cho dù ở đâu, hoàn cảnh nào, họ cũng có thể chinh phục, vượt qua khó khăn để thành công. Do đó, kết giao với những người có bản lĩnh như vậy ta sẽ học được rất nhiều bài học từ họ. Và phần lớn các bài học đó rút ra từ thực tế, do đó nó có giá trị thực tiễn rất cao.

8. Không đem chuyện riêng nói với người

Đây là cách ứng xử giúp chúng ta nuôi lớn được đời sống nội tâm của mình, đồng thời tránh được nhiều vấn đề phiền phức có thể xảy ra. Người có chiều sâu chỉ nói những việc cần nói và nói đúng người cần nghe. Chọn người biết lắng nghe để chia sẻ là một nghệ thuật cần phải học hỏi.

Nhiều người, khi gặp khó khăn, bế tắc, gặp ai cũng tâm sự, giải bày. Điều đó không những không giải quyết được vấn đề mà còn khiến cho nó trở nên phức tạp hơn. Ta chỉ nên chia sẻ những khó khăn, bế tắc, khổ đau, tuyệt vọng của ta với người biết lắng nghe và có khả năng tháo gỡ chúng.

Than thở, kể khổ có thể trở thành thói quen và là một thói quen tiêu cực. Vì nó có thể truyền cộng hưởng của nó tới người xung quanh, khiến người xung quanh bị ảnh hưởng. Do vậy, nếu chúng ta không phải là nhà tư vấn thì không nên nhiệt tình đến độ suốt ngày phải nghe chuyện khổ đau của người khác. Là Phật tử chân chính, khi nghe người khác than vãn về nỗi khổ niềm đau của họ, ta phải biết cách hướng dẫn họ nói ngắn gọn vào trọng tâm, sau đó tìm giải pháp để tư vấn giúp họ vượt qua tình trạng khổ đau đó. Tuyệt đối không tạo điều kiện cho thói quen than vãn, kể khổ của họ có cơ hội tăng trưởng.

Trong các bệnh viện tâm thần, các y tá, điều dưỡng, bác sĩ thường xuyên tiếp xúc với bệnh nhân. Do thường xuyên tiếp xúc, nghe ngóng, theo dõi bệnh nhân, các cộng hưởng tâm thần từ người bệnh có thể ảnh hưởng xấu đến họ. Nhiều người do không biết cách giải tỏa tâm lý, nhất là những người mới vào nghề, đã phải đối diện với các chứng rối loạn tâm lý, mệt mỏi, lo sợ...

Trong quan hệ vợ chồng, kể chuyện riêng của mình trong quá khứ cho vợ hoặc chồng nghe là điều đại dột. Nhiều người nghĩ rằng, giấu vợ hoặc chồng những việc trong quá khứ của mình là gian dối, không chân thật. Thật ra, không hẳn là vậy. Không cần thiết phải lật lại quá khứ, vì nó không giúp cho gia đình mình hạnh phúc hơn. Có nhiều người tâm ý nhỏ hẹp, khi còn đang yêu nhau họ có thể bỏ qua tất cả quá khứ của người họ yêu, nhưng khi bắt đầu đời sống gia đình, chỉ cần

có một vài mâu thuẫn nhỏ, họ sẽ bới lông tìm vết, nối kết các sự kiện hiện tại với quá khứ để miệt thị, khinh rẻ người vợ hoặc chồng của họ.

Do đó, điều gì cần chia sẻ thì chia sẻ, điều gì không cần thì thôi. Không nên dể dãi trong việc chia sẻ thông tin đời sống cá nhân với người khác. Nếu cần giải tỏa các khó khăn mà bản thân mình chưa thực hiện được, chỉ nên chia sẻ nó với các chuyên gia, những người có chuyên môn, có tri thức, để họ tư vấn, giúp mình vượt qua khó khăn đó.

9. Khi gặp việc bối rối, khó khăn nỗ lực giải quyết

Trong cuộc sống, ta thường gặp loại người khi thấy người khác thuận lợi, thành công thì đến chia vui, chúc mừng, nhưng khi thấy người khác khó khăn, thất bại thì cố tình lảng tránh. Đó là thái độ sống thiếu chân thật, thiếu tình nghĩa. Tục ngữ có câu: *“Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ”*. Loài thú mà còn sống có tình, có nghĩa như vậy, huống chi loài người. Con người có tri thức, có tư duy, có nhân cách, do đó không thể vô tâm đứng nhìn người khác khó khăn mà không giúp đỡ.

Đời sống là một chuỗi các mối quan hệ. Hạnh phúc, khổ đau của người khác liên hệ tới hạnh phúc, khổ đau của chúng ta và ngược lại. Do đó, là người Phật tử, thấy người gặp khó khăn ta phải nỗ lực giúp đỡ họ kịp thời. Không nên chần chờ, phân vân, do dự. Bởi vì, nhiều khi sự chần chờ, phân vân, do dự của chúng ta khiến cho tình trạng khó khăn, khổ đau của người khác trở nên nghiêm trọng.

Chẳng hạn như bị trầm cảm mà không được quan tâm, hỗ trợ, chữa trị kịp thời có thể dẫn đến tâm thần hoặc chán đời, tự vẫn. Có rất nhiều trường hợp như thế đã diễn ra. Thông thường, người bị trầm cảm có lỗi ứng xử ngược lại với cá tính thông thường của họ. Do đó, khi thấy ai có biểu hiện như

thể chúng ta cần phải lập tức hỗ trợ tâm lý, nâng đỡ tinh thần để giúp họ vượt qua. Chần chừ, do dự hoặc cố tình không giúp khiến cho người đó khổ đau, thậm chí tìm đến cái chết thì chúng ta sẽ ân hận suốt đời. Trong cuộc sống, giúp được ai thì nên giúp, nỗ lực hỗ trợ ai thoát được khó khăn, khổ đau thì không nên tiếc lời, không nên tiếc kiến thức hay tiếc thời gian. Đó là lối sống vị tha cần phải nỗ lực thực hành.

10. Lúc nghèo khổ thì không nên bỏ nhau

Đây là một biểu hiện của lối sống có hậu. Thông thường, giàu sang đối với nhau rất dễ. Làm quan to, chức lớn thì thường được người khác quan tâm, đến lui thăm viếng. Nghèo khổ, không chức quyền thì chẳng ai quan tâm, thậm chí né tránh.

Lễ tang người thân như cha, mẹ, vợ, chồng của người giàu sang, có quyền lực, nổi tiếng thường được nhiều người đến viếng để chia buồn. Họ đến nhiều khi không phải vì người chết mà vì mối tương quan với người còn sống. Trong khi người quan trọng có uy tín, có tầm vóc, sống liêm khiết qua đời, những người trong gia đình còn lại đều là những người bình thường, không có giá trị lợi dụng, thì lễ tang của họ sẽ có ít người đến viếng hơn. Điều đó cho thấy quan hệ của con người ít nhiều mang tính điều kiện. Có người viết: *“Còn tiền, còn bạc, còn đệ tử. Hết tiền, hết bạc, hết ông tôi”*. Đó là lối sống thường thấy của người đời, xưa cũng như nay.

Là người Phật tử, ta phải sống chân thật, có trước có sau, giàu không nịnh, nghèo không phụ. Ngay cả khi người khác đổi thay, phụ bạc ta cũng không oán trách, hận thù, mà phải nhìn lại cách ứng xử của mình trong mối quan hệ với họ. Nhờ đó, ta nhận ra được bản chất của vấn đề, từ đó ta có đủ

bản lĩnh, sự bình tĩnh để vượt qua các khó khăn đó. Đối với người trí, các khó khăn chính là điều kiện để thành công.

Nhìn chung, mười lỗi ứng xử như vừa nêu sẽ làm giàu nhân cách một con người, đó là những thước đo tình người rất thiết thực và có giá trị nhân bản.

III. TÁM ĐIỀU KHÔNG ƯA NHAU

Theo Ngài Hiền Nhân, trong cuộc sống, có một số dấu hiệu cho thấy người ta không ưa nhau. Nhận diện ra những dấu hiệu đó giúp ta điều hòa, giữ gìn hoặc thay đổi được các mối quan hệ một cách tốt đẹp hơn.

1. Thấy mặt nhau là đổi sắc mặt

Điều này cho thấy người đó không thích, không ưa, ghét bỏ, thù hận, không tùy hỷ, thậm chí muốn loại trừ người đối diện. Một số các biểu hiện và hành vi có thể đi kèm với sắc diện đó là trợn mày, liếc mắt, khạc, nhổ, tăng hăng, đẩy mạnh cửa, đập bàn ghế... Trong giao tiếp, khi nhìn thấy người có các biểu hiện này chúng ta biết rằng người đó xem mình là một chướng ngại vật. Do đó, tốt nhất là giữ thái độ bình tĩnh và tình cách tránh họ, vì “tránh voi chẳng xấu mặt nào”. Hơn nữa, tránh né trong trường hợp này còn có thể giúp cho họ không tiếp tục có cơ hội để gieo nghiệp xấu, đồng thời bản thân ta cũng không bị vướng kẹt trong vòng luẩn quẩn của nghiệp xấu đó.

2. Liếc ngó, không chịu nhìn thẳng

Trong giao tiếp, thấy người khác liếc ngó mà không nhìn thẳng, thì ta nên biết rằng họ đang có vấn đề với ta. Có thể là họ đang ganh tỵ hoặc hiểu lầm ta. Do đó, khi đối diện với tình huống đó, ta nên nỗ lực cải thiện quan hệ bằng cách phân tích các nguyên nhân để tìm giải pháp khắc phục. Vấn

đề nào cũng có nguyên nhân của nó. Nguyên nhân đó có thể đến từ phía người khác, nhưng cũng không ngoài trường hợp, nguyên nhân đó đến từ phía chúng ta hoặc các tác nhân bên ngoài. Một khi đã biết được nguyên nhân của vấn đề thì nỗ lực khắc phục vấn đề của chúng ta mới có kết quả tốt được.

3. Lời nói không ôn hòa

Cha mẹ và con cái, vợ và chồng, anh chị em, bè bạn, người thân, ta và đối tác, chủ và thợ, người thuê lao động và người lao động, người lãnh đạo và kẻ thuộc hạ nếu không ưa nhau có thể ứng xử với nhau bằng những lời nói kém ôn hòa, tức là xúc phạm nhau, thương tổn nhau, chạm vào lòng tự ái, gây thương tổn về lòng tự trọng của nhau. Tất cả những vấn đề đó làm cho tình thân ngày càng rạn nứt và trở nên xấu đi theo thời gian.

Cho nên, trong bất kỳ tình huống nào, hãy cố gắng sử dụng lời từ ái, nói nhỏ nhẹ, nói điềm tĩnh, nói vừa phải chứ không nói tấn công, không nói theo kiểu mình đúng kẻ khác là sai, không nói theo cách quy đổ trách nhiệm cho người khác. Nên nói bằng sự cảm thông, sự hiểu biết và lòng tử tế thì trước sau gì lòng tốt của ta cũng được hiểu đúng và đón nhận.

4. Việc phải cho quấy

Đây là thái độ mang tính thành kiến, cho thấy người ta đang có vấn đề với nhau. Khi thành kiến với nhau, người ta không thể đánh giá đúng về nhau. Chính vì vậy, dù cho người đó có nói tốt, làm tốt, ứng xử tốt, giao tế tốt, kẻ có thành kiến cũng cho lời nói, hành động, việc làm đó là xấu.

Trong cuộc sống, phần lớn chúng ta thường đánh giá người khác qua lăng kính quá khứ, trong khi đó tính cách con người luôn luôn thay đổi, và trong nhiều trường hợp, quá

khứ người nào đó xấu xa, nhưng hiện tại người ta đã là một người tốt. Nhìn cuộc đời, con người bằng lăng kính quá khứ, ta không thể phản ánh đúng chất bản cuộc đời, con người trong hiện tại. Thế nên, để có cái nhìn khách quan, không định kiến, hãy nhìn đời, nhìn người bằng lăng kính hiện tại. Ai đúng, ai tốt, ai lành, ai thiện phải ghi nhận đúng với bản chất của họ. Không vì lý do khác biệt quan điểm chính trị, tôn giáo, nhóm xã hội mà ta nói sai, nói ngược khiến cho cộng đồng hiểu lầm tính cách của họ. Đó là một thái độ sống tích cực mà chúng ta cần phải thực tập.

5. Nghe lời xấu, việc xấu thì ham thích

Đó là một khuynh hướng tiêu thụ thiếu lành mạnh ở một bộ phận khá đông con người. Những người này, do tích tụ quá nhiều yếu tố tiêu cực trong tâm, nên họ thường có khuynh hướng thích tiêu thụ sản phẩm tiêu cực từ cuộc sống. Trong khi cuộc sống có biết bao nhiêu sản phẩm tích cực đáng được quan tâm thì họ lại thờ ơ. Đó là thái độ sống cần phải được thay đổi.

Truyền thông ngày nay đã và đang đi theo con đường này. Rất nhiều tờ báo, thậm chí là các tờ báo lớn khai thác các thông tin tiêu cực từ cuộc sống để thu hút người xem. Do đó, là người hiểu biết, chúng ta không nên lãng phí thời gian trong việc tiêu thụ các thông tin như thế. Nếu cần, mỗi ngày ta chỉ cần điểm báo từ 15 đến 30 phút là đủ. Những bài báo nào liên hệ đến điều ta cần thì đọc, bài nào không cần thì lướt qua. Hãy chọn các thông tin tích cực, có khả năng nuôi dưỡng tâm thức. Tránh thói quen tiêu thụ các thông tin xấu được xuất bản trên báo hay internet, email, trên các diễn đàn hoặc các blog riêng tư trong nước cũng như toàn cầu.

6. Người làm tốt thì không vui

Đây là thực chất cũng là khuynh hướng sống tiêu cực như điều nằm ở trên. Thích tiêu thụ, hưởng ứng, cổ vũ cái xấu thì đồng thời ganh ghét, hủy hoại cái đẹp, cái tốt. Hòa bình thế giới, phát triển bền vững, bảo vệ trái đất, ngăn chặn hâm nóng toàn cầu, sống như những cánh hoa đẹp mang lại hạnh phúc cho người và cho cộng đồng thường ít được con người quan tâm. Trong khi, khuynh hướng sống dừng dừng, vô cảm trước sự bất ổn về các giá trị tốt đẹp của cuộc sống thì lại được nhiều người theo đuổi.

Chúng ta thường thấy, qua các phương tiện truyền thông, mỗi khi có các cơ quan hay các nhân vật được các tổ chức khen tặng, tán dương vì các nghĩa cử cao thượng của họ thì bên cạnh một bộ phận người tỏ ra vui mừng, cổ vũ nhiệt tình, vẫn có rất nhiều người tỏ ra bất mãn, thậm chí chỉ trích bằng cách đưa ra những điểm bất toàn về những cá nhân, tổ chức được tán dương, khen tặng đó. Đây là một lối sống ích kỷ cho thấy những người này thiếu cái tâm hướng về cái thiện, ca ngợi cái thiện. Càng sống như thế họ càng chuốc lấy khổ đau cho bản thân mình. Do đó, là một người học Phật, chúng ta cần phải hiểu rõ vấn đề này để có thái độ sống tích cực. Hãy ca ngợi, cổ vũ, tán dương cái thiện, cái tốt, làm cho cái thiện, cái tốt được phổ biến nhiều hơn trong cuộc sống.

7. Thích chê bai việc tốt đẹp

Không ưa thích người tốt, việc tốt thì dẫn đến thái độ, hành vi chê bai họ. Đó là nguyên nhân dẫn đến tình trạng đổ vỡ các mối quan hệ trong cuộc sống. Là người học Phật, bất luận tiếp xúc với ai, dù họ ở đảng phái, tổ chức nào, khuynh hướng nào, tôn giáo, phe cánh nào, chúng ta cũng cần phải có thái độ độc lập và trung thực trong đánh giá người khác. Cái

gì tốt ta sẵn lòng hợp tác thậm chí hỗ trợ, giúp đỡ và đồng hành. Cái gì xấu ta góp ý xây dựng thay vì chỉ biết chỉ trích.

Sự kiện thảm họa động đất, sóng thần kép ngày 11-03-2011 tại Nhật Bản, đã gây ra cái chết của hơn 40.000 người, các công trình xây dựng bị sụp đổ và hư hoại. Đảng lãnh đạo của Nhật Bản lúc đó đã được sự giúp đỡ chưa từng thấy của các tổ chức, đảng phái, kể cả các tổ chức, đảng phái đối lập. Họ hàn gắn và cùng nắm tay nhau kêu gọi thế giới ủng hộ, giúp đỡ cho Nhật Bản khắc phục thảm họa. Nhờ vậy, trong một thời gian ngắn, Nhật Bản đã khắc phục được hậu quả một cách ngoạn mục.

Trên thực tế, bằng nội lực của mình, Nhật Bản hoàn toàn có khả năng khắc phục hậu quả đó. Hơn 20 năm trước, họ đã từng làm việc này thành công. Tuy nhiên, một khi đã được thế giới quan tâm, ủng hộ, chia sẻ thì quá trình khắc phục đó trở nên nhanh chóng và hiệu quả hơn.

Ngày nay, ta thấy thành phố Kobe trở thành một thành phố phát triển mạnh và vượt bậc so với các thành phố của các quốc gia khác. Và chúng tôi tin rằng, những thành phố nằm ở vùng Đông Bắc của Nhật Bản trong vòng 10 năm tới cũng sẽ vươn lên tương tự.

Ta thấy, thay vì phần lớn những người làm chính trị lợi dụng vào hoàn cảnh ngặt nghèo thừa nước đục thả câu để tấn công, hạ bệ uy tín của đối phương thì ở đây, họ đã chung tay nhau khắc phục hậu quả xấu từ tác động của động đất, sóng thần gây ra. Đó là thái độ sống tích cực, biết tán dương, cổ vũ cái tốt, cái thiện mà chúng ta cần học hỏi.

8. Tán thành việc ác của người khác

Kẻ xấu thường xúi giục người khác lún lút sâu vào con

đường ác. Đó là cách hạ bệ người khác đơn giản nhất, nhẹ nhàng nhất và hiệu quả nhất.

Thấy một người làm xấu không góp ý mà còn khen ngợi làm cho họ ngộ nhận rằng họ là một người tốt thì đó là một tội ác. Vì sự ngộ nhận đó có thể đóng bít cửa ngõ của sự tiến bộ, dẫn đến nhiều hậu quả nghiêm trọng đối với cộng đồng. Do đó, tốt nhất không nên đồng lõa, không a dua, tán đồng, xúi giục, hoan hỷ, vui theo những việc làm xấu của người khác.

Đối với tu học Phật, khi đối diện một vấn đề nào đó, nếu nhận thấy chưa thể phát biểu ý kiến thì nên giữ yên lặng, không nên tán đồng hay phản đối vì tán đồng hay phản đối trong trường hợp này không mang tới lợi ích cho mình và cho người. Thái độ im lặng trong tình huống này là thái độ im lặng của bậc thánh, được đức Phật khuyến khích, nó có khả năng chuyển hóa được những bức xúc, căng thẳng, khó chịu, khiến tâm mình trở nên bình ổn, sáng suốt. Nhờ đó, ta có thể có những đóng góp xứng đáng cho cuộc đời.

Như vậy, nội dung chương thứ tư này cho thấy, khi nắm rõ được bốn loại bạn, thấy rõ được bốn loại người không nên tin, mười biểu hiện của lối sống có hậu và tám điều dẫn đến tình trạng hiềm khích, hận nhau, người tu học Phật sẽ có thái độ ứng xử phù hợp, vừa hoàn thiện được nhân cách của mình, vừa giúp cho tha nhân có cái nhìn đúng đắn, chuyển hướng thái độ, hành vi theo con đường thiện lành, góp phần xây dựng hạnh phúc gia đình, sự phát triển của xã hội.

CHƯƠNG V

TRÍ TUỆ VÀ HẠNH PHÚC

Giảng tại Chùa Xá Lợi, ngày 08-07-2012

Phiên tả: Subin



Trí tuệ và hạnh phúc là mối liên hệ diễn ra theo chiều tỉ lệ thuận. Ai sống có trí tuệ người đó hưởng được hạnh phúc và ai sống hạnh phúc theo lời Phật dạy thì người đó là người có trí tuệ. Ở đây, hạnh phúc phải được hiểu là hạnh phúc chân chánh, hạnh phúc siêu việt, hạnh phúc theo tinh thần lời dạy của Đức Phật. Bởi vì, trên thực tế, nhiều người có được hạnh phúc, có gia tài, sự nghiệp, danh dự, quyền hành nhưng lại không có trí tuệ. Bởi hạnh phúc đó không phải là hạnh phúc siêu việt theo tinh thần lời dạy của Đức Phật. Đó là hạnh phúc tương đối của thế gian, nó mang tính điều kiện và nhanh chóng đưa tới khổ đau.

Hạnh phúc, trí tuệ và mối quan hệ giữa chúng được kinh Hiền Nhân đề cập rất chi tiết, ở đây, chúng tôi chỉ giới thiệu một cách bao quát để chúng ta nắm bắt được nội dung chính của chúng.

I. MƯỜI DẤU HIỆU CỦA BẠC TRÍ

Sau khi trình bày các nguyện vọng và thỉnh mời Ngài Hiền Nhân ở lại để trị nước an dân, nhà vua đã thừa nhận vì mình là một người phàm nên không phân biệt đâu là người trí và kẻ ngu, do đó đánh mất cơ hội gần gũi bậc hiền trí để lắng nghe, học hỏi nghệ thuật quản trị quốc gia từ Ngài. Nhân đó, vì lợi ích chung của quốc gia, Ngài Hiền Nhân đã trình bày với vua về mười dấu hiệu của một bậc trí.

Mười dấu hiệu này được chia làm bốn nhóm: Một, nhóm biết về các loại người; hai, nhóm biết về bản chất công việc; ba, nhóm biết sống tùy thuận và cuối cùng, nhóm học rộng hiểu nhiều. Bốn nhóm này hỗ trợ rất mật thiết với nhau để hình thành nên tố chất của một bậc trí đích thực, vượt lên trên và xa hơn so với những người có tri thức thông thường.

1. Nhóm biết về các loại người

- (i) Biết người hiền, người ngu.
- (ii) Biết người sang, người hèn.
- (iii) Biết người giàu, người nghèo.

Trí tuệ của người trí có khả năng phân loại đúng đắn các loại hình con người cùng với nguyên nhân đưa tới loại hình con người đó. Do đó, ứng dụng cái thấy biết này vào cuộc sống, hiệu quả công việc của ta, nhất là công việc quản trị nhân sự, sẽ rất cao.

Phần lớn những thất bại trong quản trị nhân sự là người lãnh đạo không có cái thấy biết đúng đắn về bản chất của nhân viên, nhất là về năng lực, trình độ chuyên môn của họ, mặc dù những người này khi tham gia công việc đã được tuyển chọn kỹ lưỡng. Chính vì vậy, một cách vô tình người lãnh đạo tạo nên các bất công trong công việc của cơ quan, tổ chức anh ta đang lãnh đạo. Người có trình độ cao, năng lực tốt, đạo đức cao quý lại được giao các việc nhỏ, việc phụ, trong khi những người kém tài, kém đức lại được phân công vào các vị trí quan trọng. Điều đó dẫn tới tình trạng mâu thuẫn, khó khăn trong nội bộ cơ quan, tổ chức. Và về lâu dài, nếu không có những điều chỉnh đúng hướng kịp thời, sẽ dẫn tới hậu quả khó lường.

Ở đây, kinh đưa ra ba loại hình người thường thấy trong cuộc sống. Nhận diện được ba loại hình người này là một bước quan trọng trong việc quản trị một tổ chức, cơ quan, cộng đồng hoặc nhóm. Nhờ nhận diện đúng bản chất của từng loại hình người, thuộc căn tính gì, khuynh hướng nghiệp ra sao, chúng ta sẽ có kế hoạch phù hợp trong việc sắp xếp nhân sự, tổ chức công việc của cơ quan, tổ chức. Thiếu tri thức, thiếu cái nhìn trí tuệ, ta dễ dàng rơi vào tình trạng bế tắc trong công tác quản trị.

2. Nhóm biết sự việc

(iv) *Biết việc nào khó, việc nào dễ*

Biết tính chất của công việc là một trong những biểu hiện của người có trí. Có nhiều công việc rất phức tạp. Nếu không có trí, ta không thể nào nhận diện được tính chất của nó. Nhờ biết rõ tính chất của công việc, ta có thể đưa ra các giải pháp phù hợp. Việc nào cần làm trước thì làm trước, việc nào cần làm sau thì làm sau, không lẫn lộn hay tạo nên sự chông chéo không cần thiết.

(v) *Biết việc nào đáng bỏ, việc nào nên làm*

Một khi biết rõ tính chất công việc, ta biết việc nào cần nên bỏ, việc nào cần phải thực hiện. Việc cần bỏ thì bỏ, không tiếc nuôi, dù đã đầu tư nhiều công sức và thời gian; việc nào cần phải thực hiện thì nỗ lực thực hiện hết mình. Người lãnh đạo giỏi là người thuần thực trong nghệ thuật buông và nắm công việc. Họ biết sàng lọc, rũ bỏ các yếu tố tiêu cực, bất lợi, giữ lại các yếu tố tích cực, có lợi cho sự phát triển của tổ chức.

(vi) *Biết nhiệm vụ của mình*

Cuối cùng, yếu tố nhận diện người có trí trong nhóm này là sự ý thức trách nhiệm của người đó. Người có trách nhiệm thì tạo nên uy tín cho bản thân và góp phần tạo nên uy tín cho tổ chức của họ. Không có ý thức trách nhiệm thì làm việc không có hiệu quả, thậm chí hư việc, không những ảnh hưởng xấu tới bản thân mà còn ảnh hưởng xấu tới lợi ích chung của tổ chức.

3. Nhóm biết tùy thuận

(vii) *Hiểu rõ phong tục tập quán ở nơi mình đến*

Đó là lối sống linh hoạt trong việc tiếp ứng văn hóa. Lối

sống đó giúp ta biết cách ứng xử phù hợp, chuẩn mực, không rơi vào tình trạng sốc văn hóa khi tham gia vào sinh hoạt văn hoá cùng với các cộng đồng khác. Người có hiểu biết về văn hoá không bao giờ lấy văn hoá mình làm hệ quy chiếu để đánh giá, phê bình nền văn hóa của các cộng đồng khác. Mỗi nền văn hoá có các đặc trưng riêng. Đó là sự lựa chọn của một dân tộc, cộng đồng cụ thể. Do đó, thay vì đánh giá, phê bình, ta nên tìm hiểu, học hỏi nền văn hoá khác một cách chủ động. Điều đó sẽ giúp ta dễ dàng thích ứng với mọi nền văn hoá, mỗi khi ta có cơ hội tiếp xúc.

Thích ứng văn hóa thường có hai đặc điểm. Thứ nhất, tiếp thu những cái hay, cái đẹp của cộng đồng, quốc gia khác để hỗ trợ hoặc bổ sung cho nền văn hóa của mình. Thứ hai, trong khi tiếp thu cái hay, cái đẹp của nền văn hóa khác vẫn không quên gốc rễ văn hóa của mình. Lấy yếu tố này làm thước đo và phương châm trong bối cảnh toàn cầu hóa, các quốc gia sẽ tiếp thu được những cái mới mà mình không có, mặt khác vẫn giữ được truyền thống văn hóa dân tộc.

(viii) *Biết rõ cội nguồn trở về*

Từ cội nguồn ở đây có nghĩa rất rộng. Các con chim rời khỏi tổ ấm, đến một phương trời cao rộng tìm kiếm thức ăn để duy trì sức khỏe và nòi giống, đến lúc nào đó, nó phải quay về nơi nó sinh ra. Trong cuộc sống, vì nhiều lý do, trong đó có lý do khó khăn, khổ cực, người ta đã phải bỏ xứ ra đi tìm kiếm cái ăn, cái mặc hoặc danh vọng, địa vị... Thế nhưng, trong lòng họ bao giờ cũng mang nặng một tình cảm với quê hương, cội nguồn của mình. Nhiều người, định cư ở nước ngoài nhiều năm, nhưng khi tuổi về già, họ lại chọn con đường hồi hương để sống những ngày còn lại ở nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Đó là ý nghĩa của trở về cội nguồn theo cách thông thường.

Trở về cội nguồn còn là trở về với gốc rễ tâm linh của mình. Đó là nơi nuôi dưỡng, hun đúc một đời sống đạo đức, nhân cách cao thượng của con người. Mất gốc rễ tâm linh là mất tất cả hiểu biết, trí tuệ và nguồn sống hạnh phúc của con người. Đó là ý nghĩa cao cả nhất của việc trở về cội nguồn mà kinh muốn nói tới.

4. Nhóm biết rộng

(ix) Học rộng hiểu nhiều

Học rộng tức là học nhiều, học đến nơi đến chốn, học chuyên sâu, học hệ thống nguồn tri thức, lãnh vực nào đó. Hiểu nhiều ở đây là hiểu một cách sâu sắc, thấu đáo và nhiều khía cạnh, góc độ khác nhau. Giáo dục đại học ngày nay dựa trên nền tảng giáo dục vừa mang tính chuyên sâu, vừa mang tính liên ngành. Nhờ đó mà vấn đề nghiên cứu được khai thác sâu hơn, rộng hơn so với nghiên cứu ở một lĩnh vực nhất định như trước đây.

Đối với người tu sĩ Phật giáo, học rộng hiểu nhiều được hiểu trước nhất là lão thông kinh, luật, luận, tông chỉ, pháp môn, các phương pháp giải quyết nỗi khổ niềm đau; đồng thời phải nắm vững tri thức của các ngành thế học để nâng cao hiệu quả lý giải Phật pháp cho mọi người, nhất là cho người trí thức. Ở thời đại kỹ thuật số, tri thức toàn cầu hóa này, muốn đưa Phật giáo đến với mọi người cần phải am hiểu cả nội điển và ngoại điển. Nếu không, ta sẽ gặp rất nhiều trở ngại trong việc phổ biến Phật pháp đến với mọi người.

Người cư sĩ tại gia cũng vậy, muốn đem Phật pháp phổ biến đến mọi người ít nhất cũng cần phải có kiến thức Phật pháp sâu và rộng. Nếu có thêm tri thức thế học, nhất là khả năng sử dụng tốt ngôn ngữ thì khả năng đưa Phật pháp vào đời sẽ dễ thành công hơn. Thiếu khả năng sử dụng ngôn ngữ,

ta không thể diễn đạt tốt các giá trị sâu sắc của đạo Phật, và do đó khả năng thuyết phục người khác đến với đạo Phật sẽ rất kém.

(x) *Biết được kiếp sống quá khứ*

Biết được đời sống quá khứ là một trong những biểu hiện của người có trí. Một khi đã biết rõ quá khứ thì đồng thời cũng có khả năng biết rõ hiện tại và tương lai. Bởi vì hiện tại và tương lai là kết quả của những gì diễn ra trong quá khứ.

Ngành tương lai học ngày nay đã được các nhà nghiên cứu trên thế giới khai thác trên nền tảng của tinh thần này. Bằng các giả định khoa học có logic, có bài bản từ các ngành khoa học khác nhau như thiên văn học, địa lý học,... người ta có thể đưa ra các dự báo chính xác những hiện tượng diễn ra trong tương lai. Dựa vào kết quả dự báo đó, người ta có những bước chuẩn bị cần thiết nhằm khắc phục các sự cố sẽ diễn ra, nhờ đó, những thiệt hại về con người, tài sản sẽ giảm thiểu một cách đáng kể.

Đối với người Phật tử, biết rõ quá khứ là một thuận lợi để ta có thể tu học và sống tốt ở hiện tại. Nhờ biết rõ quá khứ, ta đối diện với hiện tại bằng một thái độ tích cực, không chán chường, khổ đau, cũng không lạc quan thái quá. Vì ta biết, hiện tại này là kết quả của quá khứ, chứ không phải là sự ngẫu nhiên. Trên nền tảng đó, ta có thể giúp cho những người khác hiểu rõ và vượt qua các bế tắc mà họ đang đối diện.

Sau khi chia sẻ 10 dấu hiệu để nhận dạng một bậc trí, Ngài Hiền Nhân trích dẫn lời kinh kết luận sâu sắc sau đây: *“Khi gặp tai nạn mới biết được lòng bạn. Có đánh nhau mới biết kẻ yếu người mạnh. Có luận nghị mới biết được người trí kẻ ngu. Lúc cơm thua, gạo kém mới biết được người có lòng nhân”*. Đó là các kinh nghiệm, tiêu chí, hoàn cảnh giúp

ta nhận diện bản chất của người khác. Nhờ đó ta có thể thiết lập được một đời sống an lạc hạnh phúc ngay trong đời sống hiện tại này.

II. TÁM ĐIỀU AN ỔN

Hiền Nhân chia sẻ với đức vua về tám điều mà theo đó, con người có thể đạt được trong cuộc đời.

1. Thừa hưởng gia tài cha mẹ để lại

Có một số người sanh ra từ nhỏ đã được kế thừa gia tài lớn từ gia đình. Lớn lên, họ không cần phải nhọc nhằn, bươn chải để tìm kiếm cái ăn, cái mặc, không cần phải phấn đấu nhiều mà vẫn có một đời sống sung túc, giàu sang, vẫn có nhiều cơ hội thành đạt trong cuộc sống. Đó là cái phúc mà họ gieo trồng trong quá khứ. Nhờ phúc đó mà đời này sinh ra, họ có được một đời sống an ổn.

2. Có nghề nghiệp đảm bảo được sự sống

Kế thừa gia tài của gia đình mà không biết cách sử dụng thì gia tài đó khó tồn tại lâu dài được. Do đó, bậc làm cha làm mẹ khôn ngoan, không quá chú trọng tới việc giao gia tài cho con cái mà chú trọng hơn tới việc trang bị cho chúng tri thức, nghề nghiệp, phương pháp để chúng có thể tự nuôi sống và phát triển sự nghiệp.

Phần lớn con em nhà giàu khó ăn học đến nơi đến chốn vì hay ỷ lại vào gia tài của cha mẹ. Do ỷ lại, chúng mất hẳn ý thức trang bị tri thức hoặc nghề nghiệp cho bản thân, mà chỉ biết sống dựa dẫm, hưởng thụ, tiêu xài hoang phí. Do đó, khi cuộc sống có những thay đổi theo chiều hướng xấu thì họ dễ dàng rơi vào tình trạng hụt hẫng, bế tắc, tuyệt vọng. Vì thế, làm cha mẹ phải chú ý chăm sóc, tạo điều kiện, trang bị cho con cái được ăn học tới nơi tới chốn. Chỉ có tri thức,

nghề nghiệp mới có thể giúp con cái tạo lập được cuộc sống an ổn lâu dài.

3. Có học thức cao

Đã có nghề nghiệp ổn định, mà còn có tri thức cao thì mức độ ổn định của đời sống càng cao. Ngay cả khi thời cuộc thay đổi theo chiều hướng xấu, người đó cũng không vì thế mà hoàn toàn bế tắc. Nhờ nghề nghiệp và tri thức, người đó sẽ biết cách tự gây dựng lại sự nghiệp của mình.

Tiền bạc, tài sản có thể dễ dàng bị mất đi nhưng nghề nghiệp, tri thức thì gần như theo ta suốt cuộc đời. Do đó, chỉ cần có nghề nghiệp ổn định, tri thức cao rộng, ta có thể xây dựng một cuộc sống an ổn khá dễ dàng. Vấn đề còn lại là nỗ lực đúng mức của bản thân mà thôi.

4. Có bạn hữu tri thức

Bạn hữu tri thức là người có kiến thức, có đạo đức tâm linh, có phương pháp chuyển hóa và sẵn sàng chia sẻ, nâng đỡ, hỗ trợ bạn bè để họ có được phương châm, lối sống tốt, nghề nghiệp ổn định.

Trong cuộc sống, rất hiếm người chia sẻ hay trao cho chúng ta các tri thức lành mạnh, quý báu một cách vô tư, ngoài bạn hữu tri thức. Do đó có bạn hữu tri thức để đồng hành là một phúc báu lớn để ta đi hết cuộc đời một cách yên tâm, an ổn. Là người học Phật, ta cần phải có thái độ và hành động xây dựng, trân trọng, giữ gìn tình bạn quý báu này.

5. Vợ chồng chung thủy và hiền lương

Có vợ hoặc chồng chung thủy, hiền lương thì cuộc sống gia đình sẽ trở nên rất an ổn. Mọi người trong gia đình luôn tin tưởng, thương yêu lẫn nhau. Không ai có tâm nghi kỵ hay thiếu niềm tin vào vợ hoặc chồng của mình. Nhờ đó, hạnh

phúc gia đình được nuôi dưỡng, được tô bồi lớn mạnh lên từng ngày.

Vì tin tưởng, thương yêu lẫn nhau, không ai trong gia đình để tâm tìm kiếm những thú vui khác ngoài gia đình. Các mâu thuẫn nếu có cũng được người trong gia đình hóa giải một cách nhẹ nhàng, hiệu quả trên nền tảng của sự tôn trọng, thương yêu.

6. Có con hiếu thảo

Còn gì hạnh phúc cho bằng chồng và vợ sống chung thủy, hiền lương, đạo đức, nhân từ, con cái biết tôn trọng, biết lắng nghe lời cha mẹ. Sống trong một môi trường gia đình như thế không có gì để phải khổ, đau, sầu, bi, ưu và não. Đó là một thế giới cực lạc ở hiện tại, một thiên đường ở trong gia đình.

7. Có tôi tớ và gia nhân hòa thuận

Tôi tớ và gia nhân ở đây được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm luôn những người làm việc dưới trướng, những người cộng sự, những đối tác, người giúp việc, họ luôn luôn có tinh thần trên thuận dưới hòa, biết nhường nhau để sống, nhường nhau để làm và nhường nhau để phát triển. Có được những người thân cận như vậy, cuộc sống ta sẽ có điều kiện phát triển, hạnh phúc hơn.

8. Biết xa lìa nghiệp ác và lối sống tiêu cực

Người biết xa lìa nghiệp ác và lối sống tiêu cực thì cuộc sống luôn luôn được an ổn. Trong mọi hoàn cảnh, hành vi của họ luôn luôn trong sáng và hướng thượng. Sự có mặt của họ trong một môi trường nào đó khiến cho môi trường sống đó tươi mát, an bình.

Tóm lại, tám vấn đề nêu trên là điều kiện, tiêu chí cho phép ta xác định được mức độ sống an ổn, hạnh phúc của

một người nào đó. Sự có mặt của họ không chỉ thể hiện phước báu của họ mà còn là phước báu của những người xung quanh. Sống chung với họ, ta sẽ có điều kiện phát triển bản thân trên nhiều phương diện, trong đó có sự phát triển của đời sống đạo đức, tâm linh.

III. TÁM ĐIỀU ƯA THÍCH

Tám điều này được Ngài Hiền Nhân chia sẻ như sau:

1. Được cùng làm việc với người hiền

Người hiền được hiểu là người có đạo đức, có lương tâm, có lòng tử tế không lợi dụng ai, không gây bất công cho ai và biết tưởng thưởng người có công một cách công bằng, rõ ràng, chính trực, đứng đắn. Họ là thước đo của các tiêu chuẩn, giá trị và hạnh phúc của cuộc đời. Sống và làm việc chung với họ tâm chúng ta sẽ trở nên bình an và hạnh phúc hơn.

2. Được học với các bậc thánh nhân

Được học với các chuyên gia, các bậc thầy giỏi, không giấu nghề là cơ hội tốt giúp ta chiếm lĩnh tri thức sâu rộng một cách nhanh chóng. Còn học với thánh nhân, mặc dù trong nhiều trường hợp chỉ là một vài lời ngắn gọn, ít ỏi, nhưng đó là những lời tâm huyết xuất phát từ trí tuệ của họ, do đó ta có cơ hội chuyển hóa tận gốc nỗi khổ niềm đau của bản thân. Đó là cơ hội, là phước báu không phải ai cũng dễ dàng có được.

3. Tánh nhân từ và ôn hòa

Nhân từ nghĩa là có lòng vô ngã, có tâm vị tha không gây tổn hại ai. Ôn hòa là lấy sự hòa hợp, đoàn kết, cảm thông, nâng đỡ đối đãi nhau. Nhờ sống nhân từ và ôn hòa, người ta tạo ra được môi trường sống tích cực, tốt đẹp, nuôi dưỡng đời sống bản thân và người khác.

4. Sự nghiệp ngày càng hưng thịnh

Có được sự nghiệp ổn định là điều khó, duy trì, phát triển được sự nghiệp là điều khó hơn. Muốn làm được điều này ta cần phải có hiểu biết, trí tuệ. Thiếu hiểu biết, trí tuệ, sự nghiệp rất khó thành công. Nếu có thành công thì sự thành công ấy cũng khó được duy trì lâu dài, bền vững.

5. Diệt được tánh giận dữ

Giận dữ khiến người ta mất đi tính sáng suốt, do đó ứng xử thiếu chuẩn mực, gây đổ vỡ, thất bại, chuốc lấy khổ đau. Người thường xuyên giận dữ không giải quyết được các vấn đề mà chỉ làm cho vấn đề rắc rối, phức tạp thêm mà thôi.

Nhiều người khi giận liền tìm kiếm các đối tượng để xả cơn giận. Điều đó thật sự rất nguy hiểm, nó khiến cho cơn giận trở nên mạnh mẽ hơn. Do đó, để cho cơn giận không còn tác dụng hoành hành, trước hết phải học thái độ bình tĩnh. Nhờ bình tĩnh, tâm trí sáng suốt, và do đó ta sẽ tìm thấy cách đi ra khỏi cơn giận một cách an toàn.

6. Biết phòng ngừa tai nạn

Đây là lối sống cho thấy đó là một bậc trí. Châm ngôn nhà Phật có câu: *“Bồ-tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả”*. Sợ nhân nên Bồ-tát không làm, không tạo tác nhân bất thiện, còn chúng sanh thì không sợ nhân, nhưng khi quả ác tới thì sợ hãi.

Gieo nhân lành gặt quả lành, gieo nhân ác gặt quả xấu. Đó là quy luật của đời sống, không ai có thể tránh được. Đúng thời điểm, dù điều kiện thì quả phải trở dù ngăn cản cũng không được. Do đó, cần phải gieo nhân tốt, tức là phải làm lành, lánh dữ, phải biết phòng ngừa lỗi lầm, phòng ngừa sơ xuất. Khi nhân tốt đã gieo, thì cơ hội hưởng quả lành, hạnh phúc, xa rời quả xấu ác, khổ đau là rất lớn.

7. Biết nương tựa Phật pháp

Từ nhỏ mà trở thành Phật tử, biết tu học đúng mực thì tương lai của chúng ta sẽ rất tươi sáng. Người biết tu học sớm sẽ không ăn chơi, không dựa dẫm, không tạo tội, không bắt hiếu, không gây sự, không tham, sân, si, họ biết cách chăm lo đời sống, biết chọn lựa nghề nghiệp chân chính để nuôi sống, biết giữ gìn đạo đức, do đó họ luôn trải nghiệm được bình an, hạnh phúc.

Là người học Phật, ta cần phải hướng dẫn và hỗ trợ cho người thân gặp được Phật pháp, nương tựa Phật pháp càng sớm càng tốt. Đừng đợi đến khi con cái, người thân hư đốn rồi mới đến chùa cầu Phật, tìm kiếm giải pháp khắc phục thì e rằng đã quá muộn.

8. Bạn bè chân thật không dối gạt nhau

Bạn bè chân thật luôn tin tưởng nhau, sống hết tình vì nhau. Trong khi bạn xấu thì thường lợi dụng, qua mặt nhau vì quyền lợi cá nhân hoặc đẩy bạn vào con đường hưởng thụ, ăn chơi, từ đó chìm đắm trong hiện tại, đánh mất tương lai. Ta không nên gần các loại bạn như thế. Thà đơn độc một mình như voi chúa ở rừng sâu không kết bạn với kẻ ngu. Đó không phải là ta ích kỷ hay hẹp hòi, nhưng để được an toàn, chúng ta cần dứt khoát như thế. Mình chưa phải là người giỏi bơi thì phải cân nhắc khi cứu người chết đuối, vì không khéo không những không cứu được người mà mạng sống của ta cũng khó bảo toàn. Chỉ nên kết bạn với những người hiền, sống chân thật, không dối gạt, lợi dụng bạn bè. Như thế ta mới có nhiều cơ hội để sống bình an, hạnh phúc.

Tóm lại, ai ưa thích những điều trên chúng ta đó là người có trí. Nhờ có trí, có sự hiểu biết, người đó trải nghiệm được một đời sống hạnh phúc lâu dài.

IV. MƯỜI TRƯỜNG HỢP KHÓ KHUYÊN CAN

Trong cuộc sống, có nhiều trường hợp khó khuyên can, giúp đỡ để một người nào đó khắc phục, chuyển hóa. Ở đây, kinh đề cập tới 10 trường hợp.

1. Người đánh mất lương tri

Thông thường, trong tình huống đó, dù có khuyên can hay nói gì đi nữa người ta cũng không nghe. Bản thân họ đang chìm đắm trong sự si mê, do đó họ sẵn sàng làm bậy, làm càn, làm bừa, làm trái lương tâm, vi phạm luật pháp. Việc quay đầu về nẻo thiện đối với họ thực sự là rất khó.

Tuy nhiên, là người học Phật, trong trường hợp đó, ta cần phải vận dụng hiểu biết, trí tuệ để giúp họ vượt qua vương mắc. Cách tốt nhất là khuyên can họ. Nhưng nếu khuyên can mà họ vẫn không thay đổi thì cần phải báo với các cơ quan chức năng để cơ quan chức năng dùng luật pháp để ngăn chặn, trừng phạt hoặc cải tạo họ. Còn che giấu, bỏ qua trong trường hợp này là đồng lõa với tội ác, không những không giúp được người đó mà còn khiến cho họ càng bị lún sâu vào vòng tội lỗi. Đó là điều không nên.

2. Người tham đắm sắc đẹp

Nhiều người, nhất là đàn ông, vì tham đắm sắc đẹp mà ruồng rẫy vợ con. Trong tình huống bị ruồng rẫy, các bà vợ thường cho rằng chồng mình đang bị bùa mê thuốc lú. Thực ra, bùa mê thuốc lú chỉ là lời đồn đoán trong dân gian. Việc ruồng rẫy vợ con của các ông chồng xuất phát từ sự tham đắm sắc đẹp của anh ta. Khi vướng vào sự tham đắm đó, họ như những con thiêu thân, lao vào sắc đẹp như lao vào lửa, bất kể sống chết, bất kể những gì họ đã từng vun đắp cho hạnh phúc gia đình trước đó.

Cũng có trường hợp, họ biết đam mê sắc đẹp có thể đưa tới hành vi vi phạm đời sống chung thủy một vợ một chồng, đánh mất hạnh phúc cá nhân, hạnh phúc gia đình nhưng họ vẫn lao vào, bất chấp hậu quả. Điều đó thật đáng thương. Là người tu học, người bạn hay người thân, mặc dù ta biết rằng, khuyên người trong trường hợp này là rất khó, nhưng nếu có thể, ta nên nỗ lực để giúp họ vượt qua khó khăn này. Còn nếu như ta đã nỗ lực giúp đỡ mà họ vẫn không thay đổi, vẫn lao theo lối sống cũ thì ta đành phải chấp nhận. Và trong trường hợp này ta không cảm thấy ân hận hay khó chịu, vì ta đã nỗ lực giúp họ hết mình, chỉ vì xu hướng nghiệp, thói quen của họ quá mạnh, nên họ chưa đủ sức mạnh, năng lực để chuyển hóa chúng mà thôi.

3. Người ưa danh vọng địa vị

Đó là biểu hiện của lòng tham. Khi tham danh vọng địa vị, người ta có thể bất chấp thủ đoạn để thăng tiến. Điều đó diễn ra ở khắp nơi, trong mọi tổ chức, kể cả các tổ chức tôn giáo. Đối với người có lòng tham như thế, dù ta có chân thành khuyên can, góp ý, họ cũng ít khi nghe theo. Do đó, tốt nhất là ta không nên tiếp xúc nhiều với hạng người này. Vì tiếp xúc nhiều với họ, ta chỉ chuốc lấy sự khó chịu, khổ đau mà thôi.

4. Người ngang tàng bạo ngược

Ngang tàng bạo ngược thì không còn biết đâu là đúng, đâu là sai, đâu là việc nên làm, đâu là việc không nên làm. Do đó họ thường gây ra các khó khăn, đau khổ cho bản thân và người khác. Đối với hạng người này việc khuyên can, góp ý thường không đưa tới kết quả tốt. Bản thân họ chỉ muốn lấy sự hơn thua, chà đạp, khùng bố người làm niềm vui, do đó, tiếp xúc với họ ta phải thận trọng. Không nên hơn thua, tranh

chấp với họ. Nếu cần thiết hãy để pháp luật giải quyết. Còn nếu pháp luật vẫn không giải quyết được thì ta cũng đừng bận tâm. Nhân quả tự nó sẽ giải quyết mọi vấn đề. Gieo nhân ác chắc chắn sẽ gặt quả xấu. Đó là quy luật của cuộc đời.

5. Người nhút nhát thiếu tự tin

Nhút nhát, thiếu tự tin là một trở ngại lớn của sự thành công. Chúng ta biết rằng tiềm năng của con người rất lớn và tiềm năng ấy chỉ có thể phát huy tốt khi ta có thái độ tự tin. Thiếu tự tin, ta không thể khai thác được tiềm năng của bản thân. Do đó, khi thấy ai nhút nhát, thiếu tự tin ta cần phải khuyến khích họ, giúp họ vượt qua tâm lý đó để vươn lên trong cuộc sống.

Thiếu tự tin, dù có sở hữu được nhiều điều kiện tốt nhất ta cũng không thể nào thành công. Trong tu học cũng vậy, thiếu tự tin ta cũng không thể nào có được một sự tiến bộ tâm linh nào. Vì thiếu tự tin, ta không dám dấn thân vào bất kỳ công việc nào, và do đó ta không thể có những đóng góp tích cực nào cho cuộc đời này. Đó là một thiệt thòi cho bản thân ta và cũng là thiệt thòi cho những người xung quanh.

6. Người không thông minh

Không thông minh thì rất khó để có được thành tựu lớn trong cuộc đời. Người thông minh nắm bắt mọi thứ nhanh chóng, có ý tưởng, sáng kiến độc lập. Nếu được phát hiện, đầu tư, tạo điều kiện, họ có thể đóng góp rất lớn cho xã hội. Ngược lại, người không thông minh thì sức tiếp thu tri thức cuộc sống chậm chạp, thiếu sáng tạo, thậm chí, trong nhiều trường hợp, họ hiểu sai, hiểu lệch các thông tin người khác muốn truyền thông. Do đó, khi chia sẻ với họ điều gì cần phải cân nhắc, khéo léo, thận trọng, nếu không thiện chí của ta có thể sẽ bị họ hiểu lầm.

7. Người kiêu ngạo và buông lung

Kẻ kiêu ngạo thường tự cho mình là số một, là hơn hết, những gì họ nói là đúng, là chân lý còn những gì người khác nói là sai. Còn buông lung là ăn chơi vô độ không biết dừng và xem hưởng thụ là con đường đưa tới hạnh phúc. Giao du với người kiêu mạn, buông lung thì trước sau gì ta cũng vướng kẹt vào các thói hư tật xấu như họ. Do đó, tốt nhất là ta nên lánh xa hạng người này để tránh họa về sau.

Trong trường hợp nhận thấy họ có khả năng chuyển hóa, thay đổi theo hướng tích cực, ta cũng nên khuyên răn, hướng dẫn họ quay đầu. Đó là hành vi và thái độ của một người Phật tử tu học chân chánh. Tuy nhiên, cần phải khéo léo và thông minh, nếu không ta sẽ tự chuốc họa vào thân.

8. Người ưa thích đấu tranh

Người thích tranh đấu, hơn thua thì chuyện lớn chuyện nhỏ gì họ cũng cãi vã, cũng ăn thua đủ để giành phần thắng về mình. Họ thuộc hạng người không biết lắng nghe, do đó, đối với họ, không nên khuyên can, vì khuyên can họ cũng chẳng màng đến.

Trong quan hệ vợ chồng, hơn thua nhau thì không có hạnh phúc. Trong quan hệ tình bạn, hơn thua nhau sẽ đánh mất tình thân. Xóm làng hơn thua nhau sẽ trở nên thù nghịch. Nhường nhịn, lắng nghe nhau mới thực sự là lối ứng xử của người có trí.

9. Người chấp tập tục si mê

Tức là người tin tưởng vào các phong tục tập quán lạc hậu, lỗi thời, các hiện tượng mê tín dị đoan, các niềm tin không có cơ sở. Niềm tin đó dẫn họ đến một đời sống rầy rầy nổi lo lắng, sợ hãi và khổ đau. Đối với họ, ta rất khó có thể giúp đỡ, khuyên can.

Vào cuối tháng 6 năm 2012, báo chí đã đưa tin một người nọ, do cờ bạc thua đã giả một nhà ngoại cảm lừa đảo một gia đình nghèo mê tín dị đoan. Người này cho rằng, khu đất ở của nạn nhân có chứa một kho báu lớn và kho báu đó chỉ có thể khai thác được thông qua khả năng mầu nhiệm của anh ta. Để có được niềm tin từ phía gia đình nọ, trước đó, người đàn ông này đã tìm hiểu hoàn cảnh, tâm lý của những người trong gia đình, do đó anh ta có thể đưa ra những thông tin chính xác khiến cho người trong gia đình tin tưởng tuyệt đối vào anh ta.

Sau khi chiếm được niềm tin của gia đình, kẻ lừa đảo mua một vài dụng cụ bằng đồng, sau đó mạ vàng trộn lẫn vào một số dụng cụ, trang sức bằng vàng thật để chuẩn bị lừa đảo. Trong lúc đào “kho báu”, anh ta yêu cầu vợ chồng nọ vào bên trong nhà khăn vãi. Khi gia đình vào trong nhà, anh ta nhanh chóng đem số “tài sản” chuẩn bị sẵn chôn xuống dưới mặt đất. Khi người trong gia đình khăn vãi xong trở ra, tiếp tục đào thì phát hiện “kho báu”. Người trong gia đình nhìn thấy “kho báu” sáng lóa thì hết sức mừng rỡ. Lúc này, kẻ lừa đảo liền khuyên họ nên dùng loại vải đen cuốn các “báu vật” mới khai quật được cất trong tủ một thời gian và trong thời gian cất giữ này, gia đình không nên tự ý mở ra xem. Vì tin vào lời của “nhà ngoại cảm”, người trong gia đình hoàn toàn yên tâm chờ đợi đến ngày mở “kho báu”, sau khi đã đưa thêm cho anh ta vài trăm triệu đồng. Tuy nhiên, đến ngày nhà ngoại cảm giả hứa hẹn đến để mở kho báu thì người trong gia đình không thấy anh ta đến, gọi điện thoại thì điện thoại ngoài vùng phục vụ. Lúc này, người trong gia đình nọ mới biết mình đã bị lừa nên đến trình báo sự việc với công an địa phương. Kết quả là kẻ lừa đảo bị bắt giữ và bị tuyên án lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân.

Đó là hậu quả của việc mê tín, nhẹ dạ cả tin. Khi cả tin, mê tín, người ta không còn lý trí để nhận thức đúng sai. Người ta chỉ nhắm mắt làm theo lời người khác một cách mù quáng, bất kể hậu quả khôn lường của nó. Là người Phật tử tu học theo giáo pháp của đức Phật, khi tiếp xúc với người mê tín hay có niềm tin không chân chính, ta phải tìm kiếm cơ hội để hướng dẫn, giúp họ thiết lập niềm tin chân chánh. Điều đó, mặt đầu khó khăn, nhưng nếu làm được nó sẽ mang tới lợi ích thiết thực cho cuộc sống của chúng ta.

10. Tiểu nhân, hãm hại người khác

Tiểu nhân là người sống ích kỷ, nhỏ nhen, hẹp hòi, sống bất chấp thủ đoạn. Vì lợi ích cá nhân, họ sẵn sàng hãm hại người khác. Khuyên can, giúp đỡ họ vượt qua lối sống ích kỷ, hẹp hòi, bất chấp thủ đoạn đó là rất khó, thậm chí có thể gây phiền phức, nguy hại tới mạng sống của chúng ta. Tuy nhiên, là một người tu học, nếu thấy có cơ hội giúp đỡ, ta cũng không nên tránh né. Hãy giúp đỡ họ trong khả năng của ta, vì điều đó là trách nhiệm của người tu học Phật.

Tóm lại, trên đây là mười loại người mà theo Ngài Hiền Nhân rất khó khuyên can. Tuy nhiên, là người học Phật, ta phải thấy rằng, mặc dù cả mười trường hợp trên đều khó khuyên can, nhưng khi có cơ hội, nhân duyên thuận lợi ta cũng nên giúp họ thực tập Phật pháp để chuyển hóa lối sống tiêu cực, bất thiện thành lối sống thiện lành, ích lợi. Được như vậy, ta mới thực sự xứng đáng là người đệ tử chân chính của đức Phật.

V. MƯỜI TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN PHÁT BIỂU

1. Người ngạo mạn

Đối với người ngạo mạn, việc tranh luận đúng sai với họ chỉ đưa tới việc phí công vô ích. Bởi vì, đối với họ, những

tri thức, kiến giải của mọi người đều sai, chỉ có tri thức, kiến giải của họ mới đúng. Do đó, họ không bao giờ tin vào người khác. Là người khôn ngoan, khi tiếp xúc với hạng người này, ta đừng nên tranh luận với họ, vì tranh luận với họ chắc chắn sẽ không mang tới một lợi ích thiết thực nào mà chỉ gây thêm rắc rối cho vấn đề đang bàn luận mà thôi.

Ta cứ thử hình dung về tình trạng cây đinh dính vào khúc gỗ. Càng lấy búa đóng vào nhiều chứng nào thì càng khiến cho nó lún sâu hơn vào khúc gỗ chừng nấy. Kể có quan điểm bảo thủ, ngạo mạn cũng giống như vậy. Càng nói nhiều, tranh luận nhiều, họ càng lún sâu vào quan điểm bảo thủ của họ chừng nấy. Đem nước đổ vào chai đã đầy thì nước sẽ tràn ra ngoài. Đó là điều tất nhiên.

2. Người ngu độn

Người ngu độn thì không phân biệt được đâu là đúng, đâu là sai, đâu là điều nên làm, đâu là điều không nên làm, đâu là người tốt, đâu là kẻ xấu, do đó họ thường vướng vào các sai lầm trong cuộc sống. Đối với họ, mình càng nỗ lực khuyên can, góp ý bao nhiêu thì mình càng thất vọng bấy nhiêu. Chỉ khi nào đối diện với những khó khăn hay khổ đau trong cuộc sống thì họ mới rút ra được kinh nghiệm cho chính bản thân họ. Còn bình thường, cho dù ta có thiện chí đến đâu, ta cũng khó lòng giúp họ hiểu được vấn đề.

3. Người hay lo sợ

Đối với hạng người này, việc phân tích chi tiết những điều nên làm, không nên làm không những không giúp họ nắm bắt vấn đề nhanh hơn mà còn làm cho họ rơi vào tình trạng hoang mang, sợ hãi và mất phương hướng. Do đó, cứ để cho họ trải nghiệm các tình huống có thể diễn ra, từ đó họ sẽ có cách để vượt qua các trở ngại, khó khăn đó.

4. Người ham chơi lâu lổn

Nói hay giải bày điều gì với những người ham chơi lâu lổn thì trước sau gì cũng rước họa vào thân. Người ham chơi lâu lổn thì không đáng tin cậy. Họ thường có những hành động vi phạm các chuẩn mực đạo đức, lối sống. Do đó, trong nhiều trường hợp, không nên chia sẻ với họ bất kỳ điều gì. Vì nếu có chia sẻ chưa chắc họ đã nghe chúng ta, không khéo lại còn mang vạ vào thân.

Người làm cha mẹ, nếu gặp đứa con hư, ham chơi lâu lổn mà nói những lời ngon ngọt, đạo đức thì nó càng lấn tới, thậm chí sẽ có những hành động bất hiếu như chửi mắng, đánh đập, hành hung cha mẹ. Đó là thực tế đã diễn ra khắp nơi, đặc biệt là trong xã hội chúng ta những năm gần đây.

5. Người hay e lệ, rụt rè

Đối với hạng người này, việc chia sẻ của chúng ta cũng không có tác dụng gì, vì họ sống ở trong ốc đảo của riêng họ. Càng nói nhiều càng làm cho họ mất tự tin. Cho nên thay vì nói, tốt nhất ta hãy tạo cơ hội cho họ có điều kiện tiếp xúc trực tiếp, rút kinh nghiệm trực tiếp và vượt qua các yếu kém của bản thân.

6. Người câm, ngọng

Người câm thì thường kèm theo điếc, nhưng người điếc thì không nhất thiết câm. Do cộng nghiệp nào đó mà câm và điếc có một mối liên hệ mật thiết với nhau. Người câm mà nghe được thì họ khổ lắm. Còn không câm mà điếc thì càng khổ hơn. Cho nên, người câm thì thường kèm theo điếc. Có lẽ nhờ vậy mà cuộc sống của họ đỡ khổ đau hơn.

Đối với hạng người này, không nói, giải bày với họ không phải vì mình xem thường họ, mà vì mình không muốn khiến

cho họ bị mặc cảm. Vì mặc cảm sẽ khiến cho cuộc sống của họ, vốn đã bất hạnh khổ đau, càng bất hạnh khổ đau hơn.

7. Người nhiều thù hận

Người nhiều hận thù thì suốt ngày chỉ ôm thù hận vào lòng không lúc nào rời chúng. Do đó góp ý hay chia sẻ điều gì với họ không hề đơn giản, nhất là điều đó trái với nhận thức và hành động của họ. Chính vì vậy mà kinh khuyên ta không nên trình bày, chia sẻ với những hạng người này. Tuy vậy, là người Phật tử, ta cần phải góp ý, sống hết lòng với họ. Nhiều khi, chính nhờ vào thái độ sống hết lòng của ta mà họ có thể rũ bỏ được thù hận trong lòng.

8. Người đói lạnh, nghèo cùng

Đối tượng này nói nhiều với họ không có tác dụng mà hãy tặng quà và giúp cho họ có được chén cơm, manh áo để họ có thể vượt qua nỗi khổ niềm đau. Việc tặng “con cá” trong trường hợp này hiệu quả hơn tặng “cần câu”. Vì trong giai đoạn nghèo, người ta cần cái ăn để sống, để vượt qua khó khăn. Sau đó, khi đã có cái ăn rồi người ta mới tính đến việc học đạo. Hiểu được tâm lý này, ứng dụng nó vào việc truyền bá, chia sẻ Phật pháp cho mọi người sẽ mang lại hiệu quả rất tốt.

9. Người bận nhiều việc

Đối với người bận việc, nói với họ câu trước họ sẽ quên câu sau, nói buổi sáng họ quên buổi chiều, vì trong đầu họ đầy ắp những lo toan, tính toán. Do đó, nói với họ cũng bằng thừa.

Đối với họ, thay vì nói nhiều, hãy chia sẻ thật ngắn gọn những gì liên quan tới việc giúp họ rũ bỏ bớt những công việc không cần thiết. Khi rũ bỏ được bớt những công việc, họ mới có thể tiếp thu được các thông tin, kinh nghiệm, phương

pháp sống hạnh phúc. Bằng không họ sẽ không có cơ hội để sống an lạc, hạnh phúc trong cuộc đời này.

10. Người đang tham thiền nhập định

Người đang tham thiền nhập định mà ta nói chuyện với họ là ta đang phá hoại họ, vì thiền định cần phải có sự yên tĩnh. Khi cần tham vấn với một vị thầy để nhờ vị thầy đó cố vấn cho ta tháo gỡ những vướng mắc mà ta đang gặp phải thì cần phải đến vào lúc thích hợp. Khi thấy các vị thầy, các vị sư cô đang ngồi thiền, không nên hỏi, cần phải giữ yên lặng cho không gian tâm linh đó. Ngày nay, thông tin truyền thông rất phát triển, ta có thể học hỏi Phật pháp thông qua nhiều phương tiện khác nhau của truyền thông như internet, băng đĩa giảng của các thầy và các sư cô... Điều gì thật sự bế tắc mà các phương tiện đó không thể giải quyết được ta mới tìm đến tham vấn các vị thầy và các sư cô.

Trong khi tham vấn, cũng cần phải thật sự sáng suốt. Hãy tìm kiếm, cân nhắc để chọn cho mình một vị thầy chuẩn mực cả về tri thức và tuệ giác. Tránh tình trạng hết tham vấn thầy A, tới sư cô B, thiền sư C... Bởi vì đôi khi, vấn đề căn bản không phải ở lời hướng dẫn của thầy A, sư cô B hay thiền sư C, mà vấn đề nằm ở khả năng nhận thức và ứng dụng của ta đối với lời chia sẻ, chỉ dạy của các vị ấy. Lắng nghe và sở hữu nhiều phương pháp tháo gỡ vướng mắc mà ta không sử dụng chúng thì dù có phương pháp nhiều đến mấy ta cũng không thể nào thoát ra được các vướng mắc ấy. Đó là một bài học thực tế mà ta cần phải lưu tâm.

VI. MƯƠI DẤU HIỆU KHÔNG ĐOAN CHÍNH

Đây là kết quả của việc Ngài Hiền Nhân sử dụng khoa tướng số để đánh giá tính cách của một con người, và đương

nhiên nó không hoàn toàn là chân lý. Tuy nhiên, vì kinh đề cập đến, cho nên ta cũng cần phải khảo cứu để biết.

1. Người đầu tóc rối bời

Đó chính là biểu hiện của hạng người không đoan chính. Họ ăn mặc xề xòa, qua loa, đại khái, tóc tai bù xù, không ra hình dáng của một người bình thường. Đó là lối sống không chú trọng tới hình thức một cách cực đoan, thể hiện thái độ thiếu tôn trọng bản thân và người khác.

Trong xã hội ngày nay, nhất là giới trẻ, họ thường chạy theo lối sống hình thức bên ngoài, đánh mất phẩm chất đạo đức bên trong. Họ thường để tóc theo kiểu giật gân, kỳ dị, không giống ai để thể hiện bản thân. Họ không nhận thức được rằng, chính hình thức đó bộc lộ tâm lý, đạo đức thiếu đoan chính của họ. Do đó, những người làm cha làm mẹ khi thấy con mình có biểu hiện như thế cần phải nhắc nhở, định hướng giá trị cho chúng. Đừng để chúng chạy theo các xu hướng hoặc hiện tượng thời trang không phù hợp với chuẩn mực. Phải chỉ cho chúng biết rằng, làm đẹp rất cần với cuộc sống, nhưng phải đúng thời, đúng lúc, đúng lứa tuổi. Hơn nữa, bên cạnh nét đẹp hình thức còn có nét đẹp tâm hồn, nét đẹp tri thức, nét đẹp phẩm chất đến từ lối sống chuẩn mực của con người. Mà đó mới thực sự là nét đẹp để chúng ta hướng tới.

2. Sắc mặt thường hay thay đổi

Người hay biến sắc là người thiếu điềm tĩnh. Người thiếu điềm tĩnh có thể có những hành động mất kiểm soát, vì thế sự đoan chính của tâm khó có thể đạt được. Là nhà quản lý, ta không nên giao việc lớn cho những người như thế, vì rủi ro trong trường hợp này rất lớn. Dân gian Việt Nam có câu: “*Ruột để ngoài da*”, tức chỉ người sống để cảm xúc phơi bày

ra bên ngoài. Những người như thế dễ làm hư việc lớn. Phải điềm tĩnh, bản lĩnh, có sức chịu đựng thì chúng ta mới có thể làm lợi ích cho mình và cho người được.

3. Lớn tiếng, nói và cười vô độ

Đức Phật dạy: *“Lúc nào cần nói thì nên nói, nói không tiếu lời, lúc nào không nên nói thì không nên phát ngôn dù người ta có nói khích mình!”*.

Khi nói thì nói chậm rãi, nhẹ nhàng, thư thái. Ngữ điệu êm dịu làm cho người nghe cảm thấy dễ chịu, dễ nghe, hài lòng và thoải mái. Còn ăn to nói lớn làm cho không gian yên tĩnh bị mất đi thì người khác không ưa, không thích.

Cười đùa, giỡn hớt, la hét cũng vậy, rất dễ làm người khác phiền lòng. Thế giới phương Tây chú trọng đến sự bình an và yên tĩnh, cho nên trong quan niệm của họ, tiếng ồn là một loại ô nhiễm thứ tư không thua kém gì ô nhiễm không khí, ô nhiễm đất và ô nhiễm nước. Cho nên, ai tạo ra tiếng ồn, có thể bị họ báo cảnh sát hoặc thưa ra tòa.

4. Người hay liếc ngó

Đây là một trong những biểu hiện thiếu đoan chính. Đức Phật dạy: *“Để có chánh niệm tỉnh thức, ta phải đi thẳng, nhìn thẳng, không đi lòng vòng, liếc ngó hai bên”*. Kẻ liếc trái liếc phải, dòm trước dòm sau, ngó trên ngó dưới, vào nhà người ta thì nhìn hết đầu này đến đầu khác, gặp vật gì cũng hỏi, gặp vật gì cũng chạm tay vào là những người không đoan chính, thiếu lịch sự, thiếu tế nhị. Những người đó thường ít được lòng người. Đi đến đâu người ta cũng dè chừng, thậm chí không ưa thích. Người tu học Phật cần phải giữ thân tâm đoan chính, đi ngay về thẳng, không ngó liếc hai bên, trên dưới, đánh mất oai nghi tế hạnh.

5. Trang sức lộng lẫy không cần thiết

Trang sức vừa phải sẽ làm cho nét đẹp tự nhiên của con người đẹp hơn và khiến cho nhiều người quý trọng hơn. Dân gian có câu: “*Người đẹp vì lụa, lụa tốt nhờ phân*” là như thế. Tuy nhiên, trang sức không đúng cách, không đúng lúc sẽ trở thành một cái gì đó bất bình thường. Ở tuổi U50 trở đi mà mặt còn son phấn đậm quá sẽ làm cho mọi người có cảm giác nhức mắt, khó chịu. Tuổi còn quá nhỏ mà móng tay móng chân sơn đỏ chói, đỏ chóc thì không thể nào chấp nhận được. Lớn ra lớn, nhỏ ra nhỏ, ở mỗi độ tuổi có chuẩn mực riêng của nó, lạm dụng quá mức sẽ trở thành lỗi bịch.

6. Nhìn trộm qua kẽ vách hoặc nhà người

Người đoan chính thì đường đường chính chính, cái gì cho thì xem, không cho thì thôi chứ không nhìn lén, không nghe lén. Kẻ nhìn lén, nghe lén là kẻ không đoan chính, xấu xa.

Báo chí hôm nay mới đưa tin, một cậu sinh viên nhận học bổng toàn phần du học ở Anh bị trục xuất trở về nước sau khi hoàn tất năm thứ ba đại học một cách xuất sắc chỉ vì anh ta có thói quen nhìn lén phụ nữ thay đồ. Về nước, vừa mất danh dự, vừa phải bồi hoàn đến mấy tỷ đồng do không hoàn tất chương trình học bổng của chính phủ Anh.

Về nước một thời gian, cậu ta qua Singapore lập nghiệp. Do có trình độ, cậu ta tìm kiếm được công việc phù hợp và có thu nhập khá ổn định. Tuy nhiên, tại đây cậu ta tiếp tục lén nhìn phụ nữ qua kẽ vách nhà tắm, nhà vệ sinh và lại bị phát hiện. Kiểm tra máy tính của cậu ta, các nhà chức trách còn phát hiện có rất nhiều hình ảnh ấu dâm trong đó. Dựa vào hành vi của cậu ta và chẩn đoán của bác sĩ chuyên khoa, người ta đi đến kết luận cậu ta mắc phải một hội chứng tâm thần gọi là hội chứng tâm thần ấu dâm.

Kết quả là anh chàng này được trả tự do, nhưng chính quyền địa phương cũng đã cảnh báo với người dân nơi anh sinh sống cần phải thận trọng để bảo vệ con em, nhất là các cháu gái nhỏ của họ. Vì họ sợ rằng cậu ta sẽ có những hành vi tương tự trong thời gian tới khi có đủ điều kiện.

7. Đứng ngồi không yên

Ngồi rung đùi, ngã nghiêng ngã ngửa, khua chân, múa tay... đều là dấu hiệu của kẻ thiếu đoan chính, thậm chí trong nhiều trường hợp đó là biểu hiện của những người có vấn đề về tâm thần, ngoại trừ trường hợp được yêu cầu đóng phim hoặc nhập vai một nhân cách nào đó.

Người có tu học chuẩn mực thường rất bình tĩnh, trang nghiêm trong mọi oai nghi, hành động. Trong khi đó người không tu tập, thiếu đoan chính thì thân tâm trạo cử liên tục. Do đó, cần phải ra công thực tập điều phục thân tâm, không để cho nó đứng ngồi không yên nữa.

8. Thích dạo chơi đầu đường, ngõ xóm

Đây cũng là một dấu hiệu khác của sự thiếu đoan chính. Người chuẩn mực thì thích ở nhà, làm việc nhà, hiếu kính với cha mẹ, giúp đỡ người thân, nghe Phật pháp, đọc sách hay, học hỏi thêm những điều mà mình chưa biết, tức là tận dụng ngân quỹ thời gian một cách rất khôn khéo. Còn kẻ ăn không ngồi rồi, đi đầu đường xó chợ, tới quán bia, đến những nơi ăn chơi để tìm kiếm các thú vui chơi, khoái lạc. Những người này rất dễ sa vào thói hư tật xấu, đánh mất tương lai.

9. Thích dạo nơi hoang vắng một mình

Nếu không phải là những người thích tu tập hay hướng tới mục đích thư giãn, nghỉ ngơi mà thích đến nơi hoang vu, vắng vẻ một mình là người không đoan chính. Ngay cả khi

ta là người đoan chính, nhưng vì thấy ta ở nơi vắng vẻ một mình nên người khác cũng có thể nghĩ ta là người xấu, đang có động cơ bất chính. Người xưa, ngay cả việc sửa nón, cột giày cũng còn cẩn trọng không để cho người khác nghi ngờ mình có động cơ bất chính huống chi là đến nơi vắng vẻ một mình. Do đó, thay vì dạo chơi đến những nơi vắng vẻ một mình, ta có thể ở nhà hay tìm một nơi nào đó thích hợp để nghỉ ngơi hoặc làm việc. Nó vừa tránh được sự nghi ngờ của kẻ khác, lại vừa có thể đáp ứng mục đích nghỉ ngơi, giải trí hoặc công việc của mình.

10. Thích giao thiệp với dân nữ và dân nam

Tức là thích lui tới thế giới lầu xanh. Ngày xưa, lầu xanh chỉ có nữ, bây giờ có nam và có cả người thuộc giới tính thứ ba. Giao du với những người trong thế giới lầu xanh như thế thì trước sau gì cũng trở thành kẻ ăn chơi, thác loạn. Người xưa nói sống với bạn bè, chơi với bạn bè ta sẽ trở thành một phần tính cách của họ, ngoại trừ rất ít trường hợp cá biệt, chơi với bạn nhưng vẫn giữ được tính cách của bản thân.

Trong văn học Phật giáo Đại thừa, Địa Tạng được xem là vị Bồ-tát có đức từ bi lớn, phát nguyện gần gũi kẻ xấu, kẻ nhiều tội lỗi để cứu vớt họ ra khỏi địa ngục khổ đau. Đó là một hình tượng Bồ-tát mang tính lý tưởng, xuất phát từ lý tưởng Bồ-tát hạnh của Phật giáo Đại thừa. Trên thực tế, gần gũi bạn ác, bạn xấu chúng ta đều trở thành một phần tính cách của họ.

Tháng 5 và tháng 6 năm 2012, chúng ta đã nghe rất nhiều thông tin về các diễn viên, người mẫu, hoa hậu vướng vào pháp luật do có hành vi dấn thân vào thế giới lầu xanh. Điều đó gây thất vọng cho nhiều người, đặc biệt là những người hâm mộ, thần tượng họ.

Dấn thân vào con đường nghệ thuật đòi hỏi người nghệ sĩ phải biết hy sinh, không nên vì danh vọng mà bất chấp mọi thứ. Nghệ sĩ chân chính là người của công chúng, mọi hành vi của họ đều có thể ảnh hưởng tới cộng đồng. Do đó, hơn ai hết, họ phải ý thức rõ về giá trị của mình. Phải sống xứng đáng với danh xưng mà xã hội dành cho họ, đặc biệt là vấn đề hôn nhân và tình dục. Elizabeth Taylor, một ngôi sao điện ảnh huyền thoại của Mỹ, khi gần qua đời, bà đã phát biểu một câu nổi tiếng: *“Tôi không ngủ với ai không phải là chồng tôi”*. Câu nói đó, mới nghe qua có vẻ như bà không chân thực, bởi vì trên thực tế bà đã trải qua 13 đời chồng. Tuy nhiên, đó là sự thật mà bà nói ra lúc sắp qua đời và sự thật đó hoàn toàn đúng đắn cả trên phương diện luật pháp và đạo đức.

Một số tôn giáo như Thiên Chúa giáo, Tin Lành không cho phép tìn đồ ly hôn vì họ quan niệm ly hôn là tự bôi nhọ vào quyền lực của Thượng đế trong việc gắn kết hai tâm hồn, hai trái tim của người trong cuộc. và ai bôi nhọ quyền lực tối cao của Thượng đế cũng đều bị xem là tội đồ. Trong khi đó, đạo Phật không chủ trương như thế. Đạo Phật chấp nhận cho người Phật tử có quyền ly hôn, nếu bản thân họ không thấy sự gắn kết ấy mang tới hạnh phúc cho cả hai. Tuy nhiên, khi đã là vợ chồng chính thức của nhau thì họ không được phép lăng nhăng hay ngoại tình. Đó là nét nhân bản, nhân văn của đạo Phật.

Đó là mười dấu hiệu cho thấy một người nào đó không đoạn chính. Là người tu học Phật, ta cần phải ý thức được các vấn đề trên, để một mặt ta tự rèn luyện, tránh rơi vào các biểu hiện đó, mặt khác ta có thể nhận diện, giúp cho những người hữu duyên với ta tránh được các biểu hiện này.



CHƯƠNG VI

ĐÁNG KÍNH VÀ ĐÁNG GHÉT

Giảng tại Chùa Xá Lợi, ngày 15-07-2012

Phiên tả: Chân Tâm Hạnh

Nội dung chương sáu của kinh Hiền Nhân nói về điều đáng kính và điều đáng ghét. Đáng kính liên hệ đến những hành động đạo đức cao cả và chí thiện. Nếu ai sở hữu tố chất này sẽ được mọi người kính trọng và dẫn đến sự đắc nhân tâm. Đáng ghét là những hành vi, lối sống, cách cư xử, giải quyết vấn đề mang lại nỗi khổ, niềm đau, bực tức cho người khác. Các mục chúng ta nghiên cứu trong phần này liên hệ đến hai nội dung chính vừa nêu.

I. NĂM ĐIỀU ĐÁNG GHÉT

Bồ-tát Hiền Nhân chia sẻ với nhà vua như sau: “*Kính thưa Đại vương, có năm hạng người đáng ghét: Một là ác khẩu, phun máu hại người. Hai là gièm pha, thúc giục sự đấu tranh. Ba là rầy rà, không sống hài hòa. Bốn là ganh ghét, trù rửa, chỉ trích. Năm là nói lời hai lưỡi hại người*”.

1. Ác khẩu hại người

Ác khẩu là lời nói cay độc, nguyên rửa, gây nặng nề, căng thẳng, tạo nên chia rẽ, hận thù. Người nói lời ác khẩu luôn luôn mang đến tổn thất và bất an cho người khác, trong khi nếu cũng với thời gian đó, nếu đầu tư vào lời nói ái ngữ, hàn gắn, động viên thì ta lại mang đến lợi ích rất nhiều cho cả bản thân ta và người khác. Sự khôn ngoan trong việc chọn lựa lời ăn tiếng nói sẽ làm cho cuộc sống ta trở nên bình an, hạnh phúc hơn.

2. Gièm pha, xiểm nịnh và xúi đấu tranh

Gièm pha là thái độ ganh tị khi nhận diện ra năng lực, tài đức và các tương quan xã hội của mình kém ảnh hưởng hơn người khác. Thay vì vui theo, tùy hỷ với các thành tựu của tha nhân, người có tâm ganh ghét luôn tạo thói gièm pha, nói xấu, vu khống, dựng chuyện để cô lập hóa và cắt đứt các ảnh hưởng

tích cực của người khác về phương diện xã hội. Điều này trực tiếp tạo ra các đầu mối tranh chấp, hận thù, hơn thua giữa các cá nhân và là nguyên nhân tạo nên sự ly gián trong cuộc sống.

3. Rầy rà không chịu thuận hòa

Những người như thế thường xé chuyện nhỏ thành chuyện to. Những chuyện không quan trọng gì cũng làm quan trọng hóa nó lên, tạo cho sự mâu thuẫn trong quan hệ tình thân giữa hai người, hai đối tác, hai bên, hai phe trở nên căng thẳng và nặng nề hơn. Hậu quả là phá vỡ các mối quan hệ hòa thuận, đâm ám dẫn đến nhiều tổn thất lớn cho cả hai.

4. Ganh ghét và trù rửa

Ganh ghét trước hết là thái độ ghen tị về những thành quả và thành công của người khác mà bản thân người đó không đạt được. Người có tâm ganh ghét là người đang tự phá vỡ hạnh phúc bản thân. Bởi vì, nếu sống với thái độ ganh ghét thì không thể trải nghiệm được niềm vui. Lúc nào người đó cũng gai tai, chướng mắt, khó chịu với những người xung quanh.

Còn trù rửa là sử dụng các phương pháp tà vạy, mê tín nhằm hãm hại người mà họ không ưa. Mặc dù, trên thực tế, tác hại của phương pháp này không rõ ràng, thậm chí không có, nhưng hậu quả do tâm ác nguyên rửa, cay độc lại có thật, khiến cho bản thân họ khổ đau và bất hạnh.

5. Nói hai lưỡi gạt người

Nói hai lưỡi là dùng ngôn ngữ để tạo ra sự ly gián với mục đích là lừa đảo cả hai bên. Khi đứng bên A thì nói xấu bên B, nhưng khi ở bên B lại nói xấu bên A, làm cho các bên trở nên bất hòa với nhau, dẫn đến tình trạng không chiến mà tự nhiên thành. Người nói hai lưỡi thực sự là những kẻ cay độc, ác hiểm, nguy hại, tạo ra rất nhiều bất hạnh cho người khác.

II. NĂM ĐIỀU ĐÁNG KÍNH

Ngài Hiền Nhân chia sẻ, có năm đức tính tốt mà con người khi thực hiện sẽ đón nhận được lòng kính trọng của tha nhân: *“Một là nhu hòa, nhẫn nhục. Hai là cung kính, tín tâm, chính trực. Ba là mau mắn, ít nói làm nhiều. Bốn là lời nói đi đôi với hành động. Năm là chung thủy với bạn bè”*.

1. Nhu hòa nhẫn nhục

Nhu hòa, nhẫn nhục là mềm mại, kiên nhẫn, chịu đựng, bản lĩnh, không nóng giận, không khó chịu, không cau có trong mọi hoàn cảnh ứng xử. Người nhu hòa, nhẫn nhục có một cuộc sống an bình và hạnh phúc. Họ không có tâm hơn thua, kỳ thị, ganh ghét. Mọi sự hiểu lầm, thị phi, vu cáo, nói xấu sẽ không tác động đến tâm trạng của họ. Nhờ vậy mà họ có sự bình tĩnh, có thể giải quyết mọi vấn đề một cách thông minh, hiệu quả nhất.

2. Cung kính và có tín tâm đúng

Cung kính là thể hiện lòng nể trọng của mình đối với những người lớn tuổi hơn, có giá trị đạo đức cao hơn, tri thức nghề nghiệp vững vàng hơn, kiến thức tâm linh sâu rộng hơn. Việc nương nhờ, học hỏi những vị này giúp ta phát triển ở nhiều phương diện khác nhau, trong đó có đời sống tâm linh.

Tín tâm là tâm tín thành, tin tưởng đúng đắn. Có niềm tin đúng đắn, ta sẽ không rơi vào tình trạng mê tín dị đoan. Không tin vào việc hên xui may rủi, không tin vào những phép màu, vào năng lực siêu thế của Thượng đế hay năng lực của bất kỳ các thần linh nào. Ta chỉ tin vào quy luật nhân quả và khả năng chuyển hóa của con người.

3. Mau mắn và ít nói

Mau mắn là thái độ giải quyết công việc nhanh chóng,

dứt khoát, không do dự, chần chờ. Thời gian đầu tư cho công việc tuy ít, nhưng hiệu quả mang đến từ công việc đó rất cao, lâu bền.

Ít nói là thái độ khôn ngoan trong giao tế. Người ít nói chỉ nói những gì cần nói, nghe những gì cần nghe, học những điều cần học, chia sẻ những gì cần thiết, không quá dư thừa, không quá kiệm lời vì kiệm lời dẫn đến một đời sống hướng nội, một mặt thỉnh thoảng rơi vào trạng thái bần xèn, keo kiệt về mặt tri thức, mặt khác sẽ lạnh nhạt trong quan hệ với người khác. Ít nói, nói những gì có giá trị, có lợi ích sẽ làm cho người nghe hoan hỷ tiếp nhận thông tin được nói ra một cách tích cực. Nhờ vậy, truyền thông giữa người nói và người nghe trở nên có ích, hiệu quả hơn.

4. Lời nói đi đôi với việc làm

Thông thường lời nói và hành động thường hay có một độ chênh nhất định. Do đó, người có lời nói đi đôi với việc làm thường là người chuẩn mực về nhân cách, đạo đức, phẩm hạnh. Họ nói được, họ làm được. Những gì chưa làm được họ nói chưa làm được, không khoa trương, không cường điệu việc làm của mình. Điều đó thể hiện một ý chí vững mạnh, kiên quyết, tôn trọng mình, tôn trọng người. Nhờ đó, trong giao tiếp ứng xử, họ rất dễ được mọi người kính trọng.

5. Đôi với bạn bè thì càng thâm hậu

Có hậu là một biểu hiện tốt trong tình bạn, còn thâm hậu là mức độ sâu sắc hơn nữa trong tình bạn. Sống thâm hậu trong tình bạn thì lòng vị kỷ của ta ngày càng giảm thiểu. Đến lúc nào đó lòng vị kỷ trong tình bạn không còn nữa, ta trở thành thiện hữu tri thức của bạn bè. Ta mang kiến thức lành, cao đẹp, kiến thức nhân quả, kiến thức Phật pháp giúp cho những người bạn chí cốt vượt qua những khó khăn, nổi

khổ niềm đau, nghịch cảnh, chương duyên, thách đố nếu có. Tính thâm hậu đó sẽ làm bền bỉ các mối quan hệ xã hội của ta.

Chia sẻ đến đây, Bồ-tát Hiền Nhân trích dẫn một câu kinh: *“Nếu biết thương lấy mình thì phải dè dặt giữ mình. Các bậc hiền sĩ có chí hướng cao thượng, sở học thấu đáo, nên không bao giờ bị làm lạc”*.

Giữ chính mình trên nền tảng thương mình nhưng không rơi vào ích kỷ đó là hiểu mình đúng, thương mình đúng. Có tinh thần cầu học, sưu tầm các tinh hoa kiến thức đúng ta sẽ thoát ra khỏi những cạm bẫy, cám dỗ và những nỗi khổ niềm đau, ta sẽ không còn bị làm đường, lạc lối. Ta tự đi, tự giải quyết và tự mang lại kết quả bình an cho mình.

III. MƯỜI HẠNG NGƯỜI KÍNH NHI VIỄN CHI

Điều này có nghĩa là trong xã giao ta nên giữ một khoảng cách nhất định, không nên gần gũi, thân cận, không nên hòa tan, trở thành hay bị ảnh hưởng bởi mười hạng người như kinh đề cập. Vì thân cận, gần gũi, hòa tan vào họ, ta có nguy cơ bị cuốn hút vào cuộc sống khó khăn, rắc rối, khổ đau của họ. Mười hạng người đó gồm:

1. Thầy ác

Thầy được hiểu là thầy cô giáo, hoặc cũng có thể hiểu là các đối tượng giáo sĩ của các tôn giáo, thậm chí là các thầy tu trong đạo Phật. Ác ở đây là không có đức, không có trí tuệ, không hướng dẫn tín đồ đi theo con đường đúng mà chỉ bày vẽ gây sợ hãi, tạo lệ thuộc cho quần chúng nhằm mục đích lợi dưỡng.

Mời thầy tà về nhà chỉ mang họa vào thân, tiền mất tật mang. Có rất nhiều người đã mời thầy bói, thầy địa lý, thầy phong thủy, thầy đồng bóng, thầy nhân điện, thầy cảm xạ

học, thầy ngoại cảm về đoán quẻ, xem tướng dẫn đến lệ thuộc tâm lý để rồi sống với nỗi sợ hãi triền miên. Cho nên, muốn sống hạnh phúc thì đừng gần gũi, tiếp xúc với những hạng người đó.

2. Bạn tà

Bạn tà là bạn xấu, ác, họ không có tri thức và lối sống đúng. Do đó giao du với họ ta sẽ bị cưỡng hút vào thói hư tật xấu của họ, khiến cho tương lai của chúng ta bị khép kín, mờ nhạt, hủy hoại. Rất ít trường hợp giao du, kết thân với bạn xấu mà ta không bị ảnh hưởng xấu bởi họ.

Nhiều người tự cho rằng mình có bản lĩnh, có thể chuyển hóa được người khác, cho nên họ không ngại giao du, kết thân với những người bạn xấu. Kết quả là lâu ngày, tính cách của những người bạn xấu đó ảnh hưởng ngược lại họ. Người xưa nói, khi chưa biết bơi thì đừng vội nhảy xuống sông cứu người chết đuối, vì không không khéo, không những ta không cứu được người mà ta còn có thể bị mất mạng. Do đó, thương người, muốn giúp người phải có trí tuệ, có phương pháp, nếu không ta chỉ chuốc lấy hậu quả khôn lường mà thôi.

3. Người khinh khi các bậc thánh

Đối với bậc thánh ta phải tán dương, tôn kính, học hỏi để rút ra những điều hay, lẽ phải cho cuộc sống của mình và làm lợi ích cho đời. Nhiều người không những không cung kính, tôn trọng các bậc thánh nhân mà họ còn tỏ ra ganh ghét, thù hận. Bởi vì, họ nghĩ sự có mặt của bậc thánh nhân sẽ làm cho uy tín, lợi ích của họ bị ảnh hưởng. Vì thế họ ra sức gây khó khăn, tạo trở ngại, phá hoại để các bậc thánh nhân không có điều kiện, cơ hội để phát huy ảnh hưởng. Đó là tâm niệm và hành vi rất xấu vì nó làm cho cộng đồng mất cơ hội hưởng được giá trị tích cực từ những con người vĩ đại như thế.

4. Người làm và nói tráo trở

Tức là thay đổi liên tục không biết xấu hổ, không có lương tâm, không có liêm khiết tri thức, nói một đường làm một nẻo làm cho người ta không thể ngờ được. Lời nói có thể rất hay nhưng hành động lại rất tệ; chủ trương rất tốt, nhưng thực hiện thì ngược lại hoàn toàn. Tính tráo trở đó sẽ làm cho rất nhiều người rơi vào cạm bẫy và trở thành nạn nhân của họ. Do đó ta không nên gần gũi, giao du những hạng người này.

5. Người dâm ô

Giao du, mời gọi hoặc đưa rước người dâm ô về nhà chỉ biến người thân của mình trở thành nạn nhân của những kẻ đó. Ở bất kỳ nơi đâu, người có thói dâm ô luôn bị cộng đồng, xã hội khinh thường và đề phòng. Ở phương Tây, khi phát hiện một nhân vật nào có tiền án về lạm dụng tình dục trẻ em hoặc bị mắc các chứng bệnh cuồng dâm, ấu dâm thì ngay lập tức, một cách không công khai, người ta báo cho tất cả các hộ sống ở trong khu vực gần biết thông tin để phòng tránh hoặc bảo vệ con cháu của họ. Bởi vì, nếu không cảnh báo, rất có thể kẻ đó tiếp tục có cơ hội thực hiện hành vi phạm tội. Ở phương Đông cũng vậy, kẻ dâm ô luôn luôn bị lên án, thậm chí ở nhiều nơi, người ta sẵn sàng đánh đập, ném đá đến chết họ, mặc dù ở nhiều nơi luật pháp không cho phép.

6. Kẻ nghiện rượu, ma túy

Người say rượu thường không làm chủ được bản thân mình, do đó dễ phạm vào các hành vi phạm tội. Còn người người nghiện sử dụng các chất gây nghiện bao gồm thuốc lắc, bồ đề, đập đá, ma túy dù là dạng hút, dạng chích, dạng thuốc đều không có tương lai, làm nguy hại tới xã hội. Do đó mời gọi những người đó về nhà sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống gia đình chúng ta. Do đó, dù họ là người thân hoặc

bà con thân thiết, nhưng một khi họ đã lâm vào cảnh nghiện ngập thì không nên mời họ về nhà.

Tuy nhiên, từ góc độ của một người tu học Phật, đối với hạng người này, ta cũng nên giúp đỡ họ vượt qua các thói quen tiêu cực đó. Bởi vì, có thể vì lầm lỡ, vì đại đột họ đã vướng chân vào con đường nghiện ngập. Nếu ta đã cố gắng giúp đỡ mà họ vẫn không nghe, không hồi tâm, không chuyển đổi, thì lúc đó ta đành phải để nghiệp lực, thói quen xấu đó dẫn dắt họ.

7. Người có tánh xấu ác

Hạng người này thường làm trái lại với luật pháp, trái với thuần phong mỹ tục, trái với đạo đức và lương tâm. Kẻ xấu như thế đi tới đâu cũng tạo ra những ảnh hưởng xấu, tác hại xấu cho những người xung quanh. Gần gũi họ chỉ chuốc lấy tai họa cho gia đình. Ngay cả khi họ đã hứa hẹn và cam kết sửa đổi ta cũng không nên tin theo, vì những tật xấu không dễ thay đổi trong một ngày, một tháng hoặc vài tháng thậm chí nhiều năm liền. Tránh xa những người như thế sẽ an toàn hơn cho chúng ta.

8. Người không biết ơn nghĩa

Tức là người không biết phân biệt phải trái, đúng sai, nên và không nên, thọ ơn thì phải sạch, ra ơn ai thì bắt người ta phải đền đáp. Sống không biết ơn nghĩa thì không thể là người tốt được. Do đó, tiếp xúc, giao du với họ ta phải thận trọng, ngay cả khi họ có hứa hẹn bất kỳ điều gì tốt đẹp. Nếu không, ta dễ dàng trở thành nạn nhân của họ.

9. Phụ nữ mất nết, hư dối

Tức là người không có phẩm hạnh, nhân cách, nói cười vô độ, thói hư tật xấu rất nhiều và có một lối sống rất tiêu

cực. Nếu mời rước họ về nhà, hoặc họ sẽ mang những lời thị phi đến với gia đình mình, hoặc thói hư tật xấu của họ ảnh hưởng tiêu cực tới các thành viên trong gia đình chúng ta. Do đó, tốt nhất là không mời rước họ về nhà. Nếu có tiếp xúc, giao du, cần phải cân nhắc trong lối ứng xử với họ.

10. Tỳ thiếp ưa trang sức

Đây là yếu tố tâm lý thường thấy ở người làm tỳ thiếp. Vì là phận tỳ thiếp, phận nhỏ bé, thấp kém, nên họ sợ bị thất sủng, bị bỏ rơi, nên họ dùng nhiều trang sức, lụa là, mỹ phẩm để thu hút, tạo ấn tượng với người đàn ông mà họ yêu thích. Điều đó, đồng nghĩa với việc họ cố tình tạo nên sự lục đục, mất hạnh phúc trong gia đình người khác. Mặt khác, khi họ chấp nhận làm bé, làm thứ hai, thứ ba, thứ tư..., họ không còn nghĩ đến nhân phẩm của mình. Do đó, để tránh các hệ lụy, bảo vệ hạnh phúc gia đình, trước hết và tốt nhất không nên rước họ về nhà.

Đó là mười hạng người mà theo Bồ-tát Hiền Nhân không nên giao du, tiếp xúc nhiều với họ. Vì giao du, tiếp xúc nhiều với họ, không những không có lợi ích mà còn tổn hại tới đời sống hạnh phúc cá nhân và gia đình của chúng ta.

IV. TÁM ĐIỀU ĐƯỢC AN VUI

Bồ-tát Hiền Nhân dạy tám điều kiện mà ai có được sẽ có một cuộc sống an vui, hạnh phúc và bình an. Tám điều kiện đó như sau:

1. Kính thuận các bậc sư trưởng

Khái niệm sư trưởng ở đây chỉ những bậc chân sư thật học, các nhà tâm linh, nhà đạo đức, các bậc hiền trí, các thiện tri thức, những người xứng đáng làm thầy và có khả năng làm cho con người hạnh phúc, vẫy tay chào với các nỗi khổ niềm đau.

Vâng thờ và kính thuận là một chuỗi các hành động tôn giáo như: kính nể, thuận theo, làm theo những lời tốt, lời hay của những bậc thánh, những bậc sư trưởng. Nhờ kính nể, thuận theo những vị này, ta có nhiều cơ hội học tập và phát triển đời sống đạo đức tâm linh. Đó là nền tảng của đời sống an vui, hạnh phúc không phải cũng dễ dàng có được.

2. Dạy điều hiếu thuận cho dân

Một nhà chính trị có vai trò lãnh đạo quốc gia mà biết lấy sự hiếu thuận, công bằng, chánh trực truyền bá cho mọi người thì chắc chắn mọi người sẽ biết sống có tình nghĩa hơn, thương kính nhau hơn. Và do đó, đời sống của mọi gia đình sẽ an vui, hạnh phúc hơn.

Người lãnh đạo làm được việc trên là người đáng được tán dương, tôn trọng. Bởi vì, thông qua vai trò của họ, cuộc sống sẽ trở nên tươi sáng hơn. Sự thù hận, nghi kỵ, ganh ghét, hãm hại không có cơ hội tồn tại trong gia đình. Ở đó chỉ có tình thương, sự biết ơn, lòng hiếu thuận của mọi người dành cho nhau.

3. Khiêm cung, kính trên nhường dưới

Khiêm cung là một đức tính đáng quý. Sống chung với người khiêm cung ta thấy hạnh phúc hơn, học được nhiều điều hay hơn và rút ra được nhiều kinh nghiệm hơn. Người khiêm cung, đối với kẻ cao hơn không ghét, không ganh tị mà cố gắng học hỏi. Đối với kẻ thấp hơn không ta đây, không tự hào, không tự đắc mà tìm cơ hội nâng đỡ cho người đó đạt được những gì mà mình đã đạt được.

4. Tánh cách nhân đức, ôn hòa

Nhân là sống có nghĩa, đức là sống có hậu và tôn trọng tình người. Ôn hòa là thái độ ứng xử lịch thiệp mang lại niềm vui, sự thoải mái, bình an, thuận hòa đối với những người

xung quanh. Sống được như vậy, chắc chắn ta sẽ hưởng được một đời sống bình an, hạnh phúc trong hiện tại và tương lai.

5. Cứu người trong cơn nguy khốn

Cứu người có hai hình thức. Một là cứu ngặt, tức là hình thức hỗ trợ người khác bằng “con cá” trong tình huống họ gặp các nguy khốn như: Động đất, sóng thần, lũ lụt, hạn hán, dịch bệnh, những tai nạn giao thông, những cảnh huống ngang trái do lửa, nước lụt gây ra làm cho một người nào đó hay một tập thể nào đó rơi vào tình cảnh khốn cùng. Các giúp đỡ kịp thời trong tình huống này có giá trị gấp trăm lần so với những tình huống thông thường. Hai là cứu nghèo, tức là hỗ trợ người khác bằng cái “cần câu” để họ tự nỗ lực vươn lên trong cuộc sống. Cả hai hình thức cứu người này đều cần thiết và đáng quý.

Tùy vào điều kiện, khả năng, ta có thể hỗ trợ, cứu giúp người khác bằng cách này hoặc cách khác. Người ưa thích việc cứu giúp, hỗ trợ để người khác có cơ hội sống tốt hơn, hạnh phúc hơn, thì chính bản thân họ cũng cảm thấy an bình và hạnh phúc hơn trong cuộc sống.

6. Quên mình vì các việc nghĩa

Đây là một hạng người cao thượng. Họ không hẹp hòi, ích kỷ, cá nhân, không cân đo, đong đếm vì lợi ích cá nhân. Việc làm của họ luôn hướng tới giá trị, lợi ích chung của cộng đồng. Họ sống vì mọi người, cống hiến hết mình cho lợi ích chung của mọi người.

Phim *Ba Chàng Ngự Lâm* của châu Âu có câu khẩu hiệu: “*Một vì tất cả, tất cả vì một người*”. Về thứ nhất: “Một vì tất cả” hoàn toàn đúng với tinh thần của đạo Phật. Tuy nhiên về thứ hai: “Tất cả vì một người” lại rất dễ khiến người ta rơi

vào chủ nghĩa quân chủ. Điều này rất nguy hiểm, vì trong một thể chế chính trị, tất cả quan, tướng, thần dân vì một nhà vua, cho dù nhà vua đó rất tệ, rất xấu, rất ác thì hậu quả sẽ rất lớn.

Đạo Phật đưa ra khuynh hướng mình vì tất cả chứ không để người khác phải vì mình. Nếu ta có lòng vì việc nghĩa mà người khác đón nhận thì tốt, nhưng nếu ta có lòng mà họ không đón nhận thì cũng chẳng sao, vì trong bất kỳ hoàn cảnh nào, sống vì việc nghĩa cũng được xem là cao thượng, và bản thân ta khi làm việc nghĩa, tự trong lòng mình đã cảm thấy rất hạnh phúc.

7. Tiết kiệm, sống có chừng mực

Tiết kiệm là lối sống được cổ súy từ trước tới nay, ở hầu hết các cộng đồng, xã hội. Sống tiết kiệm khác với lối sống keo kiệt, bòn xén. Keo kiệt, bòn xén xuất phát từ tâm tham lam, trong khi tiết kiệm xuất phát từ sự hiểu biết. Khoản nào cần chi, người tiết kiệm sẵn sàng chi, chi đúng trường hợp, chừng mực, có kế hoạch, khoản nào không cần thiết thì tuyệt đối không chi.

Người sống tiết kiệm, có chừng mực không vướng vào tâm lý đua đòi, bon chen với đời. Nhờ không đua đòi, không bon chen, họ tiết kiệm những khoản chi không cần thiết. Nhờ đó, kinh tế gia đình ổn định, họ không lo âu, không sợ sệt về việc thiếu trước hụt sau, họ sống an vui hạnh phúc với những gì mà họ đã nỗ lực làm ra bằng chính sức lực và khả năng của mình.

8. Xả bỏ hận thù xưa

Đây là một nhân tính cao thượng, một tấm lòng vô ngã vĩ đại, một trái tim nhân từ bác ái, rộng lượng và thứ tha. Ai có lỗi với ta thì ta không cố chấp, nếu họ biết xin lỗi thì sẵn

lòng bỏ qua, còn nếu họ không biết xin lỗi mình cũng không vì thế mà chất chứa hận thù.

Chất chứa hận thù chỉ làm cho hận thù càng ngày càng lớn lên mà thôi. Đức Phật dạy, chỉ có tình thương, sự tôn trọng mới thực sự là phương pháp xóa bỏ hận thù hữu hiệu nhất. Nhờ biết bỏ qua, biết sống buông xả, không hận thù, ta hưởng được một đời sống an vui, hạnh phúc ngay trong hiện tại.

Sau khi chia sẻ tám điều an vui, Bồ-tát Hiền Nhân trích dẫn câu kinh: *“Người tu công đức, nghĩ trước làm sau, giúp người khổ không chút từ nan thì trọn đời này sống trong an vui”*. Đó là câu kinh nền tảng, khẳng định lại giá trị của việc thực hiện các công đức lành trong việc xây dựng một đời sống an vui mà đoạn kinh vừa đề cập.

V. MƯƠI HAI ĐIỀU KHÔNG NÊN QUÊN

Bồ-tát Hiền Nhân chia sẻ: *“Bậc trí thường nhớ mười hai điều sau”*.

1. Sáng sớm nghĩ tới tội lỗi, nên siêng làm việc phước đức

Tức là đặt ra thời gian biểu cho một ngày, lấy bữa sáng làm sự bắt đầu, bữa trưa làm sự diễn tiến, bữa tối làm sự kết thúc và đầu hôm nêu sự quyết tâm rằng: Tôi phải nỗ lực làm những việc tốt hơn để chuộc lại những lỗi lầm, làm cho người khổ đau vì tôi không còn khổ đau nữa. Đó là một quyết tâm lớn đưa tới lợi ích cho bản thân và mọi người. Tương tự, ta có thể lập thời gian biểu của ngày mai, tháng sau, năm sau, 5 năm sau, 10 năm, 20 năm, 30 năm cho đến một kiếp người. Hoạch định rõ ràng thời gian biểu như thế đảm bảo ta sẽ nắm bắt được thành công và làm được những việc có ích cho cuộc đời.

2. Nhớ việc hầu hạ tôn thân

Tôn thân là một thuật ngữ khác chỉ cha mẹ. Ở đây có thêm tính từ tôn tức là tôn kính, đáng kính, quý trọng. Kinh điển đạo Phật ví cha mẹ như hai vị Phật sống ở trong nhà. Đó không phải là một sự cường điệu hóa vô ích mà ngược lại rất hữu ích, giúp cho ta điều chỉnh hành vi, thái độ ứng xử với hai đấng sanh thành một cách chuẩn mực, bằng cách cung, tận tụy, tôn trọng, lắng nghe, học hỏi, chăm sóc, hiếu kính, đền đáp công ơn cha mẹ như với chính đức Phật.

Trong tình huống cha mẹ đi đường tà, có hành động sai quấy, tạo nghiệp xấu, thói quen tiêu cực, thì lòng tôn trọng, kính quý ở đây biến thành tinh thần trách nhiệm khiến ta tìm kiếm mọi cách khuyên ngăn khéo léo, giúp cho cha mẹ hồi đầu hướng thiện.

3. Phải biết trừ bì trước công việc

Đây là tinh thần và thái độ có trách nhiệm, cẩn trọng trong công việc. Nho giáo có câu: *“Kẻ nào không biết lo xa, người đó sẽ phải đối diện với thất bại gần”*. Người lo xa là người biết hoạch định, biết tính toán, biết đầu tư, biết phòng hờ trong công việc.

Trong tính toán đầu tư, ngoài khả năng tốt nhất ai cũng mong muốn, ta cần phải đặt ra tình huống xấu nhất mà mình sẽ có thể đối diện để tìm ra các kế hoạch A, B, C, D... để giải quyết các vấn đề. Nhờ đó, khi tình huống xấu xảy ra, ta tránh được tình trạng ngỡ ngàng, mệt mỏi, tuyệt vọng.

Người có tinh thần trừ bì, phòng bì hoàn toàn không đi ngược lại tinh thần lời dạy sống trong chánh niệm của đức Phật. Trừ bì, phòng bì, dự phòng ở đây là những nỗ lực tạo nên duyên tốt trên nền tảng của chánh niệm và nhân quả. Nó

hoàn toàn không phải là sự lo sợ, hãi hùng, cũng không phải là tâm thức vọng tưởng.

4. Lo nghĩ lánh xa các sự nguy hại

Ngành thiên văn học và dự báo thời tiết ngày nay đã cảnh báo và giúp cho hàng tỷ người trên hành tinh kịp thời tránh được các loại thiên tai xảy ra bằng những cuộc di tản lớn lên những vùng đất an toàn. Do đó, mỗi một người cần có những suy nghĩ, dự đoán xa để tránh được những mối nguy hại theo quy trình của nhân quả.

Biết rằng dần thân vào việc ác là không có tương lai, làm một hành động xấu nào đó là mất hạnh phúc, ta liền tránh xa hành động đó. Điều này rất đúng với tinh thần sống của các vị Bồ-tát trong câu phương ngôn của Phật giáo: “*Bồ tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả*”. Do sợ nhân, Bồ-tát tránh xa các hành động xấu ác. Nhờ đó, Bồ-tát sống bình an, hạnh phúc một cách tự nhiên trên nền tảng của nhân quả.

Chúng ta cũng vậy, cần phải học tập sống với tinh thần “sợ nhân”. Vì tinh thần sống đó sẽ giúp ta tránh được những hậu quả xấu, sống bình an và hạnh phúc trong hiện tại và tương lai.

5. Nghĩ trước nói sau để khỏi phải làm lạc

Tức là có thói quen cân trọng trong lời nói của mình. Lời nói có thể gây nguy hiểm cho một đất nước, nhưng lời nói cũng có thể dẫn đến sự hòa bình cho thế giới. Lời nói có thể làm cho người ta phẫn chấn vuron lên, nhưng lời nói có thể làm cho người ta đang hạnh phúc trở nên trầm cảm, tâm thần. Tất cả các kết quả trên đều liên hệ tới nội dung và thái độ của người phát ngôn.

Trong Phật giáo, có bốn phương diện tiêu cực trong lời nói có thể đưa tới bất an, khổ đau cho người nghe; nhưng

đồng thời cũng có bốn phương diện ngược lại giúp cho người nghe trở nên bình an, hạnh phúc. Cho nên, người tu học Phật cần phải suy nghĩ nói cái gì, nói như thế nào, nói bao nhiêu, nói với ai, nói trong tình huống nào, nói tại đâu để cho hiệu quả của lời nói được phát huy một cách tốt nhất. Không nên nói nhiều, thích đâu nói đó, nói không suy nghĩ kỹ, nói càn, nói để giết thời gian, nói cho hả giận...

6. Đem lời trung chính dạy bảo kẻ lầm lạc

Đây là một tinh thần nhập thế đòi hỏi ta phải chuẩn bị về nhân cách, đạo đức, phẩm hạnh, tri thức và trí tuệ để khi dẫn thân vào đời phụng sự ta không bị tác động bởi những ảnh hưởng xấu từ cuộc đời. Nhập thế hay vào đời phụng sự là một sứ mệnh cao cả mà người tu học Phật cần phải thực hiện. Tinh thần đó giúp cho những người hữu duyên có cơ hội được học tập, chuyển hóa các nỗi khổ niềm đau, được nhận diện và sửa đổi các sai lạc, lầm lỗi mà họ đã vô tình hoặc cố ý tạo ra. Nhờ đó, đời sống trở nên tươi sáng hơn, bình an hơn, hạnh phúc hơn.

Mỗi năm như vậy, mỗi người, mỗi gia đình chỉ cần giúp được một vài người hướng thiện, thì xã hội đã bớt biết bao nhiêu gánh nặng từ những lầm lạc của con người. Do đó, là một người tu học Phật, chúng ta hãy cam kết thực hiện tinh thần dẫn thân, tinh thần giúp người chuyển hóa, đem lại bình an, hạnh phúc cho cuộc đời.

7. Giúp đỡ những người nghèo khó

Tức là biết chia sẻ những gì mình có cho người nghèo khổ. Ở đời, phần lớn ai cũng đâu tắt mắt tối để tìm kế sinh nhai. Có người thiếu trước hụt sau, có người giàu có, của ăn của để. Tất cả đều do nghiệp duyên và sự nỗ lực khác nhau của mỗi người. Tuy nhiên, có một điểm chung là khi chết đi,

ai cũng phải bỏ lại tất cả tài sản sở hữu của mình và mang theo gánh nghiệp theo mình. Nghiệp thiện hay ác, tùy vào lúc sinh tiền mình tạo tác.

Nhận thức được như vậy, ta nên ra sức làm việc thiện, giúp đỡ kẻ nghèo khó để họ có cơ hội sống hạnh phúc, bình an, gia đình, cộng đồng, xã hội nhờ đó cũng vượt qua được các khó khăn, bế tắc. Như vậy, giúp người, nhưng thực chất cũng chính là giúp ta sống vị tha hơn ở hiện tại và đồng thời cũng là bước chuẩn bị hành trang cho những kiếp sống mới tốt đẹp hơn ở tương lai.

8. Thích làm việc bố thí

Không biết bố thí sẽ dẫn đến tiếc tài sản, keo kiệt. Tiền của là thứ quan trọng trong cuộc sống, Nhưng biết sử dụng tiền của khôn ngoan còn quan trọng hơn. Là người tu học Phật, ta cần phải biết sử dụng tiền của để tạo ra phước báu, giống như người khôn tạo ra các mạch chảy của dòng nước. Không khơi dòng, không tạo ra mạch chảy thì dòng nước trở nên tù đọng, hôi thối. Không bố thí, không biết san sẻ tài sản sở hữu của mình cho người khác thì tâm trở nên ích kỷ, bòn xén. Đó là một trở ngại lớn của một đời sống hạnh phúc thật sự.

9. Ăn uống có chừng mực

Khi còn nghèo, con người phần đầu để có ba bữa cơm mỗi ngày, mấy bộ quần áo, một mái nhà che mưa nắng cùng với một số vật dụng cơ bản cần thiết. Nhưng khi giàu có, nhu cầu sống của con người tăng cao. Ăn không chỉ để khỏi đói mà còn phải ngon; mặc không chỉ để che thân mà còn phải đẹp; nhà không chỉ để che nắng mưa mà còn phải sang trọng, đủ tiện nghi.

Với người tu học Phật, đức Phật dạy chỉ nên chừng mực

trong các nhu cầu cơ bản đó. Ăn không cần phải quá nhiều, chỉ vừa đủ no là được. Ăn quá nhiều dễ sinh bệnh tật. Những người giàu thường đến các nhà hàng, khách sạn 3 sao, 5 sao, 7 sao trong nước hay nước ngoài để thưởng thức các món ngon, vật lạ. Cách hưởng thụ đó tốn kém rất nhiều tiền của, nhưng chưa chắc đã có lợi cho sức khỏe, thậm chí còn có thể dễ sinh bệnh tật.

Đức Phật dạy: Ăn không phải để thỏa mãn khẩu vị, ăn để sống và tu tập. Nho giáo cũng khuyên: “*Thực bất tri kỳ vị*”, tức là không bận tâm đến khẩu vị của việc ăn uống. Ăn như thế sẽ tránh được rất nhiều khổ đau và bệnh tật.

10. Phân xử công bình

Công bình xã hội rất quan trọng, nếu không giữ được nó sẽ trở thành đầu mối tranh chấp và bất hòa. Ai có công nhiều thì được thưởng cao, ai không làm gì sẽ không thể có được đồng lương ngang bằng với những người có đóng góp quan trọng cho xã hội.

Khuyênh hướng kinh tế theo hợp tác xã là phân đồng bỏ đều, cho nên không kích thích được sự đầu tư, sự đóng góp và sự cạnh tranh. Vì thế, chính sách đó đã trở nên lỗi thời và ít được ca ngợi như trong mấy chục năm trước tại những nước xã hội chủ nghĩa.

Công tâm trong việc ứng xử, không thiên vị, không nghe một chiều, không gây hăm oan cho ai, tạo công bằng cho mọi người thì mọi người kính trọng, nể phục; quy kết, chụp mũ khiến người khác bị hăm oan thì người ta sẽ không nể phục, thậm chí bất bình, bất mãn. Điều gì có bằng chứng mới được xem là có tội, nếu chưa có bằng chứng thì mới chỉ là giả thuyết, vì thế không thể kết tội người ta một cách vội vàng.

Một trong sáu yếu tố dẫn đến hòa hợp cộng đồng, quốc gia, hòa hợp khối, liên minh theo Đức Phật là “ăn đồng chia đều” theo năng lực và sự đầu tư. Nếu ăn chia không đồng đều sẽ dẫn đến các đổ vỡ, từ một tách thành hai, từ hai tách thành bốn và từ bốn tách thành n lần. Khi phân chia quyền lợi đâu đó đầy đủ thì tính bền vững trong quan hệ giữa mọi người sẽ được đảm bảo hơn.

11. Ban rải ân đức cho đời

Tức là biết chia phước báu của mình, biết đem tấm lòng, tình thương, tâm vị tha, thái độ vô ngã để chia sẻ và truyền trao cho mọi người trong xã hội, giúp họ cũng sở hữu được các đức tính, phẩm chất tốt đó chứ không phải sở hữu cho riêng mình. Đó là thái độ ứng xử tốt đẹp góp phần xây dựng hạnh phúc cho bản thân mình và xã hội.

12. Thường nghĩ đến sự huấn luyện

Tức là trong thời bình, nhà vua và quan tướng không nên ngủ quên trên chiến thắng mà phải định kỳ cho các binh lính tập trận, nắm vững chiến lược, chiến thuật để khi có biến cố xảy ra bất ngờ thì đất nước không lâm vào cảnh nguy khốn. Còn chờ đến lúc có nạn giặc ngoại xâm đến mới bắt đầu luyện binh, tập võ thì đã quá muộn màng. Ngoài việc huấn luyện thường xuyên, phải hướng binh lính tới tinh thần hy sinh vì quốc gia, tinh thần yêu nước, tinh thần vì đồng đội, tinh thần vì đời sống ấm no, bình an và hạnh phúc của quần chúng.

Từ năm 2011, khi tranh chấp biển Đông giữa Trung Quốc - Việt Nam, giữa Trung Quốc - Philipines và các nước trong khu vực qua chính sách đường lưỡi bò chín đoạn tăng cao, chính phủ Việt Nam đã kêu gọi mọi thành phần xã hội sẵn sàng cho một tinh thần yêu nước nồng nhiệt. Theo đó, có những khóa học kỳ quân đội được đưa vào giảng dạy ở

các lớp trung học, cao đẳng, đại học, sau đại học. Ngay cả trường Phật học mà học kỳ quân đội vẫn được triển khai bình thường. Đó là động thái chuẩn bị cần thiết đối với một thể chế, một quốc gia, dân tộc trước sự đe dọa của ngoại bang.

Sau khi đưa ra mười hai điều không nên quên, Bồ-tát Hiền Nhân trích dẫn đoạn kinh sau: *“Làm việc gì phải lo liệu trước. Người biết chu toàn, sự nghiệp thì mỗi ngày mỗi phát triển, không khi nào rơi vào thất bại”*. Đó là tinh thần trách nhiệm liên hệ đến phương pháp, cách chuẩn bị, lên phương án, kế hoạch, giải pháp, phương án và đồng thời cũng là cam kết để giữ gìn, bảo vệ, phát triển quốc gia, nâng cao đời sống người dân.

VI. MƯỜI HẠNH TỐT CỦA BẠC ĐẠI HIỀN

Bồ-tát Hiền Nhân tiếp tục dạy rằng, người hiền thật sự có mười hạnh tốt như sau:

1. Học rộng hiểu nhiều

Đó là yếu tố cần thiết để thiết lập tri thức cao, nghề nghiệp vững vàng. Có tri thức, ta hiểu thấu đáo các vấn đề, vì thế khi làm điều gì cũng mang đến hiệu quả cao. Có tri thức, hiểu biết ta không sợ người khác qua mặt, lừa dối, gạt gẫm, ta đủ trình độ để nhận thức được rõ ràng các vấn đề đúng sai, phải trái với các mức độ khác nhau của nó. Ta cũng biết rõ diễn tiến, nguyên nhân, sự hỗ trợ, kết quả của sự việc, do đó ta hoàn toàn có thể thành công trong việc giải quyết, thực hiện các việc đó. Chỉ có điều, một số việc ta không thể bắt tay thực hiện được, không phải vì lý do khả năng, mà vì lý do thời gian không cho phép.

Vì vậy, ta nên tìm hiểu, học rộng các nguồn tri thức của xã hội. Càng hiểu biết rộng ta càng có nhiều cơ hội để thành công trong cuộc sống.

2. Không phạm giới luật

Giới luật tức là những điều khoản đạo đức giúp cho mình sống tốt hơn, hạnh phúc hơn và giữ được phẩm chất thanh cao, phước báu lâu dài hơn. Vì thế, tôn trọng, không phạm giới luật, phát huy các mặt tích cực của giới luật sẽ làm cho giá trị con người của ta ngày càng tăng trưởng.

3. Kính thờ Tam bảo hết mực

Phật là bậc siêu phàm thoát tục, khó có một người thứ hai tương đương với Ngài trong lịch sử của nhân loại. Do đó, tôn kính và học hỏi Phật, học hỏi chánh pháp là điều khá dễ dàng. Tuy nhiên, cung kính, tôn trọng Tăng là điều không phải dễ. Bởi vì trong cộng đồng Tăng già, bên cạnh các vị chân sư thật học vẫn còn những vị chưa thực sự tu tập tốt, nên thỉnh thoảng còn làm những việc phạm tục, làm cho nhiều người mất niềm tin. Trong tình hình thực tế đó, ta vẫn giữ gìn sự tôn kính đối với Tam bảo, trong đó có Tăng bảo là điều rất quý.

4. Thọ pháp lành không quên

Thọ nghĩa là nhận lấy, thọ trì. Khi ta nghe thấy một điều hay, lẽ phải liên quan tới Phật pháp thì ta nhớ lấy, thực hành. Tránh tình trạng nghe xong rồi quên hay chắt chứa thành tri thức để khoe khoang. Trong đạo Phật, quan trọng nhất là pháp hành. Nghe rộng, hiểu nhiều nhưng không thực tập thì sự chuyển hóa không thể nào diễn ra. Đức Phật dạy, tu học là phải sống với Phật pháp, xem Phật pháp là phương pháp chuyển hóa thân tâm. Do đó, là người tu học Phật ta phải luôn ghi nhớ lời dạy đó để những tập khí xấu, ác trong ta cơ hội được chuyển hóa.

5. Điều phục tham, sân, si

Tham sân si thuộc về phiền não căn bản, có gốc rễ sâu

dày trong tâm thức của chúng ta. Không ai mở các khóa đào tạo làm lớn lòng tham, tăng trưởng tâm sân và chìm đắm trong sự si mê, nhưng hầu như sinh ra, ai cũng có sẵn ba loại phiền não trên, hoặc ít hoặc nhiều. Có tu học thì người ta mới có thể chuyển hoá được các thói hư tật xấu liên hệ đến ba độc tố tham sân si đó.

Không có cơ hội may mắn hoặc gặp những tôn giáo mê tín dị đoan đặt nặng về chủ nghĩa hình thức, rốt cuộc thì tham, sân, si vẫn còn y nguyên. Đó là một bất hạnh lớn của con người. Người nào điều phục được, vượt qua được, chuyển hóa được tham sân si, người đó xứng đáng là bậc chân nhân ở giữa cuộc đời này.

6. Tu tập tâm bình đẳng

Bình đẳng luật pháp, bình đẳng đạo đức, bình đẳng tâm linh và bình đẳng giới, đó là bốn điều bình đẳng quan trọng nhất mà đạo Phật chủ trương. Nhờ sống với đạo Phật, ta nhận thức rõ bất bình đẳng là một thái độ sống tiêu cực, đáng lên án. Nó khiến cho tình trạng xúc phạm, tổn thương, chà đạp nhân phẩm người khác diễn ra trong xã hội. Do đó, ai từ bỏ tâm bất bình đẳng, thiết lập thái độ sống bình đẳng thì người đó thật sự là người đáng quý, đáng kính trọng. Tâm bình đẳng đưa tới lối sống nhân ái, hài hòa, mang lại niềm vui và hạnh phúc cho người.

7. Thích làm các việc ân đức

Ban ơn không nhất thiết phải có tài sản vật chất. Có tài sản vật chất thì tốt, nhưng nếu không có cũng không sao. Ta vẫn có thể giúp người hay làm được nhiều việc lành bằng cách khích lệ, hỗ trợ, bảo vệ người và những giá trị tích cực khác trong cuộc sống.

Khi làm việc tốt như giúp đỡ người ta không cần tới sự đền đáp mà giúp bằng một cái tâm trong sáng, lòng thương và trí tuệ với mong muốn nhờ sự giúp đỡ này họ có thể tự vươn lên bằng đôi tay, khối óc và sự nỗ lực của họ. Giúp người như thế, nhân cách, giá trị đạo đức của ta ngày càng được phát triển, thăng hoa hơn.

8. Không nhiều hại ai

Nhiều hại bằng lời nói có thể làm cho con người thất điên bát đảo, nhiều hại bằng tay chân có thể dẫn đến thương tích và tử vong. Bất cứ một hành động nhiều hại nào cũng đều có thể dẫn đến nhiều tổn thất lớn cho người khác và bản thân ta, ở phương diện này, hoặc phương diện khác. Do đó, người trí luôn tránh xa các hành động nhiều hại, tạo hạnh phúc cho mình và cho người khác.

9. Hóa độ được người bất nghĩa

Làm cha mẹ mà không có trách nhiệm với con cái, làm vợ chồng không chung thủy với nhau, làm con cái không hiếu kính cha mẹ, làm anh em như lửa và nước, không hòa thuận, tất cả những người như thế đều gọi là người bất nghĩa. Người bất nghĩa thường không màng tới giá trị của các mối liên hệ, vì thế tình thân bị chia cắt, quan hệ xã hội đổ vỡ. Điều đó dẫn tới một đời sống cô đơn, khổ đau và tuyệt vọng.

Hóa độ được người tốt thì khá dễ dàng, vì bản thân họ đã là người tốt, chỉ cần có thêm hỗ trợ tốt thì họ sẽ tốt hơn. Độ được những kẻ bất nhân, bất nghĩa mới thực sự là việc làm khó, vì họ luôn biện hộ, viện lý do để bảo vệ bản thân họ. Vì luôn luôn tìm cách biện hộ, không mở lòng đón nhận những điều hay, điều tốt, nên họ không có cơ hội để sửa đổi, chuyển hóa. Tuy nhiên, trong tình huống đó mà giúp họ biết sống

nhân nghĩa, yêu thương bản thân, yêu thương người khác thì thật là một điều hết sức quý báu.

10. Không làm lẫn việc lành với việc ác

Đây là một trong các yếu tố của trí tuệ. Nhờ có trí tuệ ta phân biệt được đúng và sai, tốt xấu, tình huống nên làm và không nên làm, cái nào có giá trị và cái nào gây ra tổn thất, phán đoán rạch ròi và chọn hướng đi chuẩn mực. Nhờ phân định được thiện ác, tốt xấu, ta có cơ hội thoát ra khỏi điều ác, dẫn thân trong việc làm lành. Kẻ không phân định được thiện ác, tốt xấu dễ chìm đắm trong sai lầm, gây khổ đau và gây nguy hại cho bản thân và người khác.

Như vậy, theo Bồ-tát Hiền Nhân, trong cuộc sống, ai rèn luyện, trao dồi mười điều trên, biến chúng thành hành vi, lối sống của mình thì người đó được xem là người hiền, người có trí tuệ.

Tóm lại, nội dung Chương VI cho thấy, người nào không biết vượt qua được những trở ngại của bản thân để học hỏi những điều hay, tránh những điều đáng ghét, tạo những điều đáng kính, không gần gũi với 10 hạng người kính nhi viễn chi, đồng thời phát huy 8 nhân cách cao thượng, 12 điều tâm niệm, 10 đức tính tốt của các bậc đại hiền, thì người đó được xem là người trí tuệ, đáng được người đời cung kính tán dương.

CHƯƠNG VII

TỘI ÁC, HỔ THẸN VÀ TRÍ TUỆ

Giảng tại Chùa Xá Lợi, ngày 22-07-2012

Phiên tả: Nguyễn Thị Mai



Cũng như các phần trước, ở nội dung Chương VII, Bồ-tát Hiền Nhân trình bày lần lượt các quan điểm về cách đối nhân xử thế theo tinh thần Phật dạy cho nhà vua nghe. Theo đó, nếu ở mỗi quốc gia, bên cạnh luật pháp, các vị lãnh đạo và các nhà giáo dục ứng dụng thêm giá trị đạo đức minh triết mà Đức Phật dạy thì có lẽ xã hội sẽ tốt đẹp hơn nhiều. Nội dung cụ thể của phần này như sau:

I. MƯỜI LĂM TỘI ÁC

Hiền Nhân trình bày với vua rằng, có 15 thứ tội lỗi mà một kẻ ác thường tạo tác nhau sau:

1. Sát sanh

Sát sanh trở thành một tội cực nặng khi đối tượng của nó là con người. Bởi vì giết hại con người sẽ tạo ra một thế giới bất bình ổn, với các khủng hoảng, các nỗi sợ hãi, làm cho tất cả những giá trị hòa bình, đoàn kết, hòa hợp mất đi là một tội cực kỳ lớn. Rộng hơn, trong luật Bồ-tát, đức Phật còn ngăn cấm các hành vi sát hại các loại động vật. Do đó, người thực tập đời sống đạo đức theo tinh thần lời dạy của đức Phật không những không được giết người mà còn phải hạn chế tối đa việc trực tiếp hay gián tiếp sát sanh các loài động vật.

2. Trộm cắp

Trộm cắp được hiểu là hành vi tước đoạt quyền sở hữu của người khác trái với luật, trái với lương tâm. Không chỉ riêng với đạo Phật, trộm cắp là hành vi bị lên án ở tất cả các tôn giáo. Luật pháp ở quốc gia trên thế giới cũng xem trộm cắp là hành vi tội lỗi. Người trộm cắp, dù ở bất cứ hình thức nào, cũng bị xã hội lên án. Là người tu học Phật, thực tập đời sống đạo đức theo lời dạy của đức Phật, ta phải từ bỏ tuyệt đối thói trộm cắp, vì nó đưa tới đời sống ô nhiễm, tội lỗi, bất hạnh và khổ đau.

3. Thói quen dâm ô

Dâm ô là lối sống sa đọa, hưởng thụ mang tính bản năng. Đó là lối sống thiếu chuẩn mực, vi phạm đạo đức cần phải lên án. Người có thói dâm ô thường không tự chủ được bản thân. Họ có thể cưỡng bức, xâm hại tình dục đối với trẻ em, trẻ vị thành niên. Do đó, sự có mặt của họ là nỗi kinh hoàng cho nhiều người.

4. Dối trá, lừa đảo

Đó là biểu hiện của một lối sống không thật. Những người như thế thường lợi dụng niềm tin của người khác để mưu lợi cá nhân. Hành vi đó cho thấy họ rất ích kỷ, không tôn trọng luật pháp, xem thường chuẩn mực, đạo đức. Dối trá, lừa đảo, theo đức Phật, là một trong những tội ác rất nặng. Ở một mức độ nào đó, dối trá, lừa đảo là tội không thể sám hối được.

5. Nịnh hót

A dua, a tòng, tán dương những việc làm sai, khích lệ những kẻ bất thiện, đồng lõa với các loại tội phạm đều gọi chung là các loại hình nịnh hót. Đó là một lối sống thiếu chính trực, có thể khiến người khác chìm đắm vào vũng bùn tội lỗi.

6. Chuốt ngọt

Tức là lối sống điêu ngoa, lấy lòng bằng lời nói, tạo ra ngữ cảnh “ngọt mật chết ruồi” để người khác lầm tưởng đó là sự thật. Đây là một trong các hành vi tội lỗi, vì nó hướng tới mục đích xấu xa, đưa tới tình huống bất lợi cho người nghe.

7. Gièm pha

Gièm pha có nghĩa là chê bai, không tùy hỷ công đức, không tán dương người lành và người thiện. Thay vì hoan hỷ, ủng hộ thành tựu tích cực, người có thái độ gièm pha

thường tỏ ra bất bình, bất mãn, ganh ghét, đố kỵ với thành tựu của người khác. Từ đó, có thể dẫn đến thù hận, thậm chí đưa tới những hành động thanh toán, loại trừ nhau. Vì vậy, cũng như các hành vi nịnh hót, chuót ngọt, gièm pha là một tội lỗi mà chúng ta cần phải tránh.

8. Khinh khi bậc hiền đức

Đạo đức là nền tảng hạnh phúc của xã hội và bình an của thế giới. Người hiền đức là người có hành động mang lại hạnh phúc và bình an cho mọi người. Tuy nhiên, có nhiều người không tán đồng với hành động đó, vì họ nghĩ rằng, khi người hiền đức phát huy thì tầm ảnh hưởng của họ sẽ mất đi hoặc thu hẹp lại. Vì thế, họ ra sức tấn công, phê bình, trù dập, chỉ trích, gây khó dễ đối với các bậc hiền đức. Đó là hành động tội lỗi, trái với chuẩn mực, đạo đức của xã hội và đời sống tâm linh.

9. Tham đắm việc ô trược

Tức là dấn thân vào con đường tội lỗi, ai khuyên can cũng không nghe, không dừng lại. Đời sống của những người như thế luôn luôn bất an, khổ đau. Tuy vậy, do chìm sâu vào con đường tội lỗi, họ gần như hoàn toàn mất khả năng thức tỉnh. Họ chỉ biết hưởng thụ, chìm đắm trong tham sân si và các hành vi bất thiện như một con nghiện, càng ngày càng nặng thêm.

10. Buông lung

Buông lung tức là không biết giữ mình, không tìm lại chính mình, không lắng nghe chính mình, sống buông thả thiếu kiểm soát nên không đủ khả năng làm chủ các giác quan. Nói cách khác sống buông lung là sống thiếu chánh niệm tỉnh giác. Vì thiếu chánh niệm tỉnh giác, kẻ buông lung bị trôi lăn, chìm đắm trong đời sống khổ đau.

11. Say sưa

Say sưa, nghiện ngập rượu, bia, các loại ma túy tổng hợp, đập đá... đều là hành vi xấu xa, tội lỗi. Các chất đó khiến cho thân tâm của người nghiện mê mờ, suy nhược, không làm chủ được bản thân, đánh mất tương lai. Mặt khác say sưa, nghiện ngập còn có thể đưa tới các hành vi tiêu cực khác như trộm cắp, giết người... Vì vậy, cần tránh xa thói say sưa, nghiện ngập đó.

12. Ganh ghét

Là thái độ không ưa, không hợp tác, không đồng hành với tất cả hành vi, thái độ có ý nghĩa và giá trị cao đẹp của người khác. Ganh ghét thường đưa tới giận hờn, thù hận, gây chia rẽ, mất đoàn kết. Chính vì vậy, nó bị xem là tội ác.

13. Phỉ báng đạo đức

Tức là tấn công các phương diện tích cực của cuộc đời, nói xấu, phê bình, chỉ trích việc đạo đức, dựng chuyện hãm hại, gây tình huống bất lợi, sợ hãi cho những người có đời sống đạo đức tốt đẹp, phẩm hạnh thanh cao. Có thể nói, phỉ báng đạo đức là hành vi tội lỗi nặng nhất trong các hành vi tội lỗi vì nó gây thiệt hại rất lớn cho đời sống xã hội.

14. Sát hại thánh nhân

Đây là hành động mang trọng tội, vì giết các bậc thánh nhân là tạo ra các tai ách cho cuộc đời, khiến cuộc đời trở nên tối tăm, hạnh phúc vắng mặt, nỗi khổ niềm đau theo đó có mặt khắp nơi.

15. Bất kể tội lỗi

Người bất kể tội lỗi thường liều mạng, sa lầy trong các hành động ác. Lâu ngày, chủng tử xấu ác, bất thiện đó làm

cho trái tim nhân ái của họ chai lì, tính sáng suốt của họ bị lu mờ, tăm tối. Họ hoàn toàn mất phương hướng, lạc lối về, họ trở thành người nhẩn tâm, ác độc.

Trên đây là 15 điều xấu ác, tội lỗi mà Ngài Hiền Nhân đã chia sẻ với đức vua. Ai có thể nhận diện, chuyển hóa được 15 điều xấu ác, tội lỗi này, thì người đó sẽ trở thành bậc đại nhân, đại trí, và hành động, sự dẫn thân của họ sẽ giúp cho cuộc đời tươi sáng và hạnh phúc hơn.

II. MƯỜI ĐIỀU ĐÁNG HỔ THEN

Theo Phật giáo, hổ then được hiểu là lương tâm cá nhân, còn xấu hổ được hiểu là lương tâm xã hội. Nhờ lương tâm xã hội, tức đánh giá tích cực, khách quan, trung thực của xã hội, ta có được cơ hội tự nhận thức lại chính bản thân mình, từ đó có những bước điều chỉnh, chuyển hóa thích hợp.

Hổ then giúp ta thấp sáng lương tâm trong mọi nếp sống, suy nghĩ, hành vi, nhờ vậy ta hướng tới một đời sống đạo đức, phẩm hạnh thanh cao. Trong cuộc sống, có thể có nhiều điều khiến cho con người phải tự hổ then để tự hoàn thiện mình. Ở đây *kinh Hiền Nhân* chỉ đưa ra 10 điều đáng hổ then như sau:

1. Làm vua chúa mà không hiểu nghệ thuật quản trị

Trong kinh dịch là không hiểu chính trị, chúng tôi đổi lại là nghệ thuật quản trị để nghĩa của nó trở nên tích cực và tránh sự hiểu lầm. Không hiểu nghệ thuật quản trị tức là không có kiến thức chuyên môn về quản trị đất nước, quản trị nhân tài dẫn đến tình trạng đất nước tụt hậu, đời sống người dân cơ cực, khổ đau. Những người cầm cân nảy mực nếu không đủ tài, đủ đức, đủ trí thì nên cảm thấy xấu hổ với bản thân mà tham khảo và học hỏi các bậc anh tài khác để phát triển quốc gia.

2. Tội thần mà bất trung bất nghĩa

Bản dịch là vô lễ, chúng tôi đôi lại là bất trung bất nghĩa để dễ hiểu hơn. Tức là các quan chức trong Chính phủ, nếu không có tính trung trực, không có nghĩa với cuộc đời, với đất nước, với người dân thì hành động của họ chỉ vì quyền lợi cá nhân, do đó không thể góp phần đưa đất nước đi lên được. Đó thực sự là điều đáng xấu hổ.

3. Tiếp nhận ân nghĩa mà không đền đáp

Hạng người này xem việc thương yêu, chăm sóc, dạy dỗ, công hiến của cha mẹ, ông bà tổ tiên, thầy cô giáo, những người đóng góp cho xã hội là điều tất yếu. Họ nghĩ rằng, ông bà, cha mẹ sinh ra họ thì phải lo cho họ; thầy cô giáo lãnh lương của nhà nước thì phải truyền trao tri thức cho họ; những người khác như ý tá, bác sĩ, kỹ sư... thì phải chữa bệnh, phải làm việc, phải cống hiến. Đó không phải là ơn nghĩa mà là trách nhiệm. Lỗi suy nghĩ đó thật sự nguy hiểm. Nó khiến cho người đó không còn biết quý trọng ơn nghĩa của người khác. Vì vậy họ sống dửng dưng, vô cảm với sự hy sinh, cống hiến của người khác dành cho cuộc đời, trong đó có bản thân họ. Người có lỗi suy nghĩ và thái độ sống như vậy thật đáng hổ thẹn.

4. Phạm nhiều tội lỗi không chịu chừa bỏ ăn năn

Tội thuộc về luật pháp, lỗi thuộc về dân sự. Có nhiều người không nhận thấy việc làm tội lỗi của mình, do đó họ không xin lỗi ai, không ăn năn hối cải, không quay đầu hướng thượng mà tiếp tục sống với hành vi và thói quen đó. Điều này nếu kéo dài sẽ nguy hại cho bản thân họ, nguy hại cho cuộc đời.

5. Sống với chủ nghĩa đa phu hay đa thê

Đa phu hay đa thê nghĩa là một người có nhiều chồng

hoặc nhiều vợ. Đó là thái độ sống không tôn trọng luật pháp, không tôn trọng đạo đức Phật dạy. Thỏa mãn hạnh phúc giác quan bằng việc đến với nhiều người sẽ đem nỗi khổ niềm đau cho những người còn lại. Đó cũng là một điều đáng xấu hổ.

6. Chưa cưới mà có thai

Theo đạo đức của *kinh Hiền Nhân*, chưa cưới mà có thai hay có thai ngoài giá thú là một điều đáng xấu hổ. Là phụ nữ cần phải biết giữ mình, không nên dễ tin vào lời người đàn ông mà vượt qua ranh giới bảo vệ chuẩn mực, đức hạnh của người phụ nữ. Nếu vượt qua ranh giới đó, người phụ nữ sẽ là người thiệt thòi trước tiên. Bởi vì, một khi người đàn ông đã hưởng trái cấm một cách dễ dàng từ người phụ nữ, họ sẽ nghĩ những người khác cũng có thể làm được việc như thế. Từ đó họ sẽ nghi ngờ, xem thường giá trị của người phụ nữ đó.

7. Hội họp, tập họp mà không thành

Tức là cũng phát xuất từ tinh thần tập thể, ý thức đoàn kết nhưng khi vào một tổ chức, hội đoàn, phiên họp thì ý thức cá nhân, quan điểm cá nhân, quyền lợi cá nhân cao quá, cho nên làm cho tất cả tinh thần tập thể đó bị phá vỡ, không đúc kết lại, không tạo thành một ý chí chung, một quyết nghị hay một quyết định chung được. *Kinh Hiền Nhân* cũng xem đó là một điều đáng xấu hổ của tập thể.

Trong tuần lễ vừa qua, suýt nữa ASEAN (Hiệp hội các nước Đông Nam Á) không đạt được sự đồng thuận quan điểm về biển Đông. Nhưng cũng rất may, Ngoại trưởng của Indonesia đã dùng uy tín cá nhân của ông để thuyết phục Việt Nam, Malaysia, Philippines và những nước khác đi đến sự đồng thuận với nước chủ nhà là Campuchia vốn đang bị sức ép đầu tư hàng tỷ đô la của Trung Quốc, làm cho họ không thể đứng về quyền lợi của ASEAN. Do đó, nếu không có

Ngoại trưởng của Indonesia, có lẽ sáu điểm đồng thuận về biển Đông của ASEAN đã vỡ kế hoạch.

8. Có binh khí mà không thể chiến đấu

Ở đây nên hiểu điều đó như là sự ản dụ chứ không nên hiểu theo nghĩa đen. Tức là mình có đủ các phương tiện để làm một việc gì đó nhưng mình không thực hiện được. Các thuận duyên, các điều kiện hội đủ hết nhưng không chịu làm, có thể vì người trong cuộc nghĩ là việc này nhỏ không đáng, không xứng tầm với mình hoặc quyền lợi của mình không được đề cao, từ đó cảm thấy bị thiệt thòi nên không tham gia, không dấn thân.

Tình trạng đó cũng giống như nghĩa sĩ ra chiến trận, lẽ ra cần phải sử dụng vũ khí để bảo vệ quê hương bờ cõi nhưng ngược lại làm không được, làm không xong. Điều đó đáng xấu hổ. Trong những trường hợp như thế, không nên đổ lỗi hay đổ thừa cho cuộc đời, cho con người mà vì mình không đủ khả năng tận dụng điều kiện thuận lợi vốn có mà thôi.

9. Bỏn xẻn, keo kiệt không chịu chia sẻ

Người nghèo có thể có lý do để không chia sẻ, giúp đỡ, cứu người, nhưng có những người giàu nứt vách đổ tường, khả năng chia sẻ dư thừa vẫn không muốn giúp ai. Có thể vì họ chai lì, xơ cứng lòng thương yêu, sự tử tế hoặc có thể họ nhận thấy rằng của cải, tài sản họ làm ra bằng mồ hôi, nước mắt, nên cho người khác một cách dễ dàng như vậy họ cảm thấy tiếc rẻ, xót của. Đó là sự bỏn xẻn về phương diện tài sản, vật chất, thật đáng xấu hổ.

Bỏn xẻn kiến thức hay tri thức lại càng đáng xấu hổ hơn. Thay vì công bố, chia sẻ cho mọi người biết những gì mình nắm bắt, hiểu rõ thì ngược lại cố nắm giữ như một thứ gia

gia truyền, độc quyền để hưởng lợi. Ai làm hài lòng mình thì mình mới giúp đỡ hoặc chia sẻ, còn người không làm mình hài lòng thì không bao giờ chịu chia sẻ cho họ biết. Nếu cuộc đời này ai cũng ứng xử như vậy thì túi khôn của nhân loại sẽ bị mai một theo cái chết của một con người.

10. Làm tôi tớ mà chủ không nhờ vả được

Đóng vai trò là gia nhân, trợ lý, người giúp việc mà không thể giúp đỡ gì cho người lãnh đạo của mình thì rõ ràng vai trò của người đó trở nên vô nghĩa. Thậm chí có một số trợ lý làm ngược lại quan điểm của người lãnh đạo, tức là không tạo ra lợi ích chung, khuynh hướng chung, mà ngược lại tạo ra tình trạng rối ren, làm cho sự nghiệp chung của công ty, tổ chức khó có thể phát huy được. Đó là điều đáng xấu hổ.

Theo Bồ-tát Hiền Nhân, đó là 10 điều mà ai bị vướng vào, hoặc một hoặc nhiều, nên cảm thấy hổ thẹn. Chỉ có hổ thẹn mới thực sự là cái nhân gần nhất giúp ta đánh giá lại chính mình, từ đó điều chỉnh lại thói quen và lối sống của ta. Không biết hổ thẹn, ta không có cơ hội tự điều chỉnh, và như thế, ta sẽ mang lại rất nhiều tổn thất cho bản thân và những người hợp tác với ta.

III. MƯỜI HAI ĐIỀU KHÓ LÀM

Bồ-tát Hiền Nhân nêu ra những điều khó làm để ta không chán nản, không bỏ cuộc mà phải xem đó như những thách thức cần vượt qua. Nội dung của những điều khó làm đó được trình bày cụ thể như sau:

1. Làm việc thành công với người ngu

Đây là thách thức lớn vì người ngu không phân biệt và đánh giá chính xác được đâu là tốt và xấu, đâu là nên và không nên. Do đó, để làm việc thành công, đòi hỏi người

đồng hành với họ phải thực sự là một người tài giỏi để lèo lái, giúp họ nhận ra các yếu kém của họ, đồng thời tạo ra cơ hội thành công cho công việc chung của tập thể. Nếu không, sự có mặt của người ngu sẽ làm cho công việc bị đình trệ, thậm chí thất bại.

2. Yếu đuối, đầu hàng, bỏ cuộc

Do thiếu bản lĩnh, thiếu sức chịu đựng, thiếu sự điềm tĩnh, thiếu trí thông minh, thiếu phương pháp, cho nên người ta trở nên bạc nhược, yếu đuối, thiếu tự tin. Vì thiếu các tố chất đó nên khi gặp điều gì họ cũng cảm thấy khó khăn. Chưa bắt tay vào làm một việc nào đó thì đã sợ thất bại. Gặp trở ngại một chút đã buông tay, bỏ việc. Nghe ai hù dọa điều gì đã sợ hãi. Người như vậy rất khó vượt qua các nghịch cảnh để vươn lên thành công trong cuộc sống.

3. Thù nhau mà thường gặp mặt

Có thể là gặp mặt trong gia đình, cũng có thể là gặp nhau trong một tổ chức, một hội đoàn hay một hoạt động tập thể nào đó. Thông thường, trong một tập thể, những cá thể trong đó thường có chung cộng nghiệp, quan điểm, khuynh hướng, lối sống chung. Do đó họ dễ dàng hòa hợp với nhau. Tuy nhiên, không hiếm các trường hợp ngược lại, cùng ở trong một tập thể nhưng người ta lại ganh ghét nhau, chống đối nhau, bất hòa nhau, mâu thuẫn nhau. Ganh ghét, chống đối, bất hòa, mâu thuẫn nhưng người ta vẫn phải gặp nhau hàng ngày, hàng giờ, do tính chất, vai trò, trách nhiệm của họ đối với một tổ chức, tập thể. Đó thực sự là một điều khó khăn.

4. Học ít mà thích tranh luận

Đó thực sự là một điều khó. Trong tranh luận bao giờ người ta cũng muốn thắng đối phương. Tuy nhiên nếu học ít,

không có dữ liệu, thông tin, sự hiểu biết, phương pháp, thì ta không có cơ hội để thắng người khác. Do đó, ít học mà thích tranh luận chỉ rước họa vào thân, không mang tới lợi ích gì cho bản thân mình. Thay vì thích tranh luận ta nên học cách lắng nghe. Nhờ biết lắng nghe ta học hỏi được nhiều thứ từ người khác. Đó cũng là cách ta tự học, tự rèn luyện, tự tích lũy tri thức cho chính bản thân mình vậy.

5. Nghèo hèn mà trả được nợ

Đây cũng là một điều khó. Thông thường nghèo hèn thì sinh nợ nần. Nợ nần mà không biết lo toan để trả thì trước sau gì nợ cũng chồng chất lên ngày một nhiều. Do đó, nghèo mà trả được nợ là rất khó. Tuy vậy, nếu biết lo liệu, biết nỗ lực, phấn đấu làm ăn, biết chi tiêu có kế hoạch, ta vẫn có cơ hội để trả được nợ.

6. Ra trận mà không có tướng và binh lính

Làm vua mà không có tướng, không có quân, không có dân thì không thể làm vua được. Tức là thiếu các hỗ trợ duyên thuận lợi thì dù có ước muốn lớn, lý tưởng cao, chí nguyện thành, ta vẫn là người hoàn toàn không thực hiện được các nguyện vọng của mình.

7. Trung thành với một chính thể

Ở đây nên hiểu theo một nghĩa khác, đừng hiểu theo nghĩa trung quân một cách mù quáng. Tôn trọng chính thể mình đang sống để không vi phạm luật pháp, đó là hành vi và thái độ đúng. Tuy nhiên, nếu chính thể đó có những chủ trương sai lầm ta phải có nghĩa vụ góp ý, xây dựng. Còn chống đối theo kiểu tiêu cực sẽ không giải quyết được vấn đề mà còn khiến cho tình trạng trở nên tồi tệ hơn, và bản thân mình sẽ trở thành nạn nhân đầu tiên của hành vi chống đối tiêu cực đó.

8. Học đạo mà không có tín tâm

Con đường tâm linh của đạo Phật bắt đầu bằng niềm tin chân chính. Khi mình không có niềm tin chánh pháp có khả năng giải phóng nỗi khổ, niềm đau, giúp cho mình từ phạm trở thành thánh thì việc gắn bó với đạo Phật dù vài chục năm cũng không có lợi ích gì. Những tín đồ như vậy chỉ là người là đang “đứng ngoài cổng chùa” không thấm được tương chao tâm linh, cho nên hoàn toàn không có được lợi lạc.

9. Làm ác mà muốn có quả báo lành

Chuyện này không thể xảy ra được. Trong cuộc sống, ở một số trường hợp, do khôn khéo, luồn lách hay tìm được thế lực bao che, mặc dù có những hành động xấu ác, người ta vẫn có thể sống đứng vững ngoài pháp luật. Tuy nhiên, đó thực sự không phải là quả lành trong tương quan nhân quả của hành động xấu ác đó mà chỉ là quả lành trong tương quan nhân lành khác trước đó.

Đạo Phật khẳng định, không có một hành động xấu ác nào không đưa tới quả xấu. Chỉ có quả xấu chưa có đủ thời gian, điều kiện cần thiết để trở. Kẻ khôn ngoan, khéo léo có thể sống ngoài vòng pháp luật vài chục năm nhưng rồi cũng bị nghiêm trị. Giả sử, nếu qua mặt luật pháp suốt một đời người, thì họ cũng không thể sống an bình, hạnh phúc mà họ luôn sống trong nỗi lo sợ suốt cuộc đời. Đó là chưa nói đến quả báo xấu còn đang chờ họ ở các kiếp sống sau.

10. Sinh ra đời gặp được Phật pháp

Đó là hai tình huống cho thấy người đó có phước duyên lớn. Ra đời ngay thời Phật là một phước duyên lớn. Gặp được Phật pháp là một duyên lớn thứ hai. Có người sinh cùng thời với Đức Phật nhưng không thích gặp Ngài và cũng không

thích nghe giáo pháp của Ngài. Có người sinh sau thời Ngài, kinh sách có sẵn, được người tặng biếu cũng không thèm đọc, có đọc cũng không chịu tin, có tin cũng không dám làm, có làm thì làm sai phương pháp cho nên không được lợi lạc.

Do đó, tận dụng cơ hội gặp Phật, gặp Pháp ta thực tập chuyển hóa để được hạnh phúc trong hiện tại và tương lai.

11. Được nghe và hành trì chánh pháp

Ngày nay, kỹ thuật số phát triển như vũ bão, kinh điển Phật được phổ biến dưới nhiều hình thức khác nhau trên internet. Mặc dù vậy, rất nhiều người vẫn cứ lao vào hưởng thụ các phương tiện giải trí khác, thậm chí cả năm, cả đời không thèm đọc hiểu kinh Phật. Các giá trị tích cực chưa từng trải nghiệm qua thì làm sao có thể có một đời sống tâm linh lành mạnh được. Cũng có người có duyên đọc được kinh điển, nhưng lại là thứ kinh viết bằng ngôn ngữ không phải tiếng mẹ đẻ nên có đọc nhưng thực chất chẳng hiểu được gì, do đó chìm đắm vào trong các hoạt động tín ngưỡng, mê tín dị đoan. Nghe được Phật pháp đã khó như thế huống chi là thực hành chuyển hóa các nỗi khổ niềm đau.

12. Làm theo chánh pháp để thành tựu sự nghiệp

Muốn như thế phải học rộng lời Phật dạy. Mỗi một bài kinh, mỗi lời Phật dạy như một toa thuốc tâm linh trị bệnh khổ đau cho con người. Càng đọc nhiều kinh, càng nắm bắt nhiều phương pháp, ta càng có nhiều cơ hội để ứng dụng linh hoạt các phương pháp đó trong nhiều tình huống khác nhau của cuộc sống tu học.

Trên đây là mười hai điều khó. Tuy vậy bằng nỗ lực và quyết tâm con người hoàn toàn có khả năng biến những khó khăn đó thành hiện thực. Đó không phải là sự khích lệ, động viên mà là kết quả khả quan của tiến trình nhân quả.

IV. BỐN MƯƠI BỐN DẤU HIỆU CỦA BẠC TRÍ

Điều này quá chi tiết, rõ ràng, ở đây chúng tôi chỉ nói sơ qua.

1. Biết sửa sang nhà cửa ngăn nắp

Biết quản trị gia đình làm cho gia đình trong và ngoài được yên ấm là một nghệ thuật cần phải học tập. Ta không cần phải tốn quá nhiều tiền cho việc trang trí nội thất cho ngôi nhà, chỉ cần dọn dẹp ngăn nắp, sạch sẽ, ấm cúng. Thời gian còn lại ta nên dành cho các việc khác có ý nghĩa hơn.

2. Tạo không khí hòa hợp trong gia đình

Muốn gia đình hạnh phúc, trong đó vợ chồng hòa hợp, con cái hiếu thảo, anh chị em thương yêu, nâng đỡ lẫn nhau, ta phải thường xuyên chăm sóc gia đình. Phải tạo không khí hòa hợp cho gia đình bằng lời nói chân thực, ngôn ngữ hài hòa, dễ nghe. Các thái độ hằn học, giận dữ, thiếu từ ái là nguyên nhân khiến gia đình không yên ấm. Bên cạnh đó cần phải sống chân thật, tin tưởng, thương yêu nhau. Đó là sức mạnh giúp gia đình đầm ấm, hạnh phúc.

3. Giao thân với mọi người

Tức là lấy sự thẳng thắn, có tình người để giao tiếp, đối đãi với nhau. Chỉ có bậc trí mới ứng xử như thế, vì một khi ta lấy lòng từ tế đối đãi với người thì người cũng lấy sự thẳng thắn, chân thật đối đãi với ta.

4. Tin bạn bè chân chính

Bạn bè có xấu có tốt. Bạn xấu thì ta nên cân nhắc, hạn chế tiếp xúc. Bạn tốt thì ta nên giao lưu, học hỏi với niềm tin tuyệt đối với họ. Thể hiện niềm tin tuyệt đối nơi bạn bè chân chính là thái độ đáng trân trọng không phải ai cũng có được.

5. Học tập với các bậc minh sư

Tìm thầy giỏi, thầy hay, có nhiều trải nghiệm tâm linh để học hỏi là thái độ khôn ngoan của một người trí. Vì thầy giỏi chắc chắn vị ấy sẽ có phương pháp giúp mình tự trải nghiệm các giá trị tâm linh mà họ đã thành tựu một cách hiệu quả.

6. Làm việc gì thì quyết tâm thành tựu

Tức là có lý tưởng, có ý chí, có sự quyết đoán, có nỗ lực, có sự theo đuổi mục đích đến nơi đến chốn. Hội đủ các yếu tố đó, chắc chắn sẽ thành công.

7. Có tài trí cao rộng

Tài trí cao rộng giúp bậc hiền trí nhận thức rõ nguyên nhân, trợ duyên, diễn tiến của các sự vật, hiện tượng, quá trình, nhờ đó họ dễ dàng tìm thấy các giải pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề bế tắc, gặt hái được thành công trong cuộc sống.

8. Mọi hành vi đều hướng về mục đích thiện

Làm nghề gì, dấn thân vào bất kỳ hoạt động nào cũng cần phải tôn trọng luật pháp, các chuẩn mực, đạo đức để mang lợi ích cho mình, cho người.

9. Giàu sang thì lo phát triển việc ân đức

Tức là khác với khuynh hướng giàu lo hưởng thụ, giàu chỉ biết lo cho cá nhân mình, mà ngược lại, biết làm việc nghĩa, biết tạo phúc, biết kiếm phước và biết chia sẻ tài sản, trí tuệ, hiểu biết cho người.

10. Tạo tác, sửa sang đều phải thận trọng

Tạo tác có thể hiểu là đầu tư hay làm việc gì đó hoàn toàn mới. Khi đầu tư cần phải có sự cân trọng, tính toán, phân

tích bài bản để ta không bị vỡ kế hoạch, lỡ cơ hội hoặc dẫn đến các hậu quả tiêu cực khác. Còn sửa sang là trùng tu, phát triển lên, đầu tư thêm việc gì đó. Sửa sang cũng cần nắm rõ quy trình. Có như thế ta mới có thể làm cho kết quả trở nên tốt đẹp hơn.

11. Có của phải biết đầu tư vào sự nghiệp

Ở các nước nghèo, phần lớn người có tiền thường gửi tiền vào ngân hàng để lấy lãi hàng tháng. Cứ như thế, họ không cần phải nỗ lực làm thêm bất kỳ công việc gì để có thêm thu nhập. Điều đó thực sự không được khích lệ vì nó khiến cho người ta không vận dụng được kiến thức, năng lực và sự sáng tạo của bản thân để phát triển nguồn vốn mà mình có. Mặt khác, khi khủng hoảng tài chính diễn ra, sự nghiệp của họ rất dễ tiêu tan, vì các ngân hàng bị dư nợ xấu, bất động sản đóng băng, không còn khả năng chi trả. Người có trí thì ngược lại, sử dụng tiền bạc, tri thức, năng lực đầu tư vào các dự án, các lĩnh vực khiến cho tiền của, tài sản của họ không ngừng tăng lên.

12. Không giao của cải cho con cái khi chúng thiếu kiến thức

Cha mẹ thương con là điều tốt, nhưng thương con cần phải có nguyên tắc, không nên thương con một cách mù quáng, khiến chúng hư đốn. Cần phải giáo dục, đầu tư cho con cái học hành đến nơi đến chốn để chúng nắm lấy tri thức, phương pháp tạo ra và giữ gìn tài sản. Tuyệt đối không giao tài sản kế thừa cho con cái khi chúng không có tri thức. Vì không có tri thức, chúng không có điều kiện và cơ hội để phát triển sự nghiệp vững vàng.

13. Biết kết bạn với các bậc hiền

Tức là biết đồng hành, nuôi dưỡng lý tưởng, giao du, gần

gửi với những người tốt, với những bậc thiện hữu tri thức. Nhờ giao du, gần gũi với những người bạn tốt, những bậc thiện hữu tri thức, ta có nhiều cơ hội để học hỏi nhiều kinh nghiệm quý báu từ họ. Lâu ngày ta sẽ huân tập được các thói quen tích cực, lành mạnh có ích cho bản thân và xã hội.

14. Không nên vội tin và quá tin vào người mới quen biết

Chị em phụ nữ nên lưu ý điều này. Trên một chuyến xe, trong một cuộc gặp gỡ, có rất nhiều phụ nữ trao đổi, tâm tình với người khác như thể họ là bạn thân giao của mình mấy chục năm trời. Điều đó thật sự là không nên. Kết giao, trao đổi mà mình chưa biết rõ người đó là ai, thân phận ra sao, tốt hay xấu thì rất dễ tạo ra sự rắc rối cho bản thân mình.

15. Tiền của ở chỗ huyện quan đem về đừng để lâu

Câu này hơi khó hiểu. Ở đây, chúng ta có thể hiểu, của cải mình làm được, thành tựu được đừng để một chỗ quá lâu, vì để quá lâu là tạo cơ hội cho bọn trộm cắp dòm ngó, sanh tâm chiếm hữu. Phải biết sử dụng tiền của một cách đúng đắn bằng cách đầu tư cho các mục đích tốt đẹp, có giá trị. Nhờ đó, ta sẽ có nhiều cơ hội phát triển hơn, còn tiền để một chỗ lâu ngày cũng không được lợi lạc gì. Ở phương Tây ngày nay người ta không để tiền ở nhà mà để trong ngân hàng và họ sử dụng thẻ ngân hàng để thanh toán các khoản chi tiêu cần thiết. Số tiền còn lại, phần lớn họ đầu tư vào công ăn việc làm.

16. Mua bán, đổi chác phải thật thà không lường gạt

Mua bán, đổi chác phải có lương tâm, tin nhân quả, không lừa đảo ai. Ngay cả trong trường hợp người khác dễ dãi, dễ tin, ta vẫn phải ứng xử chân thật, không gian dối. Khi được trả tiền dư ta cũng không lấy mà phải trả lại. Ai bỏ quên đồ đạc, mình cũng cố tâm tìm cách trả lại đúng người. Phải giữ lương tâm trong sáng trong khi mua bán, trao đổi với mọi người.

17. Về ở nơi nào phải biết nghiên cứu trước

Việc di chuyển chỗ ở, thay đổi nơi làm, di chuyển chỗ học hay bất cứ một cuộc di chuyển nào cần phải điều nghiên trước sau thật kỹ lưỡng. Không nên hời hợt, dễ tin, mà phải có chiều sâu cân nhắc, đánh giá bằng lý trí để tránh ngộ nhận, sai lầm về sau này.

18. Đến đâu phải biết người đó giàu hay nghèo, quý hay tiện

Giao tiếp, ứng xử với mọi người phải biết bản chất của người đó để ứng xử thích hợp, nhờ đó ta có thể đắc nhân tâm trong giao tế và tránh hiềm lâm không cần thiết.

19. Khi giao thiệp phải thân cận với người lành

Tức là phải luôn tìm người lành để đồng hành, hỗ trợ và nhờ đó ta dễ dàng thành công hơn trong cuộc sống bằng nỗ lực chân chính của bản thân mình.

20. Phải nương tựa vào quyền lực chân chính

Dân gian có câu: “*Nhất thế, nhì thân, tam tiền và tứ cú*”, tức thứ nhất là người có quyền, thứ hai là người có bà con, bạn hữu thân với người có quyền, thứ ba là có tiền hối lộ và thứ tư là sống luôn cúi. Về cơ bản, đó là bốn cách sống dựa trên quyền lực mà theo đạo Phật là không nên.

Ở đây ta chỉ nên nương tựa vào quyền lực chân chính, tức là những người bạn tốt lành, những bậc thiện hữu tri thức hướng tâm và đời sống của họ tới các giá trị đạo đức, trí tuệ. Nương tựa những người này ta có cơ hội tạo nên được một sức mạnh cần thiết để vươn tới đỉnh cao của sự thành tựu sự nghiệp.

21. Đừng tranh hơn thua với kẻ cường bạo

Kẻ cường bạo là kẻ thiếu lý trí, thiếu trí tuệ và có tham

vọng chinh phục người khác bằng sức mạnh và các thủ đoạn. Do đó, đừng bao giờ tranh hơn thua, phải trái với họ. Tranh hơn thua, phải trái với họ, ta sẽ bị nghiền nát như xe tăng cán cóc. Hãy nhường nhịn và khôn khéo vượt qua. Lấy trứng chọi đá thì thất bại, lỗ lã trước mắt sẽ thuộc về ta.

22. Tin tưởng vào việc phục hồi cơ nghiệp

Nghĩa là không bỏ cuộc, không chán nản đầu hàng số phận. Cuộc sống có lúc này lúc khác. Ta đã từng giàu, từng thành công, từng ở đỉnh cao của vinh quang, nay sa cơ thất thế ta lâm vào tình cảnh khốn khó, thất bại, đó là chuyện bình thường. Khốn khó, thất bại nhưng ta không đầu hàng, không nản chí, phải biết nuôi chí nguyện gầy dựng lại sự nghiệp, nhờ đó ta có thể tránh được tình trạng trầm cảm, tuyệt vọng và tự tử.

23. Nếu nghèo khổ đừng có cao vọng to tát

Trèo cao thì té đau, đó là một hệ quả tất yếu. Mình không có điều kiện mà ước muốn cao xa, huyền ảo, phi hiện thực thì chỉ rơi vào tình trạng tuyệt vọng thêm mà thôi. Khát vọng, ước muốn là yếu tố cần thiết để nỗ lực của con người được phát huy một cách đúng mức. Tuy nhiên, khát vọng, ước muốn đó phải căn cứ vào hiện thực. Nếu không, khát vọng, ước muốn đó cũng chỉ dừng lại ở khát vọng, ước muốn đơn thuần mà thôi. Cho nên, phải biết nhận định, đánh giá đúng các điều kiện mình đang có, từ đó đầu tư, nỗ lực thực hiện đúng với các điều kiện đó thì chắc chắn gặt hái được thành công.

24. Có của cải, tài sản quý không nên keo kiệt, bủn xỉn với mọi người

Đối với người giàu có, việc chia sẻ, giúp đỡ người nghèo khó, thiếu thốn cũng không ảnh hưởng gì đến khối tài sản mà họ đang sở hữu. Hơn nữa, hạnh phúc là sự ban cho, hiển

tặng, do đó, đối với họ, việc họ chia sẻ, giúp đỡ người nghèo, người thiếu thốn, khó khăn là một cơ hội quý báu để họ tạo nên phước báu, hạnh phúc cho bản thân và gia đình. Và như thế, trong tình huống này, chia sẻ, giúp đỡ người khác lại chính là một cách nhận lại các giá trị cao quý hơn.

25. Việc bí mật thì đừng nói cho vợ con nghe

Vợ thường nhiều cảm xúc, do đó khó giữ được điều tối mật. Con cái còn nhỏ thật thà, chất phác, khi bị dụ dỗ có thể khai sạch sành sanh. Cho nên, những người làm việc lớn cần kín đáo, cẩn trọng, ngay cả với người thân của mình, để tránh tình trạng tiết lộ bí mật mang tính cá nhân, gia đình, thậm chí mang tính quốc gia, quốc tế. Đó là cách giữ gìn sự nghiệp, và cũng là cách giữ gìn các giá trị có thể có từ công việc mà mình đảm đương.

Diễn hình như Napoleon, ông bị bắt, bị chết vì quá tin người tình của mình. Những kế hoạch, chiến lược, chiến thuật của ông đã bị kẻ thù biết được thông qua các lá thư tình mà ông viết cho người yêu của mình. Dựa vào đó, kẻ thù của ông đã tấn công, phục kích, khiến ông lâm vào cảnh thất bại, mất hoàn toàn sự nghiệp mà ông đã đầu tư từ trước đó.

26. Làm vua phải biết kính người hiền đức

Cầm cân nảy mực một quốc gia, làm chủ một tập đoàn lớn hay lãnh đạo một tổ chức tôn giáo, xã hội, dân sự mà biết tôn kính người đức, trọng người tài, sắp xếp vị trí, phân công công tác hợp lý, biết lắng nghe các góp ý hay, không tự ái, không mặc cảm thì ta mới có thể phụng sự được cho quốc gia hoặc tổ chức mà ta đang lãnh đạo.

27. Ăn ở phải có hậu và trở nên trung chính

Tức là sống có đức, có nhân, có tình, có nghĩa, có trước,

có sau. Đối với thành phần nào, đối với ai ta cũng phải sống đàng hoàng, đứng đắn, để lại sự tin yêu và quý mến ở họ.

28. Thanh liêm trong việc trị nước, yên dân

Phải phát triển yếu tố thanh liêm, lấy quyền lợi quốc gia làm trọng. Không bòn rút của công, không phục vụ các giá trị và mục đích ích kỷ, nỗ lực phụng sự đất nước ngày càng tiến bộ trong thời gian nhiệm kỳ mình được tín nhiệm và được bầu bởi quần chúng. Đó là tố chất cần thiết của nhà lãnh đạo, xứng đáng là niềm tin của quần chúng.

29. Gặp việc phải lo lập công

Tức là cần nỗ lực trong mọi tình huống. Khi có cơ hội là phải làm việc ngay, không chần chờ, do dự. Phải lập công với tổ quốc, lập công với cộng đồng, lập công với gia đình và tránh tình trạng ỷ vào công trạng của mình. Được như thế là ta đã tự tạo nên lợi ích cho bản thân, đồng thời cũng vừa mang lợi ích đến cho mọi người khác.

30. Trong cuộc giáo hóa hãy lấy hiếu hòa làm căn bản

Bồ-tát Hiền Nhân dạy, sự nghiệp truyền bá trong quần chúng hãy lấy nhân đạo và lấy nhân bản làm chính, đừng truyền bá cái quá cao siêu. Quá cao siêu đôi lúc không thiết thực với xã hội, với người phàm và kẻ tục. Dạy về đạo hiếu, đạo hòa, đạo hợp tác, sự liêm chính là đủ giúp gia đình, xã hội bình an. Còn đưa ra các phương pháp tâm linh quá cao vốn chỉ thích hợp cho người tu, trong khi người tại gia nghe có thể cảm thấy quý, trọng, phục nhưng không thực hiện được là không nên.

31. Làm thầy phải biết quý trọng sự ôn hòa, như thế học trò mới có thể cung kính

Thầy cô giáo phải bình đẳng hướng dẫn hết lòng cho tất cả các học trò của mình. Không thương kẻ này, ghét kẻ

kia, không hỗ trợ cho một vài học sinh, sinh viên quý trọng mình và trù dập những học sinh không nể trọng mình. Đó là nguyên tắc, là đạo đức của nghề giáo. Có như thế học sinh, sinh viên mới cung kính, nể trọng mình.

32. Dạy học trò sống trung nghĩa

Sống trung thành với tổ quốc, với quyền lợi của dân tộc, với quyền lợi của tập thể, sống có nghĩa nhân, có tình người với mọi người xung quanh, đó là nội dung của giáo dục trung nghĩa. Sự nghiệp giáo dục không đơn thuần là sự nghiệp truyền trao tri thức. Các thầy cô giáo ở các chuyên ngành khoa học xã hội – nhân văn dễ dàng truyền trao tính nhân nghĩa cho học trò; các ngành khoa học tự nhiên, các khoa học hiện đại thì khó khăn hơn. Tuy nhiên, nếu biết cách và có lòng, ta vẫn có thể truyền trao được các giá trị đạo đức thông qua bài giảng của mình.

33. Làm nghề thuốc phải có chuyên môn, không khinh mạng sống của người

Đó là y đức của bác sĩ, lương y, dược sĩ và những người có liên hệ với ngành này nói chung, vì nó liên hệ tới tuổi thọ, sức khỏe, sự sống của con người. Phải có liêm khiết tri thức, phải có đạo đức nghề y, phải biết quý trọng mạng sống để không làm bừa, làm càn, làm ẩu, gây nên hậu quả xấu, tổn hại tới mạng sống con người.

Tại Việt Nam, trong thời gian qua ta nghe thấy nhiều bác sĩ chẩn đoán bệnh sai dẫn đến chết người, gây hoang mang dư luận, tạo nên nỗi khổ niềm đau cho một số gia đình, khiến họ kiện tụng ra tòa. Do đó, những gì thuộc về chuyên môn mà mình thực sự chưa biết rõ thì không nên làm, phải nghiên cứu, học tập kỹ lưỡng rồi mới làm, để tránh tình trạng gây hậu quả xấu cho gia đình bệnh nhân, làm mất ý nghĩa cao quý của người thầy thuốc.

34. Đau ốm thì phải biết nghe lời thầy thuốc

Phải điều trị bệnh, phải sống tốt, phải thay đổi lối sống và phải biết quý trọng sức khỏe mới có thể hết bệnh. Cầu nguyện, dựa dẫm vào các tôn giáo, van xin các thần thánh chỉ là giải pháp tâm lý tạm thời, thực sự không mang đến kết quả như ước muốn. Chỉ có nghe lời hay, điều đúng từ bác sĩ, lương y hay những người có kinh nghiệm chia sẻ thì bệnh tật của chúng ta mới có cơ hội được chữa lành.

35. Ăn uống phải giữ cho có độ lượng

Tức là không ăn quá nhiều, không kiêng cử quá cực đoan, phải có kiến thức về thực dưỡng để đưa vào cơ thể những thực phẩm có giá trị cho sức khỏe, đảm bảo không bệnh tật. Cho nên, dù có ăn buffet (có nhiều món ăn tự chọn) thì cũng đừng ăn quá đà, chỉ nên ăn chừng mực, có chọn lọc để cơ thể được nuôi dưỡng và phòng tránh bệnh tật. Ăn nhiều, ăn quá mức sẽ không mang lại lợi ích cho sức khỏe, ngược lại còn có thể mời gọi bệnh tật đến.

Kén ăn, ăn kiêng để giữ dáng cực đoan cũng có nguy cơ thiếu chất, dẫn đến bệnh tật. Các siêu mẫu thời trang, thỉnh thoảng có người ngã gục hoặc chết do kiêng cử quá mức. Do đó, ăn uống phải biết độ lượng, đừng quá nhiều, đừng quá ít, ăn phải đủ các dưỡng chất để không tạo ra tiến trình thừa hoặc thiếu calori trong cơ thể vốn là một trong các nguyên nhân dẫn đến bệnh tật.

36. Có của ngon vật lạ nên biết chia sẻ cho nhau đừng tiếc lẫn

Điều đó thể hiện tinh thần tương thân tương ái, biết quan tâm giúp đỡ người khác. Người như thế là người biết sống cởi mở, phóng khoáng, có tình có nghĩa, chắc chắn sẽ được mọi người thương yêu, tôn trọng.

37. Cho ai hoặc mượn ai vật gì phải tự tay mình và tự thân mình làm

Cho mà nhờ người khác cho giúp là thể hiện sự bất thân bất kính với người được cho. Còn nhận sự giúp đỡ mà nhờ người khác nhận giùm thì thể hiện sự thiếu trân trọng với người, có thể dẫn đến nhiều hiểu lầm. Cho nên, Phật giáo khích lệ làm từ thiện phải tham gia chứ không phải chỉ gửi tiền nhờ người khác làm, vì khi tham gia ta mới cảm nhận được tình thương, thấy hết được giá trị của việc từ thiện mang lại. Nhờ đó, tâm thương người, muốn chia sẻ, giúp đỡ người sẽ lớn mạnh hơn, và từ đó ta dễ dàng phát tâm thực hiện hoặc tham gia thực hiện các hoạt động từ thiện nhiều hơn nữa trong tương lai.

38. Đừng vu oan cho kẻ vô tội

Vu oan cho một người nào đó có thể phát xuất từ ba tình huống. Thứ nhất là do hiểu không đến nơi, hiểu lầm, hiểu sai, cho nên ta tưởng kẻ bị tình nghi là tác giả, do đó ta phê bình, chỉ trích và tấn công. Thứ hai, biết người đó bị oan nhưng vì áp lực, vì sợ hãi mà ta vu oan giá họa để mình được bình yên, đó là ích kỷ, xấu xa. Thứ ba, vì liên minh với những người cùng đồng chí hướng, cho nên ta mất lương tri và chà đạp lên lương tâm của mình, ra sức vu cáo người khác. Đó là những điều trái với lương tâm và đạo đức cần phải tránh.

39. Khuyên can người giúp cho sự oán giận được hết và ngang trái được thuận hòa

Khuyên can để cho hai bên được hòa hợp là một việc làm lợi ích. Trong khi khuyên can, không nên đứng về phía người nào mà phải độc lập, khách quan. Khuyên can vì lợi ích chung, hạnh phúc chung cho cả hai thì người trong cuộc mới lắng nghe và nể trọng.

40. Biết nhẫn nại và xa lánh người ác, việc ác, cảnh ác

Sống trong môi trường tiêu cực, ta phải có bản lĩnh chịu đựng để vượt qua các trở ngại, từ đó ta mới có thể tránh được việc vi phạm luật pháp, sự sân hận và các hành động có thể gây thương tổn tha nhân.

41. Không phân biệt giàu nghèo

Lời ứng xử “môn đăng hộ đối” của Nho giáo không được đạo Phật khích lệ. Dù vị thế xã hội ra sao, giàu hay nghèo, cao hay thấp, chúng ta cũng phải ứng xử với nhau bằng tư cách của con người có hiểu biết. Nghĩa là phải biết trân quý, tôn trọng người khác dù họ ở một vị trí thấp kém hơn chúng ta. Đó là đạo nhân, đạo làm người. Phân biệt đối xử chỉ gây thêm bất hòa, bất ổn xã hội, trong khi tôn trọng người thì được người tôn trọng, xã hội vì thế ngày càng văn minh, tiến bộ hơn.

42. Lấy sự hòa thuận làm quý

Tức là “dĩ hòa vi quý”. Không chỉ Nho giáo mới có quan điểm này mà đạo Phật cũng chủ trương tương tự. Có những bất đồng nếu không đáng thì không nhất thiết phải phân tích nên hay không nên. Vì lợi ích chung, ta có thể bỏ qua những điểm bất hòa, không đào sâu vào mẫu số riêng mà tập trung vào mẫu số chung để giúp cho tập thể được tốt. Khi có hiểu lầm nảy sinh, cũng nên hạ nước nhỏ, tìm cách tháo mở, không tự ái, không mặc cảm vì như thế rất dễ có những ý nghĩ, hành động ảnh hưởng đến quyền lợi chung, hạnh phúc chung của nhóm, tập thể.

43. Phải biết giữ các điều đạo đức

Mình đã phát nguyện theo Phật, những điều dạy đạo đức của Ngài dù khó thực tập vẫn phải nỗ lực thực tập. Thực tập

không phải vì lý do sợ hãi, cầu phước báu mà thực tập để hoàn thiện nhân cách và phẩm hạnh của bản thân.

Tuần vừa rồi, có một số Phật tử vô danh đến chùa, chúng tôi hỏi đã quy y Tam bảo chính thức chưa, họ nói họ đi chùa lâu năm, lạy Phật, thỉnh thoảng có đọc kinh nhưng không dám quy y. Hỏi vì sao không quy y, họ nói có lần tham dự lễ quy y tại chùa Giác Ngộ, chúng tôi có hướng hướng dẫn quy y Phật thì không được quy y thiên thần, quỷ vật, trong khi họ làm ăn kinh tế đi hết đình này, miếu nọ, chùa bà kia để cầu phúc báu cho bản thân mình, bây giờ nếu quy y Tam bảo thì không được đi vào những nơi như thế nữa thì sợ lắm. Hơn nữa, đằng sau lời dạy đó dường như có một động thái muốn đạo Phật trở nên độc tôn trong đời sống của người Phật tử. Đó là những điều ngộ nhận rất đáng tiếc.

Sở dĩ đạo Phật khích lệ không nên đến những chỗ đó vì thần linh không có thật, Thượng đế không có thật và không ai có thể ban phước hay gieo họa cho mình ngoài những hành động tốt hoặc xấu của mình. Do đó, việc khích lệ Phật tử không nên đến những nơi như thế là giúp chúng ta cắt đứt với mê tín dị đoan, sống bằng niềm tin chân chánh, chứ không phải là muốn đạo Phật trở nên độc tôn. Hai việc này khác nhau hoàn toàn.

Tương tự, sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, không nghiện ma túy là những điều kiện tốt cho một đời sống hạnh phúc cá nhân, gia đình và xã hội. Ban đầu tuy có vẻ khó thực hiện, nhưng nỗ lực một chút thì chúng ta sẽ vượt qua một cách dễ dàng.

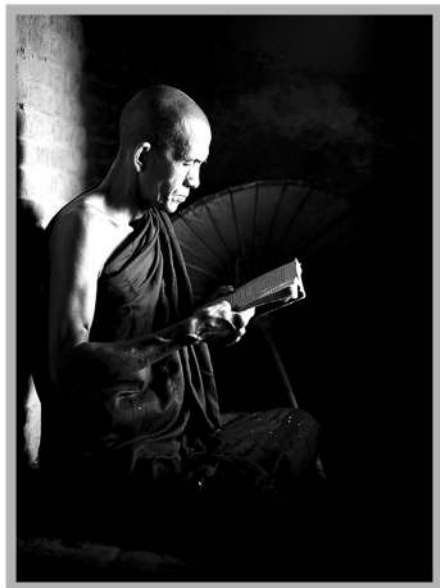
44. Lấy sự trong sạch làm quý hơn tất cả

Trong sạch ở đây là động cơ, lương tâm cao quý, trong sáng không vẩn đục bởi tham, sân, si. Quý trọng sự thanh

tịnh và động cơ cao quý của tâm, cho dù bị hiểu lầm, bị trù dập, bị ghét bỏ, bị cô lập ta vẫn không sợ hãi. Vì ta biết rất rõ là ta không làm điều gì sai trái, do đó ta không mặc cảm, xấu hổ, sợ hãi và do đó, ta có được một cuộc sống bình an, hạnh phúc.

Theo Bồ-tát Hiền Nhân, bốn mươi lăm điều vừa nêu là dấu hiệu nhận diện một bậc trí. Đó là đức tính, hành vi và lối sống của bậc trí. Là người tu học Phật, ta cố gắng làm sao hội đủ được càng nhiều càng tốt bốn mươi lăm hành vi, phẩm chất vừa nêu. Mặc dù, để sở hữu, hoàn thiện các phẩm chất, hành vi trên là điều khó khăn, nhưng nếu cố gắng, chắc chắn chúng ta sẽ gặt hái được thành công.

Nói tóm lại, các quan điểm về tội ác, về lòng hiếu thảo, về những điều khó làm, đáng làm, các hành động của bậc trí ở chương này đều là những điều ta cần phải nằm lòng để tránh tội lỗi, để không ray rứt lương tâm, và cuối cùng là để nỗ lực hoàn thiện những phẩm chất, hành vi cao quý ấy.



CHƯƠNG VIII

ỨNG DỤNG VÀ GIÁ TRỊ CỦA TRÍ TUỆ

Giảng tại Chùa Xá Lợi, ngày 29-07-2012

Phiên tả: Võ Tấn Lực

Nội dung chương tám nói về ứng dụng và giá trị của trí tuệ. Đây là một trong những phần rất quan trọng của *kinh Hiền Nhân* và cũng là mục tiêu hướng đến của người tu học Phật.

Sử dụng được kho tàng trí tuệ, chúng ta sẽ giải quyết được hầu hết các vấn nạn trên cuộc đời. Trí tuệ theo tinh thần Phật dạy bao giờ cũng là trí tuệ về phương pháp giải quyết các vấn nạn khổ đau. Nhờ sở hữu được nguồn trí tuệ hành giả có thể sống thông dong, và khi đối diện trước các bế tắc hoặc bất kỳ trở ngại gì, chúng ta cũng có thể tháo mở và giải quyết vấn đề đến nơi đến chốn.

Trước khi đi vào phần giá trị và bản chất của trí tuệ, Bồ-tát Hiền Nhân đã giới thiệu một cách bao quát về bản chất của Niết-bàn, mà theo đó sự thành tựu tuệ giác diễn ra như là một tất yếu.

I. CẢNH GIỚI NIẾT-BÀN

Bồ-tát Hiền Nhân trình bày như sau: “*Trong trần thế, chỉ có Niết-bàn là cao quý hơn cả. Vì Niết-bàn là cảnh giới không có sự già nua, bệnh tật, chết chóc, không có đói lạnh, không có tai họa nước, lửa, không có oan gia, không có trộm cướp, không dục vọng, ân ái, không lo buồn, hoạn nạn, không có tất cả những khổ sở và đôn đau*”.

Đó là đoạn mô tả khá ngắn gọn bản chất của Niết-bàn, qua đó hành giả nào chứng đắc được, được xem là một bậc thánh. Niết-bàn không phải là một cảnh giới vật lý mà là trạng thái tâm khi nổi khổ, niềm đau, các phiền não tham, sân, si đã được chuyển hóa hết tận gốc rễ.

Chứng đắc được cảnh giới Niết-bàn, hành giả không còn quay trở lại đời sống của người phàm tục. Các nổi khổ, các bất hạnh, các tâm lý tiêu cực đã không còn bất cứ một cơ sở

gì để tiếp tục tồn tại. Cho nên các khổ tâm, khổ do cảm xúc, khổ do chấp trước đã được nhả lên tận gốc rễ.

Vì đã chuyển hóa được tất cả những nỗi khổ tâm và làm cho tâm thức trở nên thanh tịnh, người chứng được Niết-bàn đồng thời cũng chuyển hóa được những nỗi khổ và những nỗi đau do thân tạo ra, nặng nhất là tiến trình tái sinh trong sinh tử luân hồi, nhẹ hơn là các loại bệnh tật. Những nỗi sợ hãi về già nua, bệnh tật, sinh ly tử biệt, nạn lửa, nước, những tác động, biến đổi của thế giới xung quanh đã không còn là mối đe dọa về tâm lý đối với vị đã chứng ngộ Niết-bàn. Tâm vị ấy đã trở nên bất động, không có sự lo lắng, sợ hãi nào nữa.

Về bản chất Niết-bàn là kết quả của sự chuyển hóa tận gốc rễ tham ái, cho nên hành giả chứng đắc được Niết-bàn không phải tái sanh ở kiếp sau theo nghiệp. Tuy nhiên, vị đó vẫn có thể tiếp tục có mặt ở thế gian, nhưng sự có mặt đó không xuất phát từ nghiệp lực mà bằng sự phát nguyện, lòng từ bi của vị ấy đối với cuộc đời, nó khác hoàn toàn với sự có mặt của một chúng sinh do nghiệp lực lôi kéo và dẫn dắt.

Bồ-tát Hiền Nhân trình bày tiếp: *“Niết-bàn là sự diệt độ, diệt độ không phải là chết, đó là sự giải thoát, một trạng thái tự tại, thong dong”*.

Khái niệm diệt độ trong Hán-Việt có thể dẫn đến một số ngộ nhận như: diệt mất hay trở thành hư vô. Ở đây diệt độ là một danh từ chỉ cho trạng thái không còn bất cứ một bóng dáng nào của nỗi khổ, niềm đau và tham, sân, si. Do đó, không thể đánh đồng Niết-bàn với cái chết, mặc dù thỉnh thoảng trong Phật giáo vẫn dùng từ “nhập vô dư Niết-bàn” để chỉ cái chết của một bậc thánh.

Sau khi bậc thánh đó ra đi theo lẽ vô thường thì để lại

thi thể và tiếp tục tái sinh theo sự phát nguyện. Vô dư có nghĩa là không còn tái sinh theo nghiệp, không bị chi phối bởi nghiệp. Mặc dù vậy, bậc chứng đắc Niết-bàn vẫn tiếp tục đối diện với các nhân quả trong thế giới thiên nhiên, và nhân quả của đời sống trước khi giác ngộ, vì nhân quả không loại trừ bất kỳ ai.

Bồ-tát Hiền Nhân tiếp tục trình bày: “*Niết-bàn hoàn toàn là sự an vui, thanh tịnh vô biên, không bị vô thường, không tính điều kiện, không bị mất đi và có thể kiến lập được cảnh giới ấy trên cuộc đời này, ngay khi còn sống*”.

Trạng thái thanh tịnh của tâm, thoát ra khỏi mọi phản ứng của tham, sân, si, sẽ làm cho con người trở nên thanh tịnh. Trạng thái nhẹ nhàng và an lạc đó sẽ giúp cho hành giả thoát ra khỏi mọi tác động liên hệ đến các giác quan.

Gọi Niết-bàn là một cảnh giới, thực ra đó chỉ là cách gọi cho dễ hình dung. Thực chất, Niết-bàn không phải là một cảnh giới như thiên đường của các tôn giáo, hay thế giới cực lạc của các Đức Phật mà con người có thể đạt được sau khi qua đời. Niết-bàn là trạng thái tâm thanh tịnh mà mà tất cả chúng ta có thể đạt được trong đời sống hiện tại này. Đôi khi, Niết-bàn còn được gọi bằng cách khái niệm khác như: Trí tuệ, Niết-bàn, Giải thoát, Chứng đắc, Đạo quả, Chơn tâm, Thanh tịnh tâm...

Giới thiệu về bản chất của Niết-bàn song hành với việc mô tả về ứng dụng và giá trị của trí tuệ không phải là một sự tình cờ. Bởi, người chứng đắc Niết-bàn thì mọi lối sống và cách ứng xử của vị ấy đều gắn liền với trí tuệ. Người chứng đắc được trí tuệ là đang tiếp cận và trải nghiệm được Niết-bàn. Do đó, Niết-bàn và ứng dụng, giá trị của trí tuệ là các ý niệm không thể thiếu hay tách rời nhau.

II. ỨNG DỤNG CỦA TRÍ TUỆ

Bồ-tát Hiền Nhân trình bày bốn ứng dụng của trí tuệ như sau:

1. Xây dựng trên nền tảng vững chắc

Bồ-tát Hiền Nhân dạy rằng: *“Chỗ đất bị nước mạnh xoáy lở, dù một trăm năm sau cũng không nên dựng lên trên đó bất cứ một cái gì, vì nó dễ bị sụp đổ, không bền vững và thật sự vô ích”*.

Đó là sự ứng dụng sâu sắc của người có trí tuệ trên nền tảng nhân quả. Một công trình xây dựng nào đó chỉ có thể trụ vững trên một nền tảng chắc chắn. Công trình xây dựng trên một khu đất có nước xoáy mạnh thì không thể trụ vững lâu dài được. Mọi sự nỗ lực đầu tư trong trường hợp này, nếu có, cũng giống như trường hợp “đã tràng xe cát”, không mang lại kết quả thiết thực. Nói cách khác, không có cái thấy sâu sắc về nhân quả, không sống tùy thuận theo nhân quả, không làm chủ được nhân quả thì các nỗ lực của chúng ta dễ dàng đưa tới kết quả không như ý muốn.

Trung tâm tu học Giác Ngộ ở xã Gành Hào, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu ban đầu là dự án có nhiều triển vọng. Chính quyền tỉnh mời gọi đầu tư một công trình tâm linh lớn phục vụ nhu cầu du lịch nhằm giúp cho cư dân địa phương gần hai chục ngàn người cải thiện được đời sống kinh tế. Tuy nhiên, khi đến những ngày cuối chuẩn bị động thổ thì trục trặc. Lúc đầu chúng tôi cũng hơi buồn vì sự cố diễn ra ngoài ý muốn, nhưng bây giờ suy nghĩ lại biết đâu đó là điều may mắn. Bởi vì, về cơ bản, khu đất có diện tích 10 mẫu này tiếp giáp với bờ biển Gành Hào – còn gọi là bờ biển lở, được các cư dân địa phương cho biết là trong vòng 50 năm qua, từ bờ biển có chiều dài gần 2 ki-lô-mét đến bây giờ chỉ còn lại có 200 mét. Theo quy định của Sở Tài nguyên và Môi trường

(Sở TN&MT), Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Sở NN&PTNN), các công trình xây dựng trong khu vực này chỉ được đặt ở trên vị trí cách bờ biển 75 mét (thủy giới). Như vậy, toàn bộ chiều rộng mà chúng ta có thể xây dựng trên lô đất đỏ chỉ là một khoảng rất ngắn, trong khi chiều dài lại quá dài, điều đó gây rất nhiều khó khăn cho việc quản lý về sau.

Mặt khác, vì tiếp giáp với mặt biển, cho nên lô đất chúng tôi dự tính nhận thấp hơn mặt đường gần 2,5 mét. Nếu đầu tư xây dựng và sang lấp mặt bằng toàn bộ khu vực đó, có lẽ chúng ta phải tốn vài chục tỷ đồng. Hơn nữa, việc xây dựng các công trình ở bờ biển đòi hỏi việc đầu tư phải tốt hơn nhiều so với việc xây dựng các công trình ở những khu vực khác. Bởi vì, nếu không đầu tư đúng mức, có thể công trình sẽ bị nước biển xâm thực, dẫn đến tiến trình ôxy hóa rất nhanh, đồng thời các hoạt động duy trì, bảo quản đòi hỏi tốn rất nhiều công sức và tiền bạc. Đó là chưa kể, khoảng cách chiều dài 200 mét bờ biển lúc bấy giờ hoàn toàn có khả năng thu ngắn lại do tác động của quá trình lở đất diễn ra hàng năm. Do đó, những trục trặc mà ban đầu chúng tôi xem là thiếu thuận duyên, thiếu may mắn trong việc đầu tư và xây dựng công trình tâm linh này lại trở thành điều may mắn.

Áp dụng vào trong đời sống thực tiễn, chúng ta nên xem lời dạy này như là một ẩn dụ. Theo đó, xây dựng cái gì trên nền tảng không vững chắc là một sự liều lĩnh, vì trong khi mức đầu tư của chúng ta quá cao nhưng thành quả đạt được lại quá thấp, thậm chí có thể lâm vào tình huống rủi ro, mất trắng. Do đó, khi đầu tư vào bất cứ lĩnh vực nào, từ kinh tế, văn hóa, giáo dục cho đến các hoạt động tôn giáo, người tu học Phật cần phải thấy rõ các nền tảng đầu tư của mình có vững chắc hay không, để hoa trái của sự đầu tư đó có thể mang lại các giá trị tích cực trong việc phụng sự hoặc cải

thiện đời sống nhân sinh. Nếu nền tảng vững thì việc đầu tư đó được xem là có kết quả và đáng khích lệ, bằng không nên đánh giá, xem xét lại.

2. Không nên vội tin

Đó là một trong những ứng dụng rất quan trọng của trí tuệ mà Bồ-tát Hiền Nhân đưa ra. Theo đó, trong bất kỳ hoàn cảnh, tình huống, đối tượng nào, cần phải có sự thận trọng. Đó là việc làm rất cần thiết, vì thận trọng, đo lường, tính đếm được các nhân, duyên thuận, nghịch giúp chúng ta có đủ thời gian và trí tuệ quyết định thực hiện một công việc cụ thể nào đó một cách đúng đắn. Và như thế, kết quả của sự quyết định ấy có nhiều khả năng dẫn tới thành công tốt đẹp hơn.

Bồ-tát Hiền Nhân dạy như sau: *“Người có ác tâm, sống giả nghĩa, cam kết sẽ bắt đầu làm lành thì không nên tin vội. Tâm ác của họ chưa diệt, họ có thể trở lại làm việc ác, ta nên phải dè dặt, cẩn trọng”*.

Dè dặt, cẩn trọng như một ứng dụng của trí tuệ khác với sự hoài nghi. Hoài nghi là một tâm lý tiêu cực. Thông thường, người rơi vào chứng bệnh hoài nghi không phải do họ không có kiến thức vững vàng, không có chiều sâu nhận thức mà vì họ bị vướng kẹt vào tình trạng nào đó khiến cho họ gần như không tin bất cứ điều gì chân thật, có giá trị, do đó, họ có khuynh hướng đặt lại vấn đề đối với tất cả những gì họ nghe thấy hay nhận thức. Cũng có thể, lúc đầu, khi tiếp xúc hay nghe trình bày một điều hay, chia sẻ một điều tích cực, người nghe tin nhận liền, nhưng sau đó họ quay trở về ngồi nghiền ngẫm và bắt đầu hoài nghi tất cả những gì được tiếp xúc, được nghe trước đó, mặc dù những gì được nghe, được tiếp xúc đó mang giá trị tích cực đối với đời sống của họ. Trong khi đó, dè dặt là một phản ứng tâm lý tích cực, đòi

hỏi chúng ta suy nghĩ chín chắn hơn, cẩn trọng hơn, nhờ đó chúng ta có chiều sâu, có nội tình và vững chãi hơn trong bất kỳ một quyết định nào đó. Và một khi đã đưa ra quyết định, ta luôn luôn nỗ lực hết mình để hoàn tất nó.

3. Nỗ lực theo trình tự

Đây cũng là một trong những ứng dụng của trí tuệ. Bồ-tát Hiền Nhân dạy như sau: *“Ai muốn làm việc gì phải thực hiện từng bước, như người đào giếng, đào sâu xuống dưới lòng đất thì sẽ có nước, không nên vội vã, vội vã sẽ hư việc lớn”*.

Kiến thức về nhân quả là một trong những ứng dụng tích cực của trí tuệ, đòi hỏi chúng ta phải có chiều sâu về tầm nhìn, chiều rộng về hiểu biết. Trên nền tảng đó, chúng ta cần phải có sự đầu tư thích đáng về thời gian, công sức và tuyệt đối phải tuân theo một trình tự nhất định. Thiếu một trong các yếu tố vừa nêu, kết quả mà ta thu được có thể là sự thất bại, ngay cả khi ta có tâm huyết cao độ và nguyện vọng chân thành.

Tu học Phật trong giai đoạn kỹ thuật số là điều thuận tiện nhưng cũng là sự trở ngại. Thuận tiện là vì kinh điển bằng văn bản in, kinh điển trên internet rất nhiều, chỉ cần có lòng ta có thể truy cập và sử dụng được nguồn tri thức quý giá đó một cách nhanh chóng để phục vụ cho việc xây dựng một đời sống hạnh phúc và thành công. Bất hạnh là vì các phương tiện truyền thông kỹ thuật số hiện đại cung ứng cho chúng ta quá nhiều thông tin liên quan tới vấn đề học Phật đến độ chúng ta không biết chọn cái nào trước và chọn cái nào sau, trong khi nhảy vọt trong tâm linh là một sai lầm lớn.

Hiện nay, rất tiếc các lớp giảng dạy giáo lý Phật pháp hầu như ít đi theo trình tự từ thấp đến cao. Chúng ta chọn lựa một số bài kinh hoặc một số chuyên đề đáp ứng cho nhu cầu tìm học, nhưng đối với những người mới bắt đầu vào học Phật

pháp mà tham dự các khóa học như thế này sẽ khó nắm vững được các nền tảng căn bản của lời Phật dạy, và do đó khó có thể ứng dụng, thực tập một cách đúng đắn và hiệu quả.

Thế giới internet là cái gì đó vô cùng tận, hàng ngàn các bài kinh được dịch sang tiếng Việt, vài chục ngàn các quyển sách Phật giáo bằng nhiều ngôn ngữ, cao, vừa, thấp, lẫn lộn. Rất nhiều người mới bắt đầu vào học Phật, đọc những quyển sách dành cho sinh viên, học viên thạc sĩ và tiến sĩ, điều đó có thể giúp họ hiểu nhanh nhưng nền tảng không vững, và kết quả sẽ thiếu vắng kiến thức căn bản Phật pháp, nhất là ở phương diện hành trì. Thậm chí, nếu không khéo sẽ dẫn đến tình trạng công cao, ngã mạn. Đó là một sự lỗ lã lớn cho người học Phật.

Ở đây, Bồ-tát Hiền Nhân đưa ra ẩn dụ rất hình tượng. Tu học giống như việc đào giếng, muốn có nước gấp cũng không được, đào chưa đến độ sâu mà muốn có nước cũng không được, đào đến độ sâu nhất định có nước phun lên mà vội sử dụng liền cũng không được, vì nước đó là nước bẩn đục và có nhiều vi trùng không đảm bảo cho các nhu cầu sinh hoạt giặt giũ, ăn uống... Cho nên, phải đào đến một độ sâu nhất định, sau đó phải lắng trong thì nước đó mới có thể phục vụ cho các mục đích sử dụng được.

Hôm qua, tại khu du lịch Tân Cảng, gần 200 thành viên thuộc câu lạc bộ 4T (CLB 4T) dành cho các bệnh nhân ung thư và câu lạc bộ doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh đã đến tham dự để lắng nghe chúng tôi chia sẻ đề tài theo yêu cầu: Dám thất bại để hạnh phúc hơn.

Đến giờ cơm trưa, dự tính từ 12 giờ đến 13 giờ, tất cả các thành viên tham gia được chúng tôi thiết đãi cơm chay bằng thực phẩm chay không chế biến theo công nghệ chay giả

mặn. Đến món cuối cùng là món lẩu thì sự cố diễn ra. Khi đưa nước lẩu cho thực khách, phía nhà hàng họ quên đun sôi trước, do đó hai cục còn cháy hết sạch mà nước lẩu vẫn chưa sôi. Do đó, thay vì dự kiến ăn trong vòng 45 phút, nhưng các thực khách tham dự ngày hôm đó phải mất gần hai tiếng đồng hồ mới xong. Trong đó, có nhiều người vội vàng, muốn ăn liền vì có công việc, do đó, mặc dù đã được một số bác sĩ tham gia CLB 4T nhắc nhở thà chậm chút xíu mà an toàn, còn hơn vội vàng ăn nấm và rau sống trong tình huống này có thể bị chột dạ mà họ vẫn ăn. Cũng may là không có sự cố đáng tiếc nào xảy ra.

Thông thường, sự vội vã thường làm cho chúng ta nghĩ đến tiết kiệm được thời gian, nhưng có những thứ không thể tiết kiệm được mà bắt buộc phải theo một trình tự. Sớm hơn sẽ trở thành chín ép, nếu để đúng thời tiết, nhân duyên, trái sẽ chín mùi và chúng ta sẽ sử dụng được toàn bộ giá trị và tính năng của nó. Cho nên các Phật tử Tịnh Độ tông cần lưu ý về ẩn dụ này. Đừng nên sử dụng danh hiệu Phật, câu thần chú, các phương tiện hay pháp môn khác nhằm mục đích cầu nguyện và hồi hướng cho quả tốt sớm trở với mình. Bởi vì, điều đó hoàn toàn trái với tinh thần lời Phật dạy. Danh hiệu Phật và thần chú chỉ là công cụ theo đó ta nhiếp niệm được tâm để sống trong chánh niệm, nhờ đó phát triển chánh định và tuệ giác chiếu soi. Thành quả đạt được này sẽ giúp chúng ta rũ bỏ được nỗi khổ và niềm đau. Trong khi đó, việc trở quả sớm từ việc dùng danh hiệu Phật, thần chú nhằm mục đích cầu nguyện, hồi hướng, trong trường hợp đủ nhân, cũng chỉ tạo ra tình trạng quả chín ép, giống như trái cây chín vủ, chín ép, không có chất bổ nhiều như trái cây chín mùi và cũng không để lâu được. Thậm chí, kết quả đó dễ dàng đưa chúng ta vào tình trạng mê tín dị đoan theo công thức “cầu gì được đó”.

4. Ra tay giúp đời

Bồ-tát Hiền Nhân dạy: “*Bậc trí thấy việc bất bình trong cuộc sống thì hay ra tay cứu giúp, cũng như người có tài bơi lội có thể bơi ngang qua dòng nước mạnh để giúp người chết đuối*”.

Cứu người, giúp đời là một hoạt dụng của người có trí, ai an phận thủ thường sống với tâm bằng quan hoặc thái độ “đèn nhà ai nấy tỏ” được xem chưa phải là người có trí tuệ. Nỗi khổ và niềm đau của người khác ít nhiều có liên hệ đến chúng ta. Do đó, bằng cái nhìn duyên khởi ta thấy việc cứu giúp những người bất hạnh vượt qua nỗi khổ, niềm đau bằng cách tin nhân quả, sống với trí tuệ như là một trong những hành động dẫn thân mà những bậc trí cần phải làm, làm như một cam kết, làm như một niềm vui.

Các Phật tử tu học theo lời Phật dạy cần phải phát tâm làm những việc lành như từ thiện xã hội. Đó là cơ hội lớn để chúng ta giúp đỡ, chia sẻ với những mảnh đời bất hạnh, đồng thời cũng là cơ hội để chúng ta hoàn thiện được nhân cách và đạo đức của bản thân.

Hiện nay, 65 tỉnh thành trên cả nước, mỗi tỉnh thành đều có ít nhất một trại giam, một trung tâm cai nghiện, trung tâm bảo trợ xã hội, trung tâm người già và tàn tật, trung tâm thanh thiếu niên 3 - tức là các thanh thiếu niên cơ nhỡ, hoặc có một số nơi có thêm trung tâm tâm thần. Các hoạt động từ thiện của chúng ta sẽ giúp cho những con người nơi đây có thêm một số thực phẩm thiết yếu cho nhu cầu của họ. Tuy nhiên, số lượng đó so với nhu cầu thực tế là quá ít, giống như những giọt nước rơi vào sa mạc, từng giọt từng giọt bốc hơi.

Nhưng ngay cả khi số lượng vật phẩm trao tặng đó đáp ứng đủ nhu cầu cần thiết của họ, thì đó cũng chỉ là hành động cứu ngặt, hành động tặng “con cá” chứ không phải tặng “cần

câu”. Trong khi tặng “cần câu” mới là hành động mang tới hiệu quả lâu dài nhất trong việc giúp đỡ, chia sẻ. Do đó, cũng số tiền đó, công sức và thời gian đó nếu phối hợp với các hoạt động hoằng pháp thì việc giúp đỡ, chia sẻ sẽ mang tới hiệu quả cao hơn. Chỉ cần 10% người nghe và mỗi người chỉ cần nghe hiểu và thực tập theo 10% nội dung bài giảng thì giá trị của đợt từ thiện cũng đã tốt hơn nhiều.

Trên thực tế, các Phật tử làm từ thiện rất nhiều nhưng rất tiếc là làm đơn lẻ, mỗi người tự làm, thích cái gì làm cái đó và chưa có sự phối hợp, kết nối với các vị giảng sư. Vì thế, sau các hoạt động từ thiện, những người ở địa phương mà chúng ta đến không có phương pháp gì để vượt qua nỗi khổ, niềm đau - điều mà những người bất hạnh như họ cần thiết hơn trong hoàn cảnh đó.

Giúp đời có phương pháp bằng trí tuệ thì giá trị của sự giúp đỡ sẽ cao hơn, việc trị liệu khổ đau sẽ được thực hiện ở mức độ sâu và rộng hơn. Vì vậy, các Phật tử nên lưu tâm đến việc phối hợp, nối kết với các thầy, các sư cô để kết quả từ thiện xã hội được tốt đẹp hơn.

Ngoài ra, các Phật tử cũng phải nỗ lực giúp đỡ những người thân của mình. Mỗi người nên phát nguyện, cứ mỗi một năm tối thiểu phải độ một vài người chưa biết đạo thành Phật tử. Ai phát tâm lớn hơn, một năm độ được 12 người, tức mỗi tháng độ được một người thì càng tốt. Ban đầu, việc làm này có thể gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, nếu đưa ra tiêu chí đó với một quyết tâm lớn ta sẽ thấy việc làm đó trở nên dễ dàng hơn rất nhiều.

Chia sẻ sự hạnh phúc với mọi người, trong đó có những người thân thương nhất của mình, giúp họ có được hạnh phúc như mình là cách ta thương mọi người cao cả nhất.

III. ỨNG XỬ CỦA BẬC TRÍ

Bồ-tát Hiền Nhân trình bày với nhà vua ba góc độ ứng xử của một bậc trí như sau:

1. Ứng xử qua lời nói

Bồ-tát Hiền Nhân dạy: *“Về cách vấn đáp, người trí bao giờ cũng khác xa người tầm thường. Lời nói của họ luôn hướng tới việc lành. Họ mềm mỏng, ôn hòa, cẩn trọng, ôn hòa, nhã nhặn, lời nói hoạt bát và khởi xướng việc lành”*.

Ngôn ngữ của bậc trí luôn mang đến giá trị cao quý cho người nghe. Vị ấy thường tán dương việc lành, khuyến khích việc thiện. Vị ấy nói với thái độ ôn hòa, mềm mỏng, có hiểu biết, tế nhị, cẩn trọng và đúng đắn. Vì thế, người nghe cảm thấy rất vui vẻ, hài lòng, hân hoan, phấn chí và quyết tâm nỗ lực để làm theo.

Trên thực tế, chia sẻ kiến thức hay không khó, nhưng chia sẻ thế nào để người nghe có thể tiếp nhận và làm theo thì đó là một thách thức. Ở đây, để hiệu quả của lời nói hay nội dung chia sẻ được tiếp nhận một cách phấn khởi, hoan hỷ, bậc trí nhấn mạnh đến góc độ chuyển hóa nội tâm của người nghe như một nhu cầu không thể thiếu, nhờ đó người nghe hiểu, thực tập và đạt được hạnh phúc ngay trong lúc đang thực tập.

Ở đây, cần phân biệt lời nói ôn hòa, nhã nhặn với lời nói trịch thượng dạy đời. Lời nói ôn hòa, nhã nhặn là lời nói có sự khiêm cung, có từ bi, giúp cho người nghe chuyển hóa được nỗi khổ niềm đau; còn lời nói trịch thượng dạy đời là lời nói mang tính tự cao ngã mạn, làm cho người nghe có cảm giác mặc cảm, tự ti. Từ đó họ khó có thể ứng dụng nguồn tri thức mà họ tiếp nhận được từ người nói.

Bằng lời nói, bậc trí có thể khai thác, đánh thức tiềm

năng, đánh thức niềm tin giúp người nghe từ thái độ thiếu tự tin trở thành người tự tin, phấn đấu vươn lên để đạt được thành công.

Nick Vuijicic là một tấm gương điển hình của việc tự tin vươn lên thành công trong cuộc sống. Anh ta là một thanh niên người Úc, sinh vào năm 1982. Lúc anh ta mới lọt lòng đã không có hai cánh tay, cũng không có hai chân như người bình thường mà chỉ có hai bàn chân nhỏ như mang cá. Người mẹ sau khi nhìn thấy đứa con đầu lòng thì ngất xỉu, cha thì muốn bỏ rơi. Nhưng sau đó họ tỉnh tâm lại và muốn nuôi mầm sống này, và họ nêu ra một quyết tâm là làm sao cho đứa con tật nguyền này có được sự hữu dụng trong tương lai.

Hai vợ chồng quyết định cho Nick vào học trong trường mà tất cả các học sinh đều là những người khỏe mạnh bình thường, nhờ đó từ nhỏ Nick đã vượt qua mặc cảm thân phận bất hạnh của mình.

Lên 5 tuổi, cha mẹ của Nick đã huấn luyện cho Nick ở trên lầu một và cái cầu thang gồm có nhiều bậc thang để đi lên. Nick không cần cha mẹ ẵm bồng, anh ta dùng sức mạnh để nhảy lên từng bậc cấp, và dù mất khá nhiều thời gian, nhưng cuối cùng Nick cũng lên được phòng mình. Việc học viết của Nick cũng trải qua nhiều giai đoạn hết sức khó khăn. Mặc dù vậy anh ta vẫn không nản chí. Thời gian trôi qua, năm 21 tuổi, Nick có trong tay đến 2 bằng cử nhân.

Ngày nay, Nick đã trở thành một diễn giả nổi tiếng trên toàn cầu. Nhiều buổi thuyết trình của anh ta, số lượng người nghe từ năm mươi đến sáu mươi ngàn người. Số lượng đề tài anh ta thuyết trình lên đến 1.600 đề tài và con số đó không ngừng tăng lên theo thời gian.

Anh đã dùng lời nói giúp cho những người có cảnh ngộ

bằng mình hoặc kém hơn mình thoát khỏi mặc cảm tự ti về thân phận bất hạnh, biến những sở đoản tức là khiếm khuyết của cơ thể trở thành sở trường của họ. Ai cũng hiểu rất rõ, nếu Nick là một giáo sư hay tiên sĩ nào đó lỗi lạc toàn cầu mà không bị tật nguyền, có lẽ buổi thuyết trình của Nick chưa chắc đã có một nghìn người nghe. Ở đây, vì là người khuyết tật bẩm sinh phần đầu vươn lên thành công từ mảnh đời bất hạnh nên lời nói xuất phát từ kinh nghiệm, sự tự tin của Nick được thính giả tiếp nhận một cách nồng nhiệt, mặc dù phải bỏ tiền ra để nghe.

Do đó, lời nói xuất phát từ trải nghiệm thành công, hạnh phúc của chúng ta thường có giá trị cao hơn rất nhiều so với những lời nói thuần tri thức. Bằng cái tâm trong sáng, sự trải nghiệm hạnh phúc, an vui của bậc trí, lời nói của chúng ta luôn mang lại lợi lạc cho tha nhân.

2. Ứng xử trong việc làm

Bồ-tát Hiền Nhân dạy: *“Lời nói, việc làm của bậc trí luôn thống nhất với nhau. Cách cư xử, thái độ giao tiếp, cách thức đi đứng chuẩn mực tự nhiên, không giả dối”*.

Đây là thước đo để đánh giá một người có thực tập, có trải nghiệm và tiếp cận được chìa khóa trí tuệ trong cuộc đời thông qua những việc làm cụ thể và khả năng chia sẻ những trải nghiệm an lạc, hạnh phúc của mình với mọi người.

Có nhiều vị có đạo đức, gương mẫu, sống tốt nhưng không nói tốt được vì thiếu tri thức. Người như thế vẫn chưa được xem là một bậc trí theo tiêu chuẩn kinh này đặt ra. Những người nói tốt mà không làm được cũng không phải là một bậc trí, họ chỉ là một diễn giả tức là người có tri thức đúng. Bậc trí luôn nói đúng và làm đúng. Nói và làm, đối với bậc trí, tương thích với nhau.

3. Tầm nhìn của bậc trí

Bồ-tát Hiền Nhân dạy: “*Hãy kính, tin, nghe lời các bậc trí dạy mà làm theo, vì hiểu biết của người trí rất đúng. Bao giờ họ cũng theo chánh đạo và không có tâm lý tham cầu, họ lại có khả năng suy xét, phán đoán rõ được việc quá khứ, hiện tại và tương lai*”.

Bậc trí vượt hơn tất cả chúng ta về hiểu biết, cách ứng xử và giải quyết các vấn đề. Bất luận là làm việc gì, tâm của họ cũng không hề bị vẩn đục bởi lòng tham, sự sân hận và si mê. Họ thấy rõ các việc mòn một như là thấy các vân tay, chỉ tay trong lòng bàn tay của mình. Họ nhìn là có thể hiểu, hiểu là có thể làm được và làm là có kết quả tốt.

Trong ba phương pháp tư duy khoa học, diễn dịch và quy nạp được xem là hai phương pháp phổ biến. Quy nạp diễn ra theo công thức như sau: Ta tổng kết các sự kiện diễn ra ở nhiều thời điểm và địa điểm khác nhau có cùng một kết quả dẫn đến việc đúc kết thành một nguyên lý, đó là kiến thức quy nạp. Ví dụ, chuồn chuồn bay thấp thì mưa, bay cao thì nắng, bay vừa thì râm là một loại kiến thức quy nạp.

Bất kỳ ở đâu trên hành tinh này, bằng độ bay cao, thấp, vừa của chuồn chuồn do tác động thân của nó với khí hậu mà nó dự báo được thời tiết nắng, mưa, quang đăng. Và do vậy, kiến thức quy nạp chuẩn đó có thể sẽ trở thành bài học hữu ích cho chúng ta.

Diễn dịch đi theo công thức ngược lại, từ một nguyên lý ta có thể suy ra thành các cá thể, các sự việc, các tình huống khác nhau. Người có trí dễ dàng ứng xử theo quy nạp và diễn dịch, tức là nhìn nguyên lý thấy được sự kiện, nhìn sự kiện tạo ra được nguyên lý, cho nên có những thứ không cần phải

học, không cần phải nghiên cứu cũng có thể biết được là nhờ vào ứng dụng quy luật này.

Rất nhiều người ngạc nhiên về Lục tổ Huệ Năng. Ngài tuy không biết chữ nhưng trở thành tổ thứ sáu của Thiền tông, một bậc lỗi lạc nhất của Thiền tông Trung Quốc. Ngài dùng trí tuệ để giảng dạy đại chúng chứ không phải giảng dạy bằng kiến thức, do đó đào tạo nên nhiều bậc long tượng cho Phật giáo Trung Quốc.

Kiến thức thì có giới hạn vì có học có biết, không học không biết, ai học ngoại ngữ thì biết ngoại ngữ, ai học khoa học kỹ thuật thì biết khoa học kỹ thuật, còn trí tuệ là do sự tu tập mà có. Cho nên, dù không có kiến thức về các lĩnh vực khoa học của thế gian, nhưng người trí vẫn có khả năng giúp người khác trải nghiệm được sự an lạc, hạnh phúc, vì các vị ấy hiểu biết đúng đắn về nhân quả và trải nghiệm sâu sắc các giá trị đạo đức.

Đào sâu về tầm nhìn đó, Bồ-tát Hiền Nhân dạy: *“Tâm mắt của bậc trí rất rộng, họ có thể thấy rõ muôn mặt, muôn vật trong không gian và thời gian. Trong tâm mắt của họ, các pháp chỉ là sự biến hiện từ không tịch bản nhiên”*.

Tầm nhìn xa, hiểu biết rộng, kiến thức giỏi, giải pháp hay là những biểu hiện của một bậc trí. Từ *kinh Trung Bộ*, thuộc truyền thống Nguyên thủy cho đến các kinh thuộc truyền thống Đại thừa như *Bát Nhã Tâm Kinh*, *Bát Đại Nhân Giác Kinh*, *Kinh Hiền Nhân*, kinh nào cũng đề cập sự bác học đa văn là tài sản của bậc thánh, bậc trí. Do đó, ai chưa có tầm hiểu biết rộng chưa thể trở gọi là bậc trí.

Ứng dụng tầm hiểu biết rộng vào mọi sự vật, hiện tượng, các bậc trí thấy rất rõ không có nguyên nhân đầu tiên, không có sự khởi thủy, tất cả chỉ là một sự diễn tiến, trôi chảy, tương tác đa chiều. Do đó, không có định mệnh hay số phận an

bài như các học thuyết tôn giáo, triết học ngoài Phật giáo chủ trương. Sự vật, hiện tượng hay đời sống của chúng ta hình thành từ các nhân duyên diễn ra theo tiến trình nhân quả. Con người hoàn toàn có khả năng tác động vào quá trình nhân quả ấy theo các chiều hướng khác nhau, hoặc tiêu cực, hoặc tích cực và chắc chắn kết quả sẽ tùy thuộc vào chiều hướng tác động ấy.

Quan sát các đợt sóng nhấp nhô trên mặt biển ta thấy đó chỉ là một hiện tượng của tự nhiên. Về bản thể thì nước vẫn là một mặt phẳng lì. Người có trí ngoài việc đánh giá sự vật qua hiện tượng, họ còn thâm thấu sự vật qua bản thể. Người phàm chỉ đánh giá sự vật qua hiện tượng, cho nên dễ dàng chìm đắm vào các cảm xúc khổ đau, thăng trầm của cuộc sống. Chính vì thế, ngay cả khi đối diện với thất bại, bậc trí vẫn không rơi vào trạng thái bế tắc, khổ đau như người phàm tục, vì họ biết rõ thất bại chỉ là một bước ngoặt, hoặc một điểm rất nhỏ trong toàn bộ tiến trình của sự sống.

Khó khăn, trở ngại, thách đố, bất hạnh, nỗi khổ, niềm đau, chướng duyên, nghịch cảnh cũng vậy, chỉ là những chấm li ti trên hành trình dài vô tận của một kiếp người. Thay vì mặc cảm, tự ti, sầu bi, phiền não, bậc trí lấy đó làm mục tiêu, động lực phấn đấu để vượt qua, thậm chí dám thất bại để được hạnh phúc hơn. Bởi vì, chỉ có chấp nhận khó khăn, trở ngại, thách đố, nỗi khổ, niềm đau, chướng duyên, nghịch cảnh như những bước ngoặt trong cuộc đời, không than vãn, trách móc, đổ thừa, chúng ta mới có thể tìm ra các giải pháp đúng đắn giải quyết vấn đề và cam kết không tiếp tục mắc sai lầm trong tương lai.

IV. CÁC BIỂU HIỆN TRÍ TUỆ CỦA BẬC TRÍ

Bồ-tát Hiền Nhân trình bày 5 biểu hiện của bậc trí sau đây:

1. Thấy rõ đời là vô thường

Bồ-tát Hiền Nhân dạy: *“Đời là một sự biến đổi tang thương, trẻ trung rồi sẽ già nua, cường tráng rồi sẽ suy nhược, sống rồi sẽ chết, giàu sang như mây nổi, tất cả đều là vô thường”*.

Liệt kê một vài tình huống như thế cũng có thể giúp chúng ta hiểu được phần nào trí tuệ của bậc trí. Phần lớn chúng ta đều bị những thay đổi của cuộc sống chi phối, hoặc theo chiều hướng tốt, hoặc theo chiều hướng xấu. Thương yêu, đắm nhiễm hay chán nản, từ bỏ cuộc đời tất cả đều là các ứng xử tiêu cực của người phàm tục. Người trí thì không ứng xử như thế, họ không thương yêu để đắm nhiễm cuộc đời, cũng không chán nản để từ bỏ cuộc đời. Họ sống tùy duyên trên nền tảng của nhân quả. Chính vì vậy, họ không bị quy luật vô thường của cuộc đời chi phối.

Bài học ứng dụng thực tiễn rút ra ở đây là, khi nhận thức rõ cuộc đời là vô thường, chúng ta sẽ có bước chuẩn bị tâm lý tốt hơn. Do đó, khi các bất hạnh, các thứ thay đổi, những việc không tốt xảy ra với mình, ta vẫn không ngạc nhiên, không ngỡ ngàng, không khủng hoảng, không buồn rầu, không sợ hãi, không tiếc nuối..., ta đủ bình tĩnh và nghị lực để vượt qua các biến thiên của cuộc đời.

Từ trẻ cho đến già là một tiến trình vài chục năm, từ khỏe mạnh cho đến yếu ớt cũng là một tiến trình tương tự. Trong đó, hai phương diện tạo nên áp lực cho con người là sống và chết quần quýt thay thế lẫn nhau. Mỗi một tích tắc trôi qua, rất nhiều tế bào của chúng ta chết đi để bắt đầu cho các tế bào khác được sống. Và cứ như thế quá trình tiếp nối giữa sống và chết được diễn ra liên tục.

Ở một tiến trình dài hơn ta thấy, con người trải qua nhiều

kiếp sống khác nhau trong tiến trình sanh tử vô tận. Đời sống của một kiếp người kéo dài từ vài ba chục năm đến một trăm năm. Thậm chí có người sinh ra vài năm, vài ngày, vài phút đã chết đi. Sau vài chục giây sau khi chết, con người tiếp tục tái sanh trở thành phôi thai, rồi sanh ra, trải qua các thời thiếu nhi, thiếu niên, thanh niên, trung niên, lão niên và chết. Cứ như thế tiến trình đó được lặp đi lặp lại như các phần mềm máy vi tính đã được lập trình, và người ta không ngừng bị chìm đắm vào các khổ đau, bất như ý do sự biến thiên, thay đổi diễn ra trong tiến trình của sự sống. Trong khi đó, người trí thì khác hẳn. Trong tiến trình sống ấy, dù là thịnh hay suy, thành công hay thất bại, bậc trí thấy rõ đó là vô thường, là quy luật của cuộc đời, do đó họ không buồn khổ, không bị chi phối bởi quy luật vô thường. Họ trải nghiệm được hạnh phúc trong cuộc đời và luôn luôn hướng tới việc chia sẻ hạnh phúc đó cho cuộc đời.

2. Nghĩ đến quy luật thịnh suy, vô thường thì không ỷ lại

Bồ-tát Hiền Nhân dạy tiếp: *“Lúc an ổn nghĩ đến nguy khó, khi hưng thịnh thì nghĩ lúc vô thường”*.

Đó là thái độ của người trí đối với thịnh suy của cuộc đời. Họ biết lo cho tương lai trên nền tảng hiện tại, không ỷ lại, không ngủ quên trên chiến thắng, không phó mặc số phận cho tương lai trôi chảy. Ở đây kinh hoàn toàn bỏ qua quá khứ, vì quá khứ không đáng để chúng ta bận lòng. Quan tâm quá nhiều tới quá khứ chúng ta sẽ dễ dàng đánh mất hiện tại. Điều đó, trái với tinh thần của lời Phật dạy.

Công việc nào quá chuyên sâu đến lịch sử và khảo cổ thì dành cho các nhà lịch sử và khảo cổ. Chúng ta chỉ cần tìm hiểu lịch sử trong chừng mực nhất định bằng một thái độ khách quan. Biết không phải để hận thù mà biết như một

bài học, biết như sự hun đúc, biết để chúng ta làm mới và đóng góp nhiều hơn chứ không phải để giới hạn và kẹt trong cái biết đó.

Trong khi giàu sang ta nên nghĩ rằng có một lúc nào đó ta sẽ bị thất bại, nghèo nàn. Hãy nghĩ rằng, giàu và nghèo như gió thoảng mây bay, đến rồi đi, có đó rồi mất đó và ngược lại. Giàu sang phú quý hay nghèo nàn khổn khó, tất cả đều phải bỏ lại mọi thứ sau lưng mình khi nhắm mắt lìa đời. Cho nên, quán sự tác động và chi phối của vô thường, trong khi nghèo hèn, khổn khó ta biết nỗ lực, quyết tâm thay đổi cuộc đời; trong khi giàu sang, hạnh phúc ta biết tiếp tục làm phước và quý trọng giá trị của hạnh phúc đó. Nhờ đó, hạnh phúc tiếp tục được tồn tại và đồng hành với chính mình.

3. Nghệ thuật ứng xử của bậc trí

Bồ-tát Hiền Nhân dạy rằng: *“Bậc trí là người hễ ai là người lành thì sẽ kính mến, người ác thì lánh xa. Khi hờn giận ai thì nên từ bỏ sớm, không nên gây ác hại người. Bên ngoài thể hiện tính cách nhu hòa nhưng khó xâm phạm, yếu đuối mà khó thắng được”*.

Đó là lối ứng xử rất khéo của một bậc trí mà ta cần học hỏi. Đường đời thì vạn nẻo, không khéo léo, khôn ngoan thì chúng ta khó tránh khỏi các cạm bẫy ở đời. Do đó, đối với người ác thì nên lánh xa nhưng không tỏ thái độ khinh khi; đối với người thiện thì thân cận, gần gũi, quý mến tạo sự đồng hành, liên kết nhằm làm cho cái thiện phổ biến và tác động tích cực đến đời sống của mọi người.

Bậc có trí không hề giận ai, cho nên bao giờ người có trí cũng luôn sống với tâm điềm tĩnh, không hờn, không oán, không trách, không thù hằn, hờ là có những hành động thương tổn, bạo lực, giết chóc, khủng bố, tàn phá, hủy diệt...

Bạc trí hoàn toàn thoát ra khỏi vòng ảnh hưởng và mạng lưới của các hành động tiêu cực vừa nêu.

Trong tương quan xã hội, người trí nổi trội hơn những người bình thường nhưng họ vẫn thể hiện được sự nhu hòa, tức là hòa đồng với mọi người. Nhờ thái độ sống hài hòa, người trí có cơ hội hiểu được các nguyên nhân, nỗi khổ, niềm đau của những người bất hạnh, nhờ đó đưa ra các giải pháp giúp họ vượt qua một cách dễ dàng. Ở đây, lối ứng xử của người trí là hài hòa chứ không phải hòa tan. Sống hài hòa với cuộc sống của mọi người, nhưng người trí không bị chi phối bởi các khuynh hướng xấu tốt của cuộc đời. Người trí dù sống trong bất kỳ hoàn cảnh nào luôn giữ được bản chất cao quý của mình.

Vàng 999,9 là vàng nguyên chất, có bỏ vào hầm phân, rác rến, nơi ô nhiễm thì vàng đó vẫn là vàng và không bị ảnh hưởng gì. Còn vàng trang sức 18k (karat – đơn vị đo độ tinh khiết của vàng) là vàng chuẩn, có giá trị và không bị đánh giá thấp như các vật dụng trang sức bình thường.

Bạc trí cũng như thế, hài hòa nhưng không đánh mất các đặc tính vốn có bên trong. Nhìn bên ngoài có vẻ như mềm mỏng nhưng thật ra rất bản lĩnh, rất cứng rắn. Đó là nghệ thuật ứng xử của bậc trí mà chúng ta cần phải học.

4. Ứng dụng chánh pháp của các bậc thánh hiền

Bồ-tát Hiền Nhân dạy: “Các bậc trí thường theo pháp của các bậc thánh hiền, thường làm việc nhân từ, ưa dạy dỗ, giáo hóa những kẻ ngu muội, giúp họ trở nên sáng suốt. Bậc trí trị nước nên ban bố ân huệ cho những kẻ biết làm lành. Những bậc tu hành thì lo dẫn dắt người về chánh đạo. Khi đất nước lâm nguy thì cùng nhau đàm luận, lo toan, kiếm tìm giải pháp. Tới lui biết thời thì mới khỏi bị nghi ngờ, oán trách”.

Đó là một nghệ thuật ứng nhân độ thế hay ứng nhân xử thế rất ấn tượng của bậc trí. Bậc trí luôn luôn đứng về người thiện, người lành, người đạo đức, người nắm bắt chân lý, bậc hiền thánh, các bậc giác ngộ, A-la-hán, Bồ-tát, Phật, tức là bên vực cái thiện và sẵn sàng hy sinh vì cái thiện.

Biểu hiện của bậc trí là giúp người, cứu đời, hạnh nhân từ, cho nên đối diện với những kẻ kém hơn không khinh thường, cao hơn không ganh tỵ mà hài hòa, hỗ trợ, nâng đỡ, giúp đỡ. Làm những người cảm cân nẩy mực quốc gia thì phải có lòng bình đẳng, tâm vị tha, thái độ liêm chính, biết sử dụng người, đặt người đúng vị trí, đúng sở trường để cho họ có khả năng đóng góp và phụng sự.

Đối với những bậc tu hành, người trí tạo điều kiện ủng hộ hết mình để họ làm các Phật sự, giúp mọi người quay về nẻo chánh, giúp xã hội phát triển lành mạnh, bình ổn. Khi xã tắc lâm nguy bởi nạn giặc ngoại xâm, bậc trí sẵn sàng đứng về chủ nghĩa yêu nước tích cực tránh các thái độ và hành động yêu nước tiêu cực vì đó là yêu nước vị kỷ, hẹp hòi, làm cho hình ảnh đất nước ngày càng đi xuống.

Hiện nay, việc tranh chấp biển Đông giữa Trung Quốc, Việt Nam, Philippines, Indonesia, Malaysia và những nước trong khu vực đã làm cho hình ảnh của đất nước Trung Quốc trở nên xấu và mất đi trong cộng đồng quốc tế. Trung Quốc đã tự đặt ra cái bẫy và làm cho mình bị chết trong cái bẫy mất danh dự đó bởi lòng tham.

Hiện tại, ai cũng thấy rõ dân số Trung Quốc đã trên 1,3 tỷ người, chiếm 1/5 dân số trên toàn cầu. Đất đai của Trung Quốc dù rất lớn nhưng đã đến lúc không còn đủ sức phục vụ cho số nhân khẩu quá đông như thế. Mặt khác, đứng trước tình hình nguồn tài nguyên thiên nhiên đang dần cạn kiệt,

Trung Quốc đã nghĩ đến việc khai thác nguồn tài nguyên thay thế ở lòng biển phục vụ nhu cầu mậu dịch, thị trường, kinh tế và các nhu cầu khác. Đồng thời Trung Quốc cũng muốn chứng tỏ mình là một cường quốc trong khu vực. Các chứng minh theo kiểu biến kẻ xâm lăng trở thành nạn nhân là chiêu bài mà Trung Quốc đã làm, đang làm trong thời gian qua đối với chính sách biển Đông.

Hiện tại, chúng ta thấy phản ứng của Việt Nam bằng phương pháp hài hòa, hòa đàm, vận động ủng hộ của quốc tế để đối thoại với Trung Quốc là hoàn toàn phù hợp.

Theo tinh thần Phật dạy trong các kinh điển từ Pali cho đến kinh Đại-thừa, khi quốc gia lâm nguy, mọi người công dân trong đó có Phật tử cần phải có trách nhiệm. Trong lịch sử hàng nghìn năm của đạo Phật tại Việt Nam, tinh thần “Hộ quốc an dân” như là một dòng chảy xuyên suốt là một minh chứng hùng hồn cho tinh thần nhập thế của Phật giáo. Các nhà sư cởi áo cà sa khoác chiến bào không phải là hiện tượng đơn lẻ. Đó là sự kiện rất đặc biệt mà không phải bất kỳ một quốc gia theo Phật giáo nào cũng có được.

Truyền thống Trung Quốc ngày và đêm ra rả, nhồi sọ cho hơn 1,3 tỷ công dân của họ là Việt Nam, một nước nhỏ bé lưu manh, xâm lăng chiếm đóng Hoàng Sa và Trường Sa của họ. Lòng yêu nước xuất phát từ lòng tham, sự ích kỷ đó đã làm cho công dân của họ nổi máu hận thù và muốn nuốt chửng Việt Nam. Đó là chính sách cực kỳ sai lầm trong thời đại toàn cầu hóa. Suốt hai thập niên trôi qua, Trung Quốc nỗ lực chứng minh mình là một nước lớn mạnh về kinh tế, tự do về dân chủ và nhân quyền cũng như công bằng xã hội thì bây giờ, chính cái nỗ lực độc chiếm biển Đông đã làm cho hình ảnh của họ trở nên xấu đi. Do đó, yêu nước vị kỷ và cực đoan là một sai lầm lớn.

Đạo Phật khích lệ tinh thần yêu nước cao thượng, biết hy sinh, không xâm lấn, không làm thương tổn quyền lợi quốc gia khác trên nền tảng tôn trọng quyền lợi hợp pháp của quốc gia mình. Xem ra Trung Quốc không nghĩ đến vấn đề này.

Trong giao tiếp, Bồ-tát Hiền Nhân vẫn dạy có chừng mực, vừa phải để tránh mọi hiểu lầm, nghi ngờ, hàm oan. Lúc nào người ta cần thì Ngài đến, không cần thì không đến. Đến thường xuyên trong khi người khác không cần dễ dẫn đến tình trạng mất thời giờ của họ. Đó là những ứng xử mà chúng ta thấy rất phù hợp với đời sống xã hội hiện tại.

Cô lập mình với các nhà xung quanh là một lối sống ích kỷ, nhưng qua nhà người khác chơi trong khi người ta không có nhu cầu, không mời gọi mà mình cũng không báo trước là điều vi phạm quyền tự do cá nhân. Người trí ứng xử một cách trung lập, trung dung, trung đạo về vấn đề giao tế, khi nào cần thì không tiếc thời gian và công sức để giúp đỡ, khi nào không cần thì thôi, tránh không làm phiền ai và dành thời gian đó cho những người có nhu cầu cần giúp đỡ.

5. Ứng dụng hạnh hóa độ vô cầu, vô ngã và vị tha

Bồ-tát Hiền Nhân dạy như sau: *“Tuy có ơn đức rộng lớn đối với người nhưng không bao giờ mong cầu đền đáp. Tôn thờ, giúp đỡ người trí thì được phước báu, không bị tai nạn. Xin Đại vương chớ có nghi ngờ, pháp chính trị không nên trái với lý đạo, dạy dân làm lành thì đất nước phát triển, xã hội bình yên”*.

Đó là quan điểm sống rất sâu sắc của Bồ-tát Hiền Nhân. Trước hết là có ơn với người nhưng không mong cầu người đền đáp. Đó là thái độ sống vô ngã, tử tế và vị tha của một bậc trí. Thông thường, người thế gian, khi giúp đỡ ai một điều gì thì hay mong cầu người khác trả ơn mình, bằng cách

này hoặc cách khác. Người trí thì không có thái độ sống như thế. Giúp đỡ người khác đối với người trí là tâm nguyện, là nhu cầu không thể thiếu.

Không những không mong cầu người khác trả ơn mình, người trí còn phát nguyện hồi hướng công đức cho tất cả chúng sanh. Trên thực tế, càng phát nguyện hồi hướng thì phước báu càng tăng. Bởi vì, sự phát nguyện đó tạo cơ hội cho tâm từ bi, lòng vị tha của chúng ta ngày càng được mở rộng. Tuy nhiên, hãy đặt tiêu chí cụ thể cho việc phát nguyện, đừng bao giờ phát nguyện như một hành động mang tính hình thức. Chẳng hạn như không nên phát nguyện độ hết tất cả chúng sanh. Vì trên thực tế, nhiều vị Phật tử còn không đủ khả năng độ được những người thân trong gia đình mình. Ngay cả Đức Phật còn không thể độ hết tất cả chúng sanh.

Sau khi vua Tỳ-lưu-ly bình địa nước Sakya, Đức Phật đã dạy đệ tử của Ngài rằng, có ba điều không thể thực hiện được. Thứ nhất, không thể độ hết chúng sinh. Thứ hai, không thể độ những người không có duyên bao gồm những người có thành kiến, có mặc cảm, cố chấp, bảo thủ và có thái độ bất cần. Thứ ba, không thể độ được người mà nhân học gieo đã đến lúc chín mùi, vì nhân chín mùi thì quả phải trổ, do đó không còn đủ thời gian để có thể kéo giãn hay thay đổi được tình hình nữa.

Học theo lời phát biểu lịch sử của Đức Phật, chúng ta cần phải phát nguyện một cách cụ thể và thiết thực. Đừng phát nguyện những gì không thuộc phạm vi khả năng của mình. Điều gì có thể làm được thì phát nguyện, không thể làm được thì đừng phát nguyện. Phát nguyện và nỗ lực thực hiện thành công sẽ mang đến nhiều lợi ích cho bản thân, gia đình và xã hội.



CHƯƠNG IX

HÃY SỐNG NHƯ NHÂN DUYÊN

Giảng tại Chùa Xá Lợi, ngày 05-08-2012

Phiên tả: Võ Tấn Lực

Nội dung chương chín của *kinh Hiền Nhân* có chủ đề: Hãy sống như nhân duyên. Đây là thái độ sống phù hợp với tinh thần Phật dạy. Trong *kinh Viên Giác*, Đức Phật nêu ra bốn loại bệnh lớn thường gặp mà người tu cần phải vượt qua.

Loại bệnh thứ nhất là bệnh làm, tức đam mê việc làm, đam mê tu tập như thể ngày mai sẽ chết đi. Do quá đam mê họ rơi vào tình trạng cuồng nhiệt với việc làm, việc tu, trong khi họ vẫn không buông bỏ được sự chấp chặt của mình vào các công việc đó. Do tu học, làm việc bằng thái độ đó, họ không gặt hái được thành công, không trải nghiệm được sự tiến bộ trong đời sống tâm linh. Duy trì thời gian tu học và làm việc như thế dễ rơi vào tình trạng chán nản, mất niềm tin vào các giá trị mà lẽ ra nên nhận thức và thực tập đúng họ có thể đạt được.

Loại bệnh thứ hai là bệnh tùy duyên, tức là chấp vào duyên do hoàn cảnh đưa đẩy, rồi từ đó thuận theo duyên, duyên thế nào thì thuận theo thế ấy. Trong khi đó, lẽ ra, người tu phải chủ động nỗ lực tạo nhân duyên mới cho mình. Đây là một lối tu tập khá phổ biến và cũng là bệnh chấp cần phải vượt qua.

Loại bệnh thứ ba là bệnh trì, tức đeo bám, giữ gìn, theo đuổi, vướng kẹt vào một cái gì đó hoặc là ngã hoặc là pháp, hoặc một bài kinh hay một pháp môn và nghĩ rằng chỉ những thứ đó mới thực sự là giải pháp giải quyết các vấn đề, ngoài ra không có những giải pháp nào khác hiệu quả hơn. Đây cũng là một loại bệnh về tâm lý.

Theo lời dạy của Đức Phật, ta không nhất thiết phải giới hạn tiếp xúc với giáo pháp ở một vài bài kinh, mà cần phải tiếp xúc với giáo pháp một cách rộng rãi. Mỗi bài kinh là một bài học chuyển hóa nỗi khổ niềm đau, do đó, càng học hỏi

hiều bài kinh ta càng có nhiều cơ hội nắm bắt nhiều phương pháp chuyển hóa khổ đau từ các bài kinh đó. Đó là một thái độ học và tu khôn ngoan mà ta cần phải học tập.

Loại bệnh thứ tư là bệnh tiêu diệt. Người bị bệnh này thường nghĩ rằng, phiền não, trần ô, nghiệp chướng là đối thủ, là kẻ thù, mà họ, với tư cách là người tu học, cần phải tiêu diệt. Thực ra, nỗ lực chuyển hóa phiền não, khổ đau hay nghiệp xấu nói chung là một nhu cầu của người tu học, nhưng xem chúng như là các đối tượng thù nghịch cần phải tiêu diệt lại là một thái độ chưa đúng đắn. Thái độ đó chỉ gây thêm những áp lực căng thẳng, những phản ứng tiêu cực dưới hình thức tâm sân mà thôi. Do đó, càng tu càng thấy mệt mỏi và không có kết quả.

Vượt qua bốn loại bệnh chấp làm, chấp tùy duyên, chấp trì và chấp tiêu diệt, hành giả cần phải sống theo nhân duyên. Nhân duyên có hai hướng thuận và nghịch, người tu tập phải tạo ra cho mình duyên thuận càng nhiều càng tốt để có tiến bộ và thành tựu trong đời sống tu học, đồng thời cần hạn chế tối đa các duyên nghịch để tránh tình trạng giậm chân tại chỗ, tức lặc hậu không tiến bộ trong sự nghiệp tu học.

Cũng với tinh thần đó, Bồ-tát Hiền Nhân đã trình bày lối sống theo nhân duyên qua các chương mục sau đây:

I. SỐNG VÔ TRỤ NHƯ CHIM BAY

Bồ-tát Hiền Nhân trình bày với nhà vua rằng: *“Hiền Nhân này cũng giống như con chim bay không nhất định đậu ở cây cành nào”*.

Đây là lối sống ngược hoàn toàn với lối sống theo quan niệm của Nho giáo. Nho giáo cho rằng, bề tôi phải trọn đời trung thành với vua, dù vua đó tốt hay xấu. Hiền Nhân thì

khuyến khích một lối sống tự do, phóng khoáng. Đó là cách sống “ung vô sở trụ”, tức không bị vướng kẹt bất kỳ một truyền thống, tổ chức, thể chế chính trị nào. Nhờ sống với tinh thần đó, Hiền Nhân hoàn toàn tự do thực hiện tâm hạnh độ sinh của Ngài.

Ẩn dụ cây, cành và con chim rất sâu sắc. Hiền Nhân tự ví mình như một con chim và chức năng của nó là bay chứ không phải dừng lại ở một cây. Chiều tối, chim có thể vào tổ yên nghỉ, sáng sớm lại tiếp tục bay và làm công việc của nó. Còn cây và cành có thể hiểu là các đối tượng mà ta có thể dính mắc, vướng kẹt trong cuộc sống. Ở đây, đối tượng đó có thể là các quan niệm về trách nhiệm, các cam kết, thói quen mà nếu không có đủ bản lĩnh và trí tuệ chúng ta không thể nào vượt thoát được.

Đây là một trong các ẩn dụ hiếm thấy trong văn học Phật giáo. Phần lớn trong kinh tạng Pali và kinh điển Đại thừa, Đức Phật thường ví sự thông dong thoát tục của bậc chân tu với hình ảnh của đám mây bay. Ở đây kinh lại đưa ra hình ảnh ẩn dụ khác, đó là con chim không đậu nhất định ở cành cây nào. Bậc chân tu lúc thì độ sinh ở chỗ này, lúc khác thì độ sinh ở nơi khác. Nơi nào cần thì bậc chân tu đến, không cần thì bậc chân tu đi, không vướng bận hay dính mắc vào bất kỳ một điều gì.

Đức Phật của chúng ta cũng vậy, hóa độ tùy duyên, ai có nhân duyên thì Đức Phật hóa độ, giúp họ chuyển hóa, ai không có nhân duyên thì Đức Phật cũng đành chịu. Mỗi một Phật sự mở ra một nhân duyên mới cho Đức Phật dần thân và nhập thế. Cũng chính nhờ tinh thần năng động này mà trong vòng 45 năm sau khi thành đạo, Đức Phật đã đi đến vài trăm thành phố, huyện lỵ thuộc tám nước trong số 16 nước Liên bang Cộng hòa Ấn Độ lúc bấy giờ.

Cứ như thế, Đức Phật đã đến trong cuộc đời và ra đi khỏi cuộc đời hoàn toàn là nhân duyên, và nhân duyên đó do Đức Phật chủ định chứ không phải như đám lục bình trôi vô định theo con nước triều lên xuống.

Bồ-tát Hiền Nhân khẳng định: *“Đạo hay chánh pháp không thể lẫn lộn với đời phàm tục”*.

Muốn làm đạo thành công, mang tới lợi ích cao quý nhất cho mọi người cần phải lấy chánh pháp làm hệ quy chiếu. Pháp môn cụ thể của một tông phái chỉ là phần nhỏ của chánh pháp vì đó là sự chọn lựa của một vị Hòa thượng, hoặc một bậc cao Tăng nào đó. Ngài Hiền Nhân cũng nói như thế. Đừng lẫn lộn các tu viện với chánh pháp, các quan điểm riêng với chánh pháp, và đừng để cho những cái phi chánh pháp trở thành chánh pháp, vì chánh pháp là chánh pháp, siêu việt thời gian, không gian.

Bồ-tát Hiền Nhân đã lưu ý chúng ta về các tác động cộng hưởng của những người sống xung quanh, sống gần và giao tiếp trực tiếp với chúng ta qua ẩn dụ sau đây: *“Cũng như lửa cháy ngoài đồng trống, những cây gần bên sẽ bị cháy sém. Hễ chỗ nào có nước xoáy thì thuyền sẽ quay và khó tiến tới phía trước”*.

Hai ẩn dụ này khá ấn tượng, mỗi một năm vào mùa hè từ tháng tư đến tháng tám, trên hành tinh này có hàng ngàn ki-lô-mét rừng đã bị đốt cháy do sự bất cẩn của con người. Sự bất cẩn đó có thể đến từ việc sử dụng điện, đốt giấy vàng mã, sử dụng nhang đèn, hoặc cắm trại mà không quan tâm đến điều kiện sống xung quanh... Hậu quả của sự bất cẩn đó rất nghiêm trọng. Ngoài việc có thể cướp đi nhiều mạng sống của con người, nó còn gây tổn hại tới sinh mạng của các loài côn trùng, các loài động vật sống trong các rừng, ảnh hưởng đến môi trường sinh thái tự nhiên và quá trình hâm nóng toàn

cầu. Chỉ cần một điểm cháy nhỏ diễn ra có thể lây lan khắp cả khu rừng.

Cách đây vài hôm, chùa Hội Sơn, một trong những ngôi chùa cổ nhất tại Thành phố Hồ Chí Minh đã bị phát hỏa về đêm do chạm mạch điện. Khi mùi khét do cháy điện, cháy các tượng Phật, cháy các khu vực gỗ của ngôi chùa cổ này được thầy trụ trì và chư Tăng phát hiện, thì cũng là lúc ngôi chùa đã gần như trở thành tro bụi.

Một điểm phát cháy nhỏ có thể cháy xém các vật xung quanh, nổi khổ niềm đau của con người cũng vậy, có thể lây lan từ người này sang người khác, từ nhóm này sang nhóm khác. Do đó, khi nổi khổ niềm đau nhen nhúm trong lòng một thành viên nào đó trong gia đình, chúng ta cần phải nỗ lực tìm kiếm các giải pháp trị liệu kịp thời. Nếu không, nổi khổ niềm đau đó sẽ lớn lên và lây lan khắp cả gia đình. Tục ngữ có câu: *“Một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ”*. Đó là câu nói thể hiện mối quan tâm cũng như sự tác động đa chiều giữa các thành viên trong gia đình. Cho nên, thấy được sự tương quan và tác động này ta cần phải cẩn thận nhằm tránh các cộng hưởng tiêu cực có thể diễn ra từ môi trường sống chung quanh. Chỉ có sự cẩn trọng cần thiết mới giúp chúng ta tránh được những ảnh hưởng tiêu cực đến từ môi trường xung quanh. Đừng đại dốt, bất cẩn, để trở thành vùng cháy xém hay nạn nhân của các tai họa do lửa gây ra.

Ân dụ thứ hai rất sâu sắc. Chỗ nào có nước xoáy thì thuyền chạy trên đó sẽ bị quay đầu, chạy lòng vòng hoặc bị khựng lại không thể tiến tới phía trước. Đó là hệ quả của sự tác động đến từ các duyên nghịch khiến cho kết quả diễn ra ngoài dự tính ban đầu. Muốn tránh hệ quả này, cần phải tìm hiểu, nhận diện các duyên nghịch, tạo cơ hội cho các duyên thuận có mặt. Điều đó, giúp chúng ta dễ dàng hoàn thành các

mục tiêu đặt ra hơn. Đừng nhắm mắt lao đầu vào cách duyên nghịch. Hãy tạo cơ hội cho các duyên thuận xuất hiện, càng nhiều càng tốt. Nếu không, sự chuẩn bị, công sức, tài sản đầu tư cho các kế hoạch của chúng ta sẽ không thể nào thành tựu được.

Kết luận, Bồ-tát Hiền Nhân chia sẻ: *“Chính vì thế mà Hiền Nhân muốn từng sự với mọi người, nhất là người trí để khỏi bị người ngu hèn quấy nhiễu, làm phiền”*.

Từng sự có nghĩa là cộng sự, cùng làm việc, cùng tham gia một công việc nào đó. Đối tượng cộng sự ở đây chính là bậc trí. Nhờ đồng hành với các bậc trí ta tránh xa được các nỗi khổ, niềm đau, các trở ngại, thử thách. Ta sẽ học hỏi được rất nhiều điều hay, rút ra cho mình nhiều bài học có giá trị, khắc phục được các hậu quả có thể xảy ra trong công việc.

II. NGHIỆP RIÊNG VÀ CUỘC SỐNG

Bồ-tát Hiền Nhân chia sẻ: *“Cỏ cây mỗi thứ mỗi khác, loài chim muôn cũng thế. Bạch hạc thì lông trắng, quạ thì lông đen”*.

Đó là câu mô tả về biệt nghiệp của các chủng loại. Rộng hơn trên hành tinh này, có người da trắng, da màu, da đen. Sự tổng hợp lại giống biến đổi gen giữa ba màu da vừa nêu tạo ra những con người, những cộng đồng lai tạo, đó là lịch sử tiến hóa của con người. Ở châu Phi không chỉ có người da đen mà còn có những người da màu, da trắng và hòa giữa trắng và đen. Ở châu Âu, châu Mỹ không chỉ có những người da trắng, mà còn có nhiều thành phần da còn lại. Ở châu Á cũng thế. Và mỗi cá thể sống trong môi trường đó đều có cộng nghiệp và biệt nghiệp riêng. Do đó, phải thấy rõ cộng nghiệp, biệt nghiệp của mình và nuôi dưỡng nó theo chiều hướng tích cực để kết quả lai tạo không mang theo những yếu tố tiêu cực.

Dân gian có câu: “*Con nhà nông không giống lông cũng giống cánh*”, ý muốn nói sự truyền thừa giữa các thế hệ trong môi trường cộng nghiệp thường cho thấy con cái giống cha mẹ, hoặc ít, hoặc nhiều. Mở rộng hơn, các thế hệ đi sau nối tiếp sự nghiệp, lý tưởng của thế hệ đi trước. Cộng nghiệp đó tiếp nối không ngừng nghỉ. Và tận dụng cộng nghiệp này, chúng ta sẽ tạo ra giá trị sống đóng góp cho cuộc đời.

Bồ-tát Hiền Nhân chia sẻ thêm: “*Đem áo lụa đẹp mặc cho người nhà quê cày ruộng thật là vô ích*”.

Nói như vậy không phải khinh thường những người nhà quê không biết thưởng thức thời trang, mà chỉ có nghĩa rằng đời sống của họ gắn liền với đồng ruộng chân lấm tay bùn, cho nên có tặng cho họ áo lụa họ cũng không có cơ hội để mặc. Ngay cả khi đã có cơ hội mặc họ cũng không đủ điều kiện để làm cho chiếc áo phát huy hết giá trị của nó. Điều gì đã tạo ra như thế? Đó chính là biệt nghiệp.

Xu hướng thời trang ngày nay đã tạo ra sự cộng nghiệp ở giới thượng lưu, giúp họ khẳng định mình là những thành phần có đẳng cấp thức thời, biết hưởng thụ trong xã hội, thông qua việc sử dụng và tiêu thụ các sản phẩm thời trang cao cấp. Trong khi đối với thành phần còn lại của xã hội, các sản phẩm đó chỉ là xa xỉ phẩm, dù có cơ hội sở hữu chưa chắc họ đã tạo ra nét đẹp cho bản thân. Do đó, trao chiếc áo lụa cho người nhà quê là không thích hợp.

Truyện ngụ ngôn về thằng Bờm của Việt Nam là một câu chuyện rất sâu sắc. Theo đó, thằng Bờm có một cái quạt mo. Dù cho lão phú ông hết lần này tới lần khác gạ đòi ba bò, chín trâu hay bất cứ thứ gì khác nó cũng lắc đầu, không chịu. Nhưng khi phú ông đòi gói xôi thì Bờm lại cười toe toét đồng ý. Chính cái giới hạn biệt nghiệp làm cho Bờm đồng ý

nhận lấy gói xôi chứ không lấy bất kỳ thứ nào khác. Vì biệt nghiệp, người ta có thể đồng ý hay chấp nhận một điều có vẻ rất bình thường nhưng phù hợp, chứ nhất định không chấp nhận những thứ không thuộc về biệt nghiệp của họ. Do đó, bài học ở đây cần rút ra là khi thấy rõ được sức lôi kéo của biệt nghiệp, nhất là biệt nghiệp xấu, chúng ta phải nỗ lực tách mình ra khỏi những biệt nghiệp xấu đó, đồng thời cũng nỗ lực giúp người khác thoát khỏi vòng kiềm tỏa của biệt nghiệp xấu như mình.

Trong một ẩn dụ khác Hiền Nhân dạy: *“Loài chim cú, chim mèo thì ưa sống ở những nơi bụi rậm; chuột bỏ thì ưa núp dưới đồng rom, đồng rác; chim chóc thì thích đậu trên cành cây; con hạc thì ưa ở gần ao nước đục. Mỗi vật, mỗi loại đều có tính cách riêng, chỉ nguyện bất đồng, sự ưa thích theo đó có khác”*.

Đó là những ẩn dụ rất sâu sắc và gần gũi với đời sống hiện thực của chúng ta. Mỗi con vật có một môi trường sinh sống và tính cách riêng. Bắt con chim cú, chim mèo sống như tính cách con chim hạc không được, bắt con chim hạc sống như tính cách con chim đại bàng không được, bắt con chim đại bàng như tính cách chim se sẻ lại càng không được. Chim se sẻ bay thành từng đàn, trong khi đại bàng chỉ bay từng con lẻ. Đó là biệt nghiệp liên hệ đến tính cách của mỗi loài.

Biệt nghiệp là kết quả của quá trình gieo trồng nghiệp nhân từ quá khứ của mỗi loài. Nghiệp nhân đó có thể tốt, có thể xấu. Đối với con người cũng thế, mỗi hành động tạo tác hoặc tốt hoặc xấu đều mang dấu ấn nghiệp, tức là đã gieo trồng hạt giống tương ứng nơi tâm thức. Hạt giống đó chính là yếu tố tạo nên nhân cách của con người và yếu tố đó sẽ biểu hiện thành lối sống hàng ngày của mỗi cá nhân. Do đó, gieo hạt giống như thế nào thì nhân cách của chúng ta sẽ biểu hiện qua lối sống như thế đó.

Ngài Hiền Nhân dạy tiếp: “*Các vật thô xấu cũng có chỗ cần dùng, không nên phí bỏ. Hạng người nào dù bản tiện, ngu hèn đến đâu ta cũng không nên hắt hủi và khinh thường họ. Nghệ thuật dùng người cũng như dụng gỗ, nếu biết cách thì tất cả đều hữu dụng. Phải biết người, biết lời nói, biết ý nghĩ, biết hành động của họ thế nào mới có thể tận dụng được khả năng của họ cho việc hữu ích*”.

Đây là nghệ thuật ứng xử rất sâu sắc, từ việc xác định biệt nghiệp của mỗi người, Bồ-tát Hiền Nhân đã dạy đức vua nghệ thuật sử dụng người. Theo ngài Hiền Nhân, không ai là người vô dụng. Ai cũng có một kho tàng tiềm năng vô tận. Nếu biết khích lệ, hướng dẫn, hỗ trợ tiềm năng ấy sẽ có cơ hội được phát huy. Còn phê bình, chỉ trích chỉ khiến cho con người trở nên u tối, căng thẳng và mệt mỏi hơn, do đó khó có cơ hội phát huy khả năng tạo ra các giá trị đóng góp cho xã hội.

Muốn được như thế, theo Phật giáo, thông qua nhận xét của Ngài Hiền Nhân, là phải biết người, biết lời nói, biết ý nghĩ, biết hành động của họ. Chỉ khi biết rõ về con người và khả năng của họ ta mới có thể tận dụng họ vào đúng vị trí công việc. Và một khi bố trí đúng người đúng việc thì hiệu quả công việc mới có thể cao được. Ngược lại, chọn người mà không biết rõ về con người và khả năng của họ thì việc chọn lựa ấy chắc chắn sẽ không mang đến hiệu quả cao cho công việc.

Hơn nữa, việc chọn người căn cứ vào con người và khả năng của họ còn tạo nên sự bình đẳng, dân chủ trong xã hội. Ai có đạo đức và khả năng thì được chọn lựa, tuyển dụng, ai không có các tố chất đó thì phải tìm kiếm các công việc phù hợp. Nhờ đó, xã hội sẽ tránh được tình trạng con ông cháu cha không có đạo đức, khả năng thì được tuyển dụng trong khi người có đạo đức và khả năng lại không có cơ hội cống hiến.

Tóm lại, biệt nghiệp tích cực hay tiêu cực đều do chúng ta tạo ra chứ không phải do ông trời phán quyết. Muốn làm người có giá trị thì phải nỗ lực gieo trồng các nhân tố hay hạt giống tích cực. Đến lượt nó, các nhân tố đó tạo nên thói quen, lối sống của chúng ta. Nói rộng hơn, con người với tất cả các biệt nghiệp và cộng nghiệp đều do chúng ta tạo nên. Không ai có thể phán quyết hay đặt để cuộc đời chúng ta theo chủ ý của họ. Nghĩ rằng, có một vị thần linh, một vị sáng thể sáng tạo nên con người và tất cả đời sống con người do thần linh, đấng sáng thể quyết định là một thái độ sai lầm, trái với tinh thần lời dạy của Đức Phật.

III. NGƯỜI HIỆN NHƯ CÂY PHẪM LỆ

Bồ-tát Hiền Nhân trình bày: “*Trong dân gian, có một loại cây tên là Phẫn Lệ, người chủ trồng cây thì không được ăn trái, còn kẻ muốn hái trộm thì trái lại sinh ra. Người trung giúp nước thì hắt hủi, đuổi xô. Kẻ nịnh thần gian dối phá tan việc triều chính lại dùng dung ăn bổng lộc. Khách ở lâu chủ nhà sanh nhàm chán nên Hiền Nhân này quyết định ra đi*”.

Nội dung đoạn kinh đưa ra hình ảnh rất lạ, người chủ nhân trồng nó và muốn ăn trái ngon của nó thì nó lại không trở quả, trong khi kẻ ăn trộm thỉnh thoảng rình mò thì có cơ hội hái ăn. Cho nên ta có thể hiểu vấn đề này như là một sự phỏng tay trên, hót công đức, gian dối lấy thành quả của người khác.

Người đầu tư gieo hạt giống tốt, chăm sóc, nỗ lực canh chừng lại không có được thành quả, trong khi kẻ không bỏ một chút công lao nào cho quá trình ấy lại được hưởng thành quả. Đó là sự bất công trong xã hội mà ta có thể thấy nhan nhản ở khắp nơi.

Trong cuộc sống, có nhiều người đôi lúc chẳng chịu làm gì hết, chờ đến lúc thành quả chín mùi lại vào giật lấy bằng những mưu ma chước quỷ làm cho những người lãnh đạo nghĩ họ là người đích thực có công, trong khi thực chất họ chẳng có công cán gì.

Người đóng góp đích thực thường bị hiểu lầm vì họ ít khi khoe khoang hay kể lể. Họ làm việc chỉ muốn mang lại thành quả chứ không muốn kể công. Trong khi kẻ xấu không làm lại muốn hưởng thành quả, nên họ phải dựng chiến tích giả và kể công rất nhiều. Do đó, làm lãnh đạo hay cấp trên mà không có chiều sâu về tâm lý dễ dẫn đến các nỗi hàm oan và ứng xử bất công đối với người thuộc hạ hoặc cộng sự.

Qua ẩn dụ cây Phấn Lệ, Hiền Nhân muốn gửi đến triều đình của nhà vua một thông điệp rằng, trong triều của vua, kẻ chân chính thì ít, mà kẻ nịnh thần thì nhiều. Trong khi kẻ nịnh thần được trọng dụng, tước cao, bổng lộc đầy, còn người trung trực, liêm chính, vì dân vì nước thì không được đánh giá cao, bởi vì cái tài của họ, lý tưởng của họ và tầm nhìn của họ làm cho một số người e ngại.

Nhiều vị lãnh đạo không muốn những người dưới trướng của mình giỏi hơn mình, có tầm ảnh hưởng hơn mình, cho nên dễ dàng nghe thành phần sàm tấu và kết quả tạo ra nhiều bất công trong xã hội hoặc nhóm.

Một hiện tượng tâm lý khác được Hiền Nhân nêu ra rất chuẩn là, dù là khách quý nhưng ở lâu tại nhà của một người thân nào đó sẽ làm cho người ta có cảm giác khách là một gánh nặng hoặc cảm giác nhàm chán xuất hiện. Do đó, trong quan hệ ta phải biết giữ mình, chỉ thể hiện hiện sự thân tình vừa phải, nếu quá mức sẽ dẫn đến tình trạng không cần thiết.

Trong văn hóa ứng xử miền Bắc, đến giờ ăn cơm, khi được mời thì khách phải biết điều mà từ chối, chứ đừng thật tình nghe mời tưởng người ta quý mình mà ngồi xuống ăn thì chủ nhà sẽ không hài lòng và cho rằng khách chẳng biết điều, chẳng tế nhị, chẳng có chiều sâu. Trong khi đó, ở miền Nam, chủ nhà mời gọi mà khách không nhập cuộc là khách sáo, cho nên sẽ làm cho chủ nhà giận khách. Hai vùng văn hóa khác nhau tạo ra hai lối ứng xử, hai biệt nghiệp và hai hệ quả khác nhau. Do đó, người miền Nam ra miền Bắc phải hiểu văn hóa này, người miền Bắc vào Nam cũng phải hiểu như thế, đừng thấy chủ mời mình mà bỏ về sẽ làm cho chủ nhà buồn. Đó là chúng ta biết vừa phải, hiểu và ứng xử thích hợp, cho nên không dẫn đến tình trạng nhàm chán, phật lòng, không ưng ý.

Sau khi được nhà vua nài nỉ và yêu cầu Hiền Nhân ở lại, Hiền Nhân vẫn nhất quyết ra đi. Hiền Nhân khẳng định: *“Tôi là một vị Sa-môn, đời sống của tôi là mang bình bát đi khát thực rày đây mai đó, không vương trụ bất cứ nơi nào. Tôi tự vui với chánh đạo, dứt trừ tham vọng, giữ giới thanh cao, xa lìa tội lỗi, giúp đời an vui”*.

Đó là lối chia sẻ rất ý nghĩa. Thương một người tu là để người đó sống với tâm linh chứ không để giữ cho riêng mình. Sở hữu người tu cũng giống như ta làm cho mây ngừng bay, gió ngừng thổi, trong khi bản chất của người tu là gió thổi mây bay, không dừng trụ, không bám chấp.

Lời chia sẻ của Hiền Nhân được nhà vua hiểu đúng và nhà vua đã không nài nỉ mà để cho Hiền Nhân ra đi, nhờ đó Hiền Nhân làm nhiều việc Phật sự đóng góp hơn, còn ở lại tại triều đình chưa chắc Hiền Nhân đã làm được như thế.

Hình ảnh của Hiền Nhân cũng khá giống với Khổng Tử

của Nho giáo. Khi làm thầy dạy học trò, Khổng Tử nổi tiếng bởi các đóng góp tri thức và trí tuệ về triết học xã hội. Tuy nhiên, trước đó, khi còn làm sĩ phu, mọi ý kiến của Khổng Tử đều bị phớt lờ, thậm chí còn bị xem đó là mối đe dọa. Khổng Tử đã biết khôn và rời khỏi chính trường để trở thành một nhà hiền triết, sáng lập ra học thuyết Nho giáo, có tầm ảnh hưởng sâu rộng đến văn hóa Trung Quốc cho đến ngày nay.

Vai trò của tu sĩ Phật giáo là tâm linh, có thể tư vấn làm thầy của vua, làm cố vấn của các vị quan chức lớn nhưng không thể làm thay thế vai trò chính trị của các nhân vật đó. Do đó, các nhà lãnh đạo giỏi không nên ép những nhà tu sĩ tham gia triều chính, nếu cần có thể mời họ tư vấn và cho họ trở về với sở trường tâm linh của họ thì sự đóng góp của các vị tu sĩ sẽ tốt hơn, có giá trị bền vững hơn.

IV. GẶP NHAU LÀ MỘT NHÂN DUYÊN

Nhà vua thưa với Bồ-tát Hiền Nhân: *“Nay Ngài đã quyết định thì trẫm cũng không can ngăn nữa, nhưng Ngài chớ có đoạn giao với trẫm, mong Ngài có một ngày đó nào đó quay trở lại cung điện này để cùng trẫm đàm đạo, giúp đỡ và tư vấn cho trẫm những điều hay”*. Hiền Nhân chia sẻ với nhà vua: *“Chỉ mong cho đại vương và bản Tăng khỏe mạnh, trước sau gì chúng ta cũng sẽ gặp nhau”*.

Dân gian có câu tương tự: *“Trái đất xoay tròn sẽ có ngày ta gặp lại nhau”*. Tuy nhiên, xoay tròn mà không có sức khỏe thì không thể gặp nhau được. Người bệnh tật ở bệnh viện, còn một người khỏe mạnh ở ngoài thì không thể gặp. Do đó, phải khỏe mạnh thì ta mới có đủ tâm trí để gặp nhau hàn huyên, tâm sự, chia sẻ, nâng đỡ, dìu dắt, hỗ trợ nhau trong công việc, trong cuộc sống.

Bồ-tát Hiền Nhân chia sẻ: *“Hiền Nhân này muốn vào núi để tu dưỡng tâm linh, rèn thêm trí tuệ. Gần nhau mà nghĩ đến chuyện ác hại nhau thì chẳng bằng xa nhau mà nhớ nhau trong tâm niệm lành”*.

Ở đây Hiền Nhân chọn con đường tách rời khỏi triều đình để không bị cộng hưởng của môi trường chính trị dẫn đến những sự sàm tấu, thanh toán, sân hận, thù hằn, ghét bỏ và thậm chí loại trừ nhau. Giá trị của tâm linh ở đâu thì ánh sáng tỏa sáng chỗ đó. Nhà tâm linh ở núi cao tin đồ sẽ lên núi cao, nhà tâm linh ở nơi hoang vắng tin đồ sẽ đến nơi hoang vắng, nhà tâm linh trụ ở rừng tin đồ sẽ đến rừng. Sự thật đó đã diễn ra với Đức Phật trong suốt 45 năm hoằng pháp.

Khi Đức Phật sống trên núi Linh Thứu, vua Tần-bà-sa-la và các quan cận thần cùng thần dân đến núi Linh Thứu để nghe Đức Phật thuyết giảng mỗi ngày. Khi Đức Phật trụ ở chùa Trúc Lâm, vua và mọi thành phần trong xã hội đến chùa Trúc Lâm. Khi Ngài qua một nước khác thì quần chúng cũng đến nước đó để tiếp tục được học hỏi, nghe pháp.

Dân gian thường có câu: *“Lúa thóc đến đâu bồ câu đến đó”*. Nếu ta sánh ví lúa chính là nguồn tâm linh tuệ giác của Đức Phật thì bồ câu chính là chúng sinh. Như vậy, lúa giác ngộ của Đức Phật ở chỗ nào thì chúng sanh nương theo, nhờ vào lúa đó mà no đủ, hạnh phúc, duy trì sức khỏe và tuổi thọ. Đó là nhu cầu học hỏi, là nhân duyên của chúng sanh đối với giáo pháp của Đức Phật.

Do đó, đừng sợ chúng ta không gặp nhau trong cuộc đời. Trái đất quay tròn, người hữu duyên sẽ gặp nhau. Chỉ e rằng, khi gặp nhau, sống gần nhau, chúng ta không dùng tâm thiện lành đối đãi nhau mà lại dùng tâm ác để hại nhau, loại trừ nhau mà thôi. Và nếu gặp nhau, sống gần nhau mà không

bằng lòng, không chấp nhận nhau, không đem tâm lành đối đãi nhau thì tốt hơn hãy xa nhau trong tâm niệm lành, tích cực. Đó là chọn lựa của bậc trí. Chọn lựa này không chỉ mang tới lợi ích cho cả hai mà còn mang lợi ích tới cho các thành phần khác trong xã hội.

V. ẨN DỤ “THAM NGỌT ĐÚT TAY”

Bồ-tát Hiền Nhân trình bày: *“Nhu người lấy mật xoa vào lưỡi dao đưa cho con chó mèo liếm. Vì tham chút mật ngọt, chúng bị đứt lưỡi, đau đớn vô cùng”*.

Chó và mèo là hai loài gia súc gần gũi với đời sống con người hơn các loài động vật khác. Vì mèo và chó không có đủ ý thức như con người, cho nên chúng không phân định được sự nguy hiểm khi ăn mật dính trên lưỡi dao, hậu quả là chúng bị đứt lưỡi. Con người thì có ý thức, có thể nhận định và đánh giá được đâu là việc nên hay không nên, nguy hiểm hay an toàn, do đó, có thể tránh được nhiều tình huống nguy hiểm xảy ra. Tuy nhiên, thỉnh thoảng một số người vì cuồng lẫn trở nên liều mạng, thấy một ít mật dính trên lưỡi dao bén nhưng vẫn cố tình liếm, liếm ầu, liếm bữa cuối cùng bị đứt lưỡi. Đó là hành động thiếu ý thức sáng suốt.

Trong văn đàn Việt Nam hiện đại, Bùi Giáng được xem là một nhà thơ đặc biệt - cả trong đời sống và phong cách thơ. Tác phẩm của ông để lại cho đời lên đến mấy ngàn bài, trong đó rất nhiều bài thơ mang âm hưởng Phật giáo rất sâu sắc. Hai câu thơ nổi tiếng của ông được nhiều người biết đến: *“Cứ ngỡ xuống trần chơi một chốc/ Nào ngờ ở mãi đến hôm nay”*. Nghe có chút gì đó than phiền, có chút gì đó đùa cợt, mỉa mai! Rất nhiều người trong chúng ta, khi bắt đầu tập tành một thói quen xấu nào đó, nghĩ rằng việc làm đó xuất phát từ điều kiện khách quan, chứ bản thân mình không

muốn, không tự nguyện. Đó là một sự biện hộ, hoặc chí ít là một sự ngộ nhận. Tập tành, chơi, thử một chút, liếm một chút bị nghiện, bị kẹt vào thú chơi đó là chuyện thường tình, nhất là chơi, thử ma túy, cụ thể là các loại như: đập đá, thuốc lắc, hít keo... Bởi vì, những thứ đó mang đến ảo giác hạnh phúc nhất thời, nhưng sau đó là chuỗi ngày nghiệp ngập, khổ đau. Nói một cách hình tượng, đó là chút mật ngọt dính trên lưỡi dao bén, ăn vào rất dễ bị đứt lưỡi.

Gieo trồng nghiệp xấu thì dễ, nhưng kết quả thì khổ đau, trong khi gieo trồng việc thiện thì khó, nhưng kết quả lại an vui, hạnh phúc. Do đó, ai muốn sống đời lương thiện, hạnh phúc và bình an phải nỗ lực gieo trồng thiện nghiệp, tránh các nghiệp ác.

Sức kiểm tỏa của nghiệp rất lớn, giống như cơn lốc xoáy, trận cuồng phong, như trận sóng thần, nó hầu như cuốn phăng mọi thứ khiến cho ta không có cách nào xoay sở được. Đừng để khi quả báo đã trở rồi mới hối hận quay đầu, lúc đó sẽ không còn kịp nữa.

Qua ẩn dụ đó, Hiền Nhân muốn nhà vua hiểu được thông điệp: *“Nay các quan cận thần cũng như thế, chỉ có những lời nói ngon ngọt ngoài miệng mà trong tâm dường như là dao bén”*.

Chính trị là thuật ngoại giao, người làm chính trị gần như bất chấp mọi thủ đoạn loại trừ nhau nhằm khẳng định vai trò độc tôn của mình. Các cuộc bầu cử, tranh cử Tổng thống ở Mỹ cho ta thấy rất rõ điều đó. Và khắp nơi trên hành tinh này cũng thế. Các thành phần đối lập đã bới móc đời tư trong quá khứ của nhau nhằm tìm kiếm cơ hội cho chức vụ tranh cử của mình. Càng phanh phui nhiều khuyết điểm của đối phương thì họ càng có nhiều cơ hội thắng cử. Rất nhiều người lâm

vào tình trạng điều đúng khi những thông tin xấu, bất lợi bị đối phương đưa ra ánh sáng.

Trong thời gian bầu cử thì như thế, nhưng sau bầu cử mọi thứ thay đổi nhanh chóng. Người đắc cử Tổng thống gặp người thất bại, và họ vẫn ôm nhau vào lòng, tay bắt mặt mừng, nói cười vui vẻ như thể chẳng có việc gì đã từng xảy ra. Đó là chính trị. Không có kẻ thù tuyệt đối, không có bằng hữu tuyệt đối mà chỉ có quyền lợi. Lúc nào còn quyền lợi thì còn là bạn, hết quyền lợi thì tình bạn cũng kết thúc.

Liên minh các quốc gia cũng diễn ra như thế. Chính trị muôn mặt giống như con dao bén, ai không biết chơi mà nhập cuộc thì dễ bị đứt tay. Và khi đứt tay thì đừng đổ lỗi, trách móc hay hờn giận. Cuộc đời là như thế, có đồ lỗi, trách móc, hờn giận cũng không giải quyết được gì. Chỉ có khéo léo và biết ứng xử thông minh, trí tuệ thì chúng ta mới không bị kẹt vào cạm bẫy mật ngọt trên lưỡi dao bén của cuộc đời.

Ngài Hiền Nhân đã khuyên nhà vua: *“Từ đây về sau, bệ hạ phải đề phòng, nếu gặp phải điều kinh hãi, hãy nhớ đến những lời Phật dạy. Điều này có thể giúp cho bệ hạ vượt qua được các nỗi sợ hãi”*.

Ở đây giải pháp đã có sẵn, việc còn lại là ta có chấp nhận và sử dụng giải pháp đó để giải quyết các vấn nạn mà mình đang vướng phải hay không mà thôi. Nhiều người đi xin các lời khuyên từ các nhà tư vấn có kinh nghiệm và được các nhà tư vấn này tư vấn cho các giải quyết vấn đề. Tuy nhiên, họ không nỗ lực giải quyết vấn đề mà chỉ than khó, than khổ, tin vào sự ngẫu nhiên, hoặc tìm kiếm sự an ủi, vỗ về nơi trời, Phật thông qua sự cầu nguyện. Đó là hành vi mê tín, nó không chỉ không giải quyết được vấn đề mà còn gây thêm khó khăn, phiền phức cho bản thân mình và người khác.

Cầu nguyện chỉ giúp cho ta có thêm năng lực tâm lý để thực hiện những điều cần làm. Cầu nguyện, tự thân nó, không mang đến kết quả cuối cùng như ta mong ước. Theo tinh thần Phật dạy, chỉ cần ta hiểu sâu nhân quả, sống đúng, sống phù hợp với nhân quả, cùng với sự nỗ lực đúng phương pháp thì ta có thể giải quyết tốt các vấn nạn trong cuộc đời. Không cần phải cầu xin, không cần phải cầu nguyện, kết quả vẫn diễn ra theo tiến trình nhân quả của nó như thường.

Ngày 19-02, 19-06 và 19-09 âm lịch hàng năm là ngày tưởng niệm Đức Bồ-tát Quan Thế Âm. Đó là ngày ta nên học theo gương hạnh của Ngài, một gương hạnh rất đặc biệt. Bồ-tát Quan Thế Âm có năng lực quán chiếu sâu sắc, nên ngài vượt thoát được mọi vướng mắc trong cuộc đời.

Bồ-tát Quan Thế Âm còn được hiểu là Bồ-tát lắng nghe. Lắng nghe nỗi khổ niềm đau của bản thân, lắng nghe nỗi khổ niềm đau của cuộc đời. Biết lắng nghe là một thành công. Nó giúp ta thiết lập được sự cảm thông với mọi người. Lắng nghe cũng là một bước quan trọng trong quá trình tìm kiếm các giải pháp giải quyết các vấn nạn.

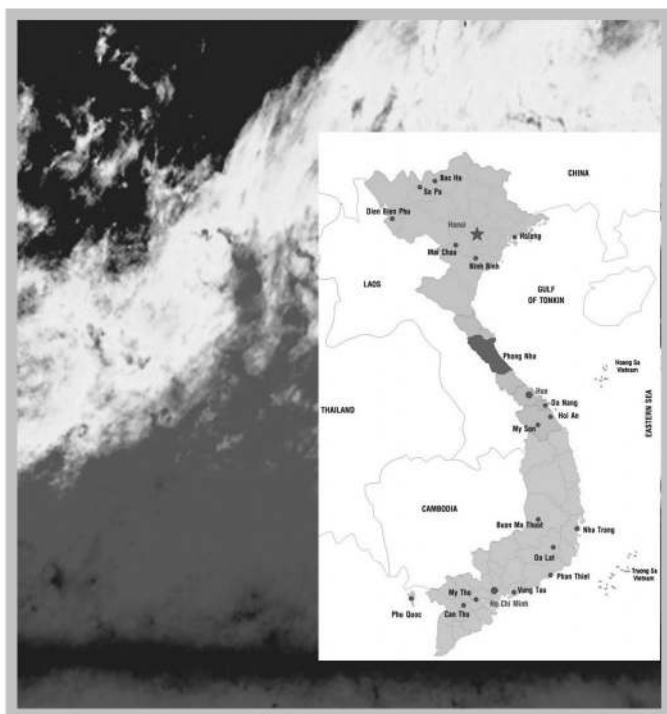
Bồ-tát Quan Thế Âm còn được gọi là Bồ-tát từ bi. Ngài có thể trao cho chúng ta những giải pháp thực tập chuyên hóa. Tín ngưỡng Phật giáo dân gian gọi Ngài là Đại Từ Đại Bi Cứu Khổ Cứu Nạn Quảng Đại Linh Cảm Ứng Quan Thế Âm Bồ Tát. Đây là cách gọi dài dòng không cần thiết. Năng lực cứu khổ cứu nạn là năng lực, ứng dụng của từ bi. Hễ ai có tâm từ bi là có tâm cứu khổ. Do đó, không cần phải gọi dài dòng như thế, gọi như thế không chỉ dư thừa mà còn có khả năng đưa tới thái độ mê tín dị đoan ở người Phật tử.

Bồ-tát Quan Thế Âm cũng giống như Đức Phật Thích Ca, Ngài có khả năng trao cho chúng ta các tấm bản đồ, các

con đường thực tập để tự chuyển hóa khổ đau. Ngài không thể chuyển hóa khổ đau thay chúng ta. Do đó, thay vì cầu nguyện Bồ-tát phù hộ thì hãy phát nguyện trở thành Bồ-tát Quan Thế Âm trong cuộc sống thật, tức trở thành người biết lắng nghe, biết cảm thông, biết quán tự tại, biết cứu khổ, biết ban niềm vui không sợ hãi cho mọi người.

Cầu nguyện hay giơ tay xin chút lòng từ bi của Bồ-tát là thiếu chánh kiến, thiếu bản lĩnh. Trong cuộc sống, đôi lúc chúng ta cũng thiếu sáng suốt, mệt mỏi nên chúng ta cầu nguyện, mong mỗi một thể lực bên ngoài mình, nhưng khi bình tĩnh, nhìn vấn đề bằng trí tuệ ta sẽ thấy rất rõ mọi bế tắc đều có giải pháp. Khi có giải pháp rồi thì ta không còn sợ hãi nữa. Chỉ cần thời gian và nỗ lực đúng ta sẽ giải quyết được các bế tắc.

Cho nên, khi niệm danh hiệu Bồ-tát Quan Thế Âm ta chỉ niệm đơn giản: Nam-mô Đại Từ Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát hoặc kính lạy Đức Bồ-tát Quan Thế Âm, con xin quy ngưỡng đức tính đại từ đại bi của Ngài. Đức tính đó giúp cho con biết lắng nghe, biết quán chiếu những nỗi khổ, niềm đau của những người thân và những người xung quanh để con giúp đỡ, cùng họ vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống cũng như trong đời sống tu học. Như vậy, niệm danh hiệu Bồ-tát là để thực tập công hạnh của Bồ-tát chứ không phải để mong cầu sự gia hộ hay cứu giúp ở Ngài. Đó là một sự thực tập. Sự thực tập đó rất sâu sắc.



CHƯƠNG X

ĐỪNG ĐỂ

ĐẤT NƯỚC LÂM NGUY

Giảng tại Chùa Xá Lợi, ngày 12-08-2012

Phiên tả: Võ Tấn Lực

Nội dung chương 10 của *kinh Hiền Nhân* có chủ đề: Đừng để đất nước lâm nguy. Đất nước lâm nguy có thể diễn ra theo hai cách. Cách thứ nhất, nội loạn dẫn đến bất ổn xã hội trong một quốc gia và cách thứ hai, bị ngoại xâm thôn tính.

Từ thế kỷ XX trở về trước, trên phạm vi thế giới, diễn ra tình trạng các quốc gia mạnh uy hiếp các quốc gia yếu. Do vậy, đứng cạnh các quốc gia khổng lồ có mộng bá quyền là một mối đe dọa đối với các nước yếu, nhỏ. Việt Nam thuộc vào quốc gia như thế. Một nghìn năm bị giặc phương Bắc đô hộ, một trăm năm bị giặc Pháp xâm chiếm, hai mươi năm bị đế quốc Mỹ xâm lược.

Từ thế kỷ thứ X, đạo Phật đã vươn mình dậy và đã hỗ trợ cho quốc gia chuyển mình. Trải qua nhiều bước thăng trầm, tính chủ quyền độc lập dân tộc của Việt Nam đã được đảm bảo.

Trong thời kỳ hòa bình, mỗi quan tâm hàng đầu của mỗi quốc gia là phát triển bền vững theo hướng có đầy đủ các quyền và công bằng xã hội để cho các thành phần trong xã hội có thể đóng góp chất xám, năng lực, thời gian, tâm huyết của mình cho quốc gia. Tuy nhiên, không phải đất nước nào cũng sẵn lòng mở cửa cho mọi thành phần cùng được đóng góp.

Để cải thiện đời sống nhân dân, củng cố, phát triển đất nước, trong chương này, Hiền Nhân đã góp ý với vua nhiều vấn đề hết sức quan trọng. Chúng ta sẽ tìm hiểu các vấn đề này trong nội dung dưới đây.

I. KHI ĐẤT NƯỚC BẤT ỔN

Kinh dẫn lời như sau: “*Khi những người trung chính không được sử dụng thì kẻ loạn thần tha hồ tung hoành và gian nịnh. Ngoài thì các quan cậy thế bắt ép lương dân, trong thì người của Chính phủ dùng thói yêu nghiệt làm cho triều*

đình và nhà vua bị mê hoặc không còn thời gian để nghĩ đến việc nước, chỉ dăm lung, ngày đêm vui trong sự say đắm”.

Bất kỳ quốc gia nào, cổ hay kim, Đông hay Tây cũng đều có thể trở thành nạn nhân của các vắn nạn vừa nêu. Quan trong triều đình là những người tư vấn cho nhà vua những sách lược để phát triển đất nước và họ cũng là người đại diện cho chính quyền để làm những việc cần làm cho dân. Tuy nhiên, không phải quốc gia nào, các quan tước trong triều đình cũng có được tinh thần yêu nước và phụng sự. Có nơi, người ta có quan điểm rất đơn giản rằng, muốn đổi đời hãy tham gia vào con đường chính trị. Bởi vì, ở đó, người ta có nhiều cơ hội mở rộng các mối quan hệ xã hội, thăng quan tiến chức, nhiều bổng, lộc và các cơ hội giàu sang khác. Rất ít người có lòng yêu nước, thương dân, nỗ lực tham gia làm chính trị để đóng góp cho sự phát triển của đất nước.

Triều đình của nhà vua trong thời của Bò-tát Hiền Nhân có nhiều biểu hiện của sự suy thoái. Các quan không bận tâm đến việc chăm sóc quyền lợi của dân, phát triển đất nước. Nội bộ hoàng gia bị phân hóa, hoàng hậu chủ mưu, tạo cơ hội cho các quan thao túng triều đình, bỏ bê việc nước, việc dân, đắm chìm trong các thú vui khoái lạc. Đó là điều bất hạnh, cho cả triều đình và quần chúng dân dân.

Cây thế chèn ép lương dân là biểu hiện thường thấy trong các chế độ quân chủ. Đó là con đường đưa đến bất công xã hội, quan liêu, tham nhũng, làm đình trệ sự phát triển bền vững của đất nước. Tiền thuế lẽ ra phục vụ cho lợi ích chung của quốc gia thì ngược lại rơi vào tay của một thiểu số những người bị biến chất hoặc thiếu lý tưởng phụng sự. Đất nước trở nên nghèo đói, kém phát triển, đời sống quần chúng nhân dân cực khổ, bấp bênh.

Kinh tiếp tục dẫn lời: *“Chính quyền quan liêu lăm quyền tự do, thu thuế vô độ, bắt ép nhân dân không một chút từ tâm nhân đạo. Kẻ lấy thuế chợ mà không thèm nhìn món đồ, người mạnh bắt ép kẻ yếu, bóc lột, tàn sát lẫn nhau không gè gì đến pháp luật”*.

Câu nói trong dân gian: *“Thượng bất chính hạ tắc loạn”* là điều có thể áp dụng trong tình huống này. Khi những người đại diện cho giới cầm cân nảy mực của một quốc gia không có năng lực lãnh đạo, không nghiêm túc, chuẩn mực về phương diện đạo đức, lối sống, thì bên dưới sẽ lợi dụng các điểm yếu đó thâm tóm quyền lực, sách nhiễu quần chúng nhân dân. Một khi lợi ích của quần chúng nhân dân trong một quốc gia không được tôn trọng, bị xâm phạm thì bất ổn xã hội sẽ phát sinh.

Có một hiện tượng diễn ra khá phổ biến ở các quốc gia hiện nay, nhất là ở các quốc gia nghèo, kém phát triển là các quyền cơ bản của quần chúng nhân dân đang bị thu hẹp dần. Trong khi thực hiện các chính sách này, nhà chức trách thường viện dẫn những lý do liên quan tới mục đích đảm bảo an ninh, quốc phòng và bình ổn xã hội. Nhưng trên thực tế, các chính sách này chỉ nhằm mục đích thu hẹp, hạn chế các quyền căn bản nhất của dân. Và, một khi các quyền căn bản của người dân bị hạn chế thì mâu thuẫn, xung đột, bất bình ổn xã hội sẽ có cơ hội phát sinh, đe dọa sự phát triển bền vững của một quốc gia.

Mạnh hiếp yếu, lớn tấn công nhỏ, bóc lột, tàn sát lẫn nhau là các biểu hiện tiêu cực của một quốc gia đang lâm vào tình trạng suy thoái, yếu kém. Ở đó, xung đột, mâu thuẫn và loại trừ lẫn nhau diễn ra trên nhiều phương diện của xã hội. Ở phương diện kinh tế, đó là sự thành công của người này kéo

theo sự thất bại của kẻ khác. Một nhà kinh tế nổi tiếng thế giới có lần nhận xét: Cứ mỗi một thành công của Bill Gates trong thị trường sẽ làm cho Microsoft office (một công ty điện toán) của ông mạnh hơn thì bên cạnh đó, có rất nhiều công ty nhỏ phá sản. Do đó, lỗ và bồi, thành công và thất bại là hiện tượng phổ biến diễn ra trong đời sống. Sự thành công của mình có thể dẫn đến thất bại của kẻ khác. Vấn đề là, chúng ta phải hướng sự phát triển, thành công của chúng ta theo con đường lành mạnh. Tốt nhất là trên nền tảng của pháp luật. Nếu mỗi cá nhân hay tổ chức không biết tuân thủ pháp luật, thì hậu quả xấu có thể xảy ra, và khi đó, chúng ta không chỉ trở thành nạn nhân của những hành vi vi phạm pháp luật, mà còn góp phần tạo nên bất ổn kinh tế - xã hội. Và lợi dụng bất ổn kinh tế - xã hội đó, các tôn giáo tăng cường truyền giáo.

Trên thực tế, dựa vào chính sách này, Công giáo và Tin Lành phát triển như vũ bão tại châu Á, trong đó có Việt Nam. Thống kê của Hoa Kỳ cho thấy, trong vòng 41 năm qua, Tin Lành đã phát triển 600% tại Việt Nam, một con số khủng khiếp, phá kỷ lục chưa từng có trong lịch sử. Và, trong vòng 45 năm qua, tín đồ của Công giáo từ 4% trên toàn quốc, tăng lên 8%, tức là tăng trưởng 100%.

Theo hiến pháp của các cường quốc, mặc dù họ chủ trương tôn giáo bình đẳng, nhưng trên thực tế họ luôn luôn đặt những ưu quyền và lợi ích cho tôn giáo gốc của họ. Điển hình như ở Hoa Kỳ, trên tờ đồng đô la của họ chúng ta đều thấy có bốn chữ: IN GOD WE TRUST, có nghĩa chúng tôi tin vào Thượng đế. Mà Thượng đế ở đây là Thượng đế của những người theo đạo Tin Lành và Công giáo.

Ở châu Âu cũng không ngoại lệ. Mặc dù giới chức lãnh đạo của các quốc gia đó vẫn thừa nhận Phật giáo là đạo hòa

bình nhất so với các tôn giáo khác trên hành tinh này, cho đến thời điểm hiện nay, nhưng trên thực tế để xin giấy phép xây dựng một ngôi chùa thì không phải là chuyện giản đơn.

Vào mùa hè năm 2011, chúng tôi có dịp thuyết giảng ở 9 nước Đông Âu. Ở đó, chúng tôi có cơ hội lắng nghe những chia sẻ thông tin từ cộng đồng người Việt Nam. Theo đó thì mấy chục năm qua, mặc dù đã được Sứ quán, Tổng Lãnh sự và cộng đồng Việt Nam có uy tín tại đó hỗ trợ, nhưng họ vẫn rất khó khăn trong việc xin giấy phép xây dựng chùa. Trong khi đó, các công trình của Công giáo và Tin Lành được nhà chức trách ủng hộ rất nhiệt tình. Người dân nơi đó còn ủng hộ đạo của họ bằng cách đóng thuế định kỳ. Ngoài ra, các tổ chức tôn giáo này còn phối hợp và nhận được nguồn ngân sách rất lớn từ Nhà nước để phục vụ các hoạt động từ thiện tại các quốc gia nghèo.

Những quốc gia ở Đông Nam Á như Thái Lan, Lào, Campuchia (*Cambodia*), Tích Lan (*Sri Lanka*), từ lâu đã lấy Phật giáo làm tôn giáo chính của quốc gia. Điều đó đã tạo nên một nền tảng đạo đức, tâm linh bền vững cho xã hội, cho quần chúng nhân dân.

Do đó, là người có vai trò, trách nhiệm quan trọng của một quốc gia, cần phải có năng lực, trí tuệ, quyết tâm, tinh thần cống hiến, nhằm định hướng phát triển đất nước, mang lợi ích đến cho quần chúng nhân dân. Chỉ lo cho lợi ích cá nhân, chèn ép, bóc lột, hạn chế các quyền cơ bản của quần chúng nhân dân là đi ngược lại tinh thần cống hiến, đi ngược lại lợi ích chung của quốc gia, dân tộc, tạo ra bất bình ổn xã hội, kìm hãm sự phát triển của đất nước.

Tiếp tục phản ánh tình hình xã hội, kinh viết: “*Có kẻ lại bắt con gái của người về làm nô lệ, tỳ thiếp, thân thuộc ly tán,*

tìm đường trốn tránh, tản lạc, mỗi người sống vất vưởng mỗi nơi, tai họa liên miên mà nhà vua không bao giờ biết đến”.

Đó là những bất ổn trong phạm vi gia đình, xã hội và quốc gia. Ở phương diện quốc gia, thông thường, khi một đất nước mất đi các giá trị văn hóa dân tộc thì đất nước đó sẽ dễ bị lung lay bởi các nạn ngoại xâm, hiểu theo nghĩa rộng, trong đó có ngoại xâm về văn hóa.

Toàn cầu hóa trong thế kỷ XX mang theo làn sóng của chủ nghĩa vật dục bằng chính sách nhồi sọ của các nước Âu, Mỹ. Làn sóng đó tạo nên một sự ngộ nhận đáng tiếc ở một bộ phận con người trong xã hội. Theo đó, người ta có khuynh hướng cho rằng, để phát triển đất nước, phát triển văn hóa, cần phải tiếp thu nền văn minh Âu, Mỹ.

Ở Việt Nam, làn sóng này ảnh hưởng tới toàn bộ đời sống người dân. Chỉ trong vòng vài chục năm qua ở Việt Nam, văn hóa truyền thống trong y phục của chúng ta bị mất đi rất nhiều. Hơn 60 năm trước, trên 80% người Việt Nam mặc áo dài, khăn đóng khi ra đường; áo bà ba khi ở nhà. Ngày nay, chúng ta đã Tây hóa văn hóa y phục của mình. Hơn 85% dân số mặc đồ theo kiểu Tây.

So sánh bối cảnh Việt Nam thời kỳ đó với Ấn Độ (*India*), Băng-la-đét (*Bangladesh*), Pa-kit-xtan (*Pakistan*), Bhutan, Nepal thì Việt Nam cần phải học hỏi rất nhiều. Các quốc gia đó vẫn giữ truyền thống văn hóa về y phục của họ suốt năm nghìn năm lịch sử, nhất là Ấn Độ.

Văn hóa y phục khoảng hơn 2.000 năm trước khi Đức Phật đản sanh, vẫn tiếp tục được duy trì trong thời đại của Đức Phật. Và 2.600 năm trôi qua, văn hóa đó vẫn được tiếp tục duy trì rất tốt. Mặc dù Anh quốc đã thôn tính, cai trị Ấn Độ trên 100 năm và nỗ lực xóa sổ nền văn hóa này nhưng

nền văn hóa đó vẫn vững như bàn thạch. Ngày nay, khắp các đồng ruộng Đông, Tây, Nam, Bắc của Ấn Độ, chị em phụ nữ vẫn mặc chiếc áo dài Sari để làm ruộng. Không có một biểu hiện gì cho thấy họ mặc cảm, mà ngược lại họ cảm thấy hãnh diện, tự hào khi được thể hiện văn hóa của dân tộc mình.

Hai mươi năm trở lại đây, văn hóa Nô-en (Noel) đã tấn công các nước châu Á, trong đó phần lớn là các nước đạo Phật. Đến ngày lễ Nô-en, quần chúng Công giáo xuống đường chẳng bao nhiêu, vì họ phải vào nhà thờ làm lễ. Trong khi đó, các thành phần còn lại, mà hầu hết là Phật tử trẻ, lại hưởng ứng đầy khắp các ngã đường và các khu vực vui chơi.

Ngày lễ tình nhân 14-2 hàng năm có gốc rễ từ văn hóa Âu Tây và gắn kết với Công giáo La Mã đã trở thành sự thu hút đối với giới trẻ, trong đó, phần lớn cũng là những người Phật tử trẻ.

Toàn cầu hóa nâng cao về mặt kinh tế và văn hóa, nhưng mặt khác làm băng hoại các giá trị văn hóa bản địa. Các thành phần lãnh đạo quốc gia nếu không lưu tâm về vấn đề này, thì chỉ năm chục năm sau, văn hóa gốc của Việt Nam sẽ còn những gì? Hiện tại, kiến trúc mỹ thuật của chúng ta bị mất khá nhiều. Nhà chúng ta nửa lai Tây, nửa lai “Tàu”, khó thể hiện sắc thái riêng của Việt Nam.

Sang Thái Lan, Lào, Cambodia, Miến Điện, Tích Lan, văn hóa dân tộc và văn hóa Phật giáo hòa quyện với nhau không thể tách rời như nước và sữa.

Ở phương diện gia đình, xã hội, bất ổn cũng đang diễn ra. Truyền thông Việt Nam cho thấy, xã hội đang đứng trước một thách thức lớn về phương diện văn hóa, đạo đức. Các bất ổn về phương diện văn hóa, đạo đức đã và đang diễn ra sẽ làm cho đất nước, dù có phát triển về kinh tế, cũng khó có

thể thiết lập được các giá trị văn hóa, đạo đức giúp con người thật sự đạt được hạnh phúc.

Xu thế hòa nhập với thế giới mang về cho quốc gia cơ hội phát triển, nhưng đồng thời cũng tạo nên các lỗ hổng về nhiều phương diện, nhất là văn hóa. Do đó, làm vua, làm lãnh đạo quốc gia mà không quan tâm đến các vấn nạn vừa nêu là đang góp phần làm cho văn hóa dân tộc bị mất dần gốc rễ.

Vẫn tiếp tục phản ánh xã hội, kinh viết tiếp: “*Mưa gió không phải thời, trồng trọt mất mùa, nước loạn dân nghèo, sự đói khổ đầy đường. Nhân dân sầu khổ, lo sợ bệnh tật, chết chóc, kẻ thì than khóc, người thì kêu ca, ai cũng mong có bậc ra tay giúp đời*”.

Các thiên tai, nói theo Phật giáo, đều ảnh hưởng đến cộng nghiệp của con người trên đất nước đó. *Kinh Dược Sư* đặc biệt quan tâm về vấn đề này. Theo đó, kinh đề nghị rằng, khi đất nước gặp thiên tai, quần chúng nhân dân lâm vào cảnh khôn khó, những thành phần quan trọng trong xã hội cần phải tu tập đạo đức, phát triển lòng từ bi, mở kho giúp dân lành và hỗ trợ vốn cho người vượt qua các tai ách, đồng thời phải tu tập các giới pháp cao thượng để góp phần chuyển nghiệp quốc gia.

Nho giáo không xem trọng về vấn đề này mà chú trọng, đặt nặng vào các lễ tế đàn cầu trời, khấn thánh linh. Theo đạo Phật, điều đó chỉ giải tỏa các ức chế tâm lý chứ không giải quyết được gốc rễ vấn đề. Trong khi đó, nếu các quan chức nỗ lực tu tập đạo đức và phát triển trí tuệ, tự động các vấn nạn được nhận diện ở gốc rễ của nó, do vậy việc tìm kiếm các giải pháp khắc phục phù hợp là điều khá dễ dàng.

Một quốc gia mà người dân ai oán nhiều thì quốc gia đó đang có vấn đề. Nếu không giải quyết triệt để thì vấn đề đó có thể sẽ lớn hơn, ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của

đất nước. Thường thì dân ca thán vì dân gặp phải những vấn đề khó khăn và có thể khó khăn đó đến từ chính sách chưa phù hợp. Do đó, người làm lãnh đạo phải quán xét dân tình, xem dân có những khó khăn gì để kịp thời điều chỉnh, giải quyết, mang lợi ích đến cho quần chúng nhân dân.

Tuy nhiên, trong chừng mực nào đó, một quốc gia mà dân còn dám ca thán thì quốc gia đó còn có hy vọng phát triển. Nhưng khi dân đã không dám ca thán nữa, mặc dù rất khổ đau, bất mãn thì cần phải xem lại. Tự do ngôn luận là một trong các tiêu chí quan trọng của tính dân chủ. Đứng trước nhiên vấn nạn nghiêm trọng mà người dân không dám phát biểu, không dám có ý kiến đóng góp, xây dựng thì biết rằng đất nước đó đang gặp rắc rối, bất ổn rất nghiêm trọng.

Trong tình huống đó, những nhà cầm cân nảy mực quốc gia, các thành phần lãnh đạo tôn giáo, các nhà hiền triết cần phải quan tâm đóng góp ý kiến, góp phần giúp cho đất nước ngày càng đi lên.

II. NHÌN NHẬN SỰ THẬT

Trong hoàn cảnh thời đại của Ngài Hiền Nhân, đất nước nhiều nhương, các thành phần trong xã hội bất ổn, nhưng rất may, nhà vua là người cai trị nước đã biết lắng nghe. Kinh mô tả như sau: *“Lúc ấy, có một bậc hiền triết tên là Đạo Nhân, là cháu trai của Hiền Nhân, thấy nước bị loạn lạc, xóm làng hư hoại, nhân dân cùng khổ, bèn vào cung tâu với nhà vua rằng: ‘Tâu bệ hạ! Các quan đại thần làm việc bất chánh, tham ô, lừa dối, bắt giết người vô tội, tàn hại nhân dân, thật vô nhân đạo. Muôn dân oán than, quỷ thần giận dữ nên gieo nhiều tai họa. Nếu bệ hạ không sớm trừ bọn loạn thần gian ác ấy thì nước chúng ta sẽ không còn một lương dân nào sống sót’”*.

Có được những người hiền thần dám nói sự thật bất chấp tánh mạng của mình là một điều phước báu cho đất nước. Trong chế độ quân chủ, vua được xem là thiên tử, nắm cán cân luật pháp và quyền lực. Mệnh lệnh của vua là mệnh lệnh của trời. Vua nói ra lời gì, mọi người đều tuân phục. Các quan chức khác trong triều đình phần lớn nói theo vua và thậm chí nịnh hót để được nhiều bổng lộc, bất chấp đến các quyền lợi của dân bị chà đạp, xã hội bất ổn. Ở đây, là người có tấm lòng, cho nên Đạo Nhân dám tâu với vua những điều mắt thấy tai nghe, với mong mỗi nhà vua suy nghĩ lại, để từ đó tìm ra manh mối hay những nguyên nhân dẫn đến bất ổn xã hội, nhằm tìm cách khắc phục nó một cách kịp thời.

Thực tế cho thấy, tố cáo, tâu rồi với vua, với những nhà lãnh đạo tối cao của một quốc gia về sự yếu kém của các quan chức lớn dưới quyền là một thách thức lớn. Bởi vì, lực lượng này có thể lực mạnh, có liên kết vững, có lực lượng hậu thuẫn đông, do đó họ có thể trừ dập những người tố cáo bằng bất kỳ thủ đoạn nào.

Vào buổi sáng ngày 7-8-2012 vừa qua, luật sư Trần Hồng Lĩnh bị tạt axít ngay trước cửa văn phòng, vì trước đó ông đã phanh phui những vụ tiêu cực tại thành phố Hải Phòng nơi ông đang sống và làm việc. Kết quả thương tật rất nặng, gần như hư hết cả con mắt và khuôn mặt. Luật sư này yêu cầu chính quyền địa phương cần phải điều tra một cách nghiêm túc để tìm ra thủ phạm và những kẻ đứng sau hành động tàn nhẫn và bất nhân này, đem lại ánh sáng công lý cho ông. Đó là một ví dụ điển hình.

Dám phơi bày trước ánh sáng các hoạt động ngầm của thế giới ngầm, của các thành phần “đầu gấu” trong thế giới xã hội đen, người tố cáo phải chấp nhận các rủi ro, thậm chí có thể mang họa vào thân. Nhưng sau đó, mọi việc có thể

sẽ được giải quyết một cách bình ổn, và mọi người sẽ được hưởng lợi ích từ sự bình ổn đó.

Trong bất kỳ thời nào, dù anh tài như lá mùa thu, tuần kiệt như sao buổi sớm, nhưng chắc chắn là có. Họ không màng đến các tổn hại bản thân, sẵn sàng làm những việc khó làm nhằm mang lợi ích chung cho cộng đồng, xã hội. Đó là những tấm gương xứng đáng được tán dương.

Mặc dù quỷ ma không thể phá hoại được con người và các thần linh vốn không có thật, nhưng Đạo Nhân vẫn sử dụng các dữ liệu có tính cách tôn giáo, tín ngưỡng này để lý giải về các tình trạng bất ổn, thiên tai bao gồm động đất, sóng thần, lũ lụt, hạn hán, mất mùa, dịch bệnh dẫn đến sự chết chóc, đói khát và khủng hoảng xã hội. Đây là nghệ thuật đánh vào tâm lý của đối tượng trên nền tảng hiểu biết sâu sắc tâm lý của họ.

Ngày xưa, việc sử dụng các phương pháp huyền bí, ma thuật, tôn giáo để lý giải các hiện tượng diễn ra trong thế giới là rất phổ biến. Phương pháp này thường tạo nên hiệu quả rất bất ngờ, vì nó đánh đúng vào tâm lý của cộng đồng. Ở đây, vua nghe Đạo Nhân lý giải như thế thì rất lo sợ. Vua tin rằng, nếu không cải cách giúp dân bớt khổ, thì thần linh, quỷ thần sẽ quở phạt ông. Vì lo sợ nên vua phải cố gắng làm những điều cần làm để khắc phục hậu quả vừa nêu.

Kẻ nịnh thần thường rất khéo, thiếu trung thực. Cái tốt thì họ cường điệu hóa từ một lên một trăm, cái xấu thì từ cả nghìn giảm xuống gần như không có gì. Do đó làm vua, làm nhà lãnh đạo mà chỉ biết ngồi trong triều chính, văn phòng nghe báo cáo thì không bao giờ có được thông tin đúng sự thật.

Vào tháng 6, tháng 7 năm 2012, thông tin 10 ngân hàng tại Việt Nam dính nợ xấu được tung ra làm cho Chính phủ lo ngại. Nợ xấu lúc đó được công bố khoảng 110 nghìn tỷ

đồng. Nhưng ngày 01-08-2012, tổng số nợ xấu là 210 nghìn tỷ đồng, một con số cực kỳ lớn, gấp đôi con số tung ra trước đó. Như vậy, nếu chỉ ngồi tại văn phòng lắng nghe các báo cáo, thì làm sao có thể nắm bắt thông tin chuẩn xác được.

Trong quá khứ, vụ Vinashin và Vinalines từng khiến cho thanh tra Chính phủ bị tai tiếng, vì họ bị qua mặt bởi những báo cáo thiếu kiểm soát, thiếu kiểm chứng của những người liên quan. Trong khi đó, trên thực tế, số nợ khổng lồ của Vinashin và Vinalines vượt mức gấp nhiều lần so với các bản báo cáo đưa ra trước đó.

Báo cáo, râu rối thiếu trung thực, sai sự thực nhằm bao che tội lỗi là hiện tượng diễn ra ở mặt khắp mọi nơi trên thế giới, không chỉ trong quá khứ mà còn có mặt trong hiện tại. Do đó, để nắm rõ tình hình về những bất ổn, cần phải có những bộ phận giám sát, tiến hành thanh tra trực tiếp chứ không thể chỉ dựa vào giấy trắng mực đen.

Trước sự cảnh báo đó, nhà vua bộc bạch rằng: *“Trẫm đã dung túng bốn tên loạn thần phá hoại nước nhà chẳng khác gì thả chó sói vào trong bầy cừu non, thật là tội nghiệp. Dân chúng khốn ách, đất nước lâm nguy. Trẫm đã buông cương mặc cho con ngựa điên lôi kéo xe trị quốc lọt xuống hố sâu. Thật là tai hại. Nay Ngài đến đây, giúp trẫm thức tỉnh. Ngài có cách gì dạy trẫm trị an xã tắc được không?”*

Có lẽ đây là một trong những vị vua rất hiếm, đáng gọi là đáng minh quân. Nghe những lời phê phán, ta oán và chỉ trích về những bất ổn xã hội phần lớn những người đứng đầu quốc gia, những nhà lãnh đạo khó có thể hài lòng, thậm chí còn sanh tâm giận dữ. Đằng này, ở đây, nhà vua sợ hãi vì những tình trạng xấu đã diễn ra mà mình lại không hề biết đến. Và rất nhanh chóng, nhà vua nhận diện đúng bản chất

của vấn đề. Bất ổn là do các quan trong triều đình không yêu nước, không thương dân, sàm tấu, báo cáo sai, làm bậy, vi phạm luật pháp. Nhận diện được nguyên nhân là giải quyết được 50% vấn đề, 50% vấn đề còn lại là giải pháp và cách thức thực hiện.

Nhà vua đã dùng các ẩn dụ rất ấn tượng: Như một con chó sói được thả vào trong bầy cừu. Con cừu là loại hiền, khờ, ngu, không có tính toán và tổ chức như chó sói, và chó sói có thể tấn công, giết hại đàn cừu một cách dễ dàng. Một con chó sói có thể giết vài trăm con cừu, cứ mỗi một ngày nó có thể giết được vài con. Do đó, năm dài, tháng rộng sẽ có biết bao nhiêu lương dân vô tội sống khôn đốn, khổ đau bởi các quan chức thiếu lương tâm, thiếu trách nhiệm với tổ quốc.

Một hình ảnh ẩn dụ khác: Trẫm đã lỡ trao cho con ngựa điên chiếc xe trị quốc, tức là giao cho con ngựa một cỗ xe kéo. Cỗ xe quản trị quốc gia mà để cho con ngựa điên kéo thì thế nào những người ngồi trên xe đó sẽ rớt xuống hố sâu mà chết.

Nhà vua đã thấy rất rõ các hậu quả do mình tin dùng những người bất lương, bất chánh, bất nhân và bất nghĩa. Nhà vua cũng gián tiếp thừa nhận trách nhiệm đạo đức của mình về vấn đề vừa nêu, cho nên đã nỗ lực cầu các hiền tài góp ý và ra sức giúp đỡ.

Đạo Nhân thưa: “*Bệ hạ phải trù tính phương kế để phục hưng lại giang sơn, giúp đỡ người dân sống trong hạnh phúc. Bệ hạ cùng thân du hành một phen để tận mắt thấy điều khổ sở, nghe điều bất công. Khi đó bệ hạ sẽ hiểu rõ sự thật về dân tình*”.

Dám đệ đơn tấu trình lên nhà vua đã là cả gan, tấu trình sự thật là cả gan thứ hai và mời nhà vua giả dạng thường dân

vi hành thị sát trong dân gian là cả gan thứ ba. Cả ba sự cả gan đó là rất đáng nể.

Nếu không vi hành, thì nội dung của những lời tấu trình mà vua nghe được có thể chỉ là những điều sàm tấu của một quan chức nào đó có uy tín dính tham nhũng, tha hóa, biến chất. Cho nên tốt nhất là phải vi hành để mắt thấy tai nghe sự thật về dân tình.

Điều quan trọng hơn nữa là làm vua thì đừng đánh mất hy vọng có thể phục hưng, phát triển đất nước, làm cho đất nước trở nên hùng mạnh và mọi thành phần trong xã hội được cơm no áo ấm.

Nhờ niềm tin và lý tưởng này, những người cầm cân nảy mực có thể tự ái dân tộc, phấn đấu làm sao cho đất nước mình ngày càng tốt đẹp, sánh vai với các cường quốc ít nhất là trong khu vực và rộng hơn trên toàn cầu.

III. THỊ SÁT ĐỂ HIỂU RÕ DÂN TÌNH

Trong *kinh Hiền Nhân* có bốn tình huống thị sát được diễn ra, nhà vua đã giả dạng thường dân cùng đi với Đạo Nhân để tận mình mắt thấy tai nghe.

1. Phụ nữ rách rưới

Nhà vua cùng Đạo Nhân cải trang để dò xét tình hình trong nước. Vừa ra khỏi thành, họ thấy một toán phụ nữ xiêm y rách rưới vừa đi vừa khóc. Đạo Nhân thấy thế liền hỏi: “*Vì sao các chị khổ sở rách rưới như thế? Sao không lo làm ăn hoặc đi lấy chồng, để thoát cơ cực?*”. Một người trong số phụ nữ đã trả lời: “*Sở dĩ chúng tôi ra nông nỗi này là vì nhà vua chẳng lo quốc sự, bỏ mặc người dân sống trong đau khổ. Phải chỉ nhà vua rách rưới, nghèo đói như chúng tôi thì mới bỏ ghét*”. Đạo Nhân nói: “*Các vị nói như thế là không phải*

lẽ. Nhà vua là bậc cao sang, chỉ lo các việc to tát đâu có thời giờ lo cho các chị được, các chị phải đi làm để tự kiếm sống”. Một người trong số họ không hài lòng nói: “Không phải thế đâu, vì vua trị nước bất minh, nên dân đói rách, chịu cảnh khổn cùng. Ngày thì khổn đồn với bọn tham quan, đêm thì khổn đồn với giặc trộm cướp, áo không đủ mặc, cơm chẳng đủ ăn, vì thế ai còn thềm cười gả chúng tôi”.

Ba người phụ nữ đại diện trong câu chuyện vi hành, mỗi người đã phản ánh một nỗi khổ niềm đau khác nhau. Người đầu thì mô tả thực tại khổ đau, nhà cửa khổn đồn, áo quần rách rưới, sống độc thân vì quá nghèo. Người thứ hai xác nhận rằng việc đổ lỗi cho nhà vua là rất hữu lý. Người thứ ba thì giải thích rõ hơn, thuyết phục hơn, nguyên nhân chính là do vì luật quốc gia không minh bạch, không rõ ràng, cho nên không bảo vệ được quyền lợi chính đáng của những người lương dân.

Tất cả điều đó đã dẫn đến hai tình trạng hỗn loạn trong xã hội, ban ngày thì bị các loại quan chức vơ vét sạch sành sanh bằng nạn tham nhũng, hối lộ, cửa quyền, quan liêu, hách dịch, trù dập, gây khó dễ để buộc ai muốn công ăn, việc làm được ổn định thì phải đút lót tay dưới hoặc đi cửa sau. Còn đêm thì bị giặc cướp, bị những thành phần bất hảo trong xã hội, vì cái nghèo và vì luật pháp bất minh, sẵn sàng làm các việc chà đạp nhân phẩm và hạnh phúc của con người. Do đó, là những người cảm cân nẩy mực phải thấy rõ trách nhiệm đạo đức, trách nhiệm luật pháp và trách nhiệm cá nhân, không thể nào nói là mình không trực tiếp làm ra những việc đó.

Ngày 11-03-2011, Nhật Bản bị sóng thần và động đất kéo theo cái chết và mất tích của trên 40 ngàn người vô tội. Cố vấn quốc gia của chương trình hạt nhân Nhật Bản đã từ chức sau đó, mặc dù lỗi hoàn toàn không thuộc về ông nhưng

vì trọng trách đạo đức, vì lương tâm ông đã tình nguyện từ chức để cho nỗi khổ, niềm đau của những nạn nhân và gia đình của họ bị ảnh hưởng trực tiếp từ hạt nhân bớt đi nỗi khổ, giảm đi niềm đau.

Từ năm 2010 cho đến năm 2012, báo chí trong nước bắt đầu đề cập đến văn hóa từ chức và xem việc từ chức là một nét văn hóa, một cử chỉ đẹp. Khi thấy mình không đủ tài, không đủ đức, không đủ khả năng, gieo cho xã hội quá nhiều bất ổn, gây tổn thất quá nhiều ngân sách của Chính phủ thì những người có trách nhiệm trực tiếp nên suy nghĩ đến việc từ chức và mạnh dạn làm công việc đó.

Nền văn hóa từ chức có mặt khắp các quốc gia tiên bộ, nhưng ở các quốc gia nghèo thì chưa có tiền lệ này. Phản ánh về tính trách nhiệm như vừa nêu là điều rất cần thiết. Như vậy, việc đổ lỗi cho Chính phủ của các đối tượng trong câu chuyện vi hành của nhà vua trên không phải là điều quá đáng.

Ở đây, nhà vua chỉ đóng vai là người cùng đồng hành với Đạo Nhân, tự mình mắt thấy tai nghe chứ không phán đoán, nhận định, đánh giá để giữ được tính khách quan. Và Đạo Nhân là người đóng vai trò thấu hiểu, cảm thông cho nhà vua vì nhà vua chỉ là nạn nhân, còn các quan thiếu liêm chính, thiếu yêu nước, thiếu tinh thần phụng sự mới chính là các tác nhân dẫn đến nhiều bất ổn trong triều đình và ngoài xã hội. Nhưng người dân vẫn không chấp nhận cách lý giải đó. Theo họ, người đứng đầu quốc gia phải chịu trách nhiệm với những gì xảy ra trong đất nước của mình.

Đầu tháng 8 năm 2012, tại một rạp hát ở Mỹ, một người đàn ông đã cầm súng bắn vào cộng đồng dẫn đến cái chết của hơn mười người Ấn Độ theo đạo Xích. Lập tức vài tiếng sau đó, Thủ tướng Ấn Độ, ông Manmohan Singh đã lên tiếng

trên các đài truyền hình quốc gia truyền ra thế giới, yêu cầu Tổng thống Mỹ Barack Obama cần phải chỉ đạo nghiêm túc điều tra vụ việc. Đó là tinh thần lo cho dân của các nhà lãnh đạo Ấn Độ. Dù chỉ có vài chục người đang sống ở hải ngoại, nhưng họ là công dân của quốc gia mà mình lãnh đạo, do đó người lãnh đạo có trách nhiệm phải quan tâm đến các quyền lợi của công dân mình.

Các quốc gia phương Tây, khi biết châu Á có bệnh dịch cúm A/H1N1 đã khuyến cáo công dân mình không được đến các quốc gia đó. Không chỉ công bố, họ còn hỗ trợ để cho người dân về nước gấp, tránh hậu quả tiêu cực xảy ra, ảnh hưởng đến hạnh phúc và quyền lợi của người dân. Và nhà vua trong kinh Hiền Nhân ít nhiều cũng thể hiện được tính trách nhiệm, cho nên đã vi hành để chứng kiến trực tiếp các bất ổn trong đất nước mình.

2. Bà lão mù lòa

Đi một chặng nữa, nhà vua gặp một bà già áo quần rách rưới, hình hài gầy yếu, mắt mù lạng quạng, vừa đi vừa khóc. Đạo Nhân liền hỏi: “*Bà cụ lo lắng gì mà khóc lóc khổ đau vậy?*”.

Bà lão gằn giọng, ngẩng cổ lên đáp: “*Vì nhà vua cả. Phải chi nhà vua mù như lão này thì mới đáng kiếp, lão sung sướng lắm vậy*”.

Đạo Nhân hỏi: “*Bà nói như thế là làm rồi, hễ già là mắt mờ, nhà vua có lỗi chi đâu mà bà chỉ trích!*”.

Bà lão phân trần: “*Đêm thì bị cướp, không chút an tâm, ngày lại bị bọn quan ức hiếp, bóc lột, chịu cảnh nghèo đói, nên lão đây mới phải hái rau, lượm củi đổi gạo để nuôi sống mình, đập phải độc trùng, vương phải độc khí nên mới bị mù què như thế này. Như vậy không phải là lỗi của nhà vua thì là lỗi của ai?*”.

Chính phủ lãnh đạo một quốc gia mà không thể làm cho người dân có thể sống bằng đồng lương của mình là có lỗi với dân. Những đất nước tiên tiến trên thế giới, một người làm có thể tự nuôi sống mình, và trung bình hai mươi năm sau họ có thể có nhà cửa, xe hơi, tiện nghi vật chất nếu không bị thất nghiệp. Nếu cả vợ lẫn chồng cùng làm, khả năng lập nghiệp có thể rút lại còn 40% thời gian.

Lấy Hoa Kỳ làm một ví dụ, lương trung bình của công dân tại đây khoảng hai ngàn đô la mỗi tháng và những căn nhà ở vùng không phải là khu vực đặc địa hay quan trọng của thành phố lớn thì độ chùng bảy chục ngàn đô la một căn, với diện tích từ ba trăm đến năm trăm mét vuông, có sân trước, có vườn sau, một sàn trệt và một tầng lầu, trong nhà có bốn hoặc năm phòng, có máy điều hòa và tiện nghi đầy đủ. So với giá nhà ở Việt Nam là rẻ mạt.

Ở Việt Nam, một căn nhà nhỏ 4m x 12m bên cạnh chùa Giác Ngộ, bán trung bình là 700 lượng vàng 999,9. Nếu lấy số tiền đó sang Hoa Kỳ trong giai đoạn khủng hoảng tài chính toàn cầu này, ta có thể mua được hơn bốn căn nhà năm trăm mét vuông sang trọng.

Hiện tại, trong các ngành nghề thuộc công chức lương bậc cơ bản ở Việt Nam khoảng 1,5 triệu đồng. Phải trải qua thâm niên mười năm thì lương mới có thể lên đến hơn hai triệu đến ba triệu đồng. Có tinh thần yêu nước lắm người ta mới có thể làm ăn lương theo kiểu nhà nước.

Nhiều người làm cho tư nhân hay nước ngoài có thể kiếm được một ngàn đô la, hai ngàn đô la và thậm chí nhiều hơn thế, nếu họ có bằng cấp ở nước ngoài, hoặc cử nhân kinh tế trong nước thuộc loại khá giỏi, có kinh nghiệm và năng lực thực thụ. Nhưng các dịch vụ tư nhân thường bóc lột túi tiền

của người dân, buộc họ phải trả tiền dịch vụ cao cho những thứ mà lẽ ra họ không cần phải trả.

Chúng tôi thường nói đùa, nếu lấy lương theo cấp bậc của Việt Nam, thì phải đầu thai lên trung bình 50 kiếp và mỗi kiếp là 70 năm, nhịn ăn nhịn uống, mới có thể mua được một căn nhà ở thành phố. Đó là điều rất phi lý.

Tiền dịch vụ và mọi thứ trong xã hội người Việt Nam phải trả cao gấp ba cho đến bốn lần so với công dân Hoa Kỳ, trong khi lương của họ cao hơn lương của người Việt Nam từ hai chục cho đến bốn chục lần.

Hầu như phần lớn không ai có thể sống nổi bằng đồng lương thật của mình, mà phải kiếm thêm bằng nghề tay trái, làm thêm ca hai, ca ba... Đó là một trong các nguyên nhân dẫn đến các tình trạng tham nhũng, hối lộ, móc ngoặc trong xã hội.

Như vậy, những bất ổn do quan chức tạo ra một phần liên hệ đến luật pháp, phần khác liên hệ đến đồng lương. Muốn giải quyết dứt điểm bất ổn xã hội cần phải giải quyết tốt đồng thời hai vấn đề trên. Thiếu một trong hai, bất ổn xã hội không thể nào hết được.

3. Bà lão bị bò đá

Vua và Đạo Nhân đi đến một quãng đường, thấy một người đàn bà rách rưới đang vắt sữa bò. Con bò đá bà, bà ngã xuống đất rồi lồm cồm ngồi dậy, mắng rằng: *“Phải chi mày đá Hoàng hậu, vợ của vua một đá như vậy cho bỏ ghét, mày đá tao làm gì!”*.

Đạo Nhân hỏi: *“Tự con bò dữ đá bà chứ Hoàng hậu có tội lỗi gì mà bà rủa!”*.

Bà lão trách móc: *“Nhà vua bất chính, vợ vua xúc phạm thì nước nhà mới rối loạn. Không lo ngăn cấm trộm cướp,*

không giữ an ninh, nên có sự tình người bị bò đá, đau điếng cả người. Tất cả đều tại nhà vua!”.

Đạo Nhân bảo: *“Tại bà không biết cách vắt sữa nên mới bị bò đá, đó là chuyện thường tình”.*

Bà lão đáp: *“Không phải thế đâu, nếu nhà vua ở chính, khéo dụng người tài thì Ngài Hiền Nhân ở lại trị nước thì nước nhà thái bình, không bị loạn lạc”.*

Ở đây, ta thấy rằng sống dựa vào sản lượng sữa của bò là lối sống quen thuộc trong văn hóa Ấn Độ. Người nông dân Ấn, cho tới thời điểm này, vẫn nuôi vài con bò trong nhà. Sáng sớm, họ vắt sữa bò, uống sữa nguyên chất; còn phân bò thì họ làm thành các bánh phân và áp vào vách đất của ngôi nhà. Vài ngày sau, khi các bánh phân bò này khô, họ lấy nó để nấu nướng thực phẩm ăn uống hằng ngày.

Cũng cần nói thêm, những người Ấn Độ ở miền Bắc không ăn cơm như người Việt Nam. Họ ăn bánh bột. Bánh được nhào nặn bằng tay và nướng trong lò than. Và tất nhiên, họ không có nhiên liệu than đá và các loại nhiên liệu khác như các thành thị giàu có. Họ phải nướng bánh bằng phân bò. Họ làm bánh phân bò bằng tay, làm bánh bột để ăn cũng bằng tay. Cuộc sống của họ quanh quẩn chừng ấy việc. Đến nhà ta cũng nghe mùi thum thum của phân bò. Mấy nghìn năm trôi qua văn hóa đó vẫn tiếp diễn như thế.

Trên 60% người Ấn Độ, chiếm khoảng sáu trăm triệu dân khốn khó, màn trời chiếu đất, nghèo rớt mồng tơi. Thậm chí, nhiều người trong số họ gần như không còn tin vào nhân phẩm của mình. Các đoàn từ thiện đến giúp đỡ họ, họ cũng không tin rằng lời hứa đó sẽ được thực hiện. Trong các đợt từ thiện, mặc dù đoàn từ thiện nào cũng chuẩn bị các phần quà đủ với số lượng người được mời, nhưng khi phát trung bình

được khoảng mười lăm người thì tất cả những người còn lại nhốn nháo giành giật nhau, chà đạp nhau.

Cảnh phản cảm đó làm các phái đoàn từ thiện rất ái ngại, khiến người ta phải rời khỏi hiện trường ngay lập tức. Bởi vì, việc giành giật, chen lấn, giẫm đạp đó có thể đưa tới hậu quả chết người, điều mà chẳng ai muốn nó diễn ra. Nghèo quá khiến cho con người gần như mất đi nhân phẩm của mình. Thêm vào đó, xã hội Ấn Độ tin vào thượng đế và bốn giai cấp do thượng đế an bài, cho nên việc cải cách hay đả thông tư tưởng ở họ thực sự không phải là chuyện dễ dàng.

Bà lão này chỉ còn một con bò duy nhất, nhưng nó hung hăng, còn các con bò khỏe mạnh, hiền từ thì bỏ đi hết. Và vì bà bị mù, cho nên bà không biết cách nào để bắt nó về. Hàng ngày bà phải sống nhờ vào lượng sữa cung cấp từ con bò hung hăng này. Tuy nhiên, vì nó hung hăng, nên mỗi khi lấy sữa, bà thường bị nó đá. Những lúc như thế, bà đổ hết lỗi đó cho nhà vua và hoàng hậu. Vì theo bà, vua và hoàng hậu không biết lo cho dân nên dân mới lâm vào cảnh khổ như bà.

4. Chim mổ ếch

Đi một quãng đến một khoảng đồng ruộng, nhà vua thấy con chim đang mổ một con ếch, con ếch lún vào bùn và mắng rằng: *“Phải chi mày mổ vua một cái như thế thì tao mới thích, mày đừng mổ tao”*.

Đạo Nhân bảo con ếch: *“Ngươi bị con chim mổ chứ đâu phải lỗi của nhà vua, ngươi phải tự vệ, vua không thể bảo vệ ngươi được”*.

Con ếch đáp: *“Tôi không mong nhà vua giữ hộ cho tôi. Vì nhà vua không lo việc trị nước, chính trị bỏ bê, pháp luật không minh, phé bỏ việc cúng tế, phé bỏ việc dẫn thủy trị*

điền nên trời hạn, nước khô mà thân tôi mới phơi bày ra, nên chim mới có cơ hội để mổ”.

Đây là câu chuyện nửa ngụ ngôn và nửa tự sự. Dĩ nhiên ếch không thể nói được tiếng người và người cũng không thể hiểu được tiếng kêu của ếch. Nhưng qua đó, ta có thể hiểu được nội dung mà câu chuyện muốn phản ánh. Theo đó, đồng ruộng khô hạn là do không có người dẫn thủy trị điền. Vì khô hạn nên các loại thủy tộc phải chết tro xương trên đất khô. Đó là lỗi của nhà vua và các quan địa phương, vì họ không màng đến đời sống nông dân nghèo khó.

Nội dung quy kết là do vì không biết chấp chính nên nhân dân mới khổ sở, thiên hạ mới kêu ca. Câu nói ngụ ngôn của con ếch rất sâu sắc: Bỏ một kẻ ác thì lợi cho một gia đình, bỏ một gia đình ác thì lợi một ngôi làng, bỏ một ngôi làng ác thì lợi một cộng đồng, bỏ một cộng đồng ác thì lợi cả quốc gia. Nó đặt ra những tình huống mà nhà vua phải lựa chọn. Hoặc là giữ cái này và buộc phải bỏ cái khác, không thể cùng lúc giữ gìn cả hai. Giữ cái nghiêm túc, chân chính, thành phần đạo đức, luật pháp, có tính thần vô ngã, tâm vị tha, sự tử tế thì phải loại trừ thành phần đối lập đại diện cho cái xấu, tiêu cực và bất ổn. Dĩ nhiên, không có một sự lựa chọn nào dễ dàng. Những kẻ xấu luôn luôn biết cách lấy lòng nhà vua. Do đó, việc chặt đứt các mối quan hệ với họ một cách dứt khoát là một thách thức đối với nhà vua, những nhà lãnh đạo.

Vụ chính trị tai tiếng lớn nhất trong lịch sử Trung Quốc hiện đại liên quan tới nhân vật nổi tiếng Bạc Hy Lai là một ví dụ khá điển hình. Bạc Hy Lai nguyên là Bí thư Trùng Khánh - Trung Quốc, ông cũng là kiến trúc sư chính cho chương trình cải cách, biến Trùng Khánh từ nơi bình thường trở thành một trong những thành phố lớn nhất và thu hút đầu tư kinh

tế nhất nhì của toàn nước Trung Quốc. Trong thời gian làm Bí thư, ông đã thanh trừng rất nhiều các băng đảng tội phạm, góp phần bình ổn xã hội. Tuy nhiên, chính ông cũng lại là người nuôi dưỡng tội phạm. Vợ của ông là một luật sư, đồng thời cũng là một thương gia nổi tiếng. Bà nương vào chồng, cho nên mở được công ty lớn trong nước và nước ngoài. Các công ty nước ngoài muốn đầu tư phải thông qua văn phòng luật của vợ ông để được các chuẩn thuận về chính sách của chồng, nhờ đó gia đình này trở nên rất giàu có.

Vì bất đồng về làm ăn và các quyền lợi bị xung đột, một doanh nhân người Anh đã gửi email hăm dọa Bạc Qua Qua, con trai của hai vợ chồng Bạc Hy Lai với nội dung nếu không thanh toán số tiền một trăm mấy chục triệu bảng Anh thì mạng sống của Bạc Qua Qua khó có thể được bảo đảm.

Trong giai đoạn bị trầm cảm, mẹ của Bạc Qua Qua đã sắp xếp cuộc gặp gỡ với vị doanh nhân này tại một khách sạn và phục rượu, chuốc thuốc độc dẫn tới cái chết của ông ta. Vụ tai tiếng này đã làm cho Bạc Hy Lai bị mất chức Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc mà ông vừa được giao phó trước đó vài tháng.

Phần lớn, những người chấp chính có vai trò lớn nếu không giữ được lương tâm một cách bền bỉ và lâu dài thì chính họ sẽ là những người vi phạm luật pháp ở mức độ tinh vi nhất. Bốn quan chức cấp cao trong ngành Công an cũng bị tòa tuyên án do phạm tội đồng lõa vì phát hiện ra vụ việc nhưng lại bao che bởi cả nể lãnh đạo của mình là Bạc Hy Lai.

Các mối quan hệ giữa những người làm việc triều chính với nhau rất khó giúp cho họ có thể dứt khoát công và tội. Dễ dãi với chính mình trong những vấn đề vừa nêu là phạm tội liên lụy, về mặt nhân quả là cùng gieo cộng nghiệp, cho nên

để bị đền tội trước luật pháp. Và đó cũng là bài học cho giới chính trị ở Trung Quốc và nhiều nơi.

Sau khi vi hành và trực tiếp chứng kiến bốn tình huống trên, Đạo Nhân đã tâu với nhà vua: *“Xin nhà vua xét kỹ, trăm họ vô tội, than khổ, khóc lóc cảm động đến cả trời đất, đến nỗi con ếch phải thốt lời thán oán như đại vương đã thấy. Vậy đại vương hãy mạnh dạn đuổi kẻ ác, tái thiết quốc gia trên nền tảng thiện chính để muôn dân sống cảnh thái bình. Tâu đại vương! Bây giờ gieo giống, mưa thuận gió hòa thì mùa màng sẽ trúng, cuộc sống bình an”*.

Nhà vua hỏi: *“Vậy theo Ngài thì nên giao trọng trách này cho ai?”*.

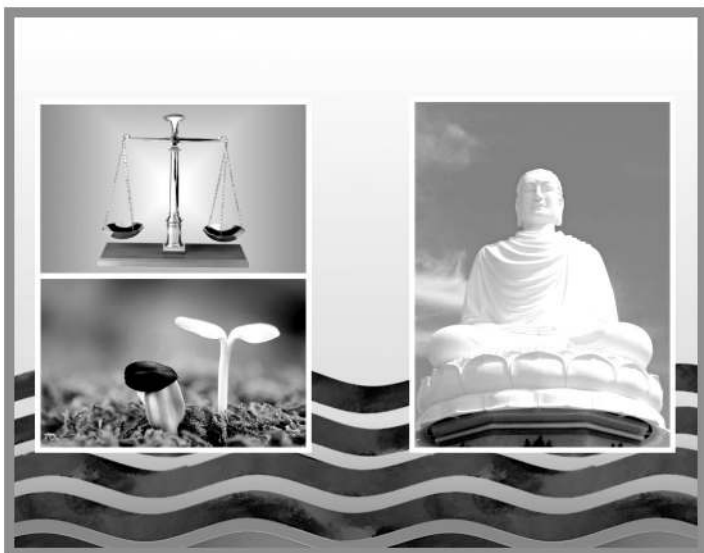
Đạo Nhân trả lời: *“Bệ hạ hãy mời Hiền Nhân trở về phò vua giúp nước. Ngài biết thời cơ, sự đóng góp của họ sẽ làm cho đất nước được bình an và phát triển”*.

Nghe nói như thế, nhà vua đã mặc trang phục đến nơi Hiền Nhân ở ỉn ể yết kiến, làm lễ, thành khẩn thỉnh mời Hiền Nhân và các bậc hiền tài về. Sau khi hỏi thăm, nhà vua ngồi một bên vòng tay tạ tội thưa với Ngài Hiền Nhân: *“Trẫm vì sơ sót, suy nghĩ nông cạn, lỡ trăm dân, nên họ oán trách. Nay trẫm một lòng chí thành cầu sám hối, xin Ngài tha thứ, trở về giúp nước”*.

Hiền Nhân đáp: *“Người nào có tội mà biết sám hối là hay lắm”*. Từ đó họ đã hợp tác và giúp đỡ nhau để phát triển đất nước hùng mạnh.

Đoạn kết này là điều rất đáng mừng, cuộc vi hành của nhà vua qua bốn sự kiện điển hình trên, đã mở ra một bước ngoặt mới cho sự phát triển quốc gia. Nhà vua thấy được trọng trách của mình về lập pháp, tư pháp, hành pháp và cần

phải nỗ lực thay đổi vai trò quan trọng cho những người liêm chính để họ góp phần tạo ra công bằng xã hội, phát triển đất nước và nghiêm trị những thành phần nào vi phạm luật pháp quốc gia, bất luận là thân nhân hay người thân.



CHƯƠNG XI

NHÂN QUẢ VÀ LUẬT PHÁP

Giảng tại Chùa Xá Lợi, ngày 19-08-2012

Phiên tả: Võ Tấn Lực

Chủ đề nhân quả và luật pháp cũng là nội dung phần cuối của *kinh Hiền Nhân*. Mỗi liên hệ giữa nhân quả và luật pháp là mỗi liên hệ tương đối. Nhân quả có liên hệ đến luật pháp nhưng rồi lại vượt lên trên luật pháp. Luật pháp có liên hệ đến nhân quả và góp phần hình thành một loại hình nhân quả.

Nhân quả của luật pháp có tính tương đối và lệ thuộc vào ý thức hệ chính trị trong các bối cảnh lịch sử cụ thể. Nhân quả là luật pháp đạo đức, rất công bằng vượt khỏi tất cả mọi giới hạn của luật pháp thông thường.

Phần cuối cùng trong *kinh Hiền Nhân*, Bồ-tát Hiền Nhân đã trình bày mối liên hệ giữa nhân quả và luật pháp. Thông qua đó, chứng minh được luật pháp cũng là một loại nhân quả. Do đó, cần phải nắm vững được nhân quả để điều hành đất nước một cách có hiệu quả, mang lại sự phát triển thịnh vượng, bền vững, cơm no, áo ấm và hạnh phúc cho tất cả mọi thành phần trong xã hội.

I. KHÔNG TIN NHÂN QUẢ LÀ TỰ MÊ HOẶC

1. Mọi thứ đều có nhân quả

Bồ-tát Hiền Nhân chia sẻ với các quan cận thần: “*Người tự mê hoặc, không phân biệt được chánh tà, sẽ gặp khổ ngay. Mọi việc trên đời, hạnh phúc hay khổ đau, đều do nhân quả chi phối, không thể trốn tránh được. Người làm ác, quả ác đeo bám; người làm thiện, quả tốt đền trả, trọn đời không mất*”.

Mỗi một hành vi là nhân, mỗi nhân do tác động các duyên đều kéo theo các kết quả. Tính thời gian nhanh và chậm thỉnh thoảng làm cho nhiều người ta ngộ nhận nhân quả không có thật. Nhưng trên thực tế, nhân quả là một tiến trình có thật diễn ra trong cuộc sống.

Để tháo mở niềm tin cho rằng nhân quả không có thật, ta cần phải hiểu lời Phật dạy. Có những loại nhân vô hiệu dẫn đến kết quả vô hiệu. Nhân vô hiệu được định nghĩa là một hành động mà tác động của nó quá nhỏ, quá yếu trong một môi trường có nhân đối lập và do vậy chúng đã loại trừ nhau, cái còn lại là cái không chế.

Về phương diện này, trong *kinh A-hàm*, Đức Phật nêu ra một ẩn dụ rất ấn tượng: Bỏ một hạt muối vào trong một ly nước có dung lượng khoảng 200 ml, ly nước đó sẽ có mùi và vị mặn. Nhưng cũng cùng một khối lượng muối như vừa nêu, nếu bỏ vào trong một ao hồ nước ngọt thì vị mặn của muối đó hầu như hoàn toàn không có tác dụng. Tình trạng một hạt muối bỏ vào trong một ao hồ nước ngọt không có tác dụng được gọi là nhân vô hiệu.

Có rất nhiều tình huống trong cuộc đời, sau khi ta gieo trồng hạt nhân tốt ta cứ ngồi nghiêm nhiên chờ đợi kết quả tốt đến với mình, nhưng không ngờ cái tác động đa chiều, đặc biệt là nghịch chiều của những nhân đối lập lớn hơn, vượt trội hơn đã dẫn đến tình trạng kết quả mà họ mong chờ không xảy ra.

Kết quả mà họ mong chờ không xảy ra ở đây không có nghĩa là không có kết quả. Có kết quả, nhưng kết quả đó không đủ sức tạo nên một sự chuyển biến rõ ràng để người ta có thể nhận biết được. Ở một số bài kinh khác, Đức Phật đã đưa ra ẩn dụ khác: Cũng là một tội phạm trong chế độ quân chủ thời xưa, nếu kẻ phạm tội giết người là người bình thường, kẻ ấy có thể phải đền mạng trước pháp luật, tức là bị xử tử hay bị giết chết. Nhưng nếu kẻ tội phạm là hoàng tử hay công chúa thì tội lỗi đó sẽ được bao che và người phạm tội trong tình huống này vẫn có thể sống nhàn nhõ ngoài vòng pháp luật.

Nhờ vào ảnh hưởng của vương triều, công lý đã không được thực thi đối với kẻ phạm tội là công chúa hay hoàng tử. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là kẻ phạm tội vượt thoát được tác động của nhân quả. Kết quả của nghiệp sát nhân trong tình huống này chỉ vô hiệu ít nhất là trong vài năm, hay thậm chí vài chục năm của kiếp người. Luật nhân quả theo Đức Phật khẳng định vẫn tiếp tục tác động làm cho người đó phải chịu những hậu quả xấu ở một tương lai xa hơn.

Khi thấy rõ được tác động của các nhân đối lập dẫn đến tình trạng vô hiệu hóa tác dụng của một nhân nào đó, ta sẽ tránh được thái độ cho rằng nhân quả không có thật. Và cũng từ quan điểm này, Đức Phật khẳng định không có định mệnh và số kiếp. Chỉ có các loại nhân yếu bị vô hiệu hóa trong diễn trình nhân quả. Do đó, các hành động xấu của ta nếu đã gieo trồng trong quá khứ đều có thể được chuyển hóa bằng nỗ lực gieo trồng các nhân đối lập ở mức độ tương đương hoặc lớn hơn nhiều lần.

Trong cuộc sống, có những cái chúng ta chưa chứng minh được, nhưng điều đó không có nghĩa là chúng không có thật. Phủ định là hành động dễ làm nhất nhưng cũng đồng thời là những hành động dễ vướng phải các sai lầm nhất. Vấn đề ở chỗ, khi mình không tự nhận biết các hành động xấu dẫn đến các quả xấu, thì ta thường có khuynh hướng che giấu các tội lỗi. Điều đó khiến cho tội lỗi ngày càng tăng và ta ngày càng lún lút sâu thêm trong con đường tội lỗi.

Để có thể nhơn nhơ ngoài vòng pháp luật, một số người đã liên minh với các thế lực xấu của xã hội nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ đối với hành vi của mình. Tuy nhiên, phần lớn là ở cuối đời người, các hành động xấu ở mức độ nguy hiểm đều bị phơi bày ra ánh sáng và kẻ thủ ác phải chịu các hậu quả xấu. Niềm tin về nhân quả đạo đức sẽ

giúp cho chúng ta sống tích cực hơn và có trách nhiệm hơn với cuộc sống.

2. Họa phúc như âm vang theo tiếng

Bồ-tát Hiền Nhân trích dẫn hai ẩn dụ để chứng minh về tính xác thực của nhân quả đối với những ai đã làm các hành động có chủ ý hay là không có chủ ý ảnh hưởng đến hạnh phúc hay khổ đau của người khác.

Ẩn dụ một: *“Họa phúc theo ta như hình với bóng, như tiếng vang theo âm thanh kẻ ngu chẳng biết được điều đó”*.

Vào trong một không gian yên tĩnh cất lên một âm thanh thật lớn, ta sẽ nghe văng vẳng tiếng âm thanh đó dội ngược lại. Khi không biết đó là tiếng vọng của âm thanh, ta nghĩ rằng có một người nào đó đang chọc tức mình. Thật ra, chẳng có ai chọc mình cả, đó chỉ là sự phản hồi của âm thanh trong một điều kiện không gian nhất định.

Bất cứ hành động nào khi được thể hiện đều tạo ra các lực tác động đối với các vật xung quanh, hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp. Lời nói, hành động, suy nghĩ của con người cũng tạo ra những tác động tương tác tương tự. Biểu hiện sự đồng tình, nhiều người đã thể hiện bằng một tràng vỗ tay, những cách gật đầu, những lời òa lên ngạc nhiên. Biểu hiện sự phản đối, bức tức, hoặc khó chịu thì người ta sẽ la hét, giơ tay, kích động... Các biểu hiện vừa nêu có khuynh hướng tạo ra các tương tác hoặc thuận, hoặc nghịch đối với một hành động của một người nào đó. Do đó, đừng đánh giá thấp những tác động của bất kỳ hành vi nào. Vì tất cả các hành vi đều có khả năng đưa đến sự tương tác và ảnh hưởng tới đời sống chúng ta và những người xung quanh.

Ẩn dụ hai: *“Cũng như bóng theo hình, họa và phúc không phải tự trên trời rơi xuống”*.

Nếu có một điều ta cho là may mắn xảy ra, tạm gọi theo ngôn ngữ dân gian, thì đó là kết quả của các duyên thuận với một nghiệp tốt đã được hội đủ. Ngược lại, nếu có một điều không vui hay bất hạnh xảy ra, thì đó là kết quả của hành động xấu hoặc kết quả đang bị tác động của các nghịch đối lập với những hành động tốt mà mình mới gieo chưa kịp trở quả.

Bồ-tát Hiền Nhân khẳng định: “*Việc làm ác tội ác sẽ theo đòi. Làm điều lành quả báo tốt sẽ đền trả trọn đời không mất*”.

Khẳng định vừa nêu mang tính chân lý và nó hỗ trợ rất nhiều cho đời sống đạo đức của con người. Ở đây, ta thấy rằng, chứng minh nhân quả theo khoa học không phải là khó, nhưng để tin nhân quả như một khoa học thì không phải là chuyện dễ.

Có nhiều người có hành vi bất thiện nhưng khéo léo tìm các mạng lưới có tính cách cộng nghiệp, bao che, nâng đỡ, hỗ trợ, cho nên họ vẫn hầu như không gặp phải các hậu quả xấu trong hiện đời. Điều đó làm cho họ có cảm giác rằng các hành động xấu không đưa tới kết quả xấu và các việc làm thiện không mang lại giá trị thiện.

Tháng 6 năm 2012 vừa qua, báo chí Việt Nam đưa tin về một vụ án vừa được xét xử. Theo đó, một sinh viên nữ người Thái Lan, do thiếu tiền đóng học phí đại học đã dính vào mạng lưới buôn bán ma túy xuyên quốc gia. Nhiệm vụ của cô là đưa các bánh hê-rô-in (heroin) từ bên ngoài vào Việt Nam. Ở những phi vụ đầu, cô bé đã làm thành công. Nhưng đến lần thứ tư thì bị phát hiện và khi bị tuyên án chung thân, cô bé đã òa lên khóc.

Chủ nghĩa Phát xít Đức cuối cùng đã bị tiêu diệt trong thế chiến thứ hai, chấm dứt những hành động đi ngược lại lợi ích chung của số đông. Mạng lưới khủng bố toàn cầu Al-Qaeda

do Osama Bin Laden thành lập và lãnh đạo cũng trở nên suy yếu đến độ không còn ảnh hưởng đến thế giới sau cái chết của người lãnh đạo vào ngày 01-05-2011.

Đó là một vài ví dụ điển hình cho sự trở quả xấu từ những hành động xấu. Cũng vậy, những hành động thiện, lành đưa đến kết quả tốt, nếu chúng ta biết tiếp tục nuôi dưỡng, hỗ trợ và tạo các duyên tích cực. Nhân xấu đưa tới kết quả xấu, nhân lành đưa tới kết quả lành, dĩ nhiên là phải có các duyên tương ứng hỗ trợ. Đó là những điều chúng ta cần phải lưu tâm để việc làm của chúng ta không đi lệch các chuẩn mực đạo đức, mang tới các giá trị tốt đẹp cho cuộc đời.

3. Không tin tái sinh thì dễ tạo điều ác

Bồ-tát Hiền Nhân khẳng định: *“Trong số các vị, có người cho rằng: Sau khi chết đi, thần thức chết theo, cuộc sống kết thúc không tái sinh trở lại nữa. Cũng có vị nói, làm ác không tai họa, làm lành không được phước. Thật ra, chết không phải là sự kết thúc vĩnh viễn đời sống con người. Sau khi chết, con người tái sinh theo dòng nghiệp thức”*.

Thật ra, mỗi thứ trong vũ trụ này là tương tác để tạo ra quá trình hình thành, biến hoại và diệt mất. Không có thượng đế là tác nhân, không có các thần linh đóng vai trò trung gian. Vũ trụ vận hành theo cách riêng của nó.

Ngày 17-08-2012 vừa qua, chúng tôi được Ban tổ chức Tuần văn hóa Phật giáo tại tỉnh Nghệ An thỉnh mời thuyết trình về đề tài: Sống theo lời Đức Phật dạy. Trong phần giao lưu, có một nhà giáo và một nhà báo chia sẻ: Tại Nghệ An, mấy chục năm trước có đến vài trăm ngôi chùa, sau thời kỳ xã hội chủ nghĩa, các chùa này đã không còn được hoạt động. Bây giờ, tại lòng thành phố Vinh chỉ có một, hai ngôi chùa đang được phục hồi và tôn giáo mạnh nhất ở tỉnh này là Công

giáo. Họ chủ trương rằng có một Thượng đế chi phối sắp xếp tất cả, nhưng nếu là con người thì công trình sắp xếp đó thế nào cũng có những trục trặc và bất toàn. Vậy quan điểm Phật giáo đánh giá chủ trương vừa nêu ra sao?

Chúng tôi chia sẻ thể này: Vì không có Thượng đế và các thần linh sắp xếp, cho nên vũ trụ mới diễn ra theo cách tự nhiên của nó và hoàn hảo đến độ chúng ta không thể hình dung được.

Sự tồn tại của con người trên quả đất này cũng là một sự kỳ diệu, hoàn hảo. Bộ não của con người có hàng tỷ tỷ nếp nhăn, mỗi một nếp nhăn có thể chứa đựng các dữ liệu tri thức của chúng ta liên quan tới hành động, lời nói, tư duy, việc làm, phong tục, tập quán, văn hóa, tôn giáo, triết học..., và nó vận hành một cách hết sức đặc biệt.

Việc vận hành của các cơ quan trong cơ thể con người trong quá trình trao đổi chất cũng vậy. Nó hoàn hảo đến độ chúng ta phải kinh ngạc. Trong sự vận hành đó, không có một người nào hay thế lực siêu nhiên nào có thể sắp xếp được. Mọi thứ diễn ra trong tiến trình nhân quả, không có Thượng đế hay bất cứ ai có thể sắp xếp tiến trình ấy. Dĩ nhiên, lời giải thích đó không dễ gì được mọi người chấp nhận, nhưng dù khó chấp nhận, tiến trình nhân quả vẫn diễn ra.

Thông thường, kẻ không tin vào nhân quả thường nghĩ rằng kết cục của con người đều giống nhau, tức chết là hết. Vì quan niệm chết là hết nên họ không cần phải làm lành lánh dữ, kết quả là gặt lấy khổ đau. Trong khi đó, người tin vào nhân quả lại có khuynh hướng nỗ lực làm những việc thiện lành, nên gặt được quả tốt đẹp. Thật ra, ngay cả khi chúng ta không tin vào nhân quả, nhưng chỉ cần có thái độ quán sát, chúng ta cũng có thể thấy rằng việc làm lành khiến

cho chúng ta trở nên có giá trị và hạnh phúc hơn. Trong khi việc làm ác khiến ta trở nên lo sợ, khổ đau hơn.

II. NHÂN QUẢ ĐẠO ĐỨC

1. Nghiệp không chết theo thân

Bồ-tát Hiền Nhân dạy: *“Tất cả những hiện tượng trong vũ trụ đều có nhân quả và do nghiệp lực tội phước ảnh hưởng. Làm lành, làm ác có quả báo như bóng theo hình. Người chết bỏ xác thân nhưng không bỏ được nghiệp nhân. Gieo giống, tuy hạt lúa thối mục dưới đất nhưng sau này sẽ sanh ra nhánh, lá và kết hạt trên ngọn. Thắp đèn tìm dần dần lụn nhưng lửa vẫn đỏ mãi. Hành vi tội phước cũng tương tự như thế, còn mãi với ta, như người thắp đèn viết chữ bên ánh đèn khuya, khi đèn tắt đi, chữ vẫn còn nguyên. Tâm thức con người, sau khi chết đi tái sinh theo nghiệp, có mặt trong thai đời này đời khác, không hề kết thúc”.*

Đó là một đoạn mô tả về sự tiếp nối tái sinh của tâm thức sau khi con người kết thúc sự sống. Theo đó, việc tái sinh diễn ra như việc thắp đèn viết chữ, vẽ tranh vào ban đêm. Khi hết giờ làm việc, tắt đèn đi ngủ, sáng mai thức dậy, đèn đã tắt, nhưng toàn bộ các chữ viết và tranh vẽ vẫn còn đó. Đời sống con người cũng vậy. Khi cái chết diễn ra, tâm thức trên cơ thể đó hoàn toàn không còn biết gì nữa, vì tâm thức lúc ấy bắt đầu cho sự chuyển sinh vào trong bào thai của người một người mẹ hay một giống cái. Cơ thể lúc ấy chỉ là khúc cây vô dụng không còn có cảm giác nóng, lạnh, đau, hạnh phúc... như khi còn sống nữa. Chính vì vậy, sự lo lắng, bất an, hay khổ đau khi cho rằng người thân của mình sẽ đọa lạc một nơi nào đó, như âm phủ chẳng hạn, là không cần thiết.

Ẩn dụ thứ hai khá ấn tượng. Giống như việc gieo lúa, khi hạt lúa được gieo xuống dưới bùn vài ba ngày trong điều kiện

ánh sáng và độ ẩm phù hợp và hạt giống không bị hư thối, sẽ tạo ra mầm lúa, cây lúa, trổ hoa lúa và cuối cùng giúp cho người gieo trồng gặt hái được các hạt lúa. Nghiệp tạo tác của con người khi gặp các duyên thuận lợi cũng diễn ra một cách tương tự. Tuy mạng sống đã kết thúc nhưng hành động mà con người thực hiện khi còn sống vẫn tiếp tục quá trình nhân quả của nó. Do vậy, người tu học Phật mạnh dạn phát tâm hiến xác cho khoa học là điều hoàn toàn hợp lý. Bởi vì, sau khi cái chết được diễn ra, cơ thể và các hi vật còn lại vẫn tiếp tục có cơ hội đóng góp cho các việc lành, ít nhất là đóng góp cho việc phục vụ nghiên cứu y khoa, góp phần mang lại sức khỏe và sự sống của con người. Hơn nữa, việc phát nguyện như thế là một biểu hiện sinh động của một thái độ không sợ hãi trước cái chết, không tiếc nuối cơ thể, và đó là cơ hội để ta có thể nhanh chóng tái sinh ở kiếp tương lai.

2. Đừng sống đạo đức giả

Bồ-tát Hiền Nhân dạy: *“Những người chủ trương tà quỷ, bề ngoài giả làm lành mà bên trong vẫn còn nhiều uẩn khúc, làm việc gian ác. Cũng như vàng giả, bề ngoài thì mạ vàng còn bên trong toàn là đồng hoặc bằng một kim loại khác. Bề ngoài tốt đẹp, tâm toàn là tà nguy, là điều nên tránh. Thiệt chẳng khác gì loài chó sói lẫn trong bầy dê, ngấm ngấm ăn thịt các con dê con mà người giữ dê hoàn toàn không hề hay biết”.*

Trong một bài kinh khác Đức Phật khẳng định, chỉ có con vi trùng trong con sư tử mới giết được con sư tử mà thôi. Những con thú khác bên ngoài không thể giết hay ăn thịt sư tử, vì sư tử là loại động vật mạnh mẽ, là chúa sơn lâm trong các loài thú.

Trong chính trị - quân sự cũng vậy, các nhà hoạt động gián điệp, tình báo cài người vào trong lòng địch để nắm

thông tin, biết rõ các mưu kế, chiến lược, chiến thuật..., cuối cùng cung cấp thông tin cho bên đối lập để bên đối lập dựa vào đó mà tấn công, đánh úp, thậm chí có thể tiêu diệt hoàn toàn. Đó là chiến thuật, chiến lược của chính trị - quân sự. Đó không phải là con đường mà người tu học theo đuổi. Người tu cần phải và luôn luôn hướng tới sự chân thật trong mọi hoạt động của mình. Không cần phải giả dạng người tốt. Giả dạng là thái độ đóng kịch trong một không gian, đặc biệt là có mặt của quần chúng để cho mọi người ngộ nhận và đánh giá tốt, tích cực về mình. Trong khi thực chất lối sống của mình đi ngược lại hoàn toàn với những biểu hiện đạo đức bên ngoài.

Giả trang thiên tướng mong cho mọi người cung kính, quý mến là một điều đáng trách. Người tu sĩ được Đức Phật khích lệ phải sống thật, làm thật và truyền bá sự thật. Điều gì làm được thì nói được, điều gì nói được phải làm được. Tất cả những yếu tố đó tạo nên niềm tin và lối sống tích cực ở những người cần xung quanh. Cho nên, thay vì cố tình lừa dối, tỏ ra là một người có phẩm chất tu học, chúng ta nên nỗ lực hoàn thiện đạo đức, để cho phẩm chất đạo đức đó tự bộc lộ ra bên ngoài thông qua các hành vi chuẩn mực của mình.

Giả dối dẫn đến mất uy tín. Khi mất uy tín rồi thì sau này dù có sống thật, làm thực cũng không ai tin. Đó là một sự thiệt thòi và lỗ lã lớn cho chúng ta. Cho nên trong ngành kịch và sân khấu người ta thường có câu: *“Đừng nói giỡn chơi vì sẽ bị tổ trác thật”*. Có một sự thật là, trong ngành kịch và sân khấu, những người nào thường nói đùa, nói chơi, thì khi đến lúc ra sân khấu diễn, một cách vô thức, họ nói ra những điều trái với kịch bản, trái với kế hoạch, làm hỏng hết chương trình mà người ta đã đầu tư rất nhiều thời gian và tiền bạc.

Do đó, không chỉ trong phạm vi nhỏ hẹp của một vài lĩnh vực của đời sống mà trong tất cả trường hợp, ở tất cả lĩnh vực

của cuộc sống, cần phải nói thật, làm thật. Chân thật đưa tới uy tín. Uy tín dễ đưa tới thành công. Giả dối thì chẳng ai tin, dẫn đến khó khăn, khổ đau, bất toại nguyện. Đó là một bài học kinh nghiệm mà chúng ta cần phải rút ra cho cuộc đời mình.

3. Là nạn nhân do tin vào kẻ đạo đức giả

Bồ-tát Hiền Nhân dạy: “*Kẻ ác trong đời lắm khi cũng tự xưng là bậc đạo đức, giả tu khổ hạnh, diễn giải các kinh sách, làm hoa mắt người, nhưng bên trong thì tâm luôn tà ngụy, cầu mong danh lợi, không chút xấu hổ. Người ngu không biết quay về tin phục. Như nước sông ngập lụt, chưa kịp chảy ra biển cả, nên làm hại nhiều người. Chỉ có bậc thánh nhân mới có thể giúp được thiên hạ chuyển hóa nghiệp xấu, siêng làm việc lành, giữ tâm thanh tịnh, mọi người lợi lạc*”.

Việc giả nhân giả nghĩa giống như một cơn nước lụt phá hoại của cải, hoa màu, gây nên nhiều loại bệnh dịch, ảnh hưởng xấu tới đời sống của mọi người. Người giả nhân, giả nghĩa làm cho nhiều người tin và trở thành nạn nhân của họ. Nghiêm trọng hơn, sau đó những nạn nhân này sẽ mất hoàn toàn niềm tin vào con người và cuộc sống, kể cả những người có một đời sống đạo đức thật sự.

Là Phật tử tu theo lời Phật dạy, chúng ta không nên thần tượng một cách thái quá bất kỳ một đối tượng nào, kể cả người tu. Người tu cũng là con người, những con người đang hướng tới một đời sống cao thượng. Do đó, họ cũng có thể có những yếu kém nhất định. Tu học cần phải nương vào những lời dạy của đức Phật. Chỉ có giáo pháp mới mang tính hoàn hảo, không tỳ vết và có khả năng giúp chúng ta hoàn thiện đạo đức, chuyển hóa khổ đau mà thôi.

Tu học mà có thầy hướng dẫn thì càng tốt, nhưng nếu không có thì chúng ta vẫn có thể tu học được. Kể từ năm

1945 cho đến năm 2012, mấy chục năm dài đảng đảng đó, Phật giáo gần như mất tích tại Nghệ An, nhưng các Phật tử ở đó vẫn tiếp tục con đường tu học của mình. Họ tìm đến các tỉnh thành lân cận mà sinh hoạt Phật giáo còn khởi sắc để tu học.

Ngày nay, truyền thông đại chúng phát triển mạnh mẽ, người ta có thể tiếp cận với nguồn tri thức Phật học ở khắp nơi, bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau, thông qua mạng lưới internet. Đó là một thuận lợi rất lớn của người học Phật ở thời đại này.

4. Học lời thánh hiền

Bồ-tát Hiền Nhân dạy: *“Quả báo của nghiệp là rất rõ ràng. Làm dữ bị họa, mọi người đều ghét, không mau thì lâu tai họa ấy sẽ đến. Làm việc ân đức tuy không ai biết nhưng sau này phước lành sẽ trở quả”*.

Đó là cách chứng minh gián tiếp bản chất nhân quả là có thật. Ở đây, chúng ta tạm chấp nhận các bậc hiền triết, minh triết là những người thông thái hơn chúng ta. Họ đã chấp nhận nhân quả, sống với nhân quả góp phần làm hạnh phúc cho con người và cuộc đời bằng nhân quả. Nếu ta có niềm tin vào những bậc hiền triết như thế, ta cũng nên tin theo nhân quả là có thật.

Học thuyết nhân quả được Đức Phật giảng dạy khác với nhân quả của Bà-la-môn giáo. Nhân quả của Bà-la-môn giáo là định nghiệp, nhân quả của Nho giáo là số phận an bài, nhân quả của các tôn giáo nhất thần và đa thần là số phận. Đang khi đạo Phật chủ trương, cũng là một nhân ta có thể tạo ra nhiều hoặc ít quả, thậm chí không có kết quả tùy theo các hỗ trợ duyên thuận và nghịch, nhiều hay ít.

Cho nên, dù nhân quả là có thật, nhưng sự chuyển nghiệp

theo hướng tích cực hơn hoặc xấu hơn cũng là một hiện tượng có thật. Do đó, chúng ta không chấp nhận số phận an bài và đây cũng là sự khác biệt giữa nhân quả Phật giáo và nhân quả của các tôn giáo khác.

III. CÁC TÌNH HUỐNG NHÂN QUẢ

1. Nhân quả kiếp người

Bồ-tát Hiền Nhân dạy: *“Kẻ sống lâu người chết yếu; kẻ bệnh tật người ít bệnh; kẻ xấu xa người tướng hảo; kẻ nghèo hèn người giàu sang; kẻ ngu dại, đui, điếc, câm, ngọng, mù, què, tàn tật..., tất cả đều do nhân quả mà ra”*.

Đó là lời khẳng định rất phù hợp với các kinh do Phật giảng dạy. Mỗi một người đều có nghiệp chung và nghiệp riêng. Nghiệp chung bao gồm: cá tánh, thói quen, lối sống, các hành động thể hiện cụ thể hoặc còn ẩn ủ trong tâm. Nó có cùng mẫu số nghiệp với những người thân cùng huyết thống, với những người cùng lý tưởng, chí hướng, khuynh hướng, đảng phái, triết học, tôn giáo và lập trường. Khi đã tạo ra các nghiệp chung hay nghiệp riêng, sự tương tác của nhân quả bao giờ cũng diễn ra để tạo ra môi trường sống với quả phúc hay quả khổ. Do đó, thay vì chúng ta ganh tỵ về những quả phúc mà người khác đã có, đang có và sẽ có thì theo tinh thần Phật dạy, ta nên xem đó như một tấm gương để nỗ lực tạo tác các nhân lành. Vì quả phúc mà họ đã, đang và sẽ hưởng là do họ đã dày công gieo trồng trước đó. Nhờ lối suy nghĩ tích cực đó ta có cơ hội gieo trồng cho mình các hạt giống tích cực ở hiện tại để ta có cơ hội gặt lấy quả phúc trong tương lai.

Cuộc chiến tranh giữa Mỹ và Việt Nam trước đây đã làm cho rất nhiều thế hệ người Việt Nam bị nhiễm chất độc màu da cam (*dioxin*). Hậu quả là nhiều thế hệ người Việt Nam sanh ra bị dị tật bẩm sinh. Vài chục năm trước sau năm 1975,

những người mê tín dị đoan cho rằng, các chị em phụ nữ sanh con bị dị tật là vì ăn ở ác nhân, ác đức. Thật ra đó là một ngộ nhận. Không chỉ dư luận hay người bên ngoài ngộ nhận mà ngay cả những người thân trong gia đình họ cũng có chung khuynh hướng ngộ nhận như vậy. Điều đó vô tình đẩy chị em phụ nữ, vốn đã khổ đau vì đứa con của mình bị tật nguyên, rơi vào nỗi khổ mặc cảm, tự ti vì nghĩ rằng mình là kẻ ác nhân, thất đức, nhưng trên thực tế, phần lớn họ sống rất hiền lành, nhân đức.

Công bố khoa học về chất độc màu da cam đã giúp cho nhiều chị em phụ nữ sống thoải mái hơn vì biết rằng mình và con của mình chỉ là nạn nhân của chiến tranh, cụ thể là việc người Mỹ sử dụng chất độc này trong chiến tranh ở Việt Nam trước đây.

Chúng ta biết rằng, các phi trường tại Việt Nam hiện nay, đầy dẫy chất độc da cam dưới lòng đất. Truyền thông cho biết, phi trường Đà Nẵng đang nỗ lực tẩy rửa chất độc kinh khủng này. Tuy vậy, người ta cũng cho biết rằng, cũng phải mất bốn đến năm năm nữa toàn bộ chất độc da cam mới có thể được tẩy xóa triệt để khỏi địa điểm này. Ở các phi trường khác, kế hoạch loại bỏ loại chất độc này cũng sẽ được tiến hành sau đó.

Có thể nói, tổn thất kinh tế từ việc đầu tư loại bỏ chất độc da cam do Mỹ thả tại Việt Nam lên đến hàng tỷ đô la. Trong nhiều năm qua, Việt Nam kêu gọi Mỹ bồi thường chiến tranh, đặc biệt là hậu quả do chất độc da cam đã để lại, nhưng Hoa Kỳ đã từ chối và công ty sản xuất hóa chất độc hại này cũng từ chối bồi hoàn cho Việt Nam. Đây là tổn thất rất lớn mà dân tộc Việt Nam đã phải gánh chịu do chiến tranh. Đó là nhân quả ở hiện tại.

Ở đây, các cô cậu bé khi được sinh ra bị tật nguyền không nhất thiết là do nhân xấu nào đó trong quá khứ, mà vì chúng sanh ra và lớn lên trong thời kỳ chiến tranh, bị chất độc ảnh hưởng. Đó là một sự cộng nghiệp, chúng cùng chịu chung kết quả bất hạnh với những nạn nhân khác do chiến tranh gây ra. Đó là nhân quả ở hiện tại này. Do đó, là người tu học theo lời Phật dạy, hiểu rõ nhân quả, chúng ta không nên quy kết tất cả mọi thứ đều có gốc rễ ở quá khứ, tức kiếp trước. Rất nhiều trường hợp nhân quả diễn ra trong hiện tại này.

Tương tự, Bồ-tát Hiền Nhân dạy: *“Những người đức độ, trung chính, hiền từ, có trí tuệ, có từ bi, sống đời đế vương, hào phú và muôn sự hạnh phúc đều là do các nhân phúc đức mà họ đã gieo tạo. Như thế, nhân quả là quá rõ ràng, không do trời định, không phải ngẫu nhiên. Hãy suy nghĩ kỹ, tất cả tốt xấu đều có nhân duyên. Đừng nên làm lạc, phủ định nhân quả”*.

Đó là lời khích lệ, một lời khuyên nhưng cũng là lời cảnh báo. Không phải vô cớ mà nhiều trẻ em sanh ra trong các gia đình tỷ phú kể từ những năm tháng đầu đời. Họ trở thành những người kế thừa một gia tài kếch sù do cha mẹ và người thân để lại, trong khi tại Ấn Độ, sáu trăm triệu người nghèo cùng đinh sống màn trời chiếu đất, nhân phẩm gần như bị chà đạp bởi xã hội phân chia giai cấp. Chắc chắn phải có điều gì đó chi phối hay tác động đến hiện thực đó. Theo Phật giáo, điều chi phối hay tác động đến hiện thực đó chính là quá trình nhân quả.

Chúng ta biết rằng, trong khi những người thuộc giai cấp cao ở Ấn Độ luôn bảo vệ hệ thống đẳng cấp cổ hữu để họ giành lấy các quyền lợi chính trị, kinh tế và dân sự, thì người nghèo thuộc giai cấp cùng đinh của xã hội phải sống một cuộc sống hết sức tồi tệ. Họ bị bóc lột trong những hợp đồng lao động rẻ tiền để việc đầu tư kinh tế của người giàu đạt

được hiệu quả cao hơn. Điều đó có nghĩa là người giàu thì càng ngày càng giàu hơn, trong khi kẻ nghèo thì quanh năm sống trong cảnh cùng khổ, thất học.

Mặt khác, chủ nghĩa ngu dân đã nhồi sọ những thành phần nghèo và thất học, khiến cho phần lớn họ có thái độ chấp nhận sống trong hoàn cảnh như vậy, mà không có bất kỳ phản ứng hay nỗ lực nào nhằm vượt qua hay khắc phục hoàn cảnh hiện tại. Chỉ một số ít trong số đó đã nỗ lực tìm cơ hội đến các trường đại học, trở thành các sinh viên giỏi với những luận án xuất sắc, nhiều phát minh và sáng kiến có giá trị thiết thực, họ có cơ hội được đi ra nước ngoài, có hợp đồng lao động và kết quả là họ đã thay đổi được thân phận bất hạnh, nghèo khó và túng thiếu của mình.

Tại Hoa Kỳ, 60% các bác sĩ và kỹ sư là người Ấn Độ di cư. Như vậy, việc thay đổi không gian sống cũng góp phần trực tiếp thay đổi nghiệp của con người, và do vậy, có thể thay đổi cả vận mệnh con người. Cho nên, một mặt tin vào nhân quả là có thật, nhưng mặt khác chúng ta không thể quy kết hết tất cả cho quá khứ. Phải nối kết nhân quả quá khứ với nhân quả hiện tại để tạo nên nhân quả tương lai bằng nỗ lực của chính bản thân mình. Tất cả điều đó nằm trong tầm tay và kế hoạch của chúng ta.

2. Hãy ăn năn hối lỗi

Bồ-tát Hiền Nhân dạy: *“Bánh xe lăn tròn không ngừng, hạnh nghiệp cứ như thế đẩy họ sanh nơi lành, nơi dữ. Phải tin chắc có nghiệp báo và tội phước, đừng làm những điều gian dối, phải hết sức cẩn thận lánh xa những kẻ ác. Ăn năn, sám hối lỗi lầm. Nếu mọi người làm lành lánh dữ như bản tánh họ, thì trên đời này ai cũng hưởng được quả phước giống nhau. Song người làm ác ở đâu cũng có nên quả báo sai khác”.*

Đó là những cách giải thích “*thiên sai vạn biệt trong sắc giới*”. Tất cả đều do các hành vi tạo tác của con người chứ không do bất kỳ một người nào đó can thiệp, chi phối, sắp xếp. Vấn đề đặt ra là, thay vì chúng ta phớt lờ các hành động xấu thì hãy ghi nhận nó và hậu quả xấu để ta khơi mở cái tâm hồi lỗi, làm lành, chuộc tội, hồi đầu, tìm đến bờ an vui, hạnh phúc. Còn ai đã làm rất nhiều các hành động tốt thì hãy tiếp tục gieo trồng, chăm bón để cho quả tốt được tiếp tục tiếp nối trong tương lai.

IV. NHÂN QUẢ TRONG QUẢN TRỊ QUỐC GIA

Đây là phần liên hệ nhân quả với luật pháp.

1. Pháp luật là nhân quả tương đối

Bồ-tát Hiền Nhân dạy: “*Trong nước thì có vua, vua phải sống tùy thuận theo luật pháp, ủy nhiệm các công tác cho những người hiền, phó thác việc làm cho những bậc tài trí, ban thưởng cho người lành và có công, trừng phạt những kẻ gian ác*”.

Lời nhận xét đó rất gọn nhưng rất có chiều sâu. Thời phong kiến, vua là cán cân của luật pháp. Nhưng ở đây, Hiền Nhân khẳng định một cách dứt khoát, rằng vua cũng phải sống tùy thuận theo luật pháp. Nếu vua không sống tùy thuận luật pháp thì vua không xứng đáng là vua, vì vua tự chà đạp lên những quy tắc đưa tới lợi ích chung của quốc gia. Có thể nói, nếu nhà vua ở đây không phải là một Phật tử, thì câu nói của Hiền Nhân có thể khiến cho ngài phạm vào tội khi quân, một trọng tội có thể đưa tới việc mất mạng. Nhiều chính thể trong lịch sử nhân loại đã đặt mình lên trên luật pháp, giám sát luật pháp, xoay sở luật pháp theo khuynh hướng mình muốn. Phật giáo không đồng tình chuyện đó, sự tiến bộ của con người trong xã hội hiện đại cũng không chấp nhận chuyện đó.

Ở đây, câu nói vua phải tùy thuận theo pháp luật có thể được hiểu mở rộng theo ngôn ngữ hiện đại là, nếu nơi nào luật pháp có thể “sờ gáy”, “nắm đầu” được những người lãnh đạo cao cấp nhất của một quốc gia trong trường hợp họ phạm pháp, thì tại đó công bằng xã hội được công nhận, được thực thi ở mức độ tốt nhất. Còn nơi nào những mặc định về việc thanh tra, hay đánh giá các hành động phi pháp ở cá nhân hay bộ máy lãnh đạo dừng lại ở một điểm nhất định, không đủ sức đưa tới việc thực thi quy phạm pháp luật đối với họ, thì nơi đó công bằng xã hội chỉ là trò đùa. Ngày nay, người ta thường gọi đó công bằng giả hiệu chứ không phải công bằng thật sự.

Hành pháp, tư pháp, lập pháp theo quan điểm *kinh Hiền Nhân* là phải độc lập với nhau. Mặc dù thời điểm của Đức Phật, các quyền này nằm trong tay vua, nhưng bằng trí tuệ và tâm quyết của một người luôn hướng tới việc đem lợi ích đến cho số đông, Hiền Nhân vẫn can đảm nhắc nhở vua rằng làm vua phải sống tùy thuận theo pháp luật. Điều này càng khẳng định Hiền Nhân là một bậc trí đầy bản lĩnh, không sợ hãi trước bất kỳ thế lực nào, dù thế lực đó là vua hay những nhà lãnh đạo cao nhất của một quốc gia.

Tùy thuận pháp luật là một lối sống đúng mà bất kỳ ai cũng phải tuân thủ. Đối với vua hay nhà lãnh đạo của một quốc gia lối sống này càng phải được xem là chuẩn mực đạo đức hàng đầu. Tuy nhiên, về phương diện quản lý đất nước, việc tùy thuận pháp luật của vua chỉ là điều kiện cần mà chưa phải là điều kiện đủ để thiết lập một xã hội công bằng, quốc gia phát triển. Ngoài việc tuân thủ, tùy thuận pháp luật, vua hay nhà lãnh đạo quốc gia còn phải thuần thực trong nghệ thuật sử dụng người. Phải biết chọn lựa nhân tài, ban thưởng những người lành và có công, trừng phạt những kẻ gian ác phá hoại tổ chức.

Thật ra thì luật pháp của quốc gia nào, thời đại nào cũng nhắm đến điều đó. Tuy nhiên, giữa việc biết và thực thi điều đó là một khoảng cách mà không phải bất kỳ quốc gia, thời đại nào cũng có thể làm được. Nhà vua Ty-tiên-nặc trong câu chuyện này là một người theo đạo Phật, ít nhiều có hiểu biết, nhưng do nghe những lời sàm tấu mà dẫn đến tình trạng nội loạn, nhân dân đau khổ, đất nước lâm nguy, xã hội khốn đốn và bất công diễn ra khắp mọi. Hiểu biết là con đường tốt để hạn chế các tệ nạn và tệ đoan, nhưng biết mà không làm thì tệ nạn và tệ đoan vẫn xảy ra như thường. Do đó, lời nhắc nhở của Bồ-tát Hiền Nhân trong trường hợp này rất cần thiết, nó giúp cho nhà vua thức tỉnh, kịp thời thay đổi cách ứng xử của mình đối hoạt động quản lý đất nước.

2. Giao một nhiệm vụ cho nhiều người thì hư việc

Đây là quan điểm rất mới. Bồ-tát Hiền Nhân dạy: *“Thuở xưa, có một ông vua tên là Cầu Lạp, vua có một cái ao trong thành, nuôi nhiều cá ngon ngọt. Nhà vua cử một quan giám ngư giữ gìn ao cá. Mỗi ngày giám ngư dâng vua tám con để vua thưởng thức, nhưng đằng sau lại ăn cắp tám con khác. Biết cá bị mất, nên vua cử thêm tám giám ngư nữa để giữ gìn ao cá. Song tám vị giám ngư mới cấu kết với quan giám ngư cũ, mỗi ngày ăn cắp thêm nhiều cá nữa. Sự thật là người giữ cá càng nhiều, cá bị mất càng lắm. Giao nhiệm vụ cho nhiều người thì nước nhà chỉ thêm rối loạn”*.

Đây là một câu chuyện ẩn dụ rất sâu sắc. Cùng một công việc mà giao cho nhiều người sẽ dẫn đến tình trạng giẫm đạp lên công việc của nhau. Kẻ giẫm đạp sẽ bắt đầu nảy sinh các ý định lấn lướt người còn lại để khẳng định vai trò độc tôn và công lao của mình đối với cấp trên. Điều đó, thường dẫn đến tình trạng cạnh tranh thiếu lành mạnh, thậm chí sẵn sàng

dùng bất kỳ thủ đoạn nào để hãm hại hay loại trừ nhau. Cho nên, công việc giao cho người nào rồi thì hãy tin tưởng để họ phát huy vai trò của họ trong công việc. Công việc của người quản lý, giao việc là giám sát, theo dõi, đôn đốc, góp ý nếu cần để cho kết quả của công việc mình giao ngày càng tốt hơn. Nho gia có câu: “*Nghi nhơn bất dụng, dụng nhơn bất nghi*”. Trong việc dùng người, nếu còn nghi ngờ thì tốt nhất không nên sử dụng họ, vì sử dụng thì trước sau gì cũng dẫn đến tình trạng rắc rối giữa hai bên. Còn nếu đã quyết định dùng người thì không nên nghi ngờ họ, vì làm như thế họ sẽ không thể nào có động lực để đầu tư công sức, thời gian, tâm huyết cho công việc được. Đó là chủ trương rất đúng, rất dứt khoát, rất có giá trị.

Ở đây, nhà vua đã giao ao cá cho kẻ có lòng tham, tức là giao việc không đúng người. Khi đã phát hiện ra vị quan này lén lút ăn trộm cá, thay vì trừng phạt và thay đổi người, nhà vua lại tiếp tục sử dụng người này và đồng thời giao trách nhiệm giữ ao cá cho tám người khác. Điều này tạo nên tình trạng chồng chéo, giẫm đạp công việc của nhau, do đó chắc chắn không mang tới hiệu quả mong muốn. Điều trớ trêu hơn là cả tám người vừa được tuyển đó cũng là những tham quan, do đó hậu quả mất cá ngày càng tăng thêm nhiều lần. Kẻ chống trộm mà ăn trộm thì thủ đoạn sẽ tinh vi hơn, mức độ thất thoát tài sản vì thế cũng to lớn hơn. Cũng giống như cơ quan chống tham nhũng mà lại là đầu mối tham nhũng thì sự tham nhũng đó thật kinh khủng.

Bộ phim *Con bạch tuộc* nói về hệ thống Mafia của Ý hơn hai mươi năm trước là bài học điển hình về kẻ đầu não chống tội phạm lại là nơi bao che và nuôi dưỡng tội phạm. Mafia đó có thể có mặt khắp các Bộ, Sở, Phòng hoặc các cơ quan tương đương, thậm chí trong Chính phủ cấp cao ở nhiều quốc

gia. Cho nên, khi có chính sách trấn áp và tiêu diệt tội phạm, thông qua vai trò của Mafia, những tên tội phạm đã biết trước và tránh được một cách an toàn. Đất nước nào lâm vào hoàn cảnh như thế thì khó phát triển được, vì sự tham nhũng và các hành động trái pháp luật rất tinh vi, có mạng lưới, có hệ thống từ vi mô cho đến vĩ mô. Chặt đầu này nảy sinh ra đầu khác, bịt lỗ này thì xuất hiện ở lỗ kia.

Do đó, giao trách nhiệm hay công việc phải giao đúng người và tin tưởng để người đó có thể đóng góp toàn bộ tâm huyết và năng lực của mình cho công việc. Tránh tình trạng giao một việc cho quá nhiều người, vì như thế chỉ tạo ra tình trạng chồng chéo, giẫm đạp công việc của nhau mà thôi. Không cần phải dùng dao trâu để cắt cỏ gà.

Những kẻ vẽ vờ thường quan trọng quá vấn đề để trực lợi. Khi vi rút cúm A/H1N1 có mặt, tổ chức W.H.O (*World Health Organization* – Tổ chức Y tế Thế giới) đã bị lừa bởi một số công ty dược. Họ khuếch đại tác hại của bệnh, khiến cho W.H.O tin tưởng và thông báo, rằng vi rút cúm A/H1N1 có thể truyền nhiễm và gây nguy hại dẫn đến cái chết cho con người. Khi nỗi sợ hãi đó được gieo rắc bởi Tổ chức sức khỏe Thế giới, nhiều quốc gia phải tốn hàng trăm, hàng tỷ đô la cho việc phòng chống nhằm bảo vệ tính mạng của người dân mình như là một trách nhiệm đạo đức và trách nhiệm luật pháp. Trong khi đó, trên thực tế, tác hại của loại vi rút này không đến mức độ như W.H.O đã cảnh báo.

Sau này, các bác sĩ người Đức đã mạnh dạn tố cáo W.H.O và những công ty dược tạo ra những chất kháng thể chống lại bệnh này. Họ cho rằng, W.H.O và những công ty dược này đã cố tình khuếch đại tác hại của loại vi rút A/H1N1 nhằm mục đích làm giàu. Đó là một sự làm giàu vô đạo đức. Làm giàu trên nỗi đau và sợ hãi của con người.

Một tổ chức của Liên hiệp quốc mà còn bị lũng đoạn và bị đánh lừa thì hưởng chỉ là những tổ chức của các quốc gia nhỏ. Tình trạng đó sẽ xảy ra bất cứ lúc nào nếu chúng ta thiếu cẩn trọng và tin một cách mù quáng vào những người vẽ vời làm cho vấn đề trở nên rắc rối hơn để hưởng lợi.

Hàng ngàn các công trình mới được công bố, đóng góp cho ngành y về các chứng bệnh ung thư, nhưng bệnh ung thư vẫn tiếp tục gia tăng. Cái chết do bệnh ung thư vẫn diễn ra, thậm chí diễn ra trong tình trạng ngày càng tăng trưởng. Nhiều quốc gia phải tốn biết bao nhiêu ngân sách để phục vụ cho các nghiên cứu nhằm tìm kiếm phương pháp chống lại bệnh tật này, nhưng rốt cuộc, vấn đề vẫn chưa được giải quyết như người ta công bố.

Các tổ chức bảo hiểm y tế, sức khỏe, nhân mạng, chống cháy, chống trộm... đều cường điệu hóa cái vai trò bảo hiểm, nhưng thực chất là họ đang gieo các con chip sợ hãi vào trong vô thức và ý thức của con người. Rất nhiều người ở phương Tây, trải qua mấy chục năm, từ lúc lập nghiệp cho đến lúc qua đời, nuôi cái bảo hiểm sợ hãi đó mà chưa từng một lần sử dụng. Nhưng nếu không mua thì họ sợ, họ lo lắng, không an tâm. Cứ như thế, các tổ chức bảo hiểm thế giới làm giàu trên nỗi sợ hãi và đau khổ của con người. Hiện tại, mua bảo hiểm đã trở thành luật. Ở phương Tây ai cũng có bảo hiểm, không có bảo hiểm thì khó sống được.

Do đó, phải có trí tuệ để chúng ta giải phóng các nỗi sợ hãi và phải biết lựa chọn những giải pháp đúng đắn cho các vấn đề trong cuộc sống. Đừng như nhà vua trong câu chuyện trên, thiếu trí tuệ, thiếu niềm tin và phương pháp đã giao cho chín người trông coi một ao cá và cả chín người đó đều là những kẻ trộm cá.

3. Sử dụng hiền tài

Bồ-tát Hiền Nhân dạy: *“Cũng như kẻ hái trái non, ăn đã không có mùi vị lại còn mất giống. Vua trị nước mà không dùng kẻ hiền thì nguy khôn cho đất nước, thiệt hại cho dân, tiếng tăm mất dần, phước phần tổn giảm. Trị nước không nghiêm, trái với luật pháp, làm cho thiên hạ có tâm tranh đoạt, bất ổn xã hội, khác nào kẻ muốn giàu sang mà không dụng trí thì của cải đó mỗi ngày tổn giảm”*.

Không phải thời cận hiện đại mới có kỹ thuật vụ trái cây. Hơn 2.600 năm trước tại Ấn Độ người ta đã biết đến và áp dụng kỹ thuật này. Ở đây, Hiền Nhân nói đến một hiện tượng mà ai cũng phải thừa nhận, đó là ăn trái non, trái chín vù thì mùi vị không ngon, không đủ chất bổ như trái chín trên cành. Ấn dụ đó sánh ví cho việc nhà vua tính già hóa non, tin dùng những kẻ sàm tấu, bắt tài, bắt nhân, thất đức với suy nghĩ họ là những người hiền đức. Kết quả, đất nước lâm vào cảnh bất ổn, đời sống quần chúng nhân dân đói khổ, lầm than.

Làm vua mà không dùng người hiền đức thì không thể phát triển đất nước. Đó là sự thật mà không phải ai cũng dám nói ra. Ở đây, Hiền Nhân đã mạnh dạn nói với vua về hậu quả mà vua phải gánh chịu khi không sử dụng người hiền tài. Đó là việc mất phước báu và tiếng tăm trong tương lai. Ở vào thời đại của kinh, nói như vậy là một thách thức có thể đưa tới bất lợi cho Hiền Nhân. Bởi vì, trong chế độ quân chủ, việc dùng lời ngay thẳng can thiệp vào nội bộ quốc gia là vô cùng nguy hiểm. Người ta chỉ thích nghe những lời siểm nịnh, tăng bốc mang tính giả dối chứ không thích nghe những lời góp ý chân thành hay những phê bình mang tính xây dựng.

Dân gian Việt Nam có câu: *“Tốt khoe xấu che”*. Đó là một tâm lý, một hành động, một lối sống tiêu cực. Khi ta dám

khoe cái tốt thì cái xấu ta phải thừa nhận để khắc phục nó. Đạo Phật dạy chúng ta cách tự nhìn nhận lỗi và mời gọi người khác đánh giá lỗi của mình. Điều đó giúp ta có cơ hội sửa chữa lỗi lầm và trở thành một người hoàn thiện hơn. Thái độ che giấu tội lỗi là một thái độ tiêu cực, nó không giúp chúng ta đi đến việc nhận diện lỗi lầm để khắc phục nó trong tương lai.

Làm vua thì phải chăm lo đời sống cho dân. Làm vua mà dân trong nước rơi vào cảnh lầm than, xã hội bất ổn thì trước hết là lỗi của vua, của các nhà lãnh đạo. Do đó, hành vi biện hộ, đổ thừa hay quy trách nhiệm của nhà vua hay người lãnh đạo cho người khác trong trường hợp này là không phù hợp và rất đáng hổ thẹn. Mặc dù, các quan đại thần và hoàng hậu là người trực tiếp gây ra hậu quả, nhưng với tư cách là người đứng đầu bộ máy quản trị quốc gia, nhà vua phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Nhìn nhận lại việc làm của mình, tìm cách khắc phục là thái độ cần có của mỗi người, nhất là đối với một nhà quản trị quốc gia. Chỉ khi nào hiểu rõ các nguyên nhân dẫn đến tình trạng bất ổn, nguy hại đến xã hội, thì lúc đó chúng ta mới có thể khắc phục tốt hậu quả. Tuy nhiên, để hiểu và phân tích rõ nguyên nhân, nhất là nguyên nhân của các vấn đề xã hội mang tính vĩ mô thì không hề đơn giản. Do đó, vai trò của các người hiền tài trong trường hợp này là rất lớn. Họ có thể giúp vua hay các nhà lãnh đạo tìm ra giải pháp giải quyết các vấn nạn của quốc gia. Do đó, việc chọn lựa, sử dụng nhân tài trong việc quản trị quốc gia là một nghệ thuật đòi hỏi vua hay các nhà lãnh đạo phải thật sự sáng suốt và nhạy bén. Cần phải tránh trường hợp cục bộ địa phương, vùng miền, sắc tộc, màu da, huyết thống... trong việc trưng dụng người hiền tài. Nếu không, rất có thể, vua hay nhà lãnh đạo sẽ tuyển chọn và sử dụng sai người, sai chức năng, gây ra hậu quả

khôn lường đối với sự tồn tại của một đất nước, như trường hợp của vị vua trong kinh này.

4. Khi đất nước suy vong

Hiền Nhân dạy: *“Nước có tướng giỏi, binh nhiều mà không chịu tập chiến trận, không lo lắng kiến thiết nước nhà thì nước ấy dần già sẽ bị hèn yếu”*.

Khi vấn đề biển Đông trong khu vực dấy lên, Việt Nam đã bắt đầu có quyết sách. Học kỳ quân đội được đưa vào giảng dạy trong các trường, ngay cả trường tôn giáo. Các tu sĩ Tăng, Ni đều phải học học kỳ quân đội như bao nhiêu sinh viên ở thế học. Đó là trách nhiệm chung của mỗi công dân trong một quốc gia đang có nguy cơ bị các thế lực bên ngoài uy hiếp. Phải chuẩn bị tất cả những gì cần thiết cho tình hình bất ổn của quốc gia. Đó là việc làm đúng đắn và kịp thời. Chờ đến đất nước lâm nguy mới bắt đầu luyện binh tướng thì chẳng khác nào khát đến nơi mới bắt đầu đào giếng. Nuôi binh hàng trăm năm đôi lúc chỉ phục vụ cho vài ngày, chứa kho thóc vài chục năm chỉ để trị những cơn đói khát trong một khoảng khắc, hay một thời điểm nào đó. Cho nên, mới nhìn có vẻ như là một sự phí phạm nhưng thực chất đó là điều cần thiết.

Các quốc gia nghèo bán sạch sành sanh các tài sản thiên nhiên, các quặng mỏ dưới lòng đất..., tức ăn sạch sành sanh những thứ mình có. Trong khi đó, các quốc gia giàu có tầm nhìn xa như Hoa Kỳ, họ không khai thác các quặng mỏ ở đất nước họ mà dự trữ chúng để dành đến thời điểm khó khăn nhất họ mới khai thác. Chính vì vậy, họ không lâm vào hoàn cảnh cộng nghiệp xấu như những quốc gia nghèo thiếu tầm nhìn.

Muốn thi đỗ đạt cao phải học bài mỗi ngày. Mỗi giờ học trên lớp phải có hai giờ học ở thư viện hoặc tự học ở nhà.

Giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ đã khích lệ chúng ta điều đó và đó là phương pháp học rất hay. Các sinh viên và học sinh học theo mô hình này sẽ không phải đi học thêm ở thầy cô giáo ngoài giờ, vừa tốn tiền, vừa mất thời gian mà hiệu quả chưa chắc đã cao. Cứ tập trung học ở lớp trong các giờ chính quy, những gì không hiểu thì hỏi trực tiếp thầy cô tại lớp, hoặc có thể học lại từ bạn bè, hoặc đọc thêm sách vở trong thư viện. Cách học đó sẽ giúp cho hiệu quả học tập của chúng ta cao hơn nhiều so với cách học thụ động truyền thống trước đây.

Bồ-tát Hiền Nhân dạy: *“Làm vua một nước mà không kính đạo đức, không tôn thờ các bậc hiền trí, thánh nhân, không sử dụng hiền tài thì hiện tại không người giúp đỡ và tương lai không thể hạnh phúc. Hằng ngày giết hại, muôn họ kêu ca thì tai nạn thường xảy ra tới tấp, chết đi để lại tiếng xấu muôn đời. Theo chánh pháp trị dân thì được lòng người, kính thờ bậc tôn trưởng, yêu mến trẻ thơ, hiếu thuận cha mẹ, vâng làm việc lành thì hiện tại an ổn và kiếp sau được hưởng phúc”*.

Vấn đề Bồ-tát Hiền Nhân dạy ở đây dựa trên nền tảng song hành của luật pháp và đạo đức. Luật pháp tạo công bằng xã hội nhưng không thể ngăn chặn một cách hiệu quả các tội phạm. Đạo đức là giáo dục nhân cách và giúp con người tình nguyện sống đúng với các tiêu chuẩn của luật pháp. Nhà nước có thể truyền dạy luật pháp, bảo hộ luật pháp nhưng khó có thể làm tốt công việc giữ gìn đạo đức của xã hội và cộng đồng. Đó là thực tế của nhiều quốc gia trên thế giới.

Làm vua gương mẫu về đạo đức và thực thi pháp luật mới có cơ hội phục vụ tốt cho dân chúng. Ở đây cần thấy rằng, gương mẫu về đạo đức và thực thi pháp luật của nhà vua hay

nhà lãnh đạo không xuất phát từ mưu cầu danh thơm tiếng tốt, dù danh thơm tiếng tốt là cái cần thiết, mà vì mục đích phát triển đất nước, mang lại hạnh phúc cho dân. Kinh nghiệm từ các quốc gia phát triển cho thấy, mở cửa và tạo cơ hội cho giáo dục đạo đức có mặt trong nhà trường, nhất là ở cấp tiểu học là việc làm đúng đắn mang tới hiệu quả cao. Bởi vì, lứa tuổi trẻ thơ như mảnh đất tốt, các hạt giống đạo đức khi được gieo rắc vào mảnh đất ấy sẽ đơm hoa kết trái trong tương lai. Thế hệ mầm non của đất nước đã có nền tảng đạo đức vững chắc thì không lo đất nước không phát triển.

Pháp trị không thôi thì chưa đủ để đất nước yên bình, quốc gia phát triển. Bỏ-tát Hiền Nhân đề nghị, ngoài pháp trị tức là điều chỉnh lối sống bằng luật pháp thì cần phải sử dụng đức trị. Đức trị ở đây chính là chánh pháp, tức đạo đức và chân lý. Đạo đức và chân lý đã trở thành lối sống trong nhân gian thì mọi thành phần trong xã hội sẽ tuân thủ luật pháp một cách rất tự nhiên. Lúc đó, đạo đức và chân lý đóng vai trò hộ pháp bảo hộ luật pháp. Ngược lại, khi luật pháp đóng vai trò hộ pháp bảo hộ thì đạo đức và chân lý sẽ bám rễ sâu hơn trong đời sống xã hội.

Lịch sử cho thấy, khi chánh pháp được ủng hộ bởi một nhà vua thì chánh pháp không ngừng phát triển, xã hội được bình ổn lâu dài, tội phạm sẽ giảm đi, nhà tù không cần phải mọc lên mà đất nước vẫn thịnh trị và phát triển. Ngược lại, khi chánh pháp bị các nhà lãnh đạo công kích, triệt tiêu thì chánh pháp suy tàn, xã hội lâm vào tình hình bất ổn.

Giai đoạn hiện nay, Nhà nước đang tạo cơ hội cho Phật giáo phục hưng, đó là sự nỗ lực đáng khích lệ và tán dương. Quá khứ cần phải khép lại, các sai lầm về chính sách, những bế tắc trong chủ trương đã là quá khứ, không cần phải bới

móc lại nữa. Vấn đề là chúng ta hãy tận dụng các cơ hội và điều kiện thuận lợi hiện có để phục hưng và làm mới lại các giá trị Phật pháp. Vì các giá trị đó thực sự đã, đang và sẽ góp phần đưa tới một quốc gia phát triển ổn định và bền vững lâu dài.

SÁCH ĐỒNG TÁC GIẢ (SÁNG TÁC, SOẠN DỊCH VÀ BIÊN TẬP)

I. SÁCH PHẬT HỌC ỨNG DỤNG

1. ***Thế giới Cực Lạc***. TP. Hồ Chí Minh: NXB Văn Hóa Sài Gòn, 2010, tr. 142.

2. ***Chết đi về đâu***. TP. Hồ Chí Minh: NXB Văn Hóa Sài Gòn, 2010, tr. 126.

3. ***Cẩm nang viết khảo luận, luận văn & luận án***. TP. Hồ Chí Minh: NXB TP. Hồ Chí Minh. 2003, tr. 200.

4. ***Tìm hiểu Kinh bốn mươi hai chương***. Hà Nội: NXB Thời Đại, 2010, tr. 499.

5. ***Phương trời thông dong***. Cà Mau: NXB Phương Đông. 2010, tr. 87.

6. ***Chuyển hóa cảm xúc***. Hà Nội: NXB Thời Đại. 2010, tr. 112.

7. ***Hiểu thương và tùy hỷ***. Hà Nội: NXB Thời Đại, 2010, tr. 174.

8. ***Khủng hoảng tài chánh toàn cầu qua cái nhìn Phật giáo***. Hải Phòng: NXB Hải Phòng, 2009, tr. 152.

9. ***Không có kẻ thù***. Hà Nội: NXB Thời Đại, 2010, tr. 121.

10. ***Chuyển hóa sân hận***. Cà Mau: NXB Phương Đông, 2010, tr. 180.

11. ***Đổi diện cái chết***. Hà Nội: NXB Thời Đại, 2010, tr. 169.

12. ***Quay đầu là bờ***. Cà Mau: NXB Phương Đông, 2010, tr. 202.

13. ***Hạnh phúc giữa đời thường***. Cà Mau: NXB Phương Đông, 2010, tr. vi + 194.

14. ***Con đường an vui***. Cà Mau: NXB Phương Đông, 2010, tr. 168.

15. ***Hạnh phúc trong tâm tay***. Cà Mau: NXB Phương Đông, 2010, tr. 149.

16. ***Đôi dép: Triết lý về hạnh phúc hôn nhân***. Cà Mau: NXB Phương Đông, 2010, tr. 178.

17. ***Phật giáo và thời đại***. Cà Mau: NXB Phương Đông, 2011, tr. 171.

18. ***Hạnh phúc tuổi già***. Cà Mau: NXB Phương Đông, 2011, tr. 130.

19. ***Sống vui sống khỏe***. Cà Mau: NXB Phương Đông, 2012, tr. 124.

20. ***10 điều tâm niệm***. Hà Nội: NXB Hồng Đức, 2012, tr. 128.

21. ***14 điều Phật dạy***. Hà Nội: NXB Hồng Đức, 2012, tr. 117.

22. ***Con đường chuyển hóa: Ứng dụng Bát chánh đạo trong cuộc sống***. Hà Nội: NXB Hồng Đức, 2012, tr. 208.

23. ***Tám điều giác ngộ: Ứng dụng Kinh bát đại nhân giác trong cuộc sống***. Hà Nội: NXB Hồng Đức, 2012, tr. 194.

24. ***Tinh hoa trí tuệ: Ứng dụng Bát-nhã tâm kinh trong cuộc sống***. Hà Nội: NXB Hồng Đức, 2012, tr. 266.

25. ***Để gió cuốn đi: Các nhạc khúc nuôi lớn lòng vị tha***. Hà Nội: NXB Hồng Đức, 2012, tr. 94.

26. ***Đừng vì tiền phụ nghĩa, quên tình***. Hà Nội: NXB Hồng Đức, 2012, tr. 106.

27. ***Chùa Ấn Quang: Danh thắng và Di tích lịch sử***. Cà Mau: NXB Phương Đông, 2012, tr. 60.

28. *100 điều đạo đức tại gia và Nghi thức quy y Tam Bảo*. Cà Mau: NXB Phương Đông, 2012, tr. 84.

29. *Gia đình xã hội và tâm linh: Ứng dụng Kinh Thiện Sanh trong cuộc sống*. Hà Nội: NXB Hồng Đức, 2012, tr. 172.

30. *423 lời vàng của Phật (Kinh Pháp Cú)*. Hà Nội: NXB Hồng Đức, 2013, tr. 144.

31. *Cẩm nang thực tập chánh niệm và khuyến tu*. Hà Nội: NXB Hồng Đức, 2013, tr. 174.

32. *Chánh niệm trong từng cử chỉ: Ứng dụng Tỳ-ni nhật dụng trong cuộc sống*. Hà Nội: NXB Hồng Đức, 2013, tr. 238.

33. *Chữ hiếu trong đạo Phật*. Hà Nội: NXB Hồng Đức, 2013, tr. 96.

34. *Chuyển hóa sáu nghiệp giác quan*. Hà Nội: NXB Hồng Đức, 2013, tr. 196.

35. *Đối thoại triết học giữa nhà vua và nhà sư: Ứng dụng Kinh Na-tiên trong cuộc sống*. Cà Mau: NXB Phương Đông, 2014, tr. 236.

36. *Mê tín chánh tín*. Cà Mau: NXB Phương Đông, 2014, tr. 258.

37. *Nghệ thuật ứng xử: Ứng dụng Kinh Hiền Nhân trong quản trị và giao tiếp*. Cà Mau: NXB Phương Đông, 2014 tr. 326.

39. *Sổ tay sinh hoạt giới trẻ*. Hà Nội: NXB Hồng Đức, 2013.

40. *Phê bình “Ký sự hành hương đất Phật của Phan Thiết”* (CA: Giao Điểm, 2000)

41. *Từ điển Phật học Huệ Quang* (thư ký biên tập, 1991-1994)

42. Tập chí *Tư tưởng Phật giáo* (chủ biên, TP. Hồ Chí Minh: Chùa Giác Ngộ, 1991).

43. Tập thơ *“Ngược dòng thế giới”* (TP. Hồ Chí Minh: Chùa Giác Ngộ, 2002)

44. Tập thơ **“Hành trang tặng đời”** (TP. Hồ Chí Minh: Chùa Giác Ngộ, 2002)

45. Tập thơ **“Từng bước thanh thời”** (TP. Hồ Chí Minh: Chùa Giác Ngộ, 2003)

46. Tập thơ **“Một cõi đi về”** (TP. Hồ Chí Minh: Chùa Giác Ngộ, 2003)

II. NGHI THỨC VÀ KINH TỤNG (Soạn dịch và biên tập)

1. **Kinh tụng hằng ngày**. Hà Nội: NXB Tôn Giáo, 2005, tr. xxxii + 992.

2. **Nghi thức tụng niệm**. Cà Mau: NXB Phương Đông, 2011, tr. xx + 390.

3. **Kinh Địa Tạng**. Hà Nội: NXB Tôn Giáo, 2008, tr. 154.

4. **Kinh lời dạy cuối cùng của Đức Phật**. Hà Nội: NXB Tôn Giáo, 2009, tr. 62.

5. **Nghi thức thập chú**. Hà Nội: NXB Tôn Giáo, 2010, tr. 30.

6. **Kinh Vu-lan báo hiếu**, Thích Tuệ Đăng dịch. Hà Nội: NXB Tôn Giáo, 2006, tr. xvii + 62.

7. **Nghi thức Phật dẫn**. Hà Nội: NXB Tôn Giáo, 2006, tr. 48.

8. **Nghi thức Sám-hối**. Hà Nội: NXB Tôn Giáo, 2005, tr. 52.

9. **Kinh Phổ Môn**. Hà Nội: NXB Tôn Giáo, 2005, tr. 32.

10. **Kinh Dược Sư**. Hà Nội: NXB Tôn Giáo, 2005, tr. 36.

11. **Kinh A Di Đà**. Hà Nội: NXB Tôn Giáo, 2005, tr. 34.

12. **Kinh từ tâm và phước đức**. Hà Nội: NXB Tôn Giáo, 2009, tr. 42.

13. **Nghi thức xuất gia**. TP. Hồ Chí Minh, NXB Tổng Hợp, 2010, tr. 20.

14. **Nghi thức lễ thành hôn**. TP. Hồ Chí Minh: NXB Tổng Hợp, 2010, tr. 20.

15. *Nghi thức quy y Tam bảo*. Cà Mau: NXB Phương Đông, 2011, tr. 28.

16. *Nghi thức phóng sanh*. Cà Mau: NXB Phương Đông, 2011, tr. 10.

17. *Nghi thức chúc Tết Nguyên đán*. Cà Mau: NXB Phương Đông, 2011, tr. 24.

18. *Nghi thức an vị Phật*. Cà Mau: NXB Phương Đông, 2011, tr. 19.

19. *Nghi thức hô chuông*. Cà Mau: NXB Phương Đông, 2011, tr. 22.

20. *Kinh Phật cho người mới bắt đầu*. Hà Nội: NXB Hồng Đức, 2013, tr. 124.

21. *Kinh Phật cho người tại gia*. Cà Mau: NXB Phương Đông, 2013, tr.800.

III. SÁCH ĐỒNG TÁC GIẢ/ ĐỒNG BIÊN TẬP

1. *Cải đạo châu Á* (viết chung với các tác giả khác, USA, NXB Giao Điểm, 2000)

2. *Vạch trần âm mưu phá ngấm Phật giáo* (với GS. Trần Chung Ngọc, USA, NXB. Giao Điểm, 2000)

3. *Bồ-tát Thích Quảng Đức: Ngọn lửa và trái tim* (thư ký biên tập, NXB TP.HCM, 2005)

4. *Văn học Phật giáo với 1000 năm Thăng Long* (thư ký biên tập, NXB Văn hóa – Thông tin, 2010)

5. *Pháp nạn Phật giáo năm 1963: Nguyên nhân, bản chất và tiến trình* (đồng chủ biên với NNC. Nguyễn Kha, NXB Hồng Đức, 2013), tr. 673.

6. *Nhìn lại phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963* (đồng chủ biên với PGS. Nguyễn Công Lý, Cà Mau, NXB Phương Đông, 2013), tr. 618.

7. **Bồ-tát Thích Quảng Đức: Cuộc đời và lửa từ bi.** (với GS. Nguyễn Tri Ân). Cà Mau: NXB Phương Đông, 2013, tr. 172.

IV. SÁCH TIẾNG ANH ĐÃ XUẤT BẢN

1. ***Buddhist Soteriological Ethics: A Study of the Buddha's Central Teachings***, Sai Gon: Oriental Press, 2011.

2. ***Inner Freedom: A Spiritual Journey for Jail Innates***, Sai Gon: Oriental Press, 2011.

3. Thích Nhất Tu and Vo Van Tuong., ***Sacred Buddhist Places in India and Nepal*** (Hanoi, Culture and Information Press, 2008)

4. Le Manh That and Thích Nhất Tu (Ed), ***Family Problems and Buddhist Response*** (Hanoi, Culture and Information Press, 2008)

5. Le Manh That and Thích Nhất Tu (Ed), ***Care for Environment – Buddhist Response to Climate Change*** (Hanoi, Culture and Information Press, 2008)

6. Le Manh That and Thích Nhất Tu (Ed), ***War, Conflict and Healing: A Buddhist Perspective*** (Hanoi, Culture and Information Press, 2008)

V. SÁCH TIẾNG ANH ĐÃ XUẤT BẢN

- *Nature of Brāhmanical, Bramanic and Buddhist Ethics*
- *Buddha's Teachings on Society and Natural World*
- *Buddhist Ethics as Sila and Duties*
- *Buddhist Kammic and Psycholoical Ethics*
- *Buddhist Noble Persons.*

Liên kết xuất bản

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KHAI TUỆ
92 Nguyễn Chí Thanh, P.3, Q.10, TP.Hồ Chí Minh

■ **NGHỆ THUẬT ỨNG XỬ - ỨNG DỤNG KINH HIỆN NHÂN**
TRONG GIAO TIẾP VÀ QUẢN TRỊ

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập: Quang Thắng

Biên tập nội dung: Trần Thị Minh Như

Sửa bản in: Quang Xuân

Bìa: Ngọc Ánh

In 1.000 bản, khổ 14x20cm

tại Công ty CP in Người Lao Động

195 Lê Quang Sung, P.6, Q.6, TP. Hồ Chí Minh

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 994-2017/CXBIPH/27-33/PĐ

Cục xuất bản, In và Phát hành ký ngày 04 tháng 04 năm 2017

Quyết định xuất bản số: 162/QĐ-NXBPD, ngày 09 tháng 04 năm 2017

In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2017

ISBN: 978-604-63-1746-3